

ERICH MARIA REMARKQUE

Tiểu thuyết



Đường Về

VŨ HƯƠNG GIANG dịch

nhà xuất bản văn học **vh**  **DONGA**

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

ĐƯỜNG VỀ

Tác giả: Erich Maria Remarque

Dịch giả: Vũ Hương Giang

Nhà xuất bản: NXB Văn học

Công ty phát hành: Đông A

Ngày xuất bản: 05/2017

Số hóa: tudonald78



SACHMOL.NET



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỠI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

DER WEG ZURÜCK

Der Weg Zurück © 1931 hy New York University, successor-in-interest to the literary rights of The Estate of the Late Paulette Goddard Remarque.

Dịch từ nguyên bản tiếng Đức.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty cổ phần Văn hóa Đông A, 2017.

Mọi tác quyền đều đã được bảo hộ. Không phần nào của tác phẩm này có thể được tái bản, sử dụng hay lưu truyền dưới bất kì hình thức hay bằng bất cứ phương tiện nào từ

điện tử, máy móc, sao chép, ghi âm cho đến các hình thức khác khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của người nắm giữ tác quyền.

ERICH MARIA REMARQUE.

Cuộc đời và tác phẩm.

Đối với nhiều độc giả, Erich Maria Remarque là một con người bí ẩn và đầy mâu thuẫn. Cả đời ông viết về những nhân vật bình dị với những câu chuyện chân thật và cảm động, nhưng bản thân ông lại theo đuổi những ham mê phù phiếm, thích giao du với giới thượng lưu, ái mộ các minh tinh màn bạc... Được ưu ái gọi là "thiên sứ ghi chép về chiến tranh" nhưng có lẽ ông chỉ đang thực hiện những cuộc trở về cả trong hiện thực lẫn nơi tâm tưởng.

Remarque sinh ngày 22/6/1898 tại thành phố Osnabrück, thuộc miền tây nước Đức. Trưởng thành trong gia cảnh thiếu thốn, nên ngay từ thuở nhỏ Remarque đã phải tự mình làm việc kiếm tiền để đóng học phí. Tuy nhiên, điều đó không ngăn được cậu thiếu niên có tâm hồn lãng mạn, dào dạt tình yêu này đến với văn chương. Ở tuổi mười sáu, Remarque đã tập tành viết lách, ban đầu là một số bài tiểu luận và thơ, về sau là các bài viết đăng trên tờ báo của thành phố. Cậu cũng bắt tay vào viết bản thảo cuốn tiểu thuyết đầu tiên *Die Traumbude*.

Năm 1914, Thế chiến thứ nhất bùng nổ đã thay đổi cuộc đời Remarque mãi mãi. Mười tám tuổi, anh bị gọi nhập ngũ khi đang là sinh viên trường sư phạm. Không lâu sau khi ra mặt trận, Remarque bị thương phải về hậu phương nằm viện và trở lại chiến trường vào những ngày cuối cùng của cuộc chiến.

Chiến tranh kết thúc nhưng nỗi khủng khiếp của nó thì đeo đẳng Remarque đến hết cuộc đời.

Năm 1919, Remarque quay lại hoàn thành chương trình đại học rồi trở thành giáo viên nhưng đã xin thôi việc ngay. Ông bắt đầu chuỗi ngày xoay xở kiếm sống bằng việc chơi đàn tại một viện tâm thần, bán vải, rồi thậm chí là khắc bia mộ, lái xe đua, những công việc mà về sau đều được ông đưa vào các tác phẩm của mình. Song song đó, ông vẫn tiếp tục theo đuổi việc viết văn, viết báo; tuy nhiên, văn nghiệp thời kì đầu cũng trắc trở như chính cuộc đời khi tác phẩm đầu tay *Die Traumbude* xuất bản năm 1920 chẳng được mấy ai biết đến. Mãi đến năm 1924, cuộc sống của ông mới khởi sắc khi đầu quân cho tạp chí *Sport im Bild* ở vị trí phóng viên và trợ lý biên tập. Năm 1927, ông cho ra mắt tiểu thuyết thứ hai, *Station am Horizont* dưới hình thức đăng dài kì trên tạp chí này. Thật không may, tác phẩm cũng không gây được sự chú ý.

Nhưng tất cả đã thay đổi khi *Phía Tây không có gì lạ (Im Westen nichts Neues)* ra mắt vào năm 1929. Những mô tả chân thực về chiến tranh được cô đọng từ chính những trải nghiệm của tác giả đã giúp cuốn tiểu thuyết thứ ba của Remarque được đón nhận nồng nhiệt ở nhiều quốc gia. Chỉ trong vòng 18 tháng, cuốn sách đã được dịch ra 22 thứ tiếng và bán được 2,5 triệu bản. Ngay sau đó tác phẩm được Hollywood chuyển thể thành phim và lập tức đoạt hai giải Oscar, một dành cho Phim hay nhất và một dành cho Đạo diễn xuất sắc nhất. Trên văn đàn thế giới, cái tên Erich Maria Remarque bỗng chốc vụt sáng như một ngôi sao. Năm 1931, Remarque được đề cử giải Nobel Văn chương và Hòa bình.

Năm 1933 sự nghiệp văn chương và cuộc đời của Remarque lại một lần nữa bị thử thách khi chính quyền quốc xã đương thời cấm lưu hành *Phía Tây không có gì lạ* và phần tiếp theo của nó, *Đường về (Der Weg zurück)* xuất bản năm 1931, vì cái gọi là "tư tưởng chủ bại" trong các tác phẩm này.

Các ấn phẩm này sau đó còn bị tiêu hủy trong các cuộc đốt sách công

khai khiến Remarque buộc phải rời khỏi Đức, chuyển sang sống tại thị trấn Porto Ronco của Thụy Sĩ. Dù vậy, ông vẫn tiếp tục viết sách về những con người đã trực tiếp tham gia và nếm trải sự tàn khốc của chiến tranh. Năm 1936, tiểu thuyết *Ba người bạn (Drei Kameraden)* ra đời, kể về cuộc sống của những người lính thời kì hậu chiến khiến Remarque chính thức bị tước quyền công dân Đức vào năm 1938. Những năm sau, ông lưu lạc giữa Hoa Kỳ và một số nước châu Âu, cho đến khi chính thức cư trú tại Thụy Sĩ từ năm 1948.

Chính trong giai đoạn này, Remarque đã tìm thấy chất liệu mới cho các sáng tác tiếp theo của mình với các thiên truyện đầy bi ai về thân phận những mảnh đời lưu vong. *Khải Hoàn Môn (Arc de Triomphe - 1945)* hay *Đêm Lisbon (Die Nacht von Lissabon - 1962)* là những tác phẩm tiêu biểu cho đề tài này. Và cùng với *Lửa thương yêu, lửa ngục tù (Der Funke Leben - 1952)*, *Thời gian để sống và then gian để chết (Zeit zu leben und Zeit zu sterben - 1954)*, *Bia mộ đen (Der schwarze Obelisk - 1956)*... giai đoạn sáng tác hậu Thế chiến thứ hai của Remarque đã thành công rực rỡ khi các sáng tác của ông liên tiếp được đón nhận. Đến năm 1971, tiểu thuyết cuối cùng của Remarque *Bóng tối thiên đường (Schatten im Paradies)* ra mắt.

Remarque *Bóng tối thiên đường (Schatten im Paradies)* ra mắt. Trong tiểu thuyết này, độc giả được dịp gặp lại một số nhân vật trong các tác phẩm trước đó. Họ cùng tìm đến Hoa Kỳ, miền đất hứa của những cánh chim tị nạn, nhưng trong lòng vẫn đau đáu nỗi hoài nhớ quê hương, như chính nỗi niềm tha hương của tác giả, dù cho đến cuối đời ông vẫn không quay về xứ sở của mình.

Tại Việt Nam, Remarque bắt đầu được bạn đọc biết đến từ năm 1962

qua bản dịch *Phía Tây không có gì lạ* của Lê Huy, rồi sau đó các tác phẩm khác của nhà văn lần lượt được chuyển ngữ ở cả hai miền Nam, Bắc. Cho đến nay đã có tổng cộng khoảng hai mươi bản dịch của chín tác phẩm Remarque, trong đó có cuốn có tới bốn bản dịch với các tựa khác nhau như

Phía Tây không có gì lạ. Qua các tác phẩm này, độc giả Việt Nam đã bị rung động bởi thứ văn chương của những tâm hồn non nớt tinh khôi, chưa kịp trưởng thành đã vội vàng già cỗi, chưa kịp thấy cuộc đời tươi đẹp đã thấu suốt tang thương. Nhiều thế hệ đã cùng bầu bạn và trưởng thành với những nhân vật của Remarque; những nhân vật luôn ấp ủ niềm thương nhớ về một thế gian bất biến, cái thế gian chàng thanh niên Remarque đã vĩnh biệt khi vừa tròn mười tám niên hoa.

Để tái hiện lại thế giới ấy của Remarque, chúng tôi quyết định tái bản các tác phẩm tiêu biểu của ông. Đây là tám bản dịch được yêu thích nhất chọn lọc qua toàn bộ các bản dịch đã xuất hiện ở Việt Nam. Bên cạnh đó, cũng nhân dịp này, chúng tôi xin giới thiệu bản dịch *Phía Tây không có gì lạ* hoàn toàn mới, cùng tác phẩm lần đầu tiên ra mắt ở Việt Nam là *Đường về*, đều được dịch từ nguyên bản tiếng Đức bởi dịch giả Vũ Hương Giang, người đã chuyển ngữ thành công tác phẩm *Ba người bạn*. Như thế, với bộ hợp tuyển này, hi vọng bạn đọc sẽ có cơ hội thưởng thức trọn vẹn tài năng văn chương của một trong những nhà văn Đức được yêu mến nhất thế kỉ

CÔNG TY ĐÔNG A

Danh sách các tác phẩm của Remarque đã xuất bản tại Việt Nam.

Tựa gốc tiếng Đức (tên tiếng Anh) và các bản dịch.

1. Im Westen nichts Neues - 1929 (All quiet on the Westem front)
 - Phía Tây không có gì lạ, Lê Huy dịch, Nxb. Văn hóa 1962; Nxb. Văn học 1996,2002; Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh 2001.
 - Mùa thu cuối cùng, Trương Đình Thụy và Trần Tuấn Kiệt dịch, Gió Bốn Phương, Sài Gòn 1968.
 - Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh, Phạm Trọng Khôi dịch, Lá Bối, Sài Gòn 1969.
 - Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh, Tâm Nguyễn dịch, Kinh Thi, Sài Gòn 1973.
 - Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh, Huệ Phi và Bích Huệ dịch từ bản lược dịch của Colin Swatridge, Nxb. Văn học 2000.

2. Drei Kameraden - 1936 (Three Comrades)
 - Chiến hữu, Tâm Nguyễn dịch, Kinh Thi, Sài Gòn 1972.
 - **Ba người bạn**, Vũ Hương Giang dịch, Nxb. Văn học 1988, 2001; Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh 2001.

3. Liebe Deinen Nächsten - 1939 (Flotsam)
 - Bản du cu cuối cùng của loài người không còn đất sống, Vũ Kim Thư dịch, Đất Sống, Sài Gòn 1973; Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh 1989.
 - **Bản du ca cuối cùng**, Vũ Kim Thư dịch, Nxb. Văn nghệ Tp, Hồ Chí Minh 1997, 2000.

4. Arc de Triomphe - 1945 (Arch of Triumph)
 - Tình yêu bên vực thăm, Huỳnh Phan Anh dịch, Ngày Mới, Sài Gòn

1973; Nxb. Trẻ 1998.

- **Khải Hoàn Môn**, Cao Xuân Hạo dịch, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang 1988; Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh 2002; Nxb. Văn học 2001; Nxb Hội Nhà văn 2011; Nxb. Thời Đại 2012.

- Khải Hoàn Môn (bản rút gọn), Huỳnh Phan Anh dịch, Nxb. Đồng Nai 1999.

5. Der Funke Leben - 1952 (Spark of Life)

- **Lửa thương yêu, lửa ngục tù**, Vũ Kim Thư dịch, Phù Sa, Sài Gòn 1973.

6. Zeit zu leben und Zeit zu sterben - 1954 (A Time to Love and a Time to Die)

- Một thời để yêu và một thời để chết, Cô Liêu dịch, An Tiêm, Sài Gòn 1969, 1970, 1972, 1973; Nxb. Văn học 2000.

- **Thời gian để sống và thời gian để chết**, Lê Phát dịch, Nxb. Văn học 1985, 1986.

- Thời gian để sống & thời gian để chết, Lê Phát dịch, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh 2001.

7. Der schwarze Obelisk - 1956 (The Black Obelisk)

- Đài tưởng niệm đen câu bày điều hâu gãy cánh, Vũ Kim Thư dịch, Đất sống, Sài Gòn 1973.

- Bia mộ đen và bày điều hâu gãy cánh, Vũ Kim Thư dịch, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang 1990.

- Bia mộ đen & bày điều hâu gãy cánh, Vũ Kim Thư dịch, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh 2001.

- **Bia mộ đen**, Vũ Kim Thư dịch, Nxb. Văn học 2002.

- Đài tưởng niệm đen của bảy điều hâu gầy cánh, Vũ Kim Thu dịch, Nxb. Văn học 2003.

- Bìa mộ đen, Tâm Nguyễn dịch, Kinh Thi, Sài Gòn 1973.

8. Die Nacht von Lissabon - 1962 (The Night in Lisbon

- Bóng tối ở cuối đường, Võ Đình Lân dịch, Thư Uyển, Sài Gòn 1974.

- **Đêm Lisbon**, Lê Khánh dịch, Nguyễn Huân hiệu đính, Nxb. Tổng hợp Phú Khánh 1988; Nxb. Văn học 2001.

9. Schatten im Paradies - 1971 (Shadows in Paradise)

- **Bóng tối thiên đường**, Tô Hoàng dịch, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh 1990; Nxb. Văn học 2002.

Được in đậm là tên những bản dịch Đông A lựa chọn tái bản.

MỞ ĐẦU.

Đám lính còn sót lại của trung đội hai nằm nửa thức nửa ngủ trong chiến hào tan nát vì đạn pháo sau tuyến lửa.

"Trái phá gì mà kỳ quái!" Jupp nói.

"Sao cơ?" Ferdinand Kosole nhồm lên hỏi.

"Thử nghe đi!" Jupp đáp.

Kosole khum tay lên tai nghe ngóng. Và cả lũ chúng tôi cùng lắng tai vào màn đêm. Nhưng chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng nổ ì ầm của đại bác và tiếng rít của trái phá. Từ phía bên phải chỉ còn vọng đến tiếng súng máy tạch tạch và thi thoảng một tiếng kêu đơn độc. Nhưng chúng tôi đã quen với tất cả những thứ này từ nhiều năm nay, nên làm quái gì mà phải há hốc mồm ra như thế.

Kosole nhìn Jupp ngờ vực.

"Nó vừa dừng tức thì rồi," anh chàng kia lúng túng phân bua.

Kosole nhìn bạn lần nữa đầy dò xét. Nhưng vì Jupp vẫn tỉnh bơ, anh quay đi càu nhàu: "Có mà bụng cậu sôi réo, chứ trái phá mẹ gì. Cứ ngủ đây mắt đi có hơn không."

Vừa nói Kosole vừa vổ vổ đất thành hình cái gói và thận trọng nằm duỗi dài sao cho đôi ủng không thể tuột xuống nước. "Khi thật, trong khi ở nhà mình có hẳn một cô vợ và một cái giường đôi," anh làu bàu, mắt đã díp lại.

"Sẽ có một gã nào đó nằm ghé tí,' Jupp nói chớ ra trong xó của mình.

Kosole hé một mắt, ném cho Jupp cái nhìn sắc lạnh. Có vẻ như anh định chồm dậy. Nhưng anh chỉ gầm gừ: "Tao chẳng khuyên cô ta làm vậy,

cái đồ cú vọ nhà mày!"

Liền sau đó anh đã cất tiếng ngáy.

Jupp ra hiệu cho tôi qua chỗ anh ta. Tôi bò qua đôi ủng của Adolf Bethke và ngồi xuống bên Jupp. Cẩn thận ngó chừng anh chàng đang ngáy ngon lành, Jupp nói vẻ cay độc: "Cái ngữ ấy chả có tí học thức nào, nói để cậu biết."

Trước chiến tranh Jupp từng làm thư ký cho một luật sư ở Köln. Mặc dù đi lính đã ba năm, anh ta vẫn giữ một tâm hồn nhạy cảm; và vẫn rất xem trọng việc tỏ ra là người có học thức ngoài chiến trường. Điều ấy thực sự có nghĩa gì, cố nhiên chính Jupp cũng chẳng rõ, nhưng trong tất cả những thứ trước kia anh ta đã từng nghe thì riêng cái từ "học thức" lại bắt rễ trong đầu anh ta, và anh ta bám chặt lấy nó như chết đuối vớ được cọc. Thật ra ai ở đây cũng có thứ gì đó đại loại như vậy: người này là vợ, người kia là cửa hiệu, kẻ nọ lại là đôi ủng, với Valentin Laher là rượu, còn với Tjaden đó là ước muốn được một lần nữa chén đầy bụng món đậu nấu mỡ muối.

Ngược lại, Kosole bao giờ cũng dị ứng với từ "học thức", với anh cái từ đó luôn liên quan đến lũ mặc áo cổ cồn, mà thế là quá đủ. Nên lúc này dù đang ngủ anh vẫn cau tiết. Vừa ngáy anh vừa văng ra cộc lốc: "Rõ cái đồng phân sặc mùi thư lại!"

Jupp lắc đầu vẻ nhản nhịn và cao thượng. Chúng tôi im lặng ngồi sát bên nhau hồi lâu để sưởi ấm. Đêm lạnh và ẩm ướt, mây mù bao phủ, đôi lúc có mưa. Khi mưa, chúng tôi lôi những tấm vải bạt đang lót dưới người lên che đầu.

Chân trời lóa sáng ánh lửa đạn. cảm giác dường như ở đó không lạnh như nơi đây, trông vui mắt dễ chịu thể cơ mà. Những trái phá bay vút lên trên những loạt pháo sáng, tựa những bông hoa sặc sỡ lấp lánh ánh bạc.

Mặt trăng khổng lồ, đỏ ối lững lờ trôi trong sương mù bên trên những

đồng đồ nát của một nông trại.

"Cậu có nghĩ là bọn mình sẽ về nhà không?" Jupp thì thầm.

Tôi nhún vai. "Thì nghe nói thế..."

Jupp thở dài. "Một căn phòng ấm áp, có ghế sofa, buổi tối đi chơi..."

Cậu còn hình dung nổi hay không?"

"Lần về phép gần đây nhất, em đã thử lại những bộ thường phục của mình," tôi trầm ngâm nói, "nhưng đều chật quá rồi. Có lẽ sẽ phải sắm quần áo mới."

Những từ: thường phục, sofa, buổi tối... vang lên nơi đây nghe sao lạ lẫm thế chứ. Những ý nghĩ kỳ quái nảy ra trong đầu... Giống như thứ cà phê đen đôi khi nặng vị thiếc và gỉ sắt đến nỗi vừa uống vào sẽ lập tức ọe ra nóng rẫy.

Jupp mơ màng ngoáy mũi. "Ui chao, những quầy hàng... những quán cà phê... và đàn bà..."

"Thôi nào, hãy cứ mong anh thoát khỏi đồng cứt này trước đã," tôi nói và hà hơi lên đôi tay lạnh cóng.

"Cậu nói phải." Jupp kéo tấm vải bạt trùm lên đôi vai gầy guộc nhô cao của mình. "Trở về cậu sẽ làm gì?"

Tôi cười. "Em hả? Có lẽ phải quay lại trường học. Cả em, cả Willy, cả Albert... thậm chí cả thằng Ludwig đằng kia nữa." Tôi chỉ về phía sau, nơi có kẻ đắp hai chiếc áo choàng nằm ngay trước một công sự vỡ nát.

"Ồ, quý thật! Nhưng tất nhiên các cậu sẽ nhổ toẹt vào việc học hành chứ?" Jupp hỏi.

"Làm sao em biết được? Có thể sẽ không nhổ được ấy chứ," tôi đáp, chính mình cũng không hiểu vì sao lại nổi giận.

Thân người dưới mấy tấm áo choàng động đậy. Một gương mặt gầy gò,

nhọt nhạt thò ra và rên lên khe khẽ. Đó là bạn học của tôi, trung úy Ludwig Breyer, trung đội trưởng của bọn tôi. Đã mấy tuần nay cậu ấy bị tháo tống ra máu. Chắc chắn cậu ấy đang bị kiệt li, nhưng nhất quyết không chịu quay lại bệnh xá. Cậu ấy muốn ở lại cùng bọn tôi, vì cả bọn đang ngóng đợi đình chiến, hòa bình rồi bọn tôi sẽ mang cậu ấy theo. Các quân y viện đều đầy ắp, chẳng ai quan tâm thực sự đến thương bệnh binh, và hễ ai nằm xuống một chiếc giường ở đây thì coi như đã thò một chân xuống mồ. Khi xung quanh bạn đầy rẫy người đang chết, và bạn đơn độc lọt thỏm giữa bọn họ... thì cái chết lây nhiễm nhanh lắm, bạn chưa kịp hiểu gì đã nghèo rồi. Max Weil, y tá của trung đội, kiếm được cho Breyer một thứ như là thạch cao lỏng. Breyer ngón hết để đổ đặc ruột và ngừng tháo dạ. Ấy thế mà mỗi ngày cậu ấy vẫn phải tụt quần đến hai ba chục lần.

Ngay lúc này cậu ấy lại quẩn lên. Tôi dìu cậu ấy đi vòng ra sau góc hào, và cậu ấy ngồi xỏm xuống.

Jupp vẫy tôi: "Nghe thấy không? Lại nó đây!"

"Gì chứ?"

"Tiếng đạn pháo ban nãy."

Kosole động dậy và ngáp. Sau đó anh nhồm dậy, nhìn nắm đấm nặng trĩu của mình một cách đầy ảm ý, rồi liếc sang Jupp mà tuyên bố:

"Này ông lỏi, giờ mà mày lại còn giờ trò lừa bọn tao cú nữa, thì chỉ có nước gửi bao xương của mày về nhà thôi đây!"

Chúng tôi lắng tai nghe. Tiếng rít và tiếng huýt của đạn pháo đang bay trên những vòng cung vô hình bị ngắt quãng bởi một âm thanh ngân dài, trầm khàn, kỳ quặc, nó lạ lắm và mới mẻ đến nỗi tôi sờn cả da gà.

"Pháo hơi ngạt!" Willy Homeyer hét và nhảy dựng lên.

Cả bọn tỉnh ngủ hẳn, căng thẳng lắng nghe.

We ßling chỉ lên trời. "Hóa ra là bọn này! Ngỗng trời!"

Trên nền những đám mây xám xịt buồn tẻ hiện lên một vệt sẫm, hình mũi tên. Mũi tên tiến gần đến mặt trăng, lúc này nó cắt ngang cái đĩa màu đỏ ấy, những bóng đen trở nên rõ ràng, một góc nhọn hình thành bởi vô số cánh chim, cả một đoàn dài trôi đi trong tiếng quàng quạc, xa lạ, hoang dã, cứ thế xa dần.

"Bay đi rồi," Willy càu nhàu. "Mẹ kiếp, giá như mình cũng chuồn lẹ được như thế! Có một đôi cánh và vù đi!"

Heinrich We ßling dõi theo đàn ngỗng. "Sắp mùa đông đến nơi rồi," anh nói chậm rãi. Weßling là nông dân, anh sành những việc như vậy.

Yếu ớt và rầu rĩ, Ludwig Breyer ngồi tựa vào gò đất lấm bầm: "Đây là lần đầu mình trông thấy ngỗng trời."

Nhưng Kosole bỗng trở nên hoạt bát hơn cả. Anh đòi Weßling giải thích nhanh lần nữa mọi thứ về ngỗng trời, nhất là thắc mắc liệu chúng có to bằng ngỗng nuôi không.

"Cũng to chừng ấy," Wefiling trả lời.

"A, quý thật!" Kosole phân khích đến nỗi hai hàm nghiến vào nhau trèo trẹo. "Có nghĩa lúc này mười lăm, hai mươi con ngỗng quay tuyệt vời đang bay trên trời!"

Lại có tiếng vỗ cánh ngay trên đầu chúng tôi, tiếng kêu khàn khàn phát ra từ cuống họng như một con chim ung lại xói vào đầu bọn tôi, và rồi những tiếng vỗ cánh hòa với tiếng kêu ngân dài của lũ ngỗng trời, hòa với tiếng hú của cơn gió đang mạnh dần lên, tạo thành một ý niệm mãnh liệt và dai dẳng về tự do và cuộc sống.

Một tiếng súng nổ. Kosole hạ súng và háo hức ngó lên trời. Anh đã

nhắm bắn vào chính giữa mũi tên không lồ đang bay. Tjaden đứng ngay cạnh Kosole, sẵn sàng phi ra như một chú chó săn nếu có con ngỗng nào rơi xuống. Nhưng đàn ngỗng nguyên vẹn đội hình vẫn tiếp tục bay.

"Tiếc quá," Adolf Bethke nói, "lẽ ra đây phải là phát súng khôn ngoan đầu tiên trong suốt cuộc chiến tranh chầy rặn này."

Kosole thất vọng quăng súng. "Giá mà có ít đạn ghém thì đã nên chuyện!"

Anh đâm mình vào giấc mơ u sầu về tất cả những gì lẽ ra đã phải có nếu anh may mắn hơn, và bắt giấc nhai chóp chép.

"Chuẩn!" Jupp nãy giờ quan sát anh bèn mở miệng, "Ăn kèm mứt táo và khoai tây chiên, hả?"

Kosole căm ghét nhìn anh ta. "Câm mồm, đồ cạo giấy!"

"Thật uổng là cậu đã chẳng làm phi công," Jupp nhăn nhó cười, "nếu vậy có phải bây giờ chỉ cần quăng lưới cũng tóm được chúng không."

"Đồ cứt đá!" Kosole cắt ngang và lại buông người xuống đất định ngủ tiếp.

Mà đó cũng là việc tốt nhất. Mưa nặng hạt hơn. Chúng tôi ngồi áp lưng vào nhau, tay căng những tấm vải bạt che đầu. Chúng tôi ngồi co ro trong chiến hào hết như những đồng đất tối sẫm. Đất, quân phục và một chút sự sống bên dưới.

Một tiếng thì thâm sắc lạnh đánh thức tôi: "Đi thôi... tiến lên!"

"Có chuyện gì thế?" vẫn ngái ngủ, tôi hỏi.

"Bọn mình phải lên tuyến đầu," Kosole lau bầu và vội vã thu dọn đồ.

"Nhưng cả bọn mới từ đó về mà," tôi ngạc nhiên.

"Rõ điên," tôi nghe Weßling chửi. "Hết chiến tranh rồi còn gì."

"Mau nào, tiến lên!" Chính đại đội trưởng Heel thúc giục chúng tôi.

Ông ta sôt ruột chạy tới chạy lui trong chiến hào. Ludwig Breyer đã sẵn sàng. "Biết sao được, đành phải đi thôi," cậu ấy nói giọng phục tùng và cầm theo mấy quả lựu đạn.

Adolf Bethke nhìn cậu ta. "Ludwig, cậu ở lại đây đi," anh nói, "cậu đang bị tiêu chảy không lên tuyến đầu được đâu." Breyer lắc đầu.

Tiếng dây thắt lưng ken két, tiếng súng va nhau lách cách, và từ mặt đất bỗng dung lại bốc lên cái mùi thối rữa của sự chết chóc. Chúng tôi từng hy vọng mình đã thoát được nó vĩnh viễn, vì cái ý nghĩ về hòa bình đã bay vọt lên cao trước mắt chúng tôi như một trái hỏa tiễn, và dù cho chúng tôi còn chưa kịp tin, chưa kịp hiểu về nó, thì chỉ trong vài phút ngắn ngủi khao nhau về cái tin đồn hòa bình ấy, riêng niềm hy vọng thôi cũng đủ làm thay đổi chúng tôi nhiều hơn là trong hai mươi tháng trước đó. Cho tới giờ, cứ năm chiến tranh này lại chồng lên năm chiến tranh khác, năm tuyệt vọng trước nổi sang năm tuyệt vọng sau, và khi tính đếm lại thời gian, người ta không biết điều gì đáng ngạc nhiên hơn: rằng đã biết bao nhiêu thời gian trôi qua, hay hóa ra mới qua có bấy nhiêu thời gian mà thôi.

Nhưng lúc này, khi được biết hòa bình có thể đến bất kỳ ngày nào, thì mỗi giờ dường như nặng nề hơn gấp ngàn lần, và đối với chúng tôi mỗi phút trong lửa đạn trở nên khó khăn hơn, đặng đặng hơn toàn bộ cuộc chiến từ trước tới nay.

Gió veo veo rít trên những phân bờ còn lại của chiến hào, và mây vội vã trôi ngang mặt trăng. Bóng tối và ánh sáng không ngừng thế chỗ nhau.

Chúng tôi bám sát nhau đi, một nhóm bóng đen, cái trung đội hai trăm hai đã bị bắn tan nát chỉ còn sót lại vài mống - mà quân số cả đại đội giờ cũng chưa bằng một trung đội tiêu chuẩn - nhưng mấy người sống sót này đều đã từng vào sống ra chết. Thậm chí chúng tôi còn có hẳn ba người lính

kỳ

cựu nhập ngũ từ năm mười bốn: Bethke, Weßling và Kosole, họ thì cái gì cũng biết và thỉnh thoảng vẫn kể về những tháng đầu tiên của cuộc chiến đầy biến động, như thể chuyện đã xảy ra từ thời người Đức cổ.

Đến nơi, mỗi thằng tự tìm một góc hay một cái hố để ẩn mình. Tạm thời tương đối yên tĩnh. Chỉ có pháo sáng, tiếng súng máy và chuột. Bằng một cú đá trúng đích, Willy hất văng một con chuột lên cao và chém nó đứt đôi bằng xẻng ngay trên không.

Vài tiếng súng lẻ tẻ. Bên phải vọng lại tiếng lựu đạn nổ xa xa.

"Mong sao ở đây được yên tĩnh," Weßling nói.

"Giờ mà lại xoi một viên đạn vào sọ nhỉ..." Willy lắc đầu.

"Thằng nào số đen thì chỉ ngoáy mũi cũng gãy ngón tay," Valentin lau bàu.

Ludwig nằm trên một tấm vải bạt. Đúng là lẽ ra cậu ấy nên ở lại tuyến sau. Max Weil cho cậu ấy uống mấy viên thuốc. Valentin thuyết phục cậu ấy uống rượu mạnh. Ledderhose thử kể một câu chuyện cười tục tĩu. Chẳng có ai để tai nghe. Chúng tôi cứ nằm, nằm mãi. Thời gian tiếp tục trôi.

Tôi bỗng giật mình và ngẩng cổ lên. Tôi thấy Bethke cũng đã chồm dậy. Ngay cả Tjaden cũng trở nên linh hoạt. Bản năng nhiều năm mách bảo điều gì đó, còn chưa ai rõ là điều gì, nhưng nhất định đang có chuyện bất thường. Chúng tôi thận trọng thò đầu ra, lắng tai nghe, nheo tí mắt cố

nhìn xuyên màn đêm. Cả bọn đã tỉnh ngủ, mọi giác quan đều căng ra cực độ, tất cả các cơ bắp sẵn sàng đón nhận cái điều sắp xảy ra dù chưa biết là gì nhưng chắc chắn là lành ít dữ nhiều. Tiếng lựu đạn khẽ va lách cách, ấy là Willy, tay ném cự phách nhất, đang ôm lựu đạn trườn lên phía trước.

Chúng tôi nằm dán mình xuống đất như lũ mèo. Tôi phát hiện Ludwig

Breyer nằm ngay cạnh mình. Chẳng còn tí dấu vết bệnh tật nào trên nét mặt căng thẳng của cậu ấy. Cũng gương mặt lạnh lẽo, vô hồn như tất cả mọi người ở đây - gương mặt của chiến hào.

Sự căng thẳng điên rồ đã đóng băng tất cả, một cảm giác thật lạ lùng mà tiềm thức mang lại cho chúng tôi, trước khi các giác quan của chúng tôi có thể nhận ra nó.

Sương mù lay động, khẽ trôi. Và đột nhiên tôi nhận ra điều gì đã đẩy chúng tôi vào trạng thái báo động cao nhất. Chỉ là xung quanh bỗng yên lặng. Yên lặng hoàn toàn.

Không còn tiếng bom mìn, không súng nổ, không đạn réo, không trái pháo gầm rít, không gì hết, hoàn toàn không, không một phát súng, không một tiếng kêu. Đơn giản là yên lặng, yên lặng tuyệt đối.

Chúng tôi nhìn nhau, chẳng hiểu gì cả. Từ khi tham chiến, lần đầu tiên yên tĩnh thế này. Chúng tôi lo lắng ngó quanh, muốn biết thế này nghĩa là sao. Hay là hơi độc đang lan đến? Nhưng gió đang thổi theo hướng khác, ắt sẽ thổi bay hơi độc đi. Hay sắp bị tấn công? Nhưng yên tĩnh thế này mà rục rịch tấn công thì sẽ sớm lộ ngay chứ. Vậy thì chuyện gì đây? Trái lựu đạn trong tay tôi ướt nhèm, tôi căng thẳng đến toát mồ hôi hột. Cảm giác như các dây thần kinh sắp đứt tung. Năm phút, mười phút...

"Mười lăm phút rồi đấy!" Valentin Laher thốt lên. Giọng anh vang trong sương mù hệt như vọng từ dưới mồ.

Và vẫn chẳng có gì xảy ra, không có cuộc tấn công nào, không có những bóng người nhảy xổ ra từ đêm đen. Những nắm tay mở ra rồi siết lại chặt hơn. Không thể chịu đựng thêm nữa! Chúng tôi đã quá quen với tiếng gầm rú của chiến tranh, đến nỗi giờ đây, khi bỗng nhiên nó không còn chèn

ép lên chúng tôi nữa, chúng tôi có cảm giác mình sẽ nổ tung, bay vào không trung như những quả bóng hơi.

"Nghe này anh em, đó chính là hòa bình!" Willy đột nhiên cất lời, hiệu ứng như một trái bom nổ.

Các gương mặt dần ra, các cử động trở nên mất phương hướng và bối rối. Hòa bình? Chúng tôi nhìn nhau không tin vào chính mình. Hòa bình? Tôi buông rơi trái lựu đạn. Hòa bình? Ludwig lại chậm chạp nằm xuống tấm vải bạt của mình. Hòa bình? Nhìn ánh mắt của Bethke ngỡ đâu mặt anh ấy sắp vỡ đên nơi. Hòa bình? Weßling đứng bất động như trời trồng, và khi anh ngoảnh đầu quay người về phía chúng tôi, nhìn anh như thể muốn ngay lập tức cất bước đi một mạch về tận nhà.

Chúng tôi đang còn bị cuốn trong cơn lốc của cảm xúc mà không hề nhận thấy sự yên tĩnh đã đột nhiên chấm dứt từ lúc nào, đạn pháo lại nổ ì ùng, súng máy lại vang tành tạch phía xa hết tiếng chim gõ kiến mổ lên thân cây. Chúng tôi trở nên bình thản và thậm chí gần như hân hoan khi lại nghe những âm thanh chét chóc quen thuộc.

Ngày trôi qua bình yên. Đêm đến chúng tôi cần lui về tuyến sau như trước nay vẫn thế. Nhưng những kẻ ở phía bên kia không chỉ đơn giản bám theo chúng tôi, mà họ tan công. Chúng tôi còn chưa kịp rục rịch thì đạn nổ dữ dội về phía này. Sau lưng chúng tôi, những đài phun lửa rừng rục đỏ trong bóng chiều nhập nhoạng. Tạm thời chỗ chúng tôi vẫn yên ổn.

Willy và Tjaden tình cờ vớ được một hộp thịt và lập tức chén sạch. Những người còn lại nằm đợi. Bao nhiêu tháng ngày chiến tranh dằng dặc đã bào mòn cảm xúc của họ, và khi không cần phải tự vệ, họ gần như đứng đưng.

Đại đội trưởng nhảy xuống cái hố của chúng tôi. "Các cậu có đủ mọi

thứ rồi chứ?" ông ta hỏi trong âm âm tiếng nổ.

"Quá ít đạn!" Bethke kêu to. Heel nhún vai và cúi cho Bethke một điều thuốc lá từ phía sau. Bethke gật đầu, vẫn không ngoảnh lại.

"Phải cố thôi!" Heel hét và nhảy sang hồ bên cạnh, ông ta biết rằng sẽ ổn. Người nào trong đám lính kỳ cựu này cũng đều có thể chỉ huy đại đội tốt như chính ông ta.

Trời tối dần. Làn đạn đã mò ra chúng tôi. Chỗ nấp không đủ che chắn cho chúng tôi. Dưới hầm, chúng tôi dùng xẻng và tay không đào bới những cái hốc để chui đầu tránh đạn. Cứ thế chúng tôi nằm ép sát vào nhau, Albert Troßke và Adolf Bethke ngay bên tôi. Một trái pháo nổ tung cách chúng tôi hai mươi mét. Khi con quái vật này xé không gian lao đến trong tiếng huýt dài, chúng tôi há hốc miệng để cứu cái mạng nhĩ, nhưng tai chúng tôi vẫn gần như điếc đặc, đất và bùn bắn vào mắt, và cổ họng thì ngứa ran vì đám khói đáng nguyên rủa của thuốc súng và lưu huỳnh.

Mảnh pháo vãi xuống như mưa. Chắc chắn có ai đó đã trúng thương, vì cùng với một mảnh pháo nóng bỏng là một bàn tay của ai đó bay vèo qua hố trú ẩn của chúng tôi, ngay sát đầu Bethke.

Heel nhảy xuống chỗ chúng tôi, trong ánh chớp nổ của đạn pháo thấy rõ dưới mũ sắt gương mặt trắng bệch vì tức giận của ông ta. "Là Brandt..." ông ta thờ hồn hên, "bị bắn trúng. Bay hết rồi!"

Cơn mưa đông bùn đất và sắt thép lại ào ạt trút với những tiếng nổ đinh tai, rú rít, gầm gào, không gian sấm rung chớp giạt, mặt đất âm âm rung chuyển. Nhưng rồi màn khói đạn loãng dần và lùi ra xa, trong nháy mắt từ dưới đất mọc lên những hình người cháy sém, đen thui, lựu đạn lăm lăm trong tay, nghe ngóng và sẵn sàng.

"Từ từ rút lui!" Heel hét.

Cuộc tấn công ở phía bên trái chúng tôi. Hỏa lực tập trung vào một hồ trú ẩn đặt súng máy. Súng máy sủa ăng ăng. Chớp lửa lựu đạn lấp lóa.

Bỗng khẩu súng máy im bật: bị hóc rồi. Lập tức hồ trú ẩn này bị tấn công từ bên sườn. Vài phút nữa thôi nó sẽ bị cắt đứt khỏi chúng tôi. Heel thấy rõ điều đó.

"Quý thật!" ông ta nhảy qua ụ đất hét, "Tiến lên!"

Đạn vãi về phía trước, Willy, Bethke và Heel nhanh chóng nằm đúng tầm ném và quăng lựu đạn; rồi Heel lại chồm lên, vào những khoảnh khắc như thế này, ông ta như người mất trí, một con quỷ thực sự. Thế mà lại thành công. Những người nằm hố đằng sau kia lấy lại dũng khí, súng máy lại khạc đạn, liên lạc được phục hồi, và tất cả chúng tôi cùng rút lui, cố gắng đến được chỗ hầm bê tông phía sau. Mọi việc xảy ra nhanh đến nỗi quân Mỹ còn chưa kịp nhận thấy hố phễu đã trống rỗng. Những ánh chớp vẫn tiếp tục lóe lên trên cái hố bị bỏ lại, không người.

Yên ắng hơn rồi. Tôi lo lắng cho Ludwig, nhưng cậu ấy vẫn đây. Rồi Bethke bò đến. "Weßling đâu?"

"Weßling sao rồi? Weßling đâu?" tiếng gọi bỗng vang lên trong tiếng ì ầm của pháo tầm xa. "Weßling!.. Weßling!.."

Heel xuất hiện. "Gì vậy?"

"Không thấy Weßling."

Tjaden đã nằm cạnh anh ấy, nhưng sau khi rút lui Tjaden không thấy anh ấy đâu nữa.

"Ở đâu?" Kosole hỏi.

Tjaden chỉ tay.

"Mẹ kiếp!" Kosole nhìn Bethke, Bethke nhìn Kosole. Cả hai biết rằng

đây có thể là trận đánh cuối cùng của chúng tôi. Họ không chần chừ một giây.

"Thì sao chứ!" Bethke gầm gừ.

"Đi thôi!" Kosole khịt mũi.

Họ biến mất trong bóng tối. Heel nhảy vội theo.

Ludwig bố trí sẵn sàng để có thể xông ra ứng cứu ngay, trường hợp ba người bị tấn công. Hiện vẫn tạm yên ắng. Nhưng đột nhiên lóe lên những chớp lửa lựu đạn. Xen giữa những tiếng lựu đạn nổ là tiếng súng ngắn. Chúng tôi lập tức lao vào màn đêm, Ludwig dẫn đầu... rồi hiện ra gương mặt đẫm mồ hôi của Bethke và Kosole, họ đang kéo một ai đó trên tấm vải bạt.

Heel sao? Người nằm rên là Weßling. Heel đâu? Ông ta đang giữ chân bọn chúng, ông ta đã nổ súng. Liên sau đó Heel quay lại.

"Cả bọn trong phễu ngòm rồi!" ông ta hét lên. "Tiễn thêm hai thùng bằng súng ngắn."

Đoạn ông ta chăm chú nhìn Weßling. "Sao, có chuyện gì vậy?"

Weßling không trả lời. Bụng anh vỡ toác như lợn mổ phanh trong cửa hàng thịt. Không thể thấy vết thương nông sâu ra sao. Chúng tôi vội băng bó tạm cho anh. Weßling rên rỉ đòi uống nước, nhưng mọi người không cho. Bị thương ở bụng không được uống nước. Rồi anh đòi đắp chăn. Anh rét run, anh đã mất rất nhiều máu.

Liên lạc viên mang đến mệnh lệnh: tiếp tục rút lui. Chúng tôi đặt Weßling lên tấm vải bạt, luôn súng qua làm đòn, khiêng tạm anh theo, cho tới lúc tìm được một cái cáng. Thận trọng, chúng tôi dò dẫm bước theo nhau. Trời sáng dần. Sương mù bàng bạc trong các lùm cây. Chúng tôi đang rời khỏi vùng chiến sự. Tưởng chừng mọi thứ đã kết thúc thì bỗng nhiên,

chỉ vo vo nhẹ nhàng, một viên đạn đuổi kịp chúng tôi và nổ đanh.

Ludwig Breyer yên lặng cuốn tay áo lên, cậu ấy bị trúng đạn vào tay. Weil băng bó cho cậu ta.

Chúng tôi rút lui. Rút lui.

Không khí dịu nhẹ, giống như rượu vang. Giờ không phải tháng mười một, giờ là tháng ba. Bầu trời xanh trong. Mặt trời phản chiếu trong các vũng nước bên đường. Chúng tôi đi dọc một con đường hai bên là những hàng cây bạch dương cao vút và gần như nguyên vẹn, chỉ đây đó khuyết mất một cây. Khu vực này trước kia là hậu phương, không đến nỗi bị làm cho tan hoang như những cây sồi trước đó, những vùng đất mà chúng tôi đã đành để mất vào tay đối phương từng ngày một, từng mét một. Mặt trời rọi sáng tấm vải bạt màu nâu, và trong khi chúng tôi đi dọc những con đường có những hàng cây úa vàng, lá cây liên tục chao lượn đậu lên nó; vài chiếc lá rơi hẫng vào trong.

Bệnh viện đã chiến chật cứng. Nhiều thương binh đã nằm trước cửa.

Chúng tôi đành để Weßling cũng nằm tạm ngoài sân. Một đám đông thương binh tay bị thương băng trắng xóa đang tập hợp để rời đi. Người ta sắp giải tán quân y viện. Một bác sĩ tất tả trong sân thăm khám cho những người vừa đến. Một anh chàng chân lủng lẳng vì bị gãy gập ở khớp gối thì được ông ta cho khiêng vào ngay. Weßling chỉ được băng bó và để nằm ngoài sân.

Weßling tỉnh khỏi cơn lơ mơ và nhìn theo ông bác sĩ. "Sao ông ấy lại bỏ đi?"

"Ông ấy quay lại ngay thôi," tôi nói.

"Nhưng tôi phải được vào trong, tôi phải được phẫu thuật." Anh bỗng trở nên cực kỳ lo lắng, bắt đầu mò mẫm sờ vào lớp băng. "Chỗ này phải

được khâu ngay chứ."

Chúng tôi cố trấn an anh. Người anh tái xanh, toát mồ hôi lạnh vì sợ hãi. "Adolf, chạy theo gọi ông ấy lại đi."

Bethke lưỡng lự giây lát. Nhưng Weßling nhìn anh chăm chăm và anh không thể không làm theo, dù biết rằng việc đó vô ích. Tôi thấy anh nói chuyện với bác sĩ. Weßling cố nhìn theo Bethke chừng nào còn có thể, trông anh thật kinh khủng khi cứ cố ngoái đầu nhìn.

Lúc quay lại, Bethke đi vòng ra để Weßling không nhìn thấy anh, lắc đầu, giơ một ngón tay, môi mấp máy không phát ra tiếng: "Một giờ nữa."

Chúng tôi làm bộ tươi tỉnh. Nhưng ai đánh lừa nổi một nông dân đang hấp hối! Khi Bethke bảo Weßling rằng lát nữa người ta sẽ phẫu thuật cho anh, rằng phải đợi vết thương tự lành chút đã, thì anh hiểu ngay mọi chuyện. Anh im lặng giây lát, rồi khò khè rất khẽ: "Phải... các cậu đứng đó và lạnh lặn... và sẽ trở về nhà... Còn tôi... bốn năm trời và thế này đây... bốn năm trời... và thế này đây..."

"Cậu sẽ được đưa vào phòng phẫu thuật ngay thôi Heinrich," Bethke an ủi anh.

Anh phẩy tay. "Thôi bỏ đi."

Từ phút đó anh ấy gằn như chẳng nói gì nữa. Anh cũng không muốn được khiêng vào nhà, mà muốn ở ngoài sân. Bệnh viện nằm trên một triền dốc. Từ đây nhìn được rất xa con đường phủ cây chúng tôi đã đi qua. Con đường sặc sỡ và vàng óng ánh. Đất ở đây lặng lẽ, mềm mại, được che chở, thậm chí còn nhìn thấy những luống cày - những vuông đất nhỏ màu nâu xói lật lên ngay cạnh quân y viện. Khi gió thổi bạt đi mùi máu tanh, ta có thể ngửi thấy mùi hăng hăng của đất. Xa xa là màu xanh lam, và tất cả đều hết sức thanh bình, bởi từ đây không nhìn thấy mặt trận. Mặt trận ở phía

bên phải.

Weßling im lặng. Anh quan sát thật kỹ mọi vật xung quanh. Đôi mắt anh chăm chú và tinh anh. Anh là nông dân và anh gàn gỏi, hiểu thiên nhiên hơn hẳn chúng tôi. Anh biết đã đến lúc phải ra đi. Vì vậy anh không muốn bỏ lỡ bất cứ cái gì và cứ thế nhìn không rời mắt. Mỗi phút trôi qua, mặt anh càng trắng bệch hem. Cuối cùng anh động đậy và thì thào: "Ernst.."

Tôi cúi sát miệng anh.

"Lấy hộ đồ của tôi ra đây," anh nói.

"Cứ từ từ cũng được mà, Heinrich..."

"Không, không. Lấy đi."

Tôi đặt từng thứ ra trước mặt anh. Cái ví vải thô đã sờn, con dao, chiếc đồng hồ, chút ít tiền... tất cả những thứ này đã quá quen thuộc với chúng tôi. Tấm ảnh của vợ anh nằm lẻ loi trong ví.

"Giơ cho tôi xem," anh nói.

Tôi rút tấm ảnh và giơ sao cho anh nhìn được. Một thiếu phụ da ngăm ngăm, nét mặt trong sáng. Weßling chăm chú nhìn. Lát sau anh thì thào, đôi môi run rẩy: "Từ nay sẽ chẳng còn gì nữa..." Cuối cùng anh quay mặt đi.

"Hãy giữ lấy đi," anh nói. Tôi không hiểu ý anh nhưng không muốn hỏi thêm, nên dứt tấm ảnh vào túi mình.

"Nó sẽ khiến cô ấy..." anh nói với ánh nhìn rất lạ từ đôi mắt mở to, lăm lăm điều gì đó, rồi lắc đầu và rên rỉ. Tôi gồng mình cố hiểu anh dù chỉ chút ít, nhưng anh chỉ còn khò khè, duỗi người, thở nặng nhọc hơn và thưa hơn, ngắt quãng, ngán ngát... rồi một lần nữa hít một hơi thật sâu và thở dài... và đôi mắt anh bỗng nhiên trông như thể bị thong manh, anh đã chết.

Sáng hôm sau chúng tôi nằm trên chiến tuyến lần cuối cùng, Hầu như

không có tiếng súng. Chiến tranh đã kết thúc. Một giờ sau chúng tôi được rút quân. Chúng tôi sẽ không bao giờ cần quay lại đây nữa. Một khi đã đi, chúng tôi sẽ rời đi mãi mãi.

Chúng tôi phá hủy mọi thứ còn có thể phá. Còn gì nhiều đâu. Vài đoạn chiến hào. Sau đó có lệnh rút lui.

Khoảnh khắc kỳ lạ. Chúng tôi đứng bên nhau và nhìn về phía trước.

Những đám sương mù mỏng giăng trên mặt đất. Đường viền các chiến hào và hố trú ẩn nhìn rất rõ. Thật ra đây là những tuyến cuối cùng, phòng tuyến dự bị, nhưng dù sao cũng là tuyến lửa. Biết bao lần chúng tôi đi theo những đường hào này ra tuyến đầu, và cũng biết bao lần chỉ còn một số ít lầm lũi quay trở về. Phong cảnh trước mặt chúng tôi buồn tẻ, xám xịt, xa xa là những vạt rừng còn sót lại, vài thân cây cụt, những đống đổ nát của ngôi làng, xen giữa là một bức tường cao trơ trọi vẫn còn đứng vững.

"Chà," Bethke trầm ngâm nói, "bốn năm vui trong chinh chiến..."

"Mẹ kiếp, đúng vậy!" Kosole gật đầu. "Và giờ kết thúc đơn giản thế đấy."

"Ôi chao," Willy Homeyer tựa lưng vào bờ chiến hào. "Thật nực cười, hả?"

Chúng tôi cứ thế đứng nhìn trần trời. Trang trại, cánh rừng nham nhở, những ngọn đồi, những tuyến hào ở phía chân trời... đó từng là một thế giới khủng khiếp, một cuộc sống nặng nề làm sao. Và giờ đây, ngay khi chúng tôi cất bước, mọi thứ kia sẽ đơn giản ở lại phía sau, lùi xa dần sau mỗi bước chân, và hoàn toàn biến mất sau một giờ, như thể chúng chưa từng tồn tại. Chẳng ai hiểu được điều đó!

Chúng tôi đứng đây và đáng ra phải cười, phải hét lên vì vui sướng, thì cả bọn lại có cảm giác đầy ú trong bụng, như thể vừa nuốt phải một cái

chối sê và chỉ chực ọe ra.

Chả ai biết nói gì. Ludwig Breyer mệt mỏi tựa lưng vào rìa chiến hào và giơ tay lên như thể có ai đó đứng đối diện mà cậu ấy muốn vẫy chào tạm biệt.

Heel xuất hiện. "Không rời nơi này được, hả? Ờ, giờ mới là lúc khôn nạn đây."

Ledderhose ngạc nhiên nhìn ông ta. "Sao lại khôn nạn, là lúc bắt đầu hòa bình chứ."

"Thì vậy, thế mới khôn nạn," Heel nói và đi tiếp, vẻ mặt ông ta như thể vừa phải chôn cất chính mẹ ruột của mình.

"Ông ấy còn thiếu Pour le mérite[1]," Ledderhose nói.

"Mày câm mồm đi," Albert Troßke cắt ngang.

"Nào, đi thôi!" Bethke nói, nhưng vẫn cứ đứng yên.

1. Một trong những huy chương vinh dự nhất của quân đội Đế quốc Đức.

(Các chú thích không ghi chú gì thêm là của Đông A.)

"Nhiều thằng trong bọn mình nằm lại đây," Ludwig nói.

"Ừ... Brandt, Müller, Kat, Haie, Bäumer, Bertinck..."

"Sandkuhl, Meinders, anh em Terbrüggen, Hugo, Bemhard..."

"Các cậu, thôi ngay đi..."

Nhiều người trong chúng tôi nằm lại nơi đây, nhưng trước nay chúng tôi đâu đã cảm nhận được. Bởi vì chúng tôi vẫn ở cùng nhau: họ nằm dưới hố, chúng tôi trong hố, chỉ ngăn cách bởi một vài năm đất. Họ vượt trước chúng tôi chút ít thôi, bởi mỗi ngày họ càng đông hơn mà chúng tôi thì

văng đi, thậm chí có lúc chúng tôi còn không biết liệu mình có nằm trong số họ không nữa. Nhưng đôi khi đạn trái phá lại một lần nữa lôi họ lên với chúng tôi; từ dưới lòng chiến hào những khúc xương đang rã, những mảnh quân phục, những đầu người đang phân hủy, ướt mềm, bám đầy đất bị hất văng lên cao, bị lôi trở lại chiến trường trong cơn đạn lửa.

Chúng tôi không cảm thấy khiếp sợ, chúng tôi quá gần gũi với họ. Nhưng giờ đây chúng tôi quay trở lại với cuộc sống, còn họ phải nằm lại nơi này.

Ludwig, người có cha đã ngã xuống ở trận địa này, hỉ mũi vào tay và quay đi. Chúng tôi từ tốn theo sau. Nhưng chúng tôi còn vài lần dừng bước, ngoảnh nhìn lại. Và chúng tôi đứng lặng, bỗng cảm thấy cái địa ngục ghê sợ, cái mảnh đất nham nhở hồ bom trước mắt mình kia đã ăn sâu vào lòng mình, rằng nó - mẹ kiếp, giá như điều này không quá phi lý và khiến chúng tôi buồn nôn - rằng nó dường như đã trở nên thân thuộc với chúng tôi như một mảnh đất quê hương đầy đau đớn và đáng sợ, mà đơn giản chúng tôi đã gắn bó.

Chúng tôi lắc đầu xua đuổi cái ý nghĩ vô lý... nhưng hoặc đó là những năm tháng bị mất đi nơi đây, hoặc đó là những người anh em đã nằm lại nơi này, hoặc đó là tất cả nỗi đau che phủ trái đất... có một nỗi buồn ngấm sâu trong xương tủy ngõ có thể khiến chúng tôi bật khóc.

Rồi chúng tôi lên đường.

CHƯƠNG MỘT.

Những con đường chạy dài xuyên qua rừng và cánh đồng, làng mạc chìm trong ánh sáng xám nhò, cây cối rì rào, lá cây rơi rơi.

Nhưng trên những con đường đó các đoàn quân xám xịt, trong những bộ quân phục bản thủ, bạc phếch đang lê bước. Dưới những chiếc mũ sắt là những gương mặt râu ria tua tủa, gầy gò, hốc hác vì đói, khô héo phờ phạc, hằn đầy các đường nét ghi dấu sự khốc liệt, lòng quả cảm và cái chết. Đoàn quân lặng lẽ đi, giống như họ đã từng hành quân qua vô số con đường, từng ngồi trên vô số toa tàu chở hàng, từng ngồi gò lưng trong vô số chiến hào và nằm trong vô số hố đạn pháo mà không nhiều lời: giờ đây họ cũng đang đi như vậy trên con đường này để về với quê hương, với hòa bình. Không nhiều lời.

Tất cả họ - những người lính già râu ria và những chàng trai mảnh khảnh chưa đến tuổi đôi mươi - đều là đồng đội không hề phân biệt. Bên họ là các chàng trung úy, vẫn còn nửa trẻ con, nhưng đã là chỉ huy của họ trong biết bao nhiêu đêm pháo kích và tấn công. Và sau lưng họ là đội quân chết. Họ cứ thế tiến về phía trước, lê từng bước một, ốm yếu, đói rũ, không vũ khí đạn dược, hàng ngũ thưa thớt xộc xệch, ánh mắt vẫn cứ ngỡ ngàng không sao tin nổi: họ là những kẻ vừa thoát khỏi địa ngục - trên con đường trở lại với sự sống.

I.

Đại đội di chuyển chậm, bởi chúng tôi đã mệt mỏi và còn đưa theo thương binh nữa. Nhóm chúng tôi dần dần tụt lại sau. Vùng này đồi núi nhấp nhô, và khi con đường chạy dốc lên, từ trên cao chúng tôi nhìn thấy phía bên này rải rác các tập lính bên mình đang rút đi, còn phía kia là những dòng quân đông nghịt, dài vô tận bám theo sau chúng tôi. Đó là người Mỹ. Đoàn quân của họ như một dòng sông lớn tràn lên giữa những hàng cây, trên mặt sông lấp lánh ánh thép của vũ khí. Nhưng bao bọc xung quanh là những cánh đồng yên ả, và cây cối đang ngả sắc thu vẫn nghiêm trang và bình thản vươn ngọn khỏi cơn lũ đang tràn đến này.

Đêm đến chúng tôi nghỉ lại trong một ngôi làng nhỏ. Phía sau những căn nhà nơi chúng tôi nằm nghỉ có một dòng suối đôi bờ liễu rủ chảy qua.

Một con đường mòn nhỏ chạy men bờ suối. Chúng tôi nối đuôi nhau đi hàng một theo con đường mòn. Kosole đi đầu. Sói, con chó của đại đội, chạy bên cạnh, ngửi ngửi túi bánh mì của anh.

Bỗng nhiên ở giao lộ, nơi con đường mòn nhập với đường cái, Ferdinand bật lùi lại.

"Chú ý!"

Trong chớp mắt chúng tôi đều giương súng, tán nhanh ra các phía.

Kosole nằm rạp xuống rãnh bèn đường, sẵn sàng nhả đạn, Jupp và Troßke ẩn sau lùm cây quan sát xung quanh, Willy Homeyer đặt tay lên thắt lưng cài dây lựu đạn, ngay cả các thương binh cũng đã sẵn sàng tham chiến.

Trên đường cái, quân Mỹ đang đi tới, vừa cười vừa tán gẫu. Đó là đội tiền tiêu của họ đã đuổi kịp chúng tôi, Adolf Bethke là người duy nhất trong

chúng tôi vẫn còn đứng. Anh bình thân rời chỗ nấp, bước vài bước ra đường. Kosole nhòm dậy. Những người khác cũng trấn tĩnh lại, lúng túng, vụng về sửa sang dây thắt lưng và đai súng trường của mình — chẳng phải chiến tranh đã kết thúc vài ngày rồi hay sao.

Nhìn thấy chúng tôi, những người Mỹ ngạc nhiên. Họ ngừng trò chuyện và thông thả tiến lại gần. Chúng tôi đi giật lùi về phía một kho chứa cỏ khô, để phía sau được che chắn, và chờ đợi. Im lặng chừng một phút, rồi một anh chàng cao lêu đêu tách ra từ nhóm người Mỹ và vẫy tay với chúng tôi.

"Chào người anh em!"

Adolf Bethke cũng giơ tay. "Người anh em!"

Sự căng thẳng chùng xuống. Những người Mỹ tiến lại gần. Nháy mắt sau họ đã vây quanh chúng tôi. Cho tới giờ chúng tôi mới chỉ nhìn thấy người Mỹ ở gần như vậy khi họ bị bắt làm tù binh hay đã tử trận.

Một khoảnh khắc kỳ lạ. Chúng tôi lặng lẽ nhìn người Mỹ. Họ đứng thành hình bán nguyệt quây quanh chúng tôi, toàn những người cao lớn, lực lưỡng, nhìn là biết họ luôn được ăn no. Tất cả đều trẻ — chẳng ai trong số họ gần ngang tuổi với Adolf Bethke hay Ferdinand Kosole, chứ đừng nói dám so với đám lính già nhất của chúng tôi. Nhưng trong số họ cũng không ai trẻ như Albert Troßke hay Karl Bröger, mà hai cậu ấy lại cũng chưa phải là trẻ nhất trong chúng tôi.

Lính Mỹ đều mặc quân phục mới và áo choàng mới, giày của họ không thấm nước và vừa cỡ chân, vũ khí tốt, ba lô đầy đạn dược. Tất cả đều mới tinh và chưa dùng đến.

So với họ, chúng tôi là một băng cướp thực sự. Quân phục của chúng tôi đã bạc phếch bởi bùn đất của tháng năm, bởi những cơn mưa vùng Argonnen, bởi đá vôi vùng Champagne, bởi đầm lầy ở Flandern; áo choàng bị mảnh bom và trái phá cắt tả tơi, được vá vúi bởi những mũi khâu vụng

về, trở nên chai cứng bởi đất sét và không ít lần bởi cả máu đã khô; ủng bị bục rách, vũ khí cũ mòn, đạn dược gần cạn. Tất cả chúng tôi đều bẩn thỉu như nhau, hoang dã như nhau, kiệt sức như nhau. Chiến tranh đã đi qua chúng tôi như một chiếc xe lu.

Các tập lính Mỹ kéo đến mỗi lúc càng đông. Lúc này nơi đây đầy những kẻ hiếu kỳ.

Chúng tôi vẫn đứng ở góc đường, tụ lại xung quanh những người bị thương, không phải vì sợ, mà vì chúng tôi là một khối. Người Mỹ xô đẩy nhau, chỉ trở đám đồ đạc cũ kỹ, tã nát của chúng tôi. Một người trong số họ mời Breyer một khúc bánh mì trắng, nhưng cậu ấy không cầm, mặc dù cái đói hiện rõ trong mắt.

Bỗng ai đó bật lên tiếng kêu cố nén, chỉ vào chỗ băng bó trên người các thương binh của chúng tôi. Băng làm từ giấy bản, chẳng buộc bởi những sợi dây mảnh. Tất cả nhìn theo... rồi họ lùi lại và thì thầm với nhau.

Những gương mặt thân thiện của họ lộ vẻ thương cảm, vì họ thấy là đến cả gạc chúng tôi cũng chẳng còn.

Người lính Mỹ ban nãy đã chào chúng tôi bèn đặt tay lên vai Bethke.

"Người Đức... lính tốt, lính can đảm," anh ta nói.

Các đồng đội của anh ta nhiệt tình gật gật.

Chúng tôi không trả lời, bởi lúc này chúng tôi không thể trả lời.

Những tuần vừa rồi đã lấy đi quá nhiều tâm sức của chúng tôi. Chúng tôi liên tục phải xông vào lửa đạn và mất người vô ích, nhưng chúng tôi đã chẳng thắc mắc gì, mà cứ chiến đấu như đã chiến đấu trong suốt những năm tháng qua, để cuối cùng đại đội hai trăm người chỉ còn sót lại ba mươi hai. Chúng tôi ra khỏi cuộc chiến cũng vẫn chẳng suy nghĩ về bất cứ điều gì, chẳng cảm thấy gì ngoài việc mình đã làm đúng nhiệm vụ được giao.

Nhưng giờ đây, dưới những ánh mắt thương hại của người Mỹ, chúng

tôi hiểu, tất cả những gì đã diễn ra vào những tuần chót của cuộc chiến mới vô nghĩa làm sao. Cảnh những đoàn quân dài vô tận, được vũ trang đến tận răng, chỉ cho chúng tôi thấy chúng tôi đã chống chọi với một sức mạnh vượt trội đến vô vọng về sức người và sức của như thế nào.

Chúng tôi cắn môi nhìn nhau. Bethke né vai khỏi tay người lính Mỹ, Kosole dăm dăm nhìn ra phía trước, Ludwig Breyer ưỡn thẳng người...

chúng tôi nắm chặt súng hơn, các bắp thịt gồng lên, ánh nhìn đánh lại và không hề chớp mắt, chúng tôi lại trông thấy khung cảnh nơi chúng tôi vừa từ đó ra đi, nét mặt của chúng tôi khép kín trước cảm xúc, và một lần nữa toàn thân chúng tôi lại bị thiêu đốt bởi tất cả những gì chúng tôi đã làm, tất cả những gì chúng tôi đã chịu đựng, tất cả những gì chúng tôi đã bỏ lại phía sau.

Chúng tôi không biết điều gì đang xảy ra với mình; nhưng nếu bây giờ chỉ một lời nói độc địa được thốt ra thôi hẳn nó sẽ khiến chúng tôi bùng nổ, và dù muốn hay không, chúng tôi sẽ bứt lên nhào tái, hoang dại và không ngừng nghỉ, điên cuồng và tuyệt vọng, sẽ chiến đấu, bất chấp tất cả lại chiến đấu...

Một viên trung sĩ dáng người vạm vỡ với khuôn mặt rám nắng lách đến chỗ chúng tôi. Anh ta xô ra với Kosole - vốn đứng gần anh ta nhất -

một tràng tiếng Đức. Ferdinand giật mình, anh quá ngạc nhiên.

"Ồ thằng này nói y hệt tội mình," anh sừng sốt quay sang Bethke, "cậu bảo sao hả?"

Anh chàng người Mỹ nói còn tốt hơn và lưu loát hơn cả Kosole. Anh ta kể rằng trước chiến tranh đã từng sống ở Dresden và anh ta có rất nhiều bạn bè ở đó.

"Ồ Dresden?" Kosole hỏi lại, mỗi lúc càng thêm sừng sốt, "Tôi cũng đã sống ở đó hai năm..."

Viên trung sĩ mỉm cười, dường như điều đó làm anh ta thích thú.

Anh ta nói tên phố mình đã từng sống.

"Cách chỗ tôi chưa đầy năm phút đi bộ," Ferdinand xúc động tuyên bố. "Vậy mà mình chưa từng gặp nhau lần nào! Anh có biết bà góa Pohl ở trong góc ngõ Johannis không? Cái bà to béo tóc đen ấy? Chủ nhà của tôi đây."

Viên trung sĩ không biết bà góa, nhưng bù lại anh ta lại biết ông cố vấn kế toán Zander, người mà đến lượt Kosole không thể nhớ ra. Nhưng cả hai cùng nhau hồi tưởng về dòng sông Elbe, về tòa lâu đài, và họ nhìn nhau với ánh mắt sáng rỡ, như thể bạn bè cũ lâu ngày gặp lại. Ferdinand vỗ vai viên trung sĩ: "Chà, chàng trai, tán gẫu bằng tiếng Đức như một người Đức chính công, lại còn sống ở Dresden nữa! Mà này, vì cái quái gì mà chúng mình lại đánh nhau thế?"

Trung sĩ cười và cũng chẳng biết vì sao. Anh ta lôi ra một bao thuốc lá và chia cho Kosole. Kosole vội vò lấy, bởi tất cả chúng tôi đều sẵn sàng bán một mẫu linh hồn lấy một điều thuốc. Thuốc lá của chúng tôi chỉ làm từ lá dẻ gai và cỏ khô, mà đó đã là loại ngon hơn rồi đấy. Valentin Laher khẳng định loại thuốc lá quen thuộc nhất của chúng tôi toàn làm từ rong tảo trộn phân ngựa sậy khô - trong chuyện này Valentin là chuyên gia.

Kosole nhả khói với vẻ đầy hưởng thụ. Chúng tôi hít hà thèm thưỡng. Laher mặt dại đi. Cánh mũi anh ta phập phồng. "Cho xin một hơi thôi!" anh ta năn nỉ Ferdinand. Nhưng anh ta còn chưa kịp cầm điều thuốc từ tay Kosole, thì một người Mỹ khác đã chia cho anh ta một hộp thuốc tẩu hiệu Virginia. Valentin nghi ngờ nhìn người lính. Rồi anh ta cầm lấy hộp thuốc và ngửi. Mặt anh ta sáng lên. Anh ta miễn cưỡng đưa trả hộp thuốc.

Nhưng người lính Mỹ khoát tay từ chối và chỉ chỉ vào cái phù hiệu gắn trên chiếc mũ lưỡi trai của Laher đang thò ra từ túi bánh mì.

Valentin không hiểu.

“Cậu ấy muốn đổi hộp thuốc lấy cái phù hiệu,” viên trung sĩ từ Dresden giải thích.

Laher càng chẳng hiểu gì. Đổi hộp thuốc tẩu hạng nhất này lấy một cái phù hiệu bằng thiếc sao? Gã này điên rồi, điên sẽ chẳng đời nào chịu bỏ hộp thuốc này ra cho dù để được thăng ngay lên hàm hạ sĩ hay trung úy.

Anh ta lập tức chìa cho anh chàng lính Mỹ không phải chỉ cái phù hiệu mà luôn cả cái mũ, và hai tay run run thềm thương nhồi tẩu thuốc đầu tiên.

Giờ chúng tôi đã hiểu chuyện gì đang diễn ra: người Mỹ muốn đổi chác. Có thể thấy họ tham chiến chưa được bao lâu, họ còn đang sưu tầm mọi thứ lưu niệm: quân hàm, phù hiệu, khóa nịt, huy chương, cúc quân phục. Đổi lại, chúng tôi lo dự phòng cho mình xà phòng, thuốc lá, sô cô la và đồ hộp. Để có được con chó của chúng tôi, họ thậm chí còn muốn đưa cho chúng tôi cả năm tiền... nhưng họ muốn trả bao nhiêu kệ họ, Sói phải ở lại bên chúng tôi.

Chúng tôi cũng gặp may với đám thương binh của mình. Một anh chàng Mỹ nhiều răng vàng đến nỗi mồm anh ta sáng lóa như cả một xưởng đúc đồng, lại rất muốn có được đám băng dầm máu để về nhà có thể chứng minh rằng băng của quân Đức đúng là làm bằng giấy. Đổi lại, anh ta đưa ra một thứ bánh quy hảo hạng và trên hết là một ôm đầy bông băng.

Vô cùng hài lòng, anh ta cẩn thận xếp những mảnh giấy bản vào ví, đặc biệt là những mẫu băng của Ludwig Breyer, đó là máu của trung úy cơ mà!

Ludwig phải ghi bằng bút chì địa danh, tên và số hiệu đơn vị của mình lên đó, để cho mọi người ở Mỹ đều thấy ngay đây không phải là chuyện bịa.

Thoạt tiên Ludwig không chịu, nhưng rồi Weil đã thuyết phục cậu ấy, vì chúng tôi đang thiếu bông băng trầm trọng. Hơn nữa, đối với bệnh kiết lị

của Breyer thì bánh quy đúng là liều thuốc quý.

Tuy nhiên Arthur Ledderhose mới làm vụ đổi chác trứng mảnh nhất.

Anh ta lôi ra cái hòm huân chương nhật được trong một văn phòng tiền phương đã rút chạy nào đó. Một lính Mỹ, trông nhàu nhĩ y như Ledderhose, cũng có khuôn mặt chanh héo giống anh ta, muốn đổi luôn cả cái hòm một lần. Nhưng Ledderhose chỉ nheo mắt ngó tay lính rất lâu bằng cái nhìn kẻ cả. Anh chàng lính Mỹ ngồi im chịu đựng cái nhìn, ra dáng khờ khạo. Sao lúc này bọn họ bỗng giống nhau như anh em ruột. Qua chiến tranh và chết chóc, nơi đây bỗng chạm trán nhau một thứ vẫn trụ lại sau tất cả: ấy là cái máu con buôn.

Đối thủ của Ledderhose nhanh chóng nhận ra mình chẳng hòng xơ múi gì, vì Arthur không để bị xỏ mũi: bán lẻ lời hơn đứt bán buôn chứ. Thế là anh ta ra giá đổi từng chiếc huân chương một, cho tới khi cái hòm rỗng không. Bên cạnh Arthur từ từ tấp lên một núi đồ, thậm chí có cả bơ, vải lụa, trứng gà và đồ lót, đến nỗi khi cuộc đổi chác kết thúc, trông anh ta chẳng khác gì một quây tạp hóa đã chiến trên đôi chân vòng kiềng.

Chúng tôi lên đường. Những người Mỹ vừa í ới chào vừa vẫy theo chúng tôi. Nhất là viên trung sĩ, cứ vẫy không biết mệt. Ngay Kosole cũng cảm động, trong chừng mực một người lính kỳ cựu như anh còn có thể cảm động. Anh lầm bầm mấy câu từ biệt và vẫy lại, tuy nhiên cử chỉ của anh trông lại như thể đang đe dọa. Đoạn anh quay sang Bethke: "Những anh chàng thật tử tế, hả?"

Adolf gật. Chúng tôi im lặng bước tiếp. Ferdinand cúi đầu. Anh đang suy nghĩ. Anh không hay nghĩ ngợi, nhưng một khi đã nghĩ, thì anh lì lợm và nghiền ngẫm rất lâu. Viên trung sĩ từ Dresden cứ không chịu rời khỏi tâm trí anh.

Đi qua làng nào dân tình cũng tròn mắt ngó theo chúng tôi. Trên cửa sổ

một trạm gác chắn tàu là những bồn hoa. Một thiếu phụ hai bầu vú căng đầy đang cho con bú. Cô mặc chiếc váy màu xanh da trời. Lũ chó sủa inh ỏi nghênh đón chúng tôi, con Sói hăng hái đáp trả. Bên đường, gã gà trống đang đập ả gà mái. Chúng tôi vô tư lự rít thuốc lá.

Chúng tôi hành quân. Khu vực các bệnh viện đã chiến. Khu văn phòng quân nhu. Một công viên rộng lớn toàn cây tiêu huyền. Dưới những tán cây la liệt cánh thương và thương binh. Lá cây rơi xuống, phủ lên họ màu đỏ và vàng rực.

Một trạm quân y dành cho người bị trúng hơi ngạt. Những ca nặng không thể đưa đi tiếp đành bỏ lại đây. Những gương mặt tím tái, vàng vọt, xanh lét, những cặp mắt vô hồn, bị axit ăn mòn, những kẻ hấp hối đang khò khè, thở dốc. Tất cả đều muốn thoát khỏi đây, vì sợ bị bắt làm tù binh.

Dường như họ không hiểu chết chỗ nào chẳng thế.

Chúng tôi tìm cách an ủi họ, bằng cách nói rằng người Mỹ sẽ chăm sóc họ tốt hơn. Nhưng họ không nghe. Họ cứ liên tục réo gọi chúng tôi, xin chúng tôi mang họ theo.

Những lời cầu khẩn của họ thật khủng khiếp. Những gương mặt tái nhợt trông mới ma mị làm sao giữa không gian trong trẻo ngoài trời này.

Nhưng đáng sợ nhất vẫn là những bộ râu. Chúng mọc lộn xộn đến kỳ quặc, cứng, ngoan cố, tua tủa và rậm rì trên má quanh xương hàm, một đám râu đen càng hút dưỡng chất càng làm má hóp lại.

Giống như trẻ con, vài người trong số thương binh nặng giờ những cánh tay gầy guộc, xám ngoét về phía chúng tôi.

"Mang tôi theo với, các anh em," họ cầu xin, "các anh em, làm ơn mang tôi theo!"

Trong hai hốc mắt của họ đã chực sẵn những bóng đen xa lạ, sâu hút, trong đó hai con ngươi chỉ còn ngoi ngóp như kẻ sắp chết đuối. Những

người khác thì im lặng; họ chỉ ngó theo chúng tôi, cho đến khi chúng tôi khuất khỏi tầm nhìn.

Tiếng kêu khẩn nài yếu dần. Những con đường chậm chậm đi qua.

Chúng tôi tha lơi theo cả đồng đội, vì cũng phải mang được chút gì về nhà chứ. Mây giăng kín bầu trời. Tối chiều, mặt trời chiếu xuyên mây, và những cây bạch dương gần như trụi hết lá soi bóng trong các vũng nước mưa bên đường. Một làn hương xanh lơ, nhẹ lơ lửng giữa các cành cây.

Trong khi bước đi, ba lô trên vai, đầu cúi xuống, tôi trông thấy những bóng cây trắng sáng, óng ả phản chiếu trong các vũng nước mưa trong vạt bên đường. Hình ảnh soi qua tấm gương tình cờ này sắc nét hơn là trong thực tế. Trên nền đất nâu thẫm bỗng hiện ra một mảnh trời kỳ lạ khiến tôi bất giác rùng mình. Lần đầu tiên sau một thời gian dài, tôi lại cảm nhận được một cái gì đó đẹp đẽ, rằng đơn giản cái hình ảnh trong vũng nước trước mắt tôi kia sao mà đẹp, đẹp và tinh khiết, và trong thoáng rùng mình đó trái tim tôi đập rộn lên, trong chớp mắt tôi được giải thoát khỏi mọi thứ, và giờ đây lần đầu tiên tôi cảm giác được: hòa bình... tôi nhìn thấy: hòa bình... tôi cảm nhận được hoàn toàn: hòa bình. Áp lực - cho tới nay không chịu buông tha tôi - dịu đi; một thứ gì chưa từng biết đến, mới mẻ vút lên cao, chim hải âu, chim hải âu trắng, hòa bình, chân trời run rẩy, sự mong chờ run rẩy, cái nhìn đầu tiên, linh cảm, hy vọng, thứ gì đó đang lớn dần, đang đến: hòa bình.

Tôi giật mình, ngoái đầu nhìn lại; phía sau kia các đồng đội của tôi đang nằm trên cát và vẫn còn cố gọi. Hòa bình đã đến, mà họ vẫn phải chết. Nhưng tôi lại run lên vì vui mừng và không xấu hổ. Thật kỳ lạ...

Có lẽ chiến tranh cứ nổi tiếp chiến tranh, chỉ bởi lẽ người này không bao giờ cảm nhận được nỗi đau của kẻ khác.

II.

Buổi chiều, chúng tôi ngồi trong sân một nhà máy bia. Đại đội trưởng, thượng úy Heel, bước ra từ văn phòng nhà máy và tập hợp chúng tôi lại. Có lệnh phải bầu ban đại diện của lính. Chúng tôi kinh ngạc.

Chuyện như thế này chưa từng xảy ra.

Rồi Max Weil chạy vào sân. Anh ta huơ huơ một tờ báo, la lớn: "Có cách mạng ở Berlin rồi!"

Heel ngoảnh lại. "Vớ vẩn," ông xẵng giọng, "chỉ là mấy vụ lộn xộn ở Berlin."

Nhưng hóa ra Weil còn chưa nói hết. "Hoàng đế đã bỏ trốn sang Hà Lan."

Chúng tôi choàng tỉnh. Hẳn Weil điên mất rồi. Heel đỏ mặt phùng phùng thét: "Đồ nói dối khôn kiếp!"

Weil đưa tờ báo cho ông ta. Heel vò nát tờ báo và giận dữ trừng mắt nhìn Weil. Ông ta không chịu được Weil vì anh ta là người Do Thái, một con người điềm đạm, lúc nào cũng thấy ngồi cúi đầu đọc sách. Trong khi Heel là một kẻ bạt mạng.

"Nhảm nhí tất," ông ta rít lên, hằm hằm nhìn Weil như muốn ăn tươi nuốt sống.

Max mở cúc áo khoác của mình và lôi ra tờ báo thứ hai - số báo đặc biệt. Heel ngó nhìn tờ báo, rồi xé nó tan thành từng mảnh và đi vào nhà.

Weil nhặt các mảnh vụn, ghép lại và đọc cho chúng tôi nghe những tin tức mới nhất. Chúng tôi ngồi đực mặt như một đàn gà bị trúng gió. Chẳng ai còn hiểu gì.

"Ý là ông ta muốn tránh một cuộc nội chiến," Weil nói.

"Vớ vẩn!" Kosole kêu lên. "Sao không nói như vậy từ trước kia đi. Ôi, chết tiệt! Vậy mà anh em ta đã vào sinh ra tử nơi đây!"

"Jupp, véo tở một phát, xem tở tỉnh hay mơ," Bethke lắc đầu nói. Jupp xác định rằng Bethke vẫn đang tỉnh. "Thế có nghĩa là đúng rồi," Bethke tiếp tục, "nhưng tở vẫn chẳng hiểu quái gì cả. Nếu ai đó trong bọn mình làm vậy, thằng đó sẽ bị dựa cột ngay lập tức."

"Lúc này tở không dám nghĩ đến Weßling và Schröder," Kosole nói, siết chặt nắm đấm, "không thì tở sẽ nổ tung vì căm uất. Cứ nhớ đến Schörder - chú gà con non nớt, một đứa trẻ - nằm lại nơi chiến trường, bị cán bẹp như tờ giấy, còn cái kẻ khiến cậu ấy hy sinh thì bỏ chạy! Khốn nạn đến thế là cùng!" Anh đá mạnh vào một thùng bia.

Willy Homeyer xoa tay về khinh miệt. "Ta nói chuyện gì đó khác đi," cậu ta đề nghị, "đối với tôi, con người đó vĩnh viễn không còn tồn tại."

Weil giải thích rằng trong nhiều trung đoàn đã thành lập Hội đồng quân nhân. Các sĩ quan giờ không còn là chỉ huy nữa. Nhiều người trong số họ đã bị lột quân hàm trên vai.

Anh ta muốn chúng tôi cũng thành lập một Hội đồng quân nhân.

Nhưng anh ta nhận được rất ít sự ủng hộ. Chúng tôi chẳng muốn thành lập cái gì nữa hết. Chúng tôi muốn về nhà. Cứ thế này mà về cũng có sao.

Cuối cùng chúng tôi vẫn bầu ra ba đại diện: Adolf Bethke, Max Weil và Ludwig Breyer.

Weil đòi Ludwig tháo quân hàm trên vai.

"Điên à," Ludwig mệt mỏi nói và gõ gõ ngón tay lên thái dương.

Bethke đẩy Weil ra sau. "Ludwig cùng hội bọn mình!" anh nói ngắn gọn.

Ludwig là lính tình nguyện đến với đơn vị chúng tôi và được thăng hàm trung úy. Cậu ấy xung hô thân mật không chỉ với đám Troßke, Homeyer,

Bröger và tôi - chuyện này đương nhiên, vì chúng tôi là bạn học cũ — mà cả với những người lính lớn tuổi hơn, khi không có mặt các sĩ quan khác. Và việc đó khiến cậu ấy chiêm được cảm tình lớn từ anh em.

"Nhưng còn Heel," Weil vẫn ngoan cố.

Nghe dễ hiểu hơn rồi đây. Weil hay bị Heel hoạnh hợ, và chẳng có gì lạ khi giờ đây Weil muốn nhăm nháp thắng lợi của mình. Chúng tôi thì chẳng thèm quan tâm. Heel khá là thô bạo thật, nhưng ông ta liều mình như chẳng có và luôn xông lên phía trước. Lính ăn nhau ở điểm này.

"Thì cậu thử nói chuyện với ông ấy xem," Bethke nói.

"Nhưng đừng quên mang theo bông băng nhé!" Tjaden hét với theo.

Nhưng mọi việc hóa ra lại khác. Heel bước ra khỏi văn phòng đúng lúc Weil định đi vào. Tay ông ta cầm vài tờ giấy in sẵn và chỉ chỉ vào đó.

"Đúng thế thật," ông ta bảo Max.

Weil bắt đầu nói. Khi anh ta nhắc đến ngũ vai, Heel phác một cử chỉ bất ngờ. Chúng tôi tưởng rằng ngay lúc này sẽ xảy ra chuyện âm ỉ, nhưng trước sự ngạc nhiên của chúng tôi, đại đội trưởng bỗng chỉ nói: "Cậu nói đúng." Ông ta quay sang Ludwig và đặt tay lên vai cậu ta. "Breyer, có lẽ cậu sẽ không hiểu được điều này, hả? Chỉ còn lại cái áo lính. Mọi thứ khác đều đã thành dĩ vãng."

Không ai trong chúng tôi thốt nổi lời nào. Đó không còn là Heel mà chúng tôi vẫn biết, người hằng đêm vẫn cầm cây ba toong đi tuần tra và được xem như xương đồng da sắt chẳng đạn nào xuyên thủng: người đàn ông trước mặt chúng tôi lúc này là một người nói năng khó nhọc và hầu như không còn đứng vững trên đôi chân của mình.

Buổi tối, khi đã ngủ thiếp đi, tôi bị tiếng thì thào đánh thức.

44

"Cậu bịa," tôi nghe tiếng Kosole.

"Thật mà," Willy cãi, "thì anh tự đi nhìn xem."

Họ lồm cồm bò dậy và đi ra sân. Tôi theo sau họ. Trong văn phòng đồ đèn, có thể nhìn rõ từ bên ngoài. Heel đang ngồi ở bàn. Áo khoác sĩ quan đặt trước mặt. Không còn ngù vai. Ông ta mặc một chiếc áo lính. Hai tay Heel ôm đầu, và - nhưng không thể có chuyện này được - tôi bước lại gần hơn - Heel, Heel đang khóc.

"Thế đấy," Tjaden thì thầm.

"Xéo!" Bethke nói và đá Tjaden một cú. Chúng tôi bối rối nhón chân quay về.

Sáng hôm sau, chúng tôi nghe nói một viên thiếu tá ở trung đoàn bên cạnh đã tự sát bằng súng khi hay tin hoàng đế tháo chạy.

Heel xuất hiện. Gương mặt ông xám xịt, phờ phạc vì mất ngủ. Ông ta nhỏ nhẹ căn dặn những việc cần thiết. Rồi ông ta lại bỏ đi. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy kinh khủng. Người ta đã lấy đi thứ cuối cùng mà chúng tôi còn. Giờ đây chúng tôi đã mất luôn mặt đất dưới chân mình.

"Cảm giác mình thực sự bị phản bội," Kosole cau có nói.

Đội quân lúc này vào hàng ngũ và ủ rũ lên đường hoàn toàn không còn là đội quân của ngày hôm qua. Một đoàn quân thất trận, bị bỏ rơi.

Tiếng xèng va leng keng theo mỗi bước đi... một giai điệu buồn tẻ... vô ích... vô ích...

Chỉ có Ledderhose là vui như sáo. Anh ta bán đồ hộp và đường từ trong kho đồ Mỹ của mình.

Tối hôm sau chúng tôi đặt chân lên đất Đức. Phải đến tận bây giờ, khi không còn nghe tiếng Pháp xung quanh nữa, chúng tôi mới dần thật sự tin vào hòa bình. Sâu thẳm bên trong, chúng tôi vẫn luôn lưỡng lự trước sẽ có lệnh bắt quay gót vù trở lại chiến hào, vì lính tráng luôn ngờ vực điều tốt đẹp, nên tốt hơn là ngay từ đầu hãy cứ tính đến điều tồi tệ. Nhưng giờ đây

một cảm giác ấm áp dịu dàng từ từ xâm chiếm chúng tôi.

Chúng tôi tiến vào một ngôi làng lớn. Vài vòng hoa héo lũng lảng treo ngang đường. Rõ ràng là đã có quá nhiều đoàn quân đi qua đây, đến nỗi người ta chẳng còn thiết làm một cái gì đó đặc biệt cho đám quân cuối cùng. Vì thế chúng tôi đành hài lòng với dòng chữ "Chào mừng!" bạc phéch trên vài ba tấm áp phích nhàu nhĩ vì nước mưa được viền khung vụng về bởi những vòng lá sồi làm bằng giấy màu xanh lục. Dân chúng gần như chẳng còn ngó ngang gì đến chúng tôi khi chúng tôi đi ngang qua, họ đã quá quen rồi. Nhưng với chúng tôi việc đặt chân lên đất quê hương là mới mẻ, và chúng tôi thêm khát những lời nói ân cần, những ánh mắt thân thiện, cho dù vẫn nói ra mồm rằng mình thì nhỏ toẹt vào những thứ ủy mị đó. Lẽ ra ít nhất các cô gái cũng có thể chạy ra đứng vây chào chúng tôi chứ. Tjaden và Jupp cứ chốc chốc lại tìm cách ới ới bắt chuyện với một hai cô, nhưng chẳng được gì. Chắc vì trông chúng tôi quá nhếch nhác bản thủ. Cuối cùng cả hai đành bỏ cuộc.

Chỉ có bọn trẻ con là theo chúng tôi. Chúng tôi dắt tay chúng và chúng tung tăng chạy bên cạnh. Chúng tôi chia kẹo sô cô la cho bọn trẻ sau khi giữ bớt lại một phần, vì cố nhiên chúng tôi cũng muốn mang chút quà về nhà.

Adolf Bethke bế một bé gái lên. Cô bé kéo ria anh như thể người ta kéo cương ngựa và cười như nắc nẻ vì Adolf làm mặt nhăn nhó. Hai bàn tay bé xíu vỗ vỗ lên mặt anh. Adolf nắm lấy một bàn tay cô bé và chìa cho tôi xem nó mới nhỏ xinh làm sao.

Khi Adolf không còn làm mặt nhăn nhó nữa, cô bé òa lên khóc. Adolf cố gắng dỗ dành, nhưng cô bé càng khóc to hơn, nên anh đành thả nó xuống đất.

"Có vẻ như bọn mình đã trở thành những gã ngoáo ộp thực thụ,"

'Kosole càu nhàu.

"Chúng sợ quá đi chứ, mang cái bộ mặt kinh dị từ chiến hào về thì ai mà chả sợ," Willy tuyên bố.

"Bọn mình bốc mùi máu, vấn đề là ở đó," Ludwig Breyer thủng thảng.

"VẬY chắc bọn mình phải tắm thôi," Jupp suy tính, "tắm rửa rồi có lẽ bọn con gái cũng sẽ để mắt đến hơn."

"Chà, giá như chỉ cần tắm rửa sạch sẽ là đủ," Ludwig trầm ngâm bảo.

Chúng tôi tiếp tục đi trong tâm trạng buồn bực. Sau bấy nhiêu năm ngoài mặt trận, chúng tôi đã hình dung chuyến trở về quê hương khác hẳn.

Cứ tưởng mình được chờ mong lắm, giờ mới thấy ai ở nhà cũng đã quay lại bận bịu với công việc của họ. Mọi sự đã tiếp tục trôi và đang tiếp tục trôi, gần như chúng tôi đã là những người thừa. Ngôi làng này hiển nhiên không phải là cả nước Đức, nhưng cơn giận vẫn cứ ứ nghẹn nơi cổ họng, và một bóng đen quét qua chúng tôi, một dự cảm lạ kỳ.

Xe cộ rầm rầm chạy ngang qua, những người đánh xe la hét, mọi người lén ngược nhìn rồi vội vã chạy theo những suy nghĩ và lo toan của họ. Đồng hồ ở tháp nhà thờ điểm chuông, và làn gió ẩm ướt thổi trên đầu chúng tôi. Duy có một bà cụ đội chiếc mũ gắn những dải ruy băng dài cứ chạy không biết mệt dọc hàng quân của chúng tôi và rụt rè hỏi tin tức về một anh lính tên là Erhard Schmidt.

Chúng tôi được xếp vào ở trong nhà kho lớn. Nhưng mặc dù đã hành quân một chặng đường dài, chẳng ai trong chúng tôi nghỉ ngơi. Chúng tôi kéo nhau đến quán rượu.

Nơi đây thật sôi động. Có loại rượu vang ngọt của năm nay, ngon tuyệt, uống vào thấm xuống tận chân. Thế nên chúng tôi càng thích ngôi đó. Khói thuốc lững lờ trôi dưới trần nhà thấp lè tè, còn rượu vang tỏa hương của đất và mặt trời mùa hạ. Chúng tôi lôi đồ hộp của mình ra, phết thịt lên trên

những lát bánh mì bơ dày, cắm dao lên mặt bàn gỗ rộng ngay bên cạnh mình và bắt đầu đánh chén. Ngọn đèn dầu tỏa sáng xuống chúng tôi như một người mẹ hiền.

Buổi tối khiến thế gian đẹp hơn. Trong chiến hào thì không, nhưng trong hòa bình thì quá hiển nhiên. Chiều nay chúng tôi tiến vào ngôi làng này trong tâm trạng bực bội, nhưng bây giờ chúng tôi tươi tỉnh hẳn lên.

Ban nhạc nhỏ chơi trong góc quán nhanh chóng được anh em chúng tôi tiếp viện. Trong chúng tôi không chỉ có những tay biết chơi dương cầm và thổi kèn harmonica, mà có hẳn một nhạc công thực thụ người Bayer chơi guitar bass. Lại thêm cả Willy Homeyer, cậu ta tự chế cho mình một cây vĩ cầm quý quái, và chơi nhạc trên những cái nắp chậu giặt thay cho trống, chiêng và thanh la.

Nhưng của lạ khiến chúng tôi nhanh bốc hơn cả rượu vang là các cô gái. Họ khác hẳn lúc ban chiều, tươi cười và dễ gần. Hay đây là những cô gái khác? Đã lâu chúng tôi chẳng còn nhìn thấy các cô gái nên ngu ngơ khó nhận biết.

Thoạt đầu chúng tôi vừa khao khát họ vừa lúng túng, chúng tôi không tin tưởng chính mình, ở ngoài mặt trận chúng tôi đã quên cách cư xử với phụ nữ. Nhưng rồi Ferdinand Kosole bắt đầu nhảy valse với một cô nàng chắc nịch có bộ ngực đồ sộ như một ụ súng lý tưởng dành cho anh.

Những người khác theo anh ra sàn nhảy.

Rượu vang ngọt, đậm hơi men ngân nga khoan khoái trong đầu, các cô gái chạy qua chạy lại, âm nhạc đang chơi, và chúng tôi ngồi tụ tập quanh Adolf Bethke trong góc quán.

"Này mấy nhóc," anh nói, "mai hoặc ngày kia là chúng ta đã về đến nhà. Ôi chao mấy nhóc, mấy nhóc ơi, bà xã tớ... đã mười tháng rồi chứ ít gì..."

Tôi thì người qua bàn nói chuyện với Valentin Laher bấy giờ đang lạnh lùng và cao ngạo sẫm soi các cô gái. Một cô tóc vàng ngồi ngay bên anh ta, nhưng anh lại tỏ vẻ ít để ý đến cô. Khi tôi ngả người về phía trước, một cái gì đó trong áo khoác của tôi chạm vào bàn. Đó là chiếc đồng hồ của Weßling. Tưởng như ngày đó đã lùi xa lắm rồi!...

Jupp vớ được cô nàng to béo nhất. Trông anh chàng nhảy với cô ta loì chơi như một dấu hỏi. Bàn tay to bè của Jupp xò rộng trên bộ mông đồ sộ của cô gái, các ngón thì nhau gõ như chơi dương cầm. Cô béo cứ hé cặp môi ướt át cười tình với Jupp khiến anh chàng mỗi lúc một hưng phấn.

Cuối cùng thì anh ta nhè hướng cửa mà tiến và cùng với cô gái lùi ra sân.

Vài phút sau tôi ra vườn tìm góc khuất gần nhất, nhưng ở đó lại vương một hạ sĩ quan mô hôi nhễ nhại cùng một cô gái. Tôi mò mẫm trong vườn và vừa định bắt đầu, thì sau lưng nghe cái rầm. Tôi quay phắt lại thì thấy Jupp cùng với cô béo đang nằm lăn dưới đất. Họ đã cùng cái bàn ngoài vườn đổ sập xuống. Trông thấy tôi, cô béo thổi phù và còn thè lưỡi ra với tôi. Jupp thì hàm hè. Tôi vội lùi vào sau các lùm cây và giẫm phải tay ai đó – thật là một đêm đen đui...

"Đồ bò đực, mù à?" một giọng trầm gầm lên.

"Làm sao mà tao biết được có con lừa nằm ở đây?" tôi tức giận vặc lại.

Cuối cùng tôi cũng tìm được một góc yên tĩnh.

Làn gió mát lạnh, rất dễ chịu sau khi phải hít thở cái không khí đặc quánh khói thuốc trong quán, những góc mái nhà tối sẫm, những vòm lá, sự yên tĩnh và tiếng nước róc rách thanh bình khi tôi tiểu tiện... Albert đến và đứng lại bên cạnh tôi. Mặt trăng chiếu sáng. Hai thẳng xả ra những tia bạc lấp lánh.

"Tuyệt, hả Ernst?" Albert nói.

Tôi gật đầu. Chúng tôi còn đứng ngắm trăng hồi lâu.

"Vì tất cả những thứ khốn kiếp đã qua rồi, hả Albert?"

"Ừ, Ernst, quý thật..."

Sau lưng chúng tôi có tiếng răng rắc. Từ trong các bụi cây vọng ra những tiếng kêu hân hoan cổ kìm nén của các cô gái. Đêm như một cơn dông tích đầy sự sống đang bùng nổ, cháy lan tỏa cùng nhau, điên cuồng và hối hả.

Ai đó rên lên trong vườn. Có tiếng cười khúc khích đáp lại. Những cái bóng leo xuống từ chỗ chứa cỏ khô. Hai người đứng trên cái thang.

Người đàn ông cứ rúc mãi đầu vào váy áo của cô gái như một gã điên, miệng lắp bắp gì đó. Còn cô gái thì cất tiếng cười, giọng khàn khàn như thể có cái bàn chải đang cọ vào các dây thần kinh của chúng tôi. Tôi rùng mình, như có kiến bò suốt dọc sống lưng. Hôm qua và hôm nay, cuộc sống và cái chết, sao mà gần nhau đến vậy.

Tjaden đi ra từ trong bóng tối của khu vườn, đầm đìa mồ hôi nhưng mặt mày sáng rỡ.

"Này các cậu, giờ mới lại biết là mình đang sống," cậu ta nói và cài lại khuy áo.

Chúng tôi đi vòng qua ngôi nhà và đụng phải Willy Homeyer. Trên một ruộng bắp cải, Willy đốt một đồng lửa lớn và quẳng vào đó mấy vốc đầy khoai tây chiên lợi phẩm. Giờ cậu ta ngồi đó một mình, bình yên và mơ mộng trước đồng lửa, chờ khoai tây chín. Xung quanh có vài hộp sườn của Mỹ đã mở nắp. Con chó nằm bên cạnh cậu ta, vẻ chăm chú.

Lửa bập bùng hắt ánh đồng lên mớ tóc hung của Willy. Sương mù tràn lên từ những đồng cỏ dưới kia. Các vì sao lấp lánh. Chúng tôi ghé ngồi xuống bên Willy và lôi khoai tây từ trong đồng lửa ra. Vỏ khoai đã cháy đen nhưng trong ruột vàng óng và tỏa mùi thơm. Chúng tôi cầm những

miếng sườn bằng cả hai tay mà gặm như đang thổi kèn harmonica.

Vừa ăn chúng tôi vừa uống rượu mạnh từ những chiếc ca nhôm của lính.

Khoai tây mới ngon làm sao! Có phải trái đất đang quay? Mà chúng tôi đang ở đâu vậy? Chẳng phải chúng tôi lại đang là những chàng trai từng suốt ngày ngồi ngoài đồng bới khoai tây từ dưới lớp đất hăng nồng, sau lưng là những cô gái má đỏ hây hây mặc những chiếc váy xanh bạc màu, tay xách giỏ? Ôi, ngọn lửa nướng khoai của tuổi trẻ! Những làn khói trắng bay trên cánh đồng, ngọn lửa kêu lách tách, còn lại là tịch mịch.

Khoai tây là loại hoa màu được thu hoạch sau cùng, và khi tất cả đã thu hái xong, chỉ còn có mặt đất trải rộng, không khí trong trẻo, làn khói thân thương màu trắng, nồng nồng, và mùa thu cuối cùng. Khói nồng, hương nồng của mùa thu, ngọn lửa nướng khoai của tuổi trẻ... làn khói bay, bay, và bay mất, những gương mặt của anh em đồng đội, chúng tôi đang trên đường về, chiến tranh đã kết thúc, mọi thứ tan chảy lạ kỳ... và bỗng lại xuất hiện ngọn lửa nướng khoai, rồi mùa thu, và cuộc đời.

"Chao, Willy, Willy..."

"Quá ngon lành, hả?" cậu ta ngược lên hỏi, hai tay đầy thịt và khoai tây. Chà, đồ đầu bò, tớ đang nghĩ đến điều hoàn toàn khác.

Đồng lửa đã cháy hết. Willy chùi tay vào quần và gập con dao lại. Vài con chó sủa trong làng. Còn thì yên tĩnh. Không còn tiếng nổ của đạn pháo.

Không tiếng rầm rầm của xe kéo pháo. Thậm chí không cả tiếng rì rì cản trọng của xe cứu thương. Một đêm mà số người chết ít hơn hẳn mọi đêm trong suốt bốn năm qua.

Chúng tôi quay lại quán rượu. Cuộc vui đã tàn. Valentin cởi áo và biểu diễn vài động tác trông cây chuối. Các cô gái vỗ tay nhưng Valentin không vui. Anh buồn rầu nói với Kosole: "Tớ đã có thời là nghệ sĩ nhào lộn hay

phét đầy Ferdinand. Nhưng nay thì đến gánh xiếc rong ở hội chợ cũng chẳng thèm nhận tở. Xương cốt rã hết rồi. Trò nhào lộn của Valentin giờ chỉ là một tiết mục trong dĩ vãng! Giờ tở bị thấp khớp..."

"Dào ôi, hãy mừng là xương cốt cậu còn lành lặn!" Kosole kêu lên và đấm tay xuống mặt bàn. "Willy, nổi nhạc lên!"

Homeyer hăng hái gõ trống và lục lạc. Không khí sôi động trở lại. Tôi hỏi thăm Jupp xem cô bé thế nào. Anh ta phẩy tay vẻ khinh thường.

"Ôi chà," tôi sừng sốt bảo, "nhanh chán thế!"

Jupp nhăn mặt. "Tở nghĩ cô ả yêu mình, cậu hiểu không? Thế mà sau đó con điếm ấy lại đòi tở tiền mới đau chứ. Đã vậy tở còn phang cả đầu gối vào cái bàn chét tiệt trong vườn, manh đến nỗi tưởng không còn lê được chân."

Ludwig Breyer ngồi ở bàn, im lặng và xanh xao. Lẽ ra phải đi ngủ từ lâu rồi mới phải, nhưng cậu ấy không muốn, vết thương trên cánh tay cậu ấy đang lành dần, bệnh kiết lị cũng đã đỡ đôi phần. Nhưng cậu ấy vẫn đầy ưu tư.

"Ludwig," Tjaden nói giọng lè nhè, "cậu cũng nên ra vườn tí đi... sẽ tốt cho mọi thứ đấy..."

Ludwig lắc đầu, mặt bỗng nhiên tái dại. Tôi ngồi xuống bên cậu ấy.

"Cậu không hề vui vì sắp về nhà sao?" tôi hỏi.

Ludwig đứng dậy bỏ đi. Tôi không hiểu cậu ấy nữa. Lát sau tôi bắt gặp cậu ấy đứng hoàn toàn lẻ loi ngoài vườn. Tôi cũng không hỏi gì nữa.

Chúng tôi im lặng quay vào.

Chúng tôi đụng phải Ledderhose ở cửa. Anh ta đang định chuồn đi cùng ả bé. Jupp cười nhăn nhó: "Thằng cha sẽ được phen mừng hựt!"

"Có cô ả mừng hựt ấy," Willy nói, "để cậu tưởng Arthur sẽ chịu nhả ra dù chỉ một xu chắc?"

Rượu vang lênh láng trên bàn, đèn tỏa khói khét mù, váy áo các cô gái tung bay. Một sự mỏi mệt ảm áp khiến đầu óc tôi chũnh choáng, mọi thứ trở nên mờ ảo, giống như pháo sáng trong sương mù; tôi từ từ gục đầu xuống bàn... Đêm như con tàu tốc hành, lướt nhẹ và tuyệt vời êm ái về quê hương: chúng tôi sắp về đến nhà.

III.

Lần cuối cùng chúng tôi xếp hàng trong sân doanh trại. Một phần trong đại đội chúng tôi quê ở gần đây và được về ngay. Những người còn lại phải tự lo đi tiếp. Đường xe lửa chỗ đến chỗ không nên cả bọn không thể cùng nhau lên tàu. Đã đến lúc phải chia tay.

Cái sân rộng xám xịt quá lớn đối với chúng tôi. Làn gió uể oải thàng mùi một bốc mùi chia ly và chết chóc quét ngang qua sân. Chúng tôi đứng lợt thòm giữa nhà ăn và trạm gác, lính còn nhiều nhận gì đâu mà cần nhiều chỗ. Mặt sân rộng và trống trơn quanh chúng tôi làm thức dậy những ký ức không gì xoa dịu nổi. Đó là những hàng dài vô hình của đội quân chết.

Heel đi dọc theo đại đội. Một đoàn bóng ma các sĩ quan tiền nhiệm của Heel lặng lẽ bám theo ông ta. Ngay sau lưng Heel là Bertinck máu vẫn tuôn ra từ cổ, với cái cằm vỡ nát và đôi mắt u sầu, đã từng chỉ huy đại đội một năm rưỡi, vốn là giáo viên, có vợ và bốn con; bên cạnh ông ấy là gương mặt xanh đen của Möller, mười chín tuổi, bị trúng hơi ngạt chỉ ba ngày sau khi tiếp nhận chỉ huy đại đội; tiếp đến là Redecker, thợ rừng, hai tuần sau đó bị một quả đạn pháo nổ trúng vùi vào lòng đất; và kia, mờ ảo hơn, xa xăm hơn là Büttner, đại úy, đã ngã xuống khi đang tấn công vì một viên đạn súng máy xuyên tim; và sau nữa là những người khác như những cái bóng, gần như không ai còn nhớ tên, quá xa xôi... bảy chỉ huy đại đội trong vòng hai năm. Và hơn năm trăm binh sĩ. Mà giờ đây đang đứng trên sân doanh trại chỉ còn ba mươi hai người.

Heel cố gắng nói vài lời chia tay. Nhưng ông ta bất lực, đành thôi.

Không lời nào trên thế gian có thể đứng vững trước cái sân lính đơn côi, hoang vắng, nơi lèo tèo dăm hàng quân sống sót đứng câm lặng và run

rầy trong những tấm áo khoác sờn và những đôi ủng mòn vẹt mà tưởng nhớ đến những người đồng đội của mình.

Heel lần lượt đi tới bắt tay từng người một. Khi đến chỗ Max Weil, ông ta mím môi nói: "Giờ đã đến thời của cậu đó Weil..."

"Nó sẽ ít đẫm máu hơn," Max điềm tĩnh trả lời.

"Và ít anh hùng hơn," Heel đáp lại.

"Đó không phải là điều tối hậu trong cuộc sống," Weil nói.

"Nhưng là điều tốt nhất," Heel trả lời. "Còn có gì tốt hơn thế nữa?"

Weil chân chừ một thoáng. Sau đó, anh ta nói: "Có thứ mà hôm nay có vẻ khó nghe, thưa ngài thượng úy: lòng nhân hậu và tình yêu. Đó cũng là một thứ chủ nghĩa anh hùng."

"Không," Heel đáp nhanh, vàng trán sầm lại, như thể ông đã ngẫm nghĩ nhiều về điều đó. "Không, chỉ có tử vì đạo thôi, đó là thứ hoàn toàn khác. Chủ nghĩa anh hùng bắt đầu ở nơi mà lý trí không còn, nơi mà người ta coi thường mạng sống. Chủ nghĩa anh hùng đi cùng với sự vô nghĩa, men say và sự liều lĩnh, nói để cậu biết. Nhưng nó lại có ít điểm chung với mục đích. Mục đích, đó là thế giới của cậu. Tại sao, để làm gì, cho ai —

những kẻ đặt những câu hỏi đó chẳng hiểu quái gì về chủ nghĩa anh hùng cả."

Ông ta nói rất hăng, như muốn thuyết phục chính mình.

Gương mặt hốc hác cau có. Trong vài ngày mà ông ta trở nên hận đời, già sọm đi cả chục tuổi. Nhưng Weil cũng thay đổi nhanh chóng như vậy. Trước đây anh ta luôn là con người lặng lẽ chẳng ai thực sự hiểu nổi.

Giờ anh ta bỗng bước ra khỏi cái bóng của mình và ngày càng trở nên cương quyết hơn. Ai mà đoán được anh ta có thể đối đáp như thế. Heel càng kích động bao nhiêu, Max càng bình tĩnh bấy nhiêu. Anh ta nói nhỏ nhẹ nhưng cứng rắn: "Vì chủ nghĩa anh hùng của số ít người thì sự thống

khô của hàng triệu người là cái giá quá đắt."

Heel nhún vai. "Quá đắt... mục đích... trả giá... Lời lẽ của cậu thế đấy.

Để rồi xem cậu sẽ tiến xa đến đâu với lời suy nghĩ đó."

Weil nhìn vào cái áo lính Heel vẫn đang mặc trên người. "Vậy ông đã tiến xa đến đâu với suy nghĩ của ông?"

Heel đỏ mặt. "Đến một ký ức," ông ta vặc lại thô bạo, "ít nhất đến một ký ức về những thứ không thể mua được bằng tiền."

Weil im lặng hồi lâu. "Đón một ký ức," đoạn anh nhắc lại, rồi đưa mắt nhìn cái sân lính trống trơn và hàng quân lèo tèo vài móng của chúng tôi, "phải... đến một trách nhiệm khủng khiếp..."

Chúng tôi chẳng hiểu gì nhiều toàn bộ cuộc đấu khẩu này. Chúng tôi đang rét run và cho rằng nói nhiều chả đi đến đâu. Vì nói suông đâu có thay đổi được thế giới.

Các hàng lính tản ra. Bắt đầu những lời từ biệt. Anh chàng Müller đứng bên tôi xốc lại ba lô trên vai, kẹp túi thực phẩm vào nách và chia tay cho tôi: "Nào, khỏe nhé, Ernst..."

"Khỏe nhé, Felix..."

Cậu ta tiếp tục đi đến từ biệt Willy, Albert, Kosole... Gerhard Bohl-quản ca của đại đội - tiến lại gần. Khi diễu hành, giọng nam cao của anh luôn vút lên mỗi lúc bài hát đến đoạn cao trào. Ở những đoạn khác, anh ngừng lại dưỡng hơi để sau đó đủ sức ngân thật vang những nốt cao.

Gương mặt rám nắng có cái mụn cóc của anh lộ vẻ xúc động; anh vừa chia tay với Karl Bröger, kẻ đã cùng anh chơi biết cơ man là ván bài. Chia tay thật chẳng dễ dàng gì.

"Tam biệt, Ernst."

"Tạm biệt, Gerhard." Anh bước đi.

Weddekamp bắt tay tôi. Ông chuyên làm các cây thánh giá bằng gỗ cho

những người anh em tử trận.

"Tệ quá, Ernst," ông nói, "tiếc là tôi không còn có dịp làm cho cậu một cây thập tự. Lẽ ra cậu thậm chí còn được hẳn một chiếc làm từ gỗ gụ cơ đấy. Tôi đã để dành hẳn một cái nắp đàn dương cầm rõ đẹp cho việc ấy."

"Cái gì chưa xảy ra vẫn có thể sẽ xảy ra," tôi đáp. "Khi nào tới lúc, tôi sẽ gửi cho ông một tấm bưu thiếp."

Ông cười. "Nhớ đồng tai lên mà giữ mình nhé, cậu bé, cuộc chiến vẫn chưa kết thúc đâu."

Rồi ông tập tễnh bước đi với đôi vai vẹo vọ.

Nhóm đầu tiên đã biến mất sau cánh cổng doanh trại. Scheffler, Fassbender, Lucke "con" và August Beckmann có trong số đó. Những người khác theo sau. Chúng tôi trở nên bất an. Thật khó quen với ý nghĩ là họ bỏ đi mãi mãi. Trước đây chỉ có ba lý do khiến người ta phải rời đại đội: tử trận, trúng thương hoặc bị điều sang đơn vị khác. Nay thêm một lý do nữa: hòa bình.

Kể cũng kỳ lạ: chúng tôi quen với các hô đạn pháo và chiến hào tới mức bỗng trở nên nghi ngờ sự tĩnh lặng của các vùng quê mà giờ đây mình đang đi đến, như thể sự tĩnh lặng này chỉ là một cái cớ lôi kéo chúng tôi vào vùng đất đã bị lén cài mìn... Và lúc này đây, những anh em đồng đội của chúng tôi đang bước tới, khinh suất, một mình, không súng, không lựu đạn. Thật muốn chạy theo họ, muốn kéo họ lại, muốn hét lên: "Các cậu định đi đâu, định làm gì một mình nơi ấy, các cậu phải đi cùng bọn tớ, bọn mình phải ở bên nhau, làm sao bọn mình có thể sống khác được đây."

Trong đầu tôi như có cái cối xay đang quay: chúng tôi làm lính đã quá lâu.

Cơn gió tháng mười một rít trên sân doanh trại trông trơn. Đồng đội lần lượt rời đi. Chỉ lát nữa, mỗi thẳng sẽ lại chỉ có một mình.

Số còn lại của đại đội chung một con đường về nhà. Chúng tôi châu chực ở ga xe lửa hòng bắt một chuyến tàu nào đó. Nhà ga là một trại lính chất đầy hòm xiềng, túi xách, ba lô và những tấm lều bạt.

Trong bảy tiếng đồng hồ chỉ có hai đoàn tàu đi qua. Người đeo bám bên các cửa toa tàu như những chùm nho. Buổi chiều chúng tôi đã chiếm được một chỗ gần đường ray. Đến tối, chúng tôi đã lên hàng đầu, ở vị trí tốt nhất. Chúng tôi ngủ đứng.

Chuyến tàu đầu tiên đến vào trưa hôm sau, một đoàn tàu hàng chở những con ngựa mù từ mặt trận trở về. Những tròng mắt lác xẹo của chúng vẫn đầy tia máu xanh và đỏ ngầu. Bầy ngựa đứng bất động, vươn cổ thò đầu ra phía trước, chỉ những lỗ mũi đang hít hít cho thấy chúng còn sống.

Buổi chiều có thông báo hôm nay sẽ không còn đoàn tàu nào chạy qua. Chẳng ai rời chỗ. Lính tráng không thèm tin các thông báo. Và quả nhiên thêm một đoàn tàu nữa xuất hiện. Thoạt nhìn biết ngay đúng là dành cho chúng tôi - đoàn tàu giới lăm chỉ mới đầy một nửa.

Nhà ga ồn ã bởi tiếng thu gom hành lý, tiếng đám lính ào ra như vỡ chợ từ các phòng đợi, chen lấn vào đám đông đang đợi trên sân ga, tạo thành một mớ hỗn độn, bát nháo.

Con tàu từ từ trườn qua. Một cửa sổ đang mở. Chúng tôi quăng Albert Troßke, người nhẹ nhất trong cả bọn lên, và cậu ấy trèo vội vào trong toa như một con khỉ. Nháy mắt sau các cửa lên tàu đã đầy người đu bám. Hầu hết các cửa sổ tàu đều đóng. Rồi kính cửa vỡ loảng xoảng dưới những cú nện bằng báng súng của những kẻ quyết lên tàu bằng mọi giá, cho dù tay chân có bị cào rách. Những tấm chắn được ném phủ trên các mảnh kính vỡ, và đây đó dòng người bắt đầu tràn lên tàu.

Tàu dừng hẳn. Albert chạy dọc hành lang toa xe, kéo kính cửa sổ ngay trước chúng tôi xuống. Tjaden và con chó phi lên đầu tiên, tiếp theo là

Bethke và Kosole với sự giúp đỡ của Willy. Cả ba lập tức lao đến các cửa thông hành lang nhằm chặn không cho ai vào khoang từ cả hai phía. Đồ đạc của chúng tôi bay vào cùng lúc với Ludwig và Ledderhose, sau đó Valentin bò vào, rồi đến tôi và Karl Bröger; Willy nhảy vào cuối cùng, sau khi đã làm việc tích cực bằng khuỷu tay và nắm đấm.

"Vào đủ chưa?" Kosole hét to từ ngoài hành lang, nơi đám đông đang điên cuồng xô đẩy.

"Đủ rồi!" Willy gào lại.

Bethke, Kosole và Tjaden lao như tên bắn về chỗ của mình, và dòng người ào ạt tràn vào các toa xe, leo lên các ngăn xếp hành lý, lấp kín từng xen ti mét.

Đầu tàu bị tấn công. Trên những bộ đệm nôi toa kín người ngồi. Các nóc toa cũng không còn chỗ trống.

Lái tàu hét: "Xuống ngay! Các người muốn bay sọt hả!"

"Câm đi! Bọn này khắc biết cẩn thận!" có tiếng quát lại.

Trong buồng vệ sinh chen chúc năm người. Một anh lính ngồi trên bậu cửa sổ, thò hẳn mông ra ngoài.

Con tàu bắt đầu chuyển bánh. Vài kẻ xấu số không bám chắc bị rơi xuống. Hai người bị tàu cán và lôi đi. Lập tức những người khác nhảy lên thế chỗ. Các bậc thang lên tàu kín người.

Người ta tiếp tục xô đẩy cả khi tàu đã chạy. Một người bám chặt vào cánh cửa. Cánh cửa bật mở và anh ta treo lơ lửng bên ngoài, cạnh cửa sổ.

Willy thò người ra, chộp cổ áo kéo anh ta vào trong.

Đêm đến, toa chúng tôi chịu những tổn thất đầu tiên. Đoàn tàu chạy xuyên qua một đường hầm trần thấp. Vài người ngồi trên nóc toa bị va đập tan thân và hất văng xuống đất. Những người khác hẳn trông thấy thảm cảnh, nhưng từ trên nóc không có cách nào bảo dừng tàu. Anh lính ngồi

trên bậu cửa sổ buồng vệ sinh cũng ngủ thiếp đi và ngã lộn ra ngoài.

Những toa xe khác cũng có thương vong. Vì vậy nóc tàu được gia cố và che chắn bởi các khúc gỗ, dây thừng và lưỡi lê chằng buộc vào nhau.

Ngoài ra còn cắt cử người canh chừng để cảnh báo các mối nguy hiểm.

Chúng tôi ngủ gà gật, ngủ trong mọi tư thế đứng, nằm, ngồi, ngồi xổm, gập mình gục trên ba lô và các thùng đồ. Con tàu xình xịch lắc lư.

Nhà cửa, cây cối, vườn tược, người bên đường vẫy chào, những cuộc diễu hành, những lá cờ đỏ, những người gác ga, tiếng la hét, những số báo đặc biệt, cuộc cách mạng... Mặc, chúng tôi cứ ngủ cái đã, mọi thứ khác để sau.

Mãi đến lúc này người lính mới nhận thấy mình đã quá ư mệt mỏi sau bấy nhiêu năm tháng.

Trời tối dần. Một ngọn đèn leo lét cháy. Đoàn tàu chạy chậm chạp, cứ chốc chốc lại dừng vì máy móc trục trặc.

Đám ba lô đung đưa. Những cái tẩu nhỏ khói. Con chó bình yên ngủ trên đầu gối tôi. Adolf Bethke ngồi xích lại gần tôi và vuốt ve bộ lông của nó. "Thế đấy, Ernst, tội mình cũng sắp mỗi tháng một nẻo rồi," Bethke nói sau hồi lâu im lặng.

Tôi gật đầu. Thật kỳ lạ, nhưng tôi không thể tiếp tục hình dung cuộc sống không có Adolf, không có đôi mắt cảnh giác và giọng nói điềm đạm của anh. Anh đã dạy dỗ tôi và Albert từ ngày hai thằng còn là những chú lính mới lơ ngơ không chút kinh nghiệm bước chân ra mặt trận, và tôi không nghĩ mình còn có thể sống sót nếu không có anh.

"Adolf, anh em mình nhất định phải gặp lại nhau, thường xuyên," tôi nói.

Một gót ủng phang trúng mặt tôi. Tjaden ngồi trên giá để hành lý ngay trên đầu chúng tôi và đang sốt sắng đếm tiền - cậu ta định đi thẳng từ ga

đến một nhà chứa. Để tạo cảm hứng cho mình, cậu ta đang chia sẻ kinh nghiệm tình trường với vài anh lính. Không ai cho cậu chuyện là nhơ nhớp - chẳng một lời nào về chiến tranh, vì thế họ sẵn sàng nghe.

Một lính công binh, bị mất hai ngón tay, tự hào kể rằng vợ anh đã sinh non một bé bảy tháng, thế mà đưa bé vẫn nặng ba ký lô hẵn hoi.

Ledderhose cười chế nhạo — làm gì có chuyện đó được. Anh lính không hiểu ý. Anh bấm đầu ngón tay tính số tháng từ ngày anh về phép đến ngày đưa trẻ ra đời.

"Bảy," anh nói, "không thể nhầm được."

Ledderhose cười khùng khục, bộ mặt chanh héo nhăn lại vẻ đầy mỉa mai: "Hẳn có thằng khác đã lo hộ cậu rồi."

Anh lính công binh trôn trối nhìn Ledderhose. "Anh nói gì?" anh lắp bắp hỏi.

"Thì thế, quá rõ ràng," Arthur nói bằng giọng mũi và vươn vai.

Anh lính công binh túa mồ hôi. Anh cứ đếm đi đếm lại. Môi anh run rẩy. Một lái tàu to béo rậm râu cười gập cả người bên cửa sổ. "Giời ạ, đồ con bò, cậu đúng là ngu như bò."

Bethke đứng dậy. "Câm mồm đi thằng béo!"

"Tại sao?" gã rậm râu hỏi.

"Tại vì mày phải câm mồm lại!" Bethke nói, "Cả cậu nữa, Arthur."

Anh lính công binh tái mặt. "Tôi biết làm sao bây giờ?" anh bất lực hỏi, tay bấu chặt vào khung cửa sổ.

"Tốt nhất là hãy chỉ cưới vợ khi đã sinh con đẻ cái. Như thế sẽ không thể xảy ra chuyện tương tự," Jupp trầm ngâm nói.

Buổi tối lướt nhẹ bên ngoài cửa sổ tàu. Những khu rừng như những con bò sẫm màu nơi chân trời, những cánh đồng lung linh mờ ảo trong ánh sáng nhợt nhạt hắt ra từ cửa sổ đoàn tàu. Bỗng chốc chỉ còn hai giờ nữa là về

đến nhà. Bethke đứng dậy, sửa soạn lại ba lô của mình. Anh sống tại một ngôi làng nằm trước thành phố vài ga xép, nên anh sẽ xuống tàu sớm hơn.

Tàu dừng. Adolf bắt tay chúng tôi. Anh vấp chân khi bước xuống sân ga nhỏ, anh đảo mắt nhìn quanh với ánh mắt mà chỉ trong tích tắc đã thu nhận toàn bộ quang cảnh bốn bề, như cánh đồng khô hạn hút nước mưa.

Đoạn anh lại quay về phía chúng tôi, nhưng anh chẳng còn nghe thấy gì.

Ludwig Breyer mò ra đứng bên cửa sổ, dù vẫn đang chịu những cơn đau bụng.

"Về nhà mau đi, Adolf," cậu ta nói, "vợ anh đang đợi đây..."

Bethke ngẩng nhìn chúng tôi và lắc đầu. "Đi đâu mà vội, Ludwig."

Trông anh cũng rõ có một lực hút cực mạnh đang kéo anh quay gót và bước đi, nhưng Adolf luôn là Adolf - anh vẫn đứng lại bên chúng tôi cho đến giây phút cuối cùng. Tuy nhiên, ngay khi con tàu vừa chuyển bánh, anh vội vã quay gót và sải bước rời sân ga.

"Tụi em sẽ sớm đến thăm anh," tôi vội gọi với theo Adolf.

Chúng tôi nhìn anh đi qua những thửa ruộng. Anh còn vẫy tay hồi lâu. Khói phả ra từ đầu máy trôi ngang cửa sổ. Xa xa lập lòe vài đốm sáng đỏ.

Con tàu lượn một vòng cung lớn. Bây giờ Adolf chỉ còn là một cái chấm rất nhỏ, một con người bé xíu, lơ lửng trên bình nguyên tối thăm thẳm, úp trên đó là bầu trời đêm mênh mông, sáng lên trước cơn đông tố, nhuộm màu vàng lưu huỳnh khi hòa vào đường chân trời. Tôi không biết tại sao, cối này chẳng hề liên quan đến Adolf, nhưng tôi cảm thấy bất an trước cảnh một con người lẻ loi lang thang dưới bầu trời rộng lớn, đi qua bình nguyên bao la trải dài theo những cánh đồng trong bóng đêm và hoàn toàn đơn độc.

Rồi cây cối ở đâu kéo đến với những sắc màu tối thẫm hơn và chẳng

mấy chóc không còn thấy gì ngoài tàu chạy, bầu trời và những cánh rừng.

Trong khoang trở nên ồn ào. Trong này thấy toàn là góc, là cạnh, là mùi, là hơi ẩm, không gian và giới hạn; trong này là những gương mặt r ám nắng, dải dầu sương gió với những đốm sáng lấp lánh của đôi mắt, trong này hôi nồng mùi của đất, mùi máu, mùi mồ hôi và mùi quần áo lính -

nhưng ngoài kia, trong nhịp chuyển động nặng nề của đoàn tàu, một thế giới đang trôi đi vô định, lùi lại phía sau, lùi mỗi lúc một xa, thế giới của những chiến hào và những hố bom, thế giới của tấm tối và kinh hoàng, thế giới ấy giờ chỉ còn là một cơn lốc ngoài cửa sổ kia, không còn chạm được đến chúng tôi. Ai đó cất tiếng hát. Vài người khác hòa theo. Chẳng mấy chóc tất cả đều hát, khoang bên này, thêm khoang bên kia, rồi cả toa, rồi cả đoàn tàu hát. Chúng tôi hát càng lúc càng to hơn, càng mạnh mẽ hơn, hát đến đỏ cả trán, gân cả cổ, chúng tôi hát tất cả các ca khúc của lính mà chúng tôi biết, cả bọn vừa hát vừa đứng lên nhìn vào mặt nhau, mắt sáng ngời, tiếng bánh tàu lăn rầm rầm đánh nhịp, chúng tôi hát và hát...

Tôi đứng chen giữa Ludwig và Kosole, cảm nhận hơi ẩm của họ xuyên qua áo khoác của mình. Tôi cử động hai tay, quay quay đầu, các bắp thịt căng lên, một cơn run rẩy bỗng từ đầu gối lan lên đến bụng, trong xương cốt tôi rùng rùng như nước chanh ga sủi bọt, trào lên phổi, lên môi, lên mắt, đến nỗi khoang tàu bong bench như trong sương mù, tôi run rẩy toàn thân như cây ăng ten điện tín trong cơn bão, hàng ngàn sợi dây reo vang, hàng ngàn con đường mở ra... Tôi chậm chạp đặt bàn tay mình lên bàn tay Ludwig và tưởng rằng sẽ làm bỏng tay cậu ấy... Nhưng khi Ludwig nhìn lên, mặt mũi và xanh xao như cậu ấy vốn thế, tôi không thể nói ra những gì đang xảy ra trong tôi, mà chỉ có thể nặng nhọc, ấp úng hỏi:

"Cậu có điều thuốc nào không, Ludwig?"

Cậu ta đưa cho tôi điều thuốc. Con tàu vẫn lao đi, và chúng tôi tiếp tục

hát. Nhưng rồi, có tiếng gì ì ầm, trầm đục hơn tiếng bánh tàu lăn, xen vào các bài hát của chúng tôi, và trong một quãng nghỉ lấy hơi bỗng rộ lên những tiếng nổ đinh tai và rền vang lan dài trên khắp bình nguyên. Những đám mây đã tụ lại, và cơn dông đang ập xuống. Các tia chớp lóe lên như ngọn lửa đầu nòng pháo. Kosole đứng bên cửa sổ lắc đầu.

"Giờ ạ, lại nè lúc này mà dông với gió," anh lau bầu và thò hẳn người ra ngoài cửa sổ. Đột nhiên, anh cuống quýt gọi: "Nhanh lên! Nhanh!

Thấy kia rồi!"

Chúng tôi chen nhau xô đến. Trong ánh chớp hiện rõ phía xa xa những tháp nhọn mảnh mai của thành phố đang vươn thẳng lên trời. Mỗi khi tiếng sấm rền vang, bóng đêm lại phủ kín chúng, nhưng mỗi lần chớp sáng, chúng lại tiến đến gần hơn.

Mắt chúng tôi sáng rỡ vì phấn khích. Sự mong đợi giống như một cái cây không lồ bất ngờ vươn mình lớn dậy giữa chúng tôi, trên đầu chúng tôi và trong chúng tôi.

Kosole thu dọn đồ đạc của mình. "Khỉ thật, một năm nữa tụi mình sẽ ngồi ở đâu được nhỉ?" anh nhún vai, dang hai cánh tay tự hỏi.

"Trên mông đấy!" Jupp kích động tuyên bố. Nhưng chẳng ai cười.

Thành phố đã nhảy bỏ đến bên chúng tôi, kéo chúng tôi lại với mình.

Thành phố nằm đó, thờ dòn trong ánh sang man dại của những tia chớp.

Nó dang rộng vòng tay mà tiến lại, và chúng tôi lao vào nó trên đoàn tàu chở lính, đoàn tàu hồi hương từ chốn hư không, đoàn tàu của nỗi mong chờ lớn lao, gần nữa, gần hơn nữa, chúng tôi phóng như điên, các bức tường vùn vụt lao về phía chúng tôi, như sắp đâm sầm vào chúng tôi, những tia chớp bay vùn vụt, sấm rền vang... rồi nhà ga như bọt sủi trào lên ở hai bên toa tàu với tiếng ồn ào, tiếng gọi nhau í ới, một cơn mưa rất to ập xuống, sân ga loang loáng nước, và chúng tôi chẳng nghĩ ngợi gì nhảy đại vào

cái mớ bông bong đó.

Con chó cùng tôi nhảy xuống từ cửa toa. Nó nép sát vào tôi, cả hai cùng xuyên màn mưa chạy xuống các bậc thang.

CHƯƠNG HAI.

I.

Giống như nước trong xô hắt xuống vỉa hè, chúng tôi tủa ra khỏi nhà ga tỏa về mọi phía. Với những bước tiến công hồi hả, Kosole cùng Bröger và Troßke xuôi xuống phố Heinrich. Vội G vả không kém, tôi với Ludwig rẽ sang Đại lộ Ga tàu.

Ledderhose chẳng chia tay ai đã lao đi như tên bắn với đồng đồ tạp nham của mình. Tjaden còn nhờ Willy chỉ nhanh con đường gần nhất đến nhà chứa, có mỗi Jupp và Valentin là đứng đĩnh. Chẳng có ai chờ đợi họ và vì vậy tạm thời họ cứ thông thả tản bộ đến phòng chờ để kiếm cái gì ăn đã. Sau đó họ định đến doanh trại.

Nước rỏ xuống từ các vòm cây trên Đại lộ Ga tàu; những đám mây sà xuống thấp và trôi nhanh. Mấy cậu lính tuổi quân còn non choẹt đi về phía chúng tôi. Họ đeo băng đỏ trên cánh tay.

"Tháo cầu vai xuống!" một cậu hét lên và nhảy tới Ludwig.

"Câm đi, thằng nhãi tân binh," tôi nói và đẩy nó sang một bên.

Những đứa khác sấn đến vây quanh chúng tôi. Ludwig thản nhiên nhìn thẳng đứng đầu và tiếp tục bước. Thằng này rụt lại tránh đường.

Nhưng rồi bỗng có hai lính thủy xuất hiện và xông vào Ludwig.

"Lũ lợn, chúng mày không thấy anh ấy bị thương hả?" tôi hét lên và ném ba lô xuống để rảnh tay hành động. Nhưng Ludwig đã nằm xụi lơ trên mặt đất, cánh tay bị thương lam cho cậu ấy gần như mất khả năng tự vệ. Hai thằng lính thủy giằng xé bộ quân phục của Ludwig và đá túi bụi vào người cậu ấy.

"Một gã trung úy!" giọng một mục đàn bà hét lên the thé, "Đánh chết nó

đi, đồ chó săn!"

Chưa kịp giúp bạn, tôi đã bị xoi một cú đánh vào mặt khiến tôi lảo đảo.

"Đồ quỷ Satan!" tôi thờ hồn hên và đá một cú mạnh hết sức vào bụng kẻ tấn công mình. Thằng đó rống lên và đổ gục xuống. Ngay lập tức ba thằng khác lao vào tôi. Con chó chồm lên cò một trong số chúng. Nhưng những gã còn lại vẫn quăng được tôi xuống.

"Tắt đèn đi... Lấy dao ra..." mụ đàn bà hét.

Giữa những cẳng chân đang tới tấp đập xuống, tôi thấy Ludwig đưa bàn tay trái còn tự do bóp cò một lính thủy, kẻ mà cậu ấy vừa quật ngã bằng một cú đập từ bên dưới vào khoeo chân. Cậu ấy không buông tay, dù đang bị những kẻ khác tấn công dữ dội từ mọi phía.

Rồi một gã nào đó quật khóa dây thắt lưng vào đầu tôi, gã khác đập giữa hàm răng tôi. Liên lúc đó Sói ngoạm vào đầu gối gã ta, nhưng chúng tôi vẫn không chồm dậy được, bọn chúng liên tục quật chúng tôi ngã xuống và muốn nghiền bẹp chúng tôi thành bột. Trong cơn tức giận tôi cố với tay lấy khẩu súng ngắn của mình. Nhưng đúng vào khoảnh khắc đó, một cú trời giáng khiến một trong những kẻ tấn công tôi bật ngã ngửa trên vỉa hè ngay cạnh tôi. Cú thứ hai... gã thứ hai bất tỉnh... liên sau đó là cú thứ ba... đây chắc chắn chỉ có thể là Willy ra tay.

Cậu ta đã phi nước đại xông tới, ba lô đã quăng đi trên đường, và giò đây đang tung hoành bên trên chúng tôi. Cậu ta vung tay thộp cò hai gã một lúc và đập đầu chúng vào nhau. Bọn này lập tức bất tỉnh, vì khi Willy đã nổi điên thì cậu ta là một búa máy sống. Chúng tôi được giải thoát, và tôi chồm dậy, nhưng những kẻ khác đã chạy tháo thân. Tôi còn kịp ném ba lô của tôi trúng lưng một gã, rồi quay sang săn sóc Ludwig.

Willy đuổi theo. Ban nãy cậu ta đã trông thấy hai thằng lính thủy tấn công Ludwig. Giờ thì một thằng đã nằm thâm tím và rên rỉ dưới rãnh nước

bên đường, bên trên gã là con chó đang gầm gừ; Willy đang phi theo thẳng thứ hai, tóc cậu ta bay phàn phật như một cơn lốc màu đỏ.

Băng trên tay Ludwig đã bị đập rách tan. Máu tràn ra ướt đầm băng.

Mặt cậu ấy lấm lem, trán bị thương vì một cú đá. Cậu ấy phui sạch người và từ từ đứng dậy.

"Cậu bị dính đòn nhiều lắm phải không?" tôi hỏi. Mặt tái nhợt như xác chết, cậu ấy lắc đầu.

Trong khi đó, Willy đã tóm được thẳng lính thủy và kéo lê gã ta như kéo cái bao tải. "Lũ lợn thôi tha," cậu ta nghiêng răng, "suốt thời chiến tranh chúng mày chỉ ngồi phơi nắng trên tàu thủy, một tiếng súng cũng không nghe thấy; vậy mà giờ còn dám nhe nanh tấn công cựu binh chiến trường nữa chứ... thì đây tao muốn giúp chúng mày! Quỳ xuống, đồ chuột chui rúc hậu phương! Hãy cầu xin cậu ấy tha tội!"

Willy đẩy gã lính đồ sụp xuống trước mặt Ludwig, về phần nô khùng khiếp của cậu ta trông thật đáng sợ. "Tao sẽ giết mày," cậu ta rít lên, "tao sẽ xé xác mày ra từng mảnh, quỳ xuống!"

Gã kia thút thít.

"Thôi kệ đi, Willy," Ludwig nói và nhặt đồ của mình lên.

"Cái gì?" Willy ngỡ ngàng hỏi. "Cậu điên à? Sau khi chúng đã giẫm đạp lên cánh tay cậu sao?"

Ludwig đã đi tiếp. "Thôi, thả cho nó đi đi..."

Trong một khoảnh khắc Willy ngạc nhiên nhìn Ludwig, hoàn toàn không hiểu; sau đó cậu ta lắc đầu thả gã lính thủy ra.

"Được rồi, dà vậy thì biến đi!" Nhưng cậu ta vẫn không thể kìm được, nhè vào đúng giây phút gã thủy thủ bỏ chạy để đá một cù trời giáng khiến cho gã lợn hai vòng lăn quay ra đất.

Chúng tôi đi tiếp. Willy chửi bới, vì lúc tức giận cậu ta không thể không

nói. Nhưng Ludwig thì lặng im.

Đột nhiên chúng tôi nhìn thấy từ góc phố Bier một đám nhùng kẻ đã bỏ chạy lại đang sấn tới. Chúng đã tìm được thêm đồng bọn. Willy tháo khẩu súng trường của mình xuống khỏi vai. "Lên đạn và cài chốt an toàn,"

cậu ta nói, mắt nheo lại. Ludwig rút súng ngắn ra, còn tôi cũng sẵn sàng nhả đạn từ khẩu súng của mình. Toàn bộ câu chuyện ban nãy chỉ là một vụ ẩu đả, nhưng bây giờ nó đã trở nên nghiêm trọng. Chúng tôi không cho phép mình bị tấn công lần thứ hai.

Chúng tôi tách nhau ra trên đường, người này cách người kia ba bước chân, để tránh trở thành một mục tiêu quá dày đặc, và tiến lên. Con chó lập tức hiểu chuyện gì đang xảy ra. Gầm gừ, nó ẹp mình bò bên cạnh chúng tôi trong rãnh thoát nước, nó đã học được ngoài mặt trận cách trườn lên phía trước dưới sự yểm trợ.

"Cách hai mươi thước, chúng tao sẽ bắn!" Willy thét lên đe dọa.

Đám lính trước mặt chúng tôi nhón nháo. Chúng tôi tiếp tục tiến.

Những họng súng trường chĩa vào chúng tôi. Willy mở khóa an toàn với tiếng lách cách và tháo từ dây thắt lưng một quả lựu đạn, vật bất ly thân mà cậu ta vẫn giữ bên mình. "Tao đếm đến ba..."

Từ đội hình đối phương một người đàn ông trung niên mặc quân phục hạ sĩ quan nhưng không có cầu vai tách ra. Ông ta bước tới trước chúng tôi và kêu lên: "Chúng ta có phải là đồng đội hay không?"

Willy phải hít một hơi thật sâu cái đã, cậu ta choáng vì bất ngờ.

"Mẹ kiếp, chính chúng tôi mới phải hỏi các người câu đó, lũ bê con hèn nhất!" cậu ta phẫn nộ đáp trả. "Ai đã bắt đầu tấn công thương binh trước? Ai hả?"

Người kia kinh ngạc. "Các cậu đã làm thế à?" ông ta quay lại hỏi.

"Anh ta không chịu tháo cầu vai," một kẻ trong đám lính nói.

Người đàn ông phác một cử chỉ tức giận. Rồi ông ta lại quay về phía chúng tôi. "Lẽ ra họ không nên làm thế, hỏi những người anh em. Nhưng có vẻ như các anh không hề biết chuyện gì đang xảy ra. Mà các anh từ đâu đến đây vậy?"

"Từ mặt trận, chứ còn từ đâu nữa?" Willy bực bội khịt mũi.

"Thế các anh định đi đâu?"

"Đến nơi mà các người đã được ở suốt cả cuộc chiến tranh: về nhà!"

"Này người anh em," người đàn ông nâng cao một tay áo rộng không, "tôi đã mất nó không phải ở nhà."

"Thế lại càng tệ hơn," Willy đứng đung tuyên bố, "nếu vậy anh nên thấy xấu hổ vì đã đàn dúm với đám lính dỏm này!"

Người hạ sĩ quan tiến đến gần hơn. "Đây là cuộc cách mạng," ông ta bình tĩnh nói, "và ai không ủng hộ chúng tôi, người đó chống lại chúng tôi!"

Willy cười. "Cuộc cách mạng hay ho gớm, với cái bè lũ chuyên đi giật cầu vai nhà anh! Nếu đó là tất cả những thứ các anh muốn..." cậu ta khinh bỉ nhổ nước bọt.

"Không đâu," người đàn ông cụt tay nói và tiến nhanh đến gần Willy, "chúng tôi muốn nhiều hơn thế! Chấm dứt chiến tranh, chấm dứt sự kích động! Chấm dứt việc giết chóc! Chúng tôi muốn lại làm người chứ không phải là những cỗ máy chiến tranh!"

Willy hạ lựu đạn xuống. "Và đây là sự bắt đầu mới tuyệt vời làm sao," cậu ta nói và chỉ vào đám bảng bị đập tả tơi trên tay Ludwig. Rồi cậu ta nhảy vài bước đã đến chỗ đám lính.

"Khôn hồn thì về nhà đi, lũ nhãi ranh miệng còn hơi sữa!" cậu ta hét vào mặt đám lính đang lùi lại. "Các cậu muốn làm người hả? Các cậu thậm chí còn chưa từng là lính! Nhìn cái cách các cậu cầm súng mà chỉ sợ các

cậu sẽ làm gãy chính tay mình!"

Đám đông giải tán. Willy quay trở lại và đứng thẳng người trước mặt viên hạ sĩ quan. "Anh bạn, giờ tôi muốn nói cho anh biết vài điều! Chúng tôi cũng chán ngấy đến tận cổ cái thứ ghê tởm này y như các anh và sẽ phải một lần chấm dứt nó, điều đó là rõ ràng! Nhưng không phải như thế này!"

Nếu chúng tôi làm điều gì đó, chúng tôi sẽ tự làm, nhưng còn lâu chúng tôi mới cho phép kẻ khác chỉ định mình phải làm gì. Giờ thì anh hãy mở to mắt ra mà nhìn!"

Cậu ta giật hai phát dứt cả hai quân hàm khỏi cậu vai. "Tôi làm thế vì tôi muốn thế, chứ không phải vì các người muốn! Đây là việc riêng của tôi.

Nhưng còn cậu ấy," Willy chỉ qua Ludwig, "cậu ấy là trung úy của chúng tôi, cậu ấy vẫn giữ lại quân hàm, và sẽ khôn nạn cho kẻ nào dám có ý kiến gì."

Người cụt tay gật đầu. Gương mặt của ông ta lộ vẻ xúc động. "Chính tôi cũng từng ở ngoài mặt trận mà, anh bạn!" ông ta thốt lên. "Tôi cũng biết cái đó nghĩa là gì chứ! Đây này..." ông ta chìa mồm tay cụt của mình ra. "Sur đoàn bộ binh Hai mươi, ở Verdun!"

"Chúng tôi cũng từng ở đó," Willy nói ngắn gọn. "Thế thôi nhĩ... Tạm biệt!"

Cậu ta nhắc ba lô của mình và đeo súng lên vai. Chúng tôi đi tiếp.

Nhưng khi Ludwig đi ngang qua, viên hạ sĩ quan đeo băng đỏ bỗng giơ tay chạm vành mũ, và chúng tôi hiểu điều ông ta muốn: ông ta không chào bộ quân phục, không chào cuộc chiến tranh, ông ta chào anh em đồng đội trở về từ mặt trận.

Căn hộ của Willy ở gần nhất. Cậu ta xúc động đưa tay vẫy vẫy ngôi nhà nhỏ.

"Chào, anh bạn già! Giờ đã đến lúc quân dự bị nghỉ ngơi rồi!" Chúng

tôi định dừng lại chào từ biệt. Nhưng Willy gạt đi.

"Chúng ta đưa Ludwig về nhà đã," cậu ta tuyên bố chắc nịch, "tớ sẽ sớm nhận được món salad khoai tây và những lời khuyên răn thôi."

Chúng tôi dừng lại trên đường và chỉnh trang lại cho sạch sẽ, để cha mẹ ở nhà không nhận thấy là chúng tôi vừa ra khỏi một trận ẩu đả. Tôi lau mặt cho Ludwig, rồi chúng tôi tháo băng cho cậu ấy để giấu đi những đoạn băng đẫm máu, bởi vì mẹ cậu ấy sẽ phát hoảng nếu trông thấy chúng.

Đằng nào rồi cậu ấy cũng sẽ phải đến quân y viện để băng lại vết thương.

Chúng tôi bình thản đưa Ludwig về đến nhà. Trông cậu ấy vẫn còn rất phờ phạc. "Cậu đừng thêm bận tâm vụ đó nữa," tôi nói và bắt tay Ludwig. Willy đặt đôi bàn tay hộ pháp lên vai cậu ấy. "Chuyện đó có thể xảy ra với bất cứ ai, anh bạn. Nếu không bị thương, cậu đã cho bọn ấy ra bã rồi."

Ludwig gật đầu chào chúng tôi và đi vào trong. Chúng tôi nhìn theo, xem cậu ấy có lên được cầu thang không. Ludwig lên lưng chừng cầu thang thì Willy bỗng sực nhớ thêm điều gì đó. "Lần sau hãy đá chân ra đòn ngay Ludwig!" Willy gọi với theo giọng khẩn nài. "Đá ngay! Đừng bao giờ để chúng xáp lại gần trong những trường hợp như vậy!" Đoạn cậu ta hài lòng buông cho cánh cửa nhà sập lại.

"Tớ muốn biết mấy tuần gần đây cậu ấy bị làm sao," tôi nói. Willy gãi gãi đầu. "Chắc tại kiệt lực mà ra," cậu ta nói. "Nếu không, Ludwig đã khác!"

Cậu có nhớ cái cách cậu ấy kết liễu chiếc xe tăng ở Bixschoote không? Mà hoàn toàn một mình! Không phải dễ đâu nhé, Scholli thân mến ơi!"

Cậu ta xóc lại ba lô. "Nào, khỏe nhé, Emst... giờ thì tớ muốn xem xem trong nửa năm qua nhà Homeyer sống thế nào. Tớ đoán sẽ mất độ một giờ cảm động rung rung, sau đó là bắt đầu dạy dỗ. Mẹ tớ ấy à... Ôi chao chú em, lẽ ra bà ay phải là thượng sĩ mới đúng! Bà già có một trái tim vàng..."

nhưng bọc trong một cái vỏ bằng đá granit!"

Tôi một mình đi tiếp, và đột nhiên thế giới biến đổi. Trong tai tôi có tiếng rì rầm, như thể có một dòng sông đang cuộn cuộn chảy dưới những viên đá lát đường, rồi tôi dường như không nhìn, không nghe thấy gì nữa cho đến khi đứng trước cửa nhà mình. Tôi chậm rãi đi lên cầu thang. Phía trên cửa treo tấm biển "Nhiệt liệt chào mừng!" và một bó hoa gài bên cạnh.

Mọi người đã trông thấy tôi trở về và tất cả đều ra đón, mẹ tôi đứng trước, rồi đến cha và các em gái của tôi. Phía sau họ có thể nhìn thấy phòng khách với bàn ăn đã bày biện tươm tất, và mọi thứ đều rất long trọng.

"Mọi người bày trò vớ vẩn gì thế," tôi nói, "hoa và toàn bộ những thứ này... để làm gì?... đâu có gì quan trọng đến thế... Mẹ, tại sao mẹ lại khóc?..."

Con đã về đây rồi mà... và chiến tranh đã kết thúc... thế thì việc gì phải khóc..." Nói tới đó tôi mới nhận thấy những giọt nước mắt mặn mặn đang chảy vào chính miệng mình.

II.

Chúng tôi ăn bánh khoai tây với trứng và xúc xích — một bữa ăn tuyệt vời. Gần hai năm đã trôi qua kể từ lần cuối cùng tôi nhìn thấy một quả trứng, chứ đừng nói đến bánh khoai tây.

Giờ đây chúng tôi ngồi no nê và thoải mái quanh cái bàn lớn trong phòng khách, nhâm nhi cà phê hạt sỏi với đường. Ngọn đèn cháy sáng, con chim hoàng yến hót líu lo, thậm chí lò sưởi cũng ấm, và con Sói nằm ngủ dưới gầm bàn. Thật không thể tuyệt hơn.

"Giờ con hãy kể cho cả nhà nghe tất cả những gì con đã trải nghiệm đi Ernst," cha tôi nói.

"Trải nghiệm sao..." tôi nhắc lại và ngẫm nghĩ, "thật ra con hoàn toàn không có trải nghiệm gì. Chiến tranh liên miên mà, có gì để trải nghiệm ở đây ạ?"

Cho dù nghĩ nát óc, tôi cũng chẳng nghĩ ra chuyện gì để kể. Chuyện chiến trường thì không nói với thường dân được rồi, còn ngoài chuyện trận mạc tôi có biết gì khác nữa đâu.

"Mọi người ở nhà đã nếm trải nhiều chuyện hơn con là cái chắc," tôi nói như để xin lỗi.

Mà đúng thế. Các em gái tôi kể chuyện chúng đã kiếm đồ ăn cho bữa tối hôm nay vất vả thế nào. Hai lần chúng bị hiến binh ở các nhà ga tịch thu sạch. Lần thứ ba chúng đã khâu trứng vào lớp lót của áo măng tô, nhét xúc xích vào trong áo, còn khoai tây thì giấu trong chiếc túi treo dưới váy. Thế là chúng thoát.

Tôi nghe chúng có phần lơ đãng. Chúng đã lớn lên, kể từ lúc tôi nhìn thấy chúng lần cuối cùng. Có lẽ hồi đó tôi không để ý lắm, nên bây giờ điều

đó càng đập vào mắt. Ilse hẳn đã hơn mười bảy tuổi. Thời gian trôi mau thật!

"Con biết tin ông cố vẫn chính phủ Pleister chết rồi chứ?" cha tôi hỏi.

Tôi lắc đầu. "Bao giờ thế ạ?"

"Đạo tháng bảy. Khoảng ngày hai mươi gì đó..."

Ấm nước trên bếp lò bắt đầu réo. Tôi nghịch nghịch cái rìa khăn trải bàn. Thế đấy, trong tháng bảy, tôi nghĩ, trong tháng bảy... trong năm ngày cuối tháng bảy chúng tôi đã mất ba mươi sáu người. Vậy mà tôi dường như không còn nhớ nổi tên của ba người trong số họ, quá nhiều người đã chết sau đó nữa.

"Chuyện gì đã xảy ra với ông ấy vậy?" tôi hỏi, hơi buồn ngủ vì sự âm áp không quen trong phòng, "bị dính mảnh pháo hay trúng đạn ạ?"

Kia Ernst," cha tôi ngạc nhiên đáp, "ông ấy đâu phải là lính! Ông ấy bị viêm phổi."

"À vâng," tôi nói và ngồi thẳng lại trên ghế, "cũng có người chết vì thế nữa thật."

Mọi người kể tiếp về tất cả những gì đã xảy ra kể từ lần nghỉ phép cuối cùng của tôi. Ông chủ cửa hàng thịt ở góc phố bị mấy người đàn bà đói ăn đánh cho thừa sống thiếu chết. Có một lần, hồi cuối tháng tám, mỗi gia đình đã được phát cho hẳn nửa cân cá. Con chó của bác sĩ Knott bị bắt trộm, hình như là để nấu làm xà phòng. Cô Mentrup đã sinh một em bé.

Khoai tây lại tăng giá. Tuần sau ở chỗ lò mổ có thể người ta sẽ bán xương.

Tháng trước chị con gái thứ hai của dì Grete đã kết hôn, cưới một đại úy kỵ binh hẳn hoi...

Bên ngoài mưa tí tách gõ vào kính cửa sổ. Tôi so vai. Kỳ lạ khi ta lại được ngồi trong một căn phòng. Kỳ lạ khi ta được ở nhà...

Đang nói, em gái tôi bỗng im bặt. "Anh hoàn toàn chẳng nghe gì cả, Ernst," nó ngạc nhiên bảo.

Đâu có, anh đang nghe mà," tôi khẳng định và vội tập trung vào câu chuyện, "một đại úy kỵ binh, tất nhiên rồi, chị ấy cưới một đại úy kỵ binh."

"Vâng, anh tưởng tượng xem, chị ấy cực may mắn," em gái tôi say sưa kể tiếp, "trong khi khắp mặt chị ấy đầy những nốt tàn nhang! Anh nói sao nào?"

Tôi có thể nói gì? Nếu một đại úy kỵ binh xoi một viên đạn vào đầu, thì ngài cũng hồn lìa khỏi xác như bất kỳ kẻ nào khác.

Người nhà tôi tiếp tục gẫu chuyện, nhưng tôi không sao tập trung được những ý nghĩ của mình. Chúng luôn luôn tản mát.

Tôi đứng dậy và nhìn ra cửa sổ. Vài cái quần lót phơi trên dây, xam xám, đung đưa trĩu trĩu trong bóng hoàng hôn. Cái nhá nhem chập chờn của sương khói nhợt nhạt trước mắt tôi kia cứ chập chới — và bỗng nhiên phía sau nó, xa xa và ma quái, hiện lên một hình ảnh khác — những bộ đồ lót đung đưa, một chiếc kèn harmonica đơn côi giữa trời chiều, một cuộc hành quân trong ánh sáng nhấp nhòa — và rất nhiều xác chết da đen trong những chiếc măng tô xanh lam bạc màu, với những đôi môi rách nát và những cặp mắt ngầu máu: bị trúng hơi ngạt. Hình ảnh đó vô cùng rõ ràng trong một khoảnh khắc, rồi nhòa đi và biến mất. Những chiếc quần lót lại đu đưa trên dây, màn sương khói nhợt nhạt lại vẫn đó, và tôi lại cảm nhận căn phòng phía sau lưng mình, nơi có cha mẹ, hơi ấm và sự chở che. Qua cả rồi, tôi nhẹ nhõm nghĩ và nhanh chóng rời khỏi cửa sổ.

"Sao con cứ nhấp nhộm thế, Ernst?" cha tôi hỏi. "Con chưa ngồi yên nổi lấy mười lăm phút."

"Có lẽ nó quá mệt," mẹ tôi phỏng đoán.

"Không ạ," tôi trả lời có chút bối rối và cũng gắng nghĩ xem tại sao,

"không phải thế đâu ạ. Nhưng con gần như tin rằng mình không còn có thể ngồi lâu trên một chiếc ghế. Ở mặt trận chúng con không có ghế, chúng con lăn lê khắp nơi, bạ đâu ngồi đấy. Đơn giản là con không quen ngồi ghế nữa."

"Kỳ cục nhỉ," cha tôi nói.

Tôi nhún vai. Mẹ tôi mỉm cười. "Con đã vào phòng mình chưa?" bà hỏi.

"Chưa ạ," tôi đáp và đi lên gác. Tim tôi đập mạnh khi tôi mở cửa và hít thấy mùi sách trong bóng tối. Tôi vội vã bật đèn. Rồi tôi nhìn xung quanh.

"Mọi thứ vẫn y nguyên như trước," em gái tôi nói sau lưng.

"Phải, phải rồi," tôi đáp lấy lệ, vì lúc này tôi muốn được ở một mình hơn. Nhưng cả nhà cũng đã kéo nhau lên. Mọi người đứng ở cửa, nhìn tôi khích lệ. Tôi ngồi xuống chiếc ghế bành và đặt hai tay lên mặt bàn. Nó nhẵn nhụi và mát lạnh. Đúng, mọi thứ vẫn như cũ. Thậm chí vẫn còn đây cái chặn giấy bằng đá cẩm thạch màu nâu mà Karl Vogt đã tặng tôi. Nó vẫn nằm nguyên chỗ của mình trước kia, giữa chiếc la bàn và lọ mực.

Nhưng Karl Vogt thì đã ngã xuống ở Kemmel.

"Anh không thích phòng anh nữa à?" em gái tôi hỏi.

"Thích chứ," tôi lưỡng lự đáp, "nhưng sao nó nhỏ quá.."

Cha tôi cười. "Trước nay nó vẫn thế mà."

"Dạ đúng," tôi thừa nhận, "nhưng con cứ ngỡ là nó rộng hơn nhiều..."

"Đã quá lâu rồi con không ở đây, Ernst," mẹ tôi nói.

Tôi gật đầu.

"Đừng để ý cái giường," mẹ tôi tiếp, "mẹ còn chưa kịp thay drap."

Tôi mò mẫm trong túi quần. Adolf Bethke đã tặng tôi một gói xì gà lúc chia tay. Giờ tôi phải hút một điếu. Mọi thứ xung quanh sao mà chóng chênh, khiến tôi như bị chóng mặt. Tôi hít một hơi khói thật sâu vào phổi và cảm thấy đã khá hơn.

“Con hút xì gà sao?” cha tôi ngạc nhiên hỏi, giọng gần như trách móc.

Tôi thắc mắc nhìn ông. "Dĩ nhiên ạ," tôi đáp, "đây là trong khẩu phần của lính ngoài mặt trận; mỗi ngày bọn con được ba bốn điếu. Cha cũng thử một điếu nhé?"

Cha tôi lắc lắc đầu và cầm một điếu xì gà. "Trước kia con hầu như có hút thuốc đầu."

"Vâng, đó là trước kia..." tôi nói và không thể không cười cha tôi, vì ông quá nghiêm trọng hóa vấn đề. Giá như trước kia hẳn tôi đã không cho phép mình cười cha. Nhưng sự kính nể với những người lớn tuổi hơn đã biến mất trong các chiến hào. Nơi đó ai cũng như ai.

Tôi liếc trộm đồng hồ. Mới chỉ ở nhà vài giờ nhưng tôi có cảm giác mấy tuần đã trôi qua kể từ khi chia tay Willy và Ludwig. Điều tôi muốn nhất lúc này là chạy ngay tới chỗ họ, bởi tôi vẫn chưa thể hình dung từ nay tôi sẽ mãi mãi ở lại bên gia đình, và tôi vẫn có cảm giác biết đâu ngày mai, ngày kia, hoặc một ngày nào đó chúng tôi sẽ lại hành quân, vai kề vai, chửi thề, quy phục, nhưng sát cánh bên nhau...

Cuối cùng tôi đứng dậy đi ra hành lang lấy áo khoác.

"Tối nay con không định ở lại với cả nhà à?" mẹ tôi hỏi.

"Con còn phải trình diện ở doanh trại ạ," tôi nói, vì có bọc bạch lý do kia mẹ cũng làm sao hiểu được.

Bà đi với tôi ra cầu thang. "Đợi đã," bà nói, "ở đây tối lắm, để mẹ đi lấy cái đèn..."

Tôi ngạc nhiên dừng lại. Đèn ư? Để đi có vài bậc thang sao? Trời ạ, tôi, cái thằng đã nhiều đêm rờn rã mò mẫm dưới bão hỏa lực để vượt qua bao hố pháo lây lội, bao con đường bị đạn cày nát, mà bây giờ lại cần đèn để soi mấy bậc cầu thang sao?

Ôi, mẹ ơi là mẹ!... Nhưng tôi kiên nhẫn chờ cho tới khi mẹ tôi mang

đèn ra soi đường cho tôi, và tôi cảm giác như được mẹ vuốt ve trong bóng tối.

"Cẩn thận nhé, Ernst, đừng để chuyện gì xảy ra với con ở bên ngoài đây," mẹ tôi dặn với theo.

"Chuyện gì có thể xảy ra với con ở đây, giữa quê nhà và trong hòa bình được chứ, mẹ?" tôi mỉm cười nói và ngược nhìn bà.

Bà cúi người qua lan can. Ánh sáng vàng từ chụp đèn hắt lên gương mặt nhỏ, đầy vết nhăn của bà. Phía sau lưng bà, bóng tối và ánh sáng hư ảo lướt trên hành lang. Và bỗng nhiên có gì đó xao động trong tôi, một cảm xúc kỳ lạ xâm chiếm tôi, gan như một nỗi đau — như thể trên thế gian chẳng có gì khác ngoài gương mặt này, như thể tôi lại là một đứa trẻ cần được soi đèn khi đi trên cầu thang, một cậu bé có thể gặp chuyện không hay ngoài phố, và mọi thứ khác nữa giữa ma quỷ và giấc mơ...

Nhưng ánh đèn bắt đầu rọi đúng khóa thắt lưng của tôi, lóe ánh sáng phản chiếu. Giây phút xao lòng tan biến, tôi không phải là một đứa trẻ, tôi đang khoác trên mình một bộ quân phục. Vội vã, tôi nhảy xuống cầu thang, cứ ba bậc một, và đẩy cánh cửa đi ra, nóng lòng đến chỗ các đồng đội của mình.

Người đầu tiên tôi ghé thăm là Albert Troßke. Mắt mẹ cậu ấy đỏ hoe vì khóc nhiều, nhưng chuyện đó là đương nhiên trong một ngày như hôm nay và không có gì đáng ngại. Nhưng Albert cũng không còn như trước, cậu ấy ngồi bên bàn, ủ rũ như một con chó xù mắc mưa. Ngồi bên cạnh Albert là người anh trai. Đã lâu tôi không gặp anh, chỉ biết rằng anh đã từng nằm trong quân y viện. Anh béo lên, hai má căng đẹp, hồng hào.

"Chào Hans, anh khỏe lại rồi," tôi vui vẻ nói. "Anh thế nào? Ổn chứ?"

Đứng trên hai chân vẫn tốt hơn năm dưỡng thương, hả?"

Anh lâu bầu gì đó không rõ. Bà Trßke nắc lên và đi ra khỏi phòng.

Albert lừ mắt ra hiệu cho tôi. Tôi không hiểu, ngơ ngác ngó quanh. Rồi tôi trông thấy đôi nạng bên cạnh ghế của Hans.

"Vẫn chưa khỏi hẳn sao anh?" tôi hỏi.

"Rồi chứ," anh đáp, "vừa mới xuất viện tuần trước."

Anh với lấy cái nạng, tì vào chúng và đu hai bước đến chỗ bếp lò. Cả hai bàn chân anh không còn. Bên phải có bộ phận bằng sắt làm giá đỡ, bên trái đã được lắp chân giả đi giày.

Tôi xấu hổ vì cách nói năng ngu ngốc của mình. "Em đã không biết chuyện, anh Hans," tôi nói.

Anh gật đầu. Hai bàn chân anh bị đóng băng ở vùng Karpat, sau đó bị hoại tử, và cuối cùng người ta đành cưa bỏ chúng.

"Ôn Chúa, chỉ bị ở bàn chân!" bà Troßke đã mang lại một cái gối và kê nó dưới hai chân giả của anh. "Không sao, Hans, chúng ta sẽ làm được, rồi con sẽ lại tập đi." Bà ngồi xuống bên cạnh con trai và vuốt ve hai bàn tay anh.

"Vâng," tôi nói, cốt cho có chuyện, "ít nhất anh cũng còn lại hai cẳng chân."

"Với tôi thế cũng đủ rồi," anh đáp.

Tôi chìa mời anh một điều thuốc lá. Biết làm gì trong những khoảnh khắc như vậy. Dầu có nói gì, ngay với ý tốt nhất, thì tất cả vẫn cứ là thô bạo. Chúng tôi thậm chí cố nói chuyện, gượng gạo và ngắc ngứ, nhưng hề một trong hai đứa tôi, Albert hoặc tôi, đứng dậy đi qua đi lại, là chúng tôi nhận thấy Hans nhìn theo bàn chân chúng tôi với ánh mắt u ám, đau đớn, và đôi mắt người mẹ cũng dõi theo đúng hướng đó - luôn luôn tìm đến hai bàn chân của chúng tôi... đưa đi đưa lại... Các cậu có đôi bàn chân - tôi thì không...

Có lẽ tạm thời Hans không thể nghĩ đến điều gì khác, và mẹ anh thì chỉ

lo cho anh. Bà không nhận ra Albert đang khổ sở vì điều đó. Chỉ trong vài giờ ở nhà mà cậu ấy đã trở nên hoàn toàn nhút nhát.

"Này cậu, bọn mình còn phải đi trình diện đây," tôi bảo Albert, cốt bày lý do để cậu ấy có thể ra khỏi nhà.

"Ồ phải," cậu ấy vội nói.

Ra ngoài phố, chúng tôi thở phào. Đêm phản chiếu nhẹ nhàng trên những con đường lát đá ướt đẫm. Những ngọn đèn đường bập bùng trong gió. Albert dăm dăm nhìn thẳng phía trước.

"Tớ đâu có thể thay đổi được gì, Ernst," cậu ấy ngập ngừng mở lời, "nhưng khi tớ ngồi giữa họ, khi tớ nhìn anh ấy và mẹ, tớ lại nghĩ là mình có lỗi, và tớ xấu hổ vì mình vẫn còn hai bàn chân. Cảm giác thật khôn nạn vì mình vẫn lành lặn. Giả như ít nhất cánh tay tớ cũng bị trúng đạn, giống như Ludwig, thì có phải sự hiện diện của tớ đã không trêu ngươi như thế rồi không..."

Tôi cố gắng an ủi Albert. Nhưng cậu ấy ngoảnh mặt đi. Nói thế nào cũng không thuyết phục nổi cậu ấy, nhưng ít nhất chính tôi thấy trong lòng nhẹ hơn. Cảm giác đó luôn có khi bạn an ủi ai đó.

Chúng tôi đi đến chỗ Willy. Phòng cậu ta cực kỳ lộn xộn. Cái giường bị dỡ ra gác bên tường, cần phải sửa cho giường dài hơn, vì trong thời gian đi lính Willy đã cao hẳn lên, đến mức không còn nằm vừa giường cũ. Búa, cưa và ván gỗ nằm ngổn ngang. Trên một chiếc ghế lấp loáng một liễn salad khoai tây to đùng. Không thấy Willy trong phòng. Mẹ cậu ấy kể rằng cậu ấy đã sang phòng giặt để tắm rửa cả tiếng nay rồi. Chúng tôi đành đợi.

Bà Homeyer quỳ trước ba lô của Willy và lục lọi trong đó. Bà lắc đầu ngao ngán lôi ra vài cái giẻ bẩn thỉu trước kia đã từng là những đôi tất.

"Thùng hết cả thế này," bà lảm bảm rồi nhìn Albert và tôi, vẻ không tán thành.

"Hàng thời chiến mà bác," tôi nói và nhún vai.

"VẬY sao, hàng thời chiến hả?" bà giận dữ đáp. "Các cậu thì biết cái gì chứ! Tất len loại một đấy! Tôi đã phải chạy đôn chạy đáo tám ngày trời mới kiếm được chúng. Mà giờ chúng đã thành đồ bỏ đi! Thời buổi này đào đâu ra những đôi mới nữa," bà buồn phiền nhìn mớ giẻ rách. "Trong chiến tranh chắc các cậu cũng phải đủ thời gian mỗi tuần thay nhanh lấy đôi tất sạch chứ. Lăn về phép gần đây nhất, nó cầm theo bốn đôi, giờ chỉ mang về có hai đôi. Mà lại còn như thế này!" bà thò ngón tay qua các lỗ tất thủng.

Tôi vừa toan lên tiếng bênh vực Willy thì chính cậu ta đã đắc thắng xông vào nhà, miệng la toáng lên: "Cái này thiên hạ gọi là cực hên đây! Một tình nguyện viên chui vào nồi! Tôi nay sẽ có món thịt gà ngon nhá!"

Tay cậu ta giơ cao một con gà trống béo mẫm như gương một ngón cờ. Những chiếc lông đuôi màu xanh vàng óng ánh, cái mỏ đỏ bậm, vài giọt máu vẫn còn đọng dưới mỏ. Mặc dù vừa ăn no, nước miếng vẫn tứa ra trong miệng tôi.

Willy hoan hỉ vung vẩy con gà trên tay. Bà Homeyer đứng thẳng dậy và kêu thét lên: "Willy! Con lấy nó ở đâu ra?"

Willy hãnh diện kể rằng cậu ta vừa phát hiện con gà ở đằng sau nhà kho, tóm được và cắt tiết luôn, tất cả chỉ trong hai phút, đoạn vỗ về lưng mẹ. "Chúng con đã học được ngoài mặt trận đấy. Willy của mẹ thật không uổng công từng làm phụ bếp!"

Bà mẹ nhìn cậu con trai như thể nó đã nuốt chửng một quả bom. Rồi bà gọi chồng. Bà bắt lực rên lên: "Ông Oskar, ra mà xem con trai ông đã làm gì... Nó đã làm thịt con gà giống của Binding rồi!"

"Sao lại Binding?" Willy thắc mắc.

"Con gà trống là của ông hàng xóm Binding! Ông chủ hiệu bán sữa!

ôi Chúa ơi, sao con lại có thể làm một việc như thế?" bà Homeyer đồ

phịch xuống một chiếc ghế.

"Con không đời nào để tuột khỏi tay một món rán ngon như vậy,"

Willy ngạc nhiên nói, "mẹ rõ điều ấy mà."

Đến nước này thì bà Homeyer không thể yên tâm được nữa. "Sẽ có chuyện om sòm đây! Lão Binding này tính nóng như lửa chứ vừa đâu!"

"Thế mẹ cho con là người thế nào?" Willy hỏi, cảm thấy bị xúc phạm nghiêm trọng. "Mẹ tưởng là con đã để dù chỉ một con chuột trông thấy con sao? Con đâu phải là một thằng tập sự! Đây đã là con gà thứ mười con hôm được rồi đấy. Chú gà trống ăn mừng con số chẵn chục! Chúng ta có thể hoàn toàn yên tâm đánh chén, lão Binding ấy chẳng biết tí gì đâu." Cậu ta dịu dàng lúc lắc con gà. "Hãy ngon miệng tao nhé mày! Chúng ta sẽ đem hầm hay rán nó đây?"

"Mày tưởng mẹ sẽ ăn con gà này dù chỉ một miếng sao?" bà Homeyer điên tiết quát. "Mang trả nó lại ngay!"

"Con còn chưa điên," Willy tuyên bố.

"Con đã ăn cắp nó," bà mẹ tuyệt vọng than.

"Ăn cắp?" Willy phá lên cười. "Lại còn thế nữa! Nó đã được trưng dụng! Kiếm được! Nhặt được!... Ăn cắp sao? Nếu ai đó cuỗm tiên đi, mẹ có thể gọi là ăn cắp, nhưng khi người ta vớ được thứ gì đó để chén thì đâu phải là ăn cắp. Nói như mẹ thì chúng con đã ăn cắp nhiều lần rồi, đúng chứ, Ernst?"

"Đương nhiên," tôi nói, "con gà tự chạy đến với cậu đây chứ, Willy.

Giống con gà của chỉ huy tiểu đoàn hai ở Staden ngày nào ấy. Cậu còn nhớ cậu đã thịt nó và nấu món gà hầm cho cả đại đội không? Một đôi một... một con gà đôi một con ngựa."

Willy cười hãnh diện và đưa tay lên sờ sờ mặt bẹp lò.

"Nguội ngắt," cậu ta thất vọng nói và quay sang mẹ mình. "Nhà mình

không còn than ả?"

Bà Homeyer quá lo sợ không thốt nên lời. Bà chỉ có thể lắc đầu. Willy phẩy tay đầy thiện chí. "Để mai con sẽ kiếm than luôn. Tạm thời chúng ta có thể dùng cái ghô cũ kỹ này, chẳng lẽ nó cũng chẳng còn giá trị gì."

Bà Homeyer một lần nữa choáng váng nhìn con trai. Đoạn bà giật cái ghê từ trong tay thằng con trước tiên, rồi đến con gà, sau đó bà tong tả đi sang nhà ông hàng sữa Binding.

Willy phần nộ thực sự. "Chú gà ra đi và không còn gáy nữa," cậu ta rầu rĩ nói. "Cậu có hiểu chuyện này không, Ernst?"

Dẫu tôi hiểu được chuyện chúng tôi không thể đem cái ghê ra làm củi, cho dù ngoài mặt trận chúng tôi từng đốt nguyên cả một cây đàn dương cầm để nấu như một con ngựa hoang. Tôi có lẽ cũng vẫn hiểu được rằng ở đây, nơi quê nhà, chúng tôi không còn được phép tuân theo sự ngứa ngáy vô thức của đôi tay, dù cho ở ngoài mặt trận, việc kiếm được cái ăn là chuyện may mắn chứ không phải chuyên đạo đức. Nhưng việc một con gà, chẳng lẽ nó cũng đã chết rồi, lại bị mang trả lại cho chủ nhân, mang đến chỗ mà ngay một thằng lính mới tò te cũng thừa biết sẽ chỉ tổ chuốc lấy những rắc rối không đáng có, thì tôi thấy quá ư là ngu ngốc.

"Cứ cái đà này thì bọn mình sẽ chết đói cho mà xem," Willy kích động nói. "Lẽ ra chỉ nửa giờ nữa thôi là bọn mình đã có món thịt gà ngon nhất trần đời. Tớ đã định nấu nước sốt chanh nữa cơ đấy."

Cậu ta đảo mắt qua lại giữa cái bếp lò và cửa ra vào.

"Tốt nhất là bọn mình biến đi," tôi đề nghị. "Ở đây chỉ tổ nặng nề thôi."

Nhưng bà Homeyer đã quay về. "Ông ấy không có nhà," bà nói không kịp thở, và đang xúc động định nói tiếp thì bà nhận thấy Willy đã mặc áo quần tề chỉnh. Điều đó làm bà quên ngay mọi chuyện. "Con định đi rồi sao?"

"Phải đi tuần tra một lúc, mẹ ạ," cậu ta cười nói.

Bà bắt đầu khóc. Willy ngưng nghịu vỗ vai bà. "Con sẽ quay về mà!

Từ nay chúng con sẽ luôn quay về. Quá thường xuyên là đằng khác, rồi mẹ xem..."

Chúng tôi rải những bước dài đi bên nhau, hai tay đút túi, dọc theo phố Lâu Đài.

"Bọn mình không định rủ Ludwig à?" tôi hỏi.

Willy lắc đầu. "Hãy để cậu ấy ngủ. Sẽ tốt hơn cho cậu ấy."

Thành phố không yên tĩnh. Những chiếc xe tải chở lính thủy lao rầm rầm trên các con phố. Những lá cờ đỏ phấp phới.

Trước tòa thị chính nhiều chồng truyền đơn được dỡ xuống khỏi xe và đem đi phân phát. Đám đông giăng truyền đơn từ tay các thủy thủ và hào hứng đọc lướt các dòng chữ. Mắt họ sáng lên. Một cơn gió thốc vào những chồng truyền đơn và cuốn chúng bay tung lên cao như một đàn bồ câu trắng. Chúng hạ xuống các cành cây trụi lá và mắc lại đó nghe xào xạc.

"Này những người anh em" một người đàn ông đứng tuổi mặc chiếc áo khoác lính màu xám, đứng cạnh chúng tôi nói, "những người anh em, từ giờ sẽ tốt đẹp hơn." Môi ông ta run run.

"Chết tiệt, có vẻ như sắp xảy ra chuyện lớn rồi," tôi nói.

Chúng tôi rảo bước gấp đôi. Càng đến gần nhà thờ, cảnh chen lấn xô đẩy càng dữ dội. Quảng trường đầy người là người. Trên bậc thềm nhà hát, một anh lính đang đứng diễn thuyết. Ánh sáng trắng của một ngọn đèn cacbua lấp lóa trên mặt anh ta. Chúng tôi không thể nghe rõ những gì anh ta nói, vì gió cứ hú lên từng hồi dài, lúc khoan lúc nhặt, và lần nào cũng lùa đến từ nhà thờ tiếng đàn organ tựa một làn sóng gập ghềnh như nhấn chìm tiếng nói mong manh và ngắt quãng của anh lính.

Một sự căng thẳng mơ hồ, đầy kích động giăng trên quảng trường.

Đám đông đứng như một bức tường thành. Hầu như tất cả đều là binh sĩ.

Nhiều người đứng cùng vợ. Những gương mặt khép kín, cảm lạnh có cùng một biểu cảm như ở ngoài mặt trận, khi chúng ẩn dưới những chiếc mũ sắt dũi theo kẻ thù. Nhưng giờ đây trong ánh mắt họ bỗng có một thứ khác nữa: đó là linh cảm về một tương lai và hy vọng mơ hồ về một cuộc sống mới.

Những tiếng hô vang lên từ trước nhà hát. Một tiếng gầm trầm đục đáp lại.

"Này các cậu, bắt đầu rồi đây!" Willy phấn khởi nói. Một rừng cánh tay giơ lên. Một làn sóng lan qua đám đông. Những dãy người chuyển động. Một đoàn diễu hành đang hình thành. Những tiếng hét vang lên:

"Tiến lên, anh em ơi!" Như một hơi thở khổng lồ, đại quân rầm rập bước trên quảng trường lát đá! Chúng tôi hòa mình vào, không chút nghĩ suy.

Đi bên phải chúng tôi là anh lính pháo binh. Phía trước là một lính công binh. Nhóm nọ nhập với nhóm kia. Rất ít người biết nhau. Dẫu vậy chúng tôi lập tức kết thân. Lính tráng đâu cần biết gì về nhau. Họ là đồng đội, thế là đủ.

"Nào, Otto, cậu cũng cùng đi chứ!" người lính công binh đi trước chúng tôi hét gọi một anh lính khác vừa dừng bước.

Anh kia ngập ngừng. Anh ta đang có vợ ở bên. Cô ả níu cánh tay và nhìn anh ta. Anh ta mỉm cười bối rối: "Lát nữa, Franz."

Willy nhăn mặt. "Những cái váy lót mà đã xen vào thì tình đồng đội thứ thiệt cũng sớm ra ma, hãy nhớ lời tớ!"

"Vớ vẩn!" anh lính công binh đáp và chìa cho Willy một điều thuốc lá. "Đàn bà là một nửa cuộc sống. Có điều làm việc gì cũng phải đúng thời

điểm của nó."

Chúng tôi vô tình bước cùng nhịp. Đây là một cuộc hành quân khác thường. Mặt đường lát đá rung chuyển, và một niềm hy vọng nghẹt thở, dữ dội bay vút lên như một tia chớp trên đoàn quân đang đều bước: dường như con đường này đang dẫn thẳng vào nơi tồn tại của tự do và công lý.

Nhưng được vài trăm mét thì đoàn tuần hành dừng lại. Nó dừng ngay trước nhà ông thị trưởng. Vài công nhân lay, đập cánh cửa nhà. Bên trong vẫn im lặng; nhưng sau ô kính cửa sổ đóng chặt, người ta thoáng thấy gương mặt xanh xao của một phụ nữ. Cửa bị lay, đập mạnh hơn nữa, và một hòn đá bay vèo về phía cửa sổ. Lại một hòn nữa. Kính vỡ rơi loảng xoảng xuống mảnh vườn trước nhà.

Rồi ông thị trưởng xuất hiện trên ban công tầng hai. Những tiếng hét chồm lên chỗ ông ta. Ông ta cố gắng hứa hẹn cái gì đó, nhưng không ai để tai nghe.

"Đi nào! Đi cùng chúng tôi!" ai đó hét lên.

Thị trưởng nhún vai và gật đầu. Vài phút sau, ông ta đã rải bước đi đầu đoàn tuần hành.

Người tiếp theo bị lôi cổ ra khỏi nhà là ông giám đốc sở lương thực.

Rồi thêm một thằng cha hói đầu, mặt mũi hốt hoảng, miễn cưỡng gia nhập đoàn tuần hành, nghe đồn thằng cha này chuyên buôn lậu bơ. Chúng tôi còn tóm hụt một gã buôn ngũ cốc. Gã đã kịp chuồn mất khi nghe chúng tôi đang kéo đến.

Đoàn tuần hành kéo đến sân lâu đài và ùn lại trước lối vào của Ban chỉ huy quân sự quận. Một người lính nhảy lên cầu thang và đi vào trong.

Chúng tôi chờ đợi. Tất cả các ô cửa sổ đều sáng đèn.

Cuối cùng cánh cửa lại mở ra. Chúng tôi nghển cổ nhìn. Một người đàn ông xách cặp bước ra. Ông ta lục lọi trong cặp lôi ra vài tờ giấy và bắt đầu

cất giọng đều đều đọc bài phát biểu. Chúng tôi chăm chú lắng nghe.

Willy khum hai bàn tay trên đôi tai to tướng của mình mà nghe. Vì cao hơn những người khác hẳn một cái đầu, cậu ta nghe rõ hơn và nhắc lại cho chúng tôi. Nhưng những lời phát biểu cứ dội xuống chúng tôi như nước đổ đầu vịt, chúng vang lên và lịm đi mà không chạm đến chúng tôi, không lôi cuốn chúng tôi, không lay động chúng tôi, chúng cứ dội xuống và trôi tuột.

Chúng tôi trở nên bất an. Chúng tôi chả hiểu gì. Chúng tôi đã quen hành động. Đây là cách mạng cơ mà! Thế thì phải xảy ra chuyện gì đó chứ!

Nhưng người đàn ông trên kia chỉ biết nói và nói. Ông ta khuyến cáo hãy bình tĩnh và thận trọng. Trong khi có thằng mẹ nào đã không thận trọng đâu chứ. Cuối cùng ông ta quay gót.

"Ông ta là ai vậy?" tôi thất vọng hỏi.

Anh lính pháo đứng cạnh chúng tôi biết rõ. "Chủ tịch Ủy ban công nhân và quân nhân đấy. Trước kia là nha sĩ, tôi nghĩ vậy."

"Ra thế!" Willy làu nhàu và khó chịu ngọ nguậy cái đầu tóc đỏ của mình. "Rõ vớ vẩn! Thế mà tớ cứ tưởng cả bọn sẽ đi thẳng ra ga và từ đó thẳng tiến Berlin."

Những tiếng la hét từ đám đông trở nên ồn ào và lan rộng ra. Người ta đòi ông thị trưởng phát biểu. Ông ta bị đẩy lên cầu thang. Giọng bình tĩnh, ông ta tuyên bố tất cả mọi vấn đề sẽ được điều tra kỹ lưỡng. Hai gã đầu cơ đứng cạnh ông ta run như cây sậy. Họ toát mồ hôi vì sợ hãi. Trong khi chẳng có quái gì xảy ra với họ cả. Người ta đang la hét chửi bới họ thật, nhưng ai cũng ngại động thủ chống lại họ.

"Thế đấy," Willy nói, "ít nhất thì ông thị trưởng cũng can đảm."

"Dào, ông ta quá quen rồi," anh lính pháo thủng thủng, "cứ vài ngày người ta lại lôi cổ ông ta theo."

Chúng tôi ngạc nhiên nhìn anh ta. "Chuyện này hay xảy ra lắm sao?"

Albert hỏi.

Anh kia gật đầu. "Thì luôn luôn có những binh đoàn mới từ mặt trận trở về và cho rằng mình phải ra tay thiết lập lại trật tự. Thế là chuyện này cứ lặp đi lặp lại..."

"Mẹ kiếp, đây không hiểu!" Albert nói.

"Tớ cũng chẳng hiểu," anh lính pháo tuyên bố và ngáp to hết cỡ. "Tớ cũng đã hình dung mọi thứ khác thế này cơ. Thôi, chào nhé, tớ lướt về cái hộp của tớ đây. Như thế khôn ngoan hơn."

Những người khác làm theo. Quảng trường vắng đi trông thấy. Bây giờ đến lượt vị đại biểu thứ hai nói. Ông ta cũng kêu gọi hãy bình tĩnh. Mọi sự khác có lãnh đạo lo. Mà họ cũng đang bắt tay vào việc rồi kia. Ông ta chỉ tay về phía các ô cửa sổ sáng đèn. Tốt hơn hết là mọi người giải tán về nhà.

"Quý thật, tất cả chỉ thế thôi sao?" tôi tức giận nói.

Chúng tôi gần như cảm thấy mình lộ bịch vì đã cầm đầu cầm cổ đi theo họ. Ban nãy chúng tôi đã muốn cái quái gì thế nhỉ?

"Cút!" Willy thất vọng thốt lên. Cả bọn nhún vai và uể oải bỏ đi.

Chúng tôi còn dạo quanh các phố hồi lâu rồi mới chia tay. Tôi tiễn Albert về tận nhà rồi mới một mình quay về. Nhưng thật kỳ lạ: lúc này đây, khi các đồng đội của tôi không còn bên tôi nữa, mọi thứ xung quanh tôi bắt đầu khẽ chao đảo và trở nên không thật. Vừa mới đây thôi, tất cả còn là đương nhiên và chắc chắn, nhưng lúc này chúng bỗng bung ra, quá đổi mới mẻ và lạ lẫm, khiến tôi gần như không còn biết có phải tất cả chỉ là giấc mơ. Có phải tôi đang ở đây? Có thật tôi đã quay về và đang ở nhà?

Nơi đây trải dài những con phố lát đá yên bình, với những mái nhà lấp lóa, phẳng phiu, không thấy đâu những lỗ thủng toang hoác hay những vết nứt vì đạn pháo, những bức tường thành nguyên vẹn vươn thẳng vào màn

đêm xanh tím, trên đó nổi lên những cái bóng sẫm màu của những ban công, những hàng cột. Không một thứ gì bị hàm răng của chiến tranh gặm đến, mọi ô kính cửa sổ đều lành lặn, và phía sau những tấm rèm tựa những đám mây sáng màu kia đang sống một thế giới yên ả, khác hẳn với cái thế giới gặm rú của tử thần mà bấy lâu nay tôi đã coi là nhà.

Tôi dừng lại trước một ngôi nhà mà các ô cửa sổ tầng dưới đều sáng đèn. Tiếng nhạc khe khẽ vọng ra. Các tấm rèm cửa chỉ khép lưng chừng nên có thể nhìn vào bên trong.

Một phụ nữ ngồi bên đàn dương cầm và đang chơi nhạc. Cô ấy ngồi một mình. Chỉ có ánh sáng của cây đèn đứng chiếu vào bản nhạc màu trắng. Phần còn lại của căn phòng chìm trong bóng tối nhập nhoạng đa màu sắc. Một chiếc sofa, dăm cái ghế tựa có lót đệm chung sống yên bình nơi đây. Một chú chó cuộn mình ngủ trên một chiếc ghế bành. Tôi nhìn chòng chọc vào cảnh này như bị thôi miên. Chỉ khi người phụ nữ đứng dậy và bước những bước êm ái không tiếng động đến bên bàn, tôi mới vội lùi lại. Tim tôi đập mạnh. Trong ánh sáng dữ dội của pháo sáng, giữa những đồng hồ nát vì đạn pháo tại những ngôi làng nơi tiền phương, tôi đã gần như quên rằng vẫn còn tồn tại tất cả những thứ này: đó là hòa bình ẩn sau những bức tường của những căn phòng trải khắp các con phố, nơi có những tấm thảm, có hơi ấm và những người phụ nữ. Tôi muốn mở cửa, đi vào trong phòng, tôi muốn nằm cuộn mình trên chiếc ghế bành, muốn ử đôi bàn tay trong hơi ấm của gian phòng để hơi ấm ấy lan tỏa khắp người, tôi muốn nói chuyện, muốn mọi bạo tàn, khốc liệt và quá khứ sẽ tan chảy dưới đôi mắt yên lặng của người phụ nữ kia, và muốn bỏ chúng lại phía sau, muốn cởi bỏ chúng như cởi bỏ một bộ quần áo bẩn.

Đèn trong phòng đã tắt. Tôi tiếp tục hước đi. Và bỗng lại tràn đầy những tiếng gọi trầm đục và những tiếng nói không rõ ràng, tràn đầy các

hình ảnh và quá khứ, tràn đầy những câu hỏi và câu trả lời.

Tôi lang thang ra tít ngoài ô. Lên đến đỉnh núi Tu V ện thì tôi dừng lại. Thành phố trải rộng bàng bạc dưới kia. Mặt trăng soi bóng trên dòng sông. Những ngọn tháp như lững lờ trôi và không gian tĩnh lặng đến không thể hiểu nổi. Tôi đứng một lúc, rồi quay về, về với những con phố và những ngôi nhà.

Về tới nhà, tôi lặng lẽ dò dẫm đi lên gác. Cha mẹ tôi đã ngủ. Tôi nghe thấy hơi thở của họ - hơi thở êm hơn của mẹ và hơi thở thô hơn của cha - và tôi xấu hổ vì đã về nhà quá muộn.

Tôi bật đèn trong phòng mình. Trong góc phòng là cái giường phủ drap trắng bóc với tấm chăn đã trải sẵn. Tôi ngồi lên giường và cứ thế ngồi bó gối hồi lâu. Rồi tôi cảm thấy buồn ngủ. Như một cái máy, tôi đuổi thẳng người ra và định kéo chăn đắp. Nhưng đột nhiên tôi lại ngồi nhòm dậy vì tôi đã quên băng không cởi quần áo lẫn tháo ủng. Ngoài mặt trận chúng tôi lúc nào chẳng đóng nguyên bộ mà ngủ. Tôi chậm chạp cởi bộ quân phục và đặt đôi ủng vào trong góc phòng. Vừa hay tôi thấy ở cuối giường vắt một chiếc áo ngủ. Tôi hầu như không còn biết đến thứ xa xỉ này. Tôi mặc áo vào. Và rồi, trong khi tôi choàng cái áo lên tấm thân trần đang run rẩy vì lạnh, thì một cảm giác lạ lùng bỗng xâm chiếm tôi, tôi lần mò kéo chăn đắp, rúc đầu vào gối, tôi ôm ghì chiếc gối vào mình, áp chặt mình vào nó, vào những chiếc gối, vào giấc ngủ, vào lại với cuộc sống, và cảm nhận chỉ một điều, ngoài ra không còn gì khác: tôi đang ở đây - đúng, tôi đang ở đây!

III.

Tôi và Albert ngồi bên cửa sổ trong quán cà phê Meyer. Trên cái bàn đá cẩm thạch tròn trước mặt chúng tôi là hai tách cà phê đã nguội lạnh.

Chúng tôi đã tiêu phí ba giờ ở đây vậy mà vẫn chưa dám quyết định uống cái thứ nước canh đắng nghét này. Mà đây là chúng tôi đã quen uống đủ thứ ngoài mặt trận rồi; nhưng cái thứ này không thể là gì khác ngoài nước luộc than.

Chỉ có ba bàn đang có khách. Ở một bàn mấy kẻ đầu cơ đang mặc cả về một toa xe thực phẩm; ở bàn khác là một cặp vợ chồng đang đọc báo; còn ở bàn thứ ba, chính là hai thằng chúng tôi đang chè chén hai cái mông đã quên mùi chiều chuộng của chúng tôi trên ghế sofa bọc nhung đỏ.

Các rèm cửa đều dơ bẩn, cô phục vụ bàn ngáp dài, không khí ngột ngạt, và thực ra có lẽ ở đây chẳng có thứ gì hay ho; nhưng đối với chúng tôi, vẫn còn vô số điều tuyệt vời. Chúng tôi ngồi thoải mái, chúng tôi có thời gian vô tận, nhạc đang chơi, và chúng tôi có thể nhìn ra ngoài cửa sổ.

Chúng tôi đã bị tước bỏ những thứ này từ rất lâu.

Vì vậy chúng tôi ngồi mãi, tận đến lúc ba nhạc công đã thu dọn xong nhạc cụ của họ và cô hầu bàn bực bội lượn vòng mỗi lúc mỗi gần hơn quanh bàn chúng tôi. Rồi chúng ôi trả tiền và bước ra con phố đêm. Thật là tuyệt vời khi tản bộ chậm chậm từ quầy hàng này qua quầy hàng khác, không phải lo lắng về bất cứ điều gì, và làm một người tự do.

Chúng tôi dừng lại ở phố Stuben.

"Ta ghé qua Becker chứ?" tôi đề xuất.

"Chắc chắn rồi" Albert đồng ý, "ông ta sẽ ngạc nhiên đấy."

Chúng tôi đã trải qua một phần tuổi học trò của mình trong cửa hiệu

Becker. Có thể mua tất cả những gì nảy ra trong đầu: vở, đồ vẽ, vợt bắt bướm, bể cá cảnh, bộ sưu tập tem, những cuốn sách cũ, những cuốn "cẩm nang" giải bài tập đại số. Chúng tôi ngồi hàng tiếng đồng hồ trong cửa hiệu Becker, chúng tôi hút trộm thuốc lá và có những cuộc hẹn hò lén lút đầu tiên với các nữ sinh trung học của thị trấn. Chủ hiệu là người bạn tâm giao lớn của chúng tôi. Chúng tôi bước vào. Vài cậu học sinh đứng trong các góc giấu vội những điếu thuốc lá của chúng trong lòng bàn tay khum lại.

Chúng tôi mỉm cười và hơi ưỡn ngực. Một cô gái đến gần hỏi xem chúng tôi cần gì.

"Chúng tôi muốn nói chuyện với ông Becker," tôi nói.

Cô gái ngập ngừng. "Tôi có thể thay ông ấy không?"

"Không đâu, cô gái," tôi đáp. "Cô không thể thay được đâu. Cô hãy báo cho ông Becker biết."

Cô gái đi khỏi. Chúng tôi nhìn nhau, khoái trá với ý tưởng của mình và đút tay vào túi. Sẽ có một cuộc gặp gỡ ra trò đây!

Tiếng chuông cửa quen thuộc vang lên. Becker đến, nhỏ bé, xám xịt và luộm thuộm như mọi khi. Ông nheo mắt nhìn một lúc. Rồi ông nhận ra chúng tôi.

"Nhìn xem ai kia! Birkholz và Troßke!" ông nói, "Cũng về rồi hả?"

"Đúng vậy!" chúng tôi vội đáp, bụng nghĩ giờ sẽ bắt đầu tay bắt mặt mừng.

"Hay lắm! Các cậu muốn gì đây?" ông hỏi. "Thuốc lá chẳng?"

Chúng tôi chung hửng. Thật ra chúng tôi không muốn mua bất cứ thứ gì, chúng tôi không hề nghĩ đến chuyện đó.

"Vâng, mười điếu thuốc lá," cuối cùng tôi nói.

Ông đưa thuốc lá cho chúng tôi. "Vây nhé, gặp lại sau!" ông chào và lập tức lê bước trở vào. Chúng tôi vẫn đứng nguyên tại chỗ. "Còn quên gì

à?" ông gọi với ra, chân đã bước lên cầu thang nhỏ.

"Dạ không, không," chúng tôi đáp và rời cửa hiệu.

"VẬY ĐÂY, ALBERT," TÔI NÓI KHI ĐÃ RA NGOÀI PHỐ, "XEM CHỪNG ÔNG ẤY NGHĨ CHÚNG MÌNH CHỈ VỪA ĐI DẠO CHƠI VỀ, HẢ?"

Cậu ấy phẩy tay bực bội. "Cái đồ dân sự ngu ngốc ấy mà..."

Chúng tôi tiếp tục lang thang trên phố. Đến khuya chúng tôi gặp Willy, và cả bọn cùng nhau đi đến doanh trại.

Đọc đường Willy đột nhiên nhảy phắt sang bên. Tôi cũng giật mình sợ hãi. Tiếng rít không thể trộn lẫn của một trái lựu đạn bay đến, nhưng rồi chúng tôi sững sốt ngó quanh và cười. Đó chỉ là tiếng rít của đoàn tàu điện đang tới.

Jupp và Valentin ngồi có phần chơ vơ trong một gian phòng lớn vắng teo. Tjaden còn chưa quay về. Cậu ta vẫn đang ở chỗ nhà chứa. Hai anh chàng mừng rỡ chào đón chúng tôi, bởi vì bây giờ đã đủ hội đánh bài Skat.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi Jupp đã kịp trở thành thành viên Hội đồng quân nhân. Đơn giản là anh ta tự phong và giữ vị trí đó đến bây giờ, vì trong doanh trại nự trị sự hỗn loạn tới mức chẳng ai biết mô tê gì.

Trước mắt anh ta sống tạm bằng cách đó, cũng bởi công việc dân sự của anh ta đã mất. Ông luật sư ở Köln viết cho anh ta rằng nữ trợ lý mới vào việc xuất sắc và tiền lương lại rẻ hơn, còn Jupp ở ngoài mặt trận, chắc chắn có chút lạc hậu về công việc văn phòng. Ông luật sư thực lòng lấy làm tiếc, nhưng thời buổi bây giờ thật khó khăn. Ông gửi lời chúc tốt lành nhất cho tương lai của Jupp.

"ĐỜI RÕ OÁI OÃM," JUPP U SÂU NÓI. "SUỐT NHỮNG NĂM QUÁ TÓ CHỈ MƠ ƯỚC MỘT ĐIỀU DUY NHẤT LÀ RỜI XA KHỎI QUÂN ĐỘI, VẬY MÀ BÂY GIỜ TỚ LẠI MỪNG VÌ CÓ THỂ Ở LẠI. THÔI THÌ TÀN ĐỜI CÁCH NÀY HAY CÁCH KHÁC CŨNG VẬY CẢ... TỚ ĐẶT MƯỜI TÁM."

Willy có lá bài đỉnh nhất trong tay. "Hai mươi," tôi nói hộ cậu ta.

"Còn anh, Valentin?"

Anh ta nhún vai. "Hai mươi tư."

Khi Jupp bỏ qua ở mức đặt bốn mươi, Karl Bröger xuất hiện. "Muốn ngó qua xem các cậu sống thế nào," cậu ta nói.

"Và cậu đã tìm bọn này ở đây, hả?" Willy mỉm cười và ngồi duỗi dài thật thoải mái.

"Đúng, nói gì thì nói, doanh trại mới là quê hương thực sự của lính trắng. Bốn mươi một!"

"Bốn mươi sáu," Valentin khịt mũi thách thức.

"Bốn mươi tám!" Willy gầm lên đáp lại.

Chết tiệt! Chơi lớn rồi đây! Chúng tôi xích lại gần nhau hơn. Willy khoái trá tựa người vào thành tủ, hé cho chúng tôi thấy bộ bốn con J[1].

Tuy nhiên, Valentin nhe răng cười đầy vẻ nguy hiểm; cơ hội ăn null ouvert[2] trong tay anh ta còn chắc hơn.

1.

Quân J là quân cao nhất trong bài Skat. (Người dịch - N. D.) 2.

Null ouvert: thả cho đối phương ăn tất cả các quân bài. (N. D.) Trong căn phòng này tuyệt vời ấm cúng. Trên bàn sáng bập bùng một cây nến cháy dở. Những cái giường lính trắng mờ nổi lên trong bóng tối. Chúng tôi xoi những miếng pho mát lớn mà Jupp đã kiếm được. Anh ta cắt pho mát bằng lưỡi lê và chia phần cho mọi người.

"Năm mươi!" Valentin nhảy lên.

Rồi cánh cửa bật mở và Tjaden lao vào phòng. "Se... Se..." cậu ta lấp bắp và cơn phản kích cực độ khiến cậu ta lên cơn nấc tưởng chết được.

Chúng tôi lôi cậu ta đi vòng quanh phòng, hai tay giơ lên cao.

"Bọn gái thó hết tiền của cậu à?" Willy thông cảm hỏi.

Cậu ta lắc đầu. "Se... Se..."

"Nghiêm!" Willy ra lệnh.

Tjaden giật mình. Vậy là khỏi cơn nấc.

"Seelig... tớ tìm thấy Seelig rồi," cậu ta hân hoan reo.

"Mẹ kiếp," Willy hú lên, "nếu bây giờ cậu nói dối, tớ sẽ quang cậu ra ngoài cửa sổ!"

Seelig từng là thượng sĩ của đại đội chúng tôi, một con quái vật thượng thặng. Thật không may, hai tháng trước cuộc cách mạng gã đã bị thuyên chuyển, nên đến tận bây giờ chúng tôi không thể tóm được gã.

Tjaden kể rằng Seelig hiện là chủ quán Vua Wilhelm và bán loại bia ngon tuyệt.

"Đến đó thôi!" tôi hô lên, và cả bọn xô nhau chạy ra ngoài.

"Nhưng không thể thiếu Ferdinand được!" Willy nói. "Anh ấy còn phải giải quyết với Seelig chuyện của Schröder."

Chúng tôi huýt sáo và hú hét ồn ào ở dưới nhà Kosole, cho đến tận khi anh - râu rĩ trong chiếc áo ngủ - nhô ra ngoài cửa sổ.

"Các cậu nghĩ quái gì mà mò đến khuya như vậy," anh càu nhàu, "không biết là tớ đã có vợ à?"

"Chuyện đó để lúc khác!" Willy hét. "Xuống đây mau, bọn em đã tìm ra Seelig!"

Ferdinand lập tức hoạt bát hẳn lên. "Thật chứ?" anh hỏi.

"Thật thế!" Tjaden quang quác.

"Được, tớ xuống ngay!" anh trả lời. "Nhưng các cậu sẽ biết thế nào là lễ độ, nếu dám chơi tớ..."

Năm phút sau anh đã xuống và chúng tôi kể rõ lại cho anh. Cả bọn lao đi.

Khi chúng tôi rẽ sang phố Haken, Willy chạy quá hăm hở, húc ngã một

gã đàn ông tròn đường.

"Đồ tê giác!" gã kia nằm dưới đất quát theo cậu ấy.

Willy quay lại trong chớp mắt, đứng chôn chân trước mặt gã kia với vẻ hăm dọa. "Xin lỗi, anh vừa nói gì?" cậu ta hỏi, tay gõ gõ lên mũ của mình. Gã kia lóp ngóp đứng dậy và ngó lên cậu ta. "Nào tôi có biết..." gã ta lí nhí đáp.

"May cho nhà anh đây!" Willy nói. "Anh đâu có đủ to con để chửi mắng thằng nào."

Chúng tôi đi qua một khu vườn nhỏ và dừng lại trước cửa quán rượu Vua Wilhelm. Biển hiệu đã được sơn lại. Bây giờ quán mang tên Hoa mẫu tử. Willy đặt tay lên nắm cửa.

"Đợi đã!" Kosole kéo tay cậu ta lại. "Willy," anh nghiêm trang nói, "nếu đánh, tớ sẽ là người đánh nó! Bắt tay nào!"

Được! Willy vỗ vào tay anh và mở toang cánh cửa.

Ừa ra đón chúng tôi là tiếng ồn, khói thuốc và ánh đèn. Tiếng ly cốc lanh canh. Một cái máy hát đang phát oang oang khúc quân hành trong vở *Bà góa vui vẻ*. Vòi bia trên quầy lấp lánh. Tiếng cười rộn rã quanh bồn rửa bên quầy pha chế, nơi hai cô gái đang tráng những cái cốc đầy bọt. Một đám các chàng trai vây xung quanh họ. Những chuyện tiêu lâm chói tai.

Nước sóng sánh tràn qua thành bồn. Những gương mặt phản chiếu trong đó tan ra. Một tay lính pháo gọi một châu rượu khao chúng bạn và véo mông một cô gái. "Đây vẫn còn là hàng thời bình nhá, Lina," anh ta phân khích gào lên.

Chúng tôi lách lên phía trước. "Đúng thật, nó đứng kia kìa!" Willy nói.

Với hai ống tay áo xắn cao, sơ mi phanh cúc, mồ hôi nhễ nhại, cái cổ đỏ au ướt đầm, chủ quán đang rót bia đằng sau quầy. Bia chảy thành dòng nâu và vàng óng dưới những nắm tay to tướng của gã vào các cốc vại. Lúc này

gã nhìn lên. Một nụ cười nở rộng lan trên khuôn mặt gã. "Xin chào!

Các cậu cũng đến hả? Thích loại nào: bia sẫm hay bia sáng?"

"Bia sáng, ngài thượng sĩ," Tjaden xác xược đáp. Chủ quán đưa mắt đăm chúng tôi.

"Bây," Willy nói.

"Bây," chủ quán lặp lại, liếc nhìn Ferdinand, "sáu và Kosole, đúng vậy."

Ferdinand chen đến quầy bar. Anh tì hai nắm tay của mình vào rìa quầy, hỏi: "Nói xem, Seelig, mà cũng có rum chứ?"

Chủ quán đang cúi húi đằng sau quầy của mình. "Tất nhiên tôi cũng có cả rum."

Kosole nhìn gã từ dưới lên. "Mày có vẻ khoái nốc loại rượu này, hả?"

Chủ quán rót đầy một dãy ly cognac. "Tất nhiên tôi thích uống loại này."

"Mày có nhớ lần cuối cùng mày đã uống say rum là khi nào không?"

"Không..."

"Nhưng tao nhớ!" Kosole gầm lên và đứng trước quầy giống như một con bò mộng ở trước hàng rào. "Mày biết cái họ Schröder chứ?"

"Có nhiều người mang họ Schröder," chủ quán đáp hời hợt.

Thế này đã quá đủ với Kosole. Anh toan nhảy bổ vào, nhưng Willy tóm chặt vai anh và ấn anh ngồi xuống ghế.

"Uống trước đã! Cho bảy bia sáng," cậu ta ngoảnh lại gọi chỗ vào quầy.

Kosole im lặng. Chúng tôi ngồi xuống bên một cái bàn. Đích thân chủ quán mang ra cho chúng tôi các vại bia nửa lít.

"Chúc sức khỏe!" gã nói.

"Chúc sức khỏe!" Tjaden đáp, và chúng tôi uống. Đoạn Tjaden ngả người ra sau. "Sao, tớ đã nói gì với các cậu hả?"

Ferdinand nhìn theo sau chủ quán đang trở lại quầy bar.

"Mẹ kiếp," anh nghiên răng, "chỉ cần tớ nhớ đến chuyện thằng chó này nồng nặc rượu rum như thế nào khi bọn mình chôn Schröder..."

Anh bỏ lửng câu.

"Chỉ cần không mùi lòng!" Tjaden nói.

Dường như những lời nói của Kosole đã giật tung bức màn vốn suốt thời gian qua vẫn khẽ đung đưa và lay động, rồi đột nhiên một khoảng trống xám xịt, ma quái như cứ lớn dần và lan tỏa trong quán. Các cửa sổ nhòe đi, những bóng mờ nhô lên từ các khe nứt dưới sàn, và ký ức lơ lửng bay trong gian phòng ngập tràn khói thuốc.

Kosole và Seelig không bao giờ chịu đựng nổi nhau. Nhưng mãi đến tháng tám năm 1918 họ mới trở thành những kẻ tử thù. Khi đó chúng tôi ở trong chiến hào đã bị đạn pháo xói nát ở tuyến hai, và đã phải suốt đêm đào một ngôi mộ tập thể. Chúng tôi không thể đào sâu, vì chỉ một lúc đã có nước ngầm chảy vào. Vào lúc chót, chúng tôi đã phải làm việc trong lớp bùn dày.

Bethke, Weßling và Kosole lo đắp vững các vách mộ. Bọn còn lại thu thập các xác chết ở xung quanh và xếp thành dãy dài cạnh nhau trong khi chờ chuẩn bị xong mộ. Albert Troßke, trung sĩ của nhóm chúng tôi, tháo các thẻ nhận dạng và thu thập các cuốn sổ quân nhân còn lại bên các tử sĩ.

Một số xác chết mặt đã bị sẫm đen, bắt đầu mủn rữa, vì trong những tháng mưa ẩm ướt sự phân hủy xảy ra rất nhanh. Bùn lại chúng không bốc mùi kinh khủng như trong mùa hè. Một số các chết bị ngâm sũng nước và trương phình lên như bọt biển. Chúng tôi thấy có một xác chết nằm phủ phục trên mặt đất với hai cánh tay dang ra. Khi chúng tôi nhấc cái xác ấy lên, mới thấy rằng dưới những mảnh đồng phục rách nát gần như chẳng còn lại gì, tất cả đều nát vụn. Thẻ nhận dạng cũng biến mất. Cuối cùng, nhờ một miếng vá quần chúng tôi nhận ra hạ sĩ Glaser. Anh ấy rất nhẹ vì chỉ còn lại

hơn phân nửa.

Những cánh tay, cẳng chân hoặc đầu người tìm thấy riêng lẻ được chúng tôi tập hợp vào trong một tấm bạt riêng. Khi chúng tôi mang Glaser đến, Bethke nói: "Đủ rồi. Chúng ta không còn chỗ nữa."

Chúng tôi lôi vài bao cát đầy vôi đến. Jupp cầm cái xẻng có lưỡi phẳng rải vôi từ trên xuống đáy hố. Lát sau Max Weil đến, anh ta vừa đi lấy những cây thánh giá ở tuyến sau lên. Trước sự ngạc nhiên của chúng tôi, Seelig cũng xuất hiện từ trong bóng tối. Chúng tôi nghe nói gã được phân công đọc lời cầu nguyện; vì không tìm được linh mục nào ở gần đó, và cả hai sĩ quan của chúng tôi đều bị ốm. Chính vì vậy mà tâm trạng của gã rất tệ, bởi dù rất to béo, gã không chịu nổi cảnh máu me. Thêm vào đó, gã bị quáng gà và hầu như chẳng nhìn thấy gì vào ban đêm. Việc này làm gã rối trí tới mức bước hụt qua mép hố và bổ nhào xuống dưới. Tjaden phá lên cười và hạ giọng hô khẽ: "Lấp đi, lấp đi!"

Trớ trêu thay, Kosole lại đang làm việc ở đúng chỗ đó dưới hố. Seelig ngã ạch ngay vào đầu anh. Đó là một vật sống nặng khoảng một tạ.

Ferdinand chửi ầm lên. Sau đó anh nhận ra gã thượng sĩ, nhưng là một chiến binh dạn dày trận mạc, anh đã không vì thế mà ngậm miệng, bởi dẫu sao đã là năm 1918. Thượng sĩ gượng đứng lên, nhìn thấy kẻ thù cũ Kosole trước mặt, lập tức nổi cơn lôi đình và hét vào mặt anh. Ferdinand hét trả.

Bethke, người cũng đang đứng dưới hố đã cố gắng tách họ ra. Nhưng thượng sĩ điên tiết nhổ nước bọt, và Kosole, cảm thấy mình phải chịu sự bất công quá đáng, quyết không để yên. Lúc này cả Willy cũng nhảy xuống tiếp tay cho Kosole. Một tiếng thét khủng khiếp vọng lên từ dưới hố mộ.

"Im nào!" bỗng ai đó nói. Và cho dù giọng nói khê khàng, tiếng ồn lập tức im bật. Seelig phì phò leo khỏi miệng hố. Bộ quân phục của gã trắng phớt bụi vôi, trông gã chẳng khác gì một con rối bọc đường. Kosole và

Bethke cũng leo lên.

Bên trên, Ludwig Breyer đang đứng, tay chống ba toong. Trước lúc đó cậu ấy vẫn đắp sù sụ hai chiếc áo choàng, nằm trước hầm trú ẩn, là vì dạo đó cậu ấy bắt đầu bị chứng kiết lị nặng hành hạ.

"Có chuyện gì vậy?" cậu ấy hỏi. Cả ba tranh nhau giải thích. Nhưng Ludwig mệt mỏi phẩy tay. "Thôi bỏ đi..."

Thượng sĩ khẳng định Kosole đã đẩy vào ngục già. Kosole lập tức nổi đóa cự lại.

"Im nào!" Ludwig nhắc lại lần nữa. Im lặng.

"Cậu đã lượm đủ tất cả các thẻ nhận dạng chưa, Albert?" đoạn cậu ấy hỏi.

"Rồi," Troßke trả lời và nói thêm thật khế để Kosole không nghe được, "Schröder cũng ở trong số họ."

Cả hai nhìn nhau giây lát. Đoạn Ludwig bảo: "Thế tức là cậu ấy đã không bị bắt làm tù binh. Cậu ấy nằm đâu?" Albert dẫn Ludwig đi dọc dãy thi thể. Bröger và tôi đi theo, vì Schröder là bạn học của chúng tôi. Troßke dừng lại ước một xác chết, đầu đã được phủ bằng một vỏ bao cát. Breyer cúi xuống. Albert kéo cậu ta lại. "Đừng mở, Ludwig!" Albert van nài.

Breyer quay người lại. "Cần phải mở, Albert ạ," cậu ấy bình tĩnh nói, "cần chứ!"

Nửa thân trên của Schröder không thể nhận ra được nữa. Nó phẳng lì như một con cá bơn. Gương mặt giờ biến dạng dẹt như một tấm gỗ, trên đó có cái lỗ màu đen méo xệch với hàm răng nhe ra. Breyer im lặng kéo cái bao phủ kín lại.

"Anh ấy có biết không?" cậu ấy hỏi, hát đầu về phía Kosoie đang làm việc. Albert lắc đầu.

"Phải làm sao cho thằng Seelig biến khỏi đây," Ludwig nói, "nếu không

sẽ có tai họa."

Schröder từng là bạn của Kosole. Chúng tôi thậm chí chưa bao giờ hiểu được tình bạn giữa họ, vì Schröder vốn dịu dàng và dễ bị tổn thương, một đứa trẻ thực sự, hoàn toàn trái ngược với con người Ferdinand...

nhưng anh ấy luôn bảo vệ cậu ấy như một người mẹ.

Ai đó khịt mũi đằng sau chúng tôi. Hóa ra Seelig đã đi theo chúng tôi và đang đứng đó hai mắt tròn tròn. "Tôi chưa từng nhìn thấy thứ gì tương tự," gã lắp bắp. "Chuyện xảy ra như thế nào vậy?"

Không ai trả lời... bởi Schröder lẽ ra đã được nghỉ phép từ tám ngày trước, nhưng Seelig đã can phá bằng được, vì gã ghét cay ghét đắng cậu ấy và Kosole. Và giờ đây cậu ấy đã chết.

Chúng tôi bỏ đi; bởi chúng tôi không thể chịu được gã thượng sĩ vào lúc này. Ludwig lại chui xuống dưới những tấm áo choàng của mình. Chỉ Albert còn nán lại. Seelig nhìn chăm chăm vào cái xác. Mặt trăng nhô ra từ sau một đám mây và rọi sáng xác chết. Cúi tấm thân to béo về phía trước, gã thượng sĩ ngó xuống những gương mặt nhợt nhạt, trên đó sự biểu lộ khó hiểu của nỗi kinh hoàng đã đông cứng lại thành một sự câm lặng sắp kêu thét lên.

Albert lạnh lùng nói: "Tốt hơn hết là bây giờ ông hãy nói lời cầu nguyện, rồi quay về ngay đi."

Thượng sĩ lau trán. "Tôi không thể," gã lắp bắp.

Nỗi kinh hoàng đã tóm gáy gã. Chúng tôi biết cảm giác đó; hàng tuần liền ta không hề cảm thấy chút sợ hãi nào để rồi, vào một hoàn cảnh không thể lường trước, nỗi kinh hoàng bỗng hạ gục ta. Mặt mày xanh mét, gã lão đảo bỏ đi.

"Hắn đã tưởng ở đây chỉ có trò ném kẹo!" Tjaden nói giọng tỉnh khô.

Mưa to hơn, và chúng tôi đã mất kiên nhẫn. Gã thượng sĩ không quay

lại. Cuối cùng, chúng tôi lôi Ludwig Breyer ra khỏi đám áo choàng của cậu ấy. Rồi cậu ấy khẽ đọc kinh cầu nguyện: "Lạy Cha chúng con ở trên trời..."

Chúng tôi đưa các thi thể xuống mộ. Weil giúp chúng tôi nâng chúng lên. Tôi nhận thấy anh ta run rẩy toàn thân. Anh ta thì thầm khẽ tới mức gần như không thể nghe rõ: "Rồi sẽ trả thù cho các cậu!"

Anh ta cứ nhắc đi nhắc lại. Tôi ngạc nhiên nhìn anh ta.

"Anh làm sao thế?" tôi hỏi. "Đây đâu phải những người đầu tiên anh chôn. Cứ đà này thì anh sẽ phải trả thù nhiều đây."

Sau đó anh ta thôi không nói nữa.

Khi chúng tôi đặt xong những dãy thi thể đầu tiên, Valentin và Jupp vẫn còn kéo thêm ai đó trên một tấm bạt đi đến.

"Người này vẫn còn sống," Jupp nói và mở tấm vải bạt ra.

Kosole ngó người bị thương. "Nhưng không được lâu nữa đâu," anh nói. "Bọn mình có thể đợi cậu ấy qua đời."

Người lính trong tấm bạt thở khò khè đứt quãng. Cứ mỗi hơi thở, máu của anh lại đổ xuống cầm.

"Có nên đưa cậu ấy đi không?" Jupp hỏi.

"Thế thì cậu ấy sẽ chết ngay lập tức," Aibert nói, tay chỉ vào chỗ máu đổ. Chúng tôi đặt anh lính sang bên. Max Weil ở lại bên anh ấy, còn đám chúng tôi trở lại công việc. Bây giờ Valentin giúp tôi. Chúng tôi hạ Glaser xuống.

"Mẹ kiếp, còn vợ anh ấy, vợ anh ấy..." Valentin lẩm bầm.

"Cẩn thận, bây giờ đến Schröder," Jupp gọi với xuống hố và từ từ Chuôi bạt.

"Ngậm miệng lại," Bröger suyt.

Kosole vẫn còn đang nâng thi thể trên hai cánh tay mình. "Ai vậy?" anh ngậy người hỏi.

"Schröder," Jupp nhắc lại, tưởng rằng Ferdinand đã biết mọi chuyện.

"Đừng có nói nhảm, đồ ngu như bò, cậu ấy đã bị bắt làm tù binh,"

Kosole giận dữ quát.

"Đó là sự thật, Ferdinand," Albert Troßke đứng bên khẳng định.

Chúng tôi nín thở. Không nói một lời, Kosole nâng xác chết để lên miệng hổ và leo theo sau. Sau đó, anh soi thi thể bằng một cái đèn pin. Anh cúi xuống thật gần phần còn lại của khuôn mặt và tìm kiếm những nét quen thuộc.

"Ôn Chúa là thằng thượng sĩ đã chuôn," Karl thì thầm.

Chúng tôi bất động chờ giây phút tiếp theo. Kosole đứng thẳng lên.

"Đưa xẻng đây," anh nói cộc lốc. Tôi đưa cho anh. Chúng tôi cứ ngỡ sẽ diễn ra cảnh giết chóc. Nhưng Kosole chỉ bắt đầu đào. Anh đào một ngôi mộ riêng cho Schröder và không cho ai khác lại gần. Anh tự đặt thi thể người bạn xuống mộ. Sự mất mát quá lớn khiến anh không mảy may nghĩ đến Seelig.

Đến tảng sáng thì chúng tôi đã lấp xong cả hai ngôi mộ. Trước đó, người lính bị thương đã tắt thở, và chúng tôi đã lập tức đặt anh nằm cùng những thi thể khác. Khi đất đã được đầm kỹ, chúng tôi cắm các cây thập tự lên trên. Kosole dùng bút mực viết tên của Schröder lên một cây thập tự còn để trống và úp một chiếc mũ sắt lên trên.

Ludwig xuất hiện một lần nữa. Chúng tôi bỏ những chiếc mũ sắt xuống. Cậu ấy đọc lại lần thứ hai lời kinh cầu nguyện "Lạy Cha chúng con ở trên trời...". Albert tái nhợt đứng bên cạnh Ludwig. Schröder là bạn ngồi cùng bàn của cậu ấy ở trường học. Nhưng nhìn Kosole là kinh khủng nhất: mặt anh xám xịt và hộc hác, và anh hầu như không mở miệng nữa.

Chúng tôi còn đứng thêm một lúc. Trời vẫn mưa tầm tã. Rồi những người tiếp phẩm đến. Chúng tôi ngồi xuống và bắt đầu ăn.

Buổi sáng bỗng Seelig bò ra từ một hầm trú ẩn gần đó. Chúng tôi cứ tưởng gã đã cao chạy xa bay từ lâu. Người gã bốc mùi rượu rum nồng nặc tới mức xa cả cây số cũng vẫn ngửi thấy, và mãi lúc này gã mới toan bỏ chạy về tuyến sau. Kosole gầm lên khi nhìn thấy gã. May mắn là Willy đang ở gần đó. Cậu ta bèn xông ngay đến Ferdinand và ôm chặt anh.

Nhưng chúng tôi phải lấy sức của cả bốn thằng mới giữ được anh không vùng ra bóp chết gã thượng sĩ. Mất cả tiếng đồng hồ sau Kosole mới tỉnh táo lại và nhận ra rằng anh sẽ chỉ tự chuốc vạ vào thân nếu như anh chạy theo gã. Nhưng anh thề trước mộ Schröder rằng sớm muộn anh cũng sẽ thanh toán với Seelig.

Còn lúc này đây Seelig đứng tại quầy bar, Kosole ngồi cách gã năm mét, và cả hai đều không còn là lính nữa. Lần thứ ba cái máy hát lại phát oang oang khúc quân hành trong vở *Bà góa vui vẻ*.

"Chủ quán, một châu rượu nữa đề!" Tjaden hét, cặp mắt ti hí lấp lóe sáng.

"Có ngay!" Seelig đáp và bung các ly rượu tới. "Chúc sức khỏe, các chiến hữu!"

Kosole cau mày lờm gã. "Mày không phải là chiến hữu của bọn tao," anh càu nhàu.

Seelig kẹp cái chai vào nách. "Được rồi, vậy thì thôi," gã đáp và quay trở lại quầy bar.

Valentin làm một hơi hết ly rượu. "Uống đi, Ferdinand, đó là sự thật duy nhất," anh nói.

Willy gọi tiếp châu nữa. Tjaden đã chệnh choáng hơi men.

"Ê Seelig, con nhện già của đại đội!" cậu ta hét văng lên. "Giờ bọn này không lo vào tù nữa, hả? Cùng uống một ly đi!" Cậu ta vỗ vai thượng cấp cũ của mình mạnh đến nỗi gã kia suýt sặc. Một năm trước mà hành động

như vậy chắc cậu ta đã bị lôi ra trước tòa án quân sự hoặc bị tổng vào nhà thương điên rồi.

Kosole hết nhìn quầy bar đến ly rượu của mình rồi lại từ ly rượu trở lại quầy bar, rồi sang gã đàn ông to béo đang loay hoay chỗ các vòi bia.

Anh lắc đầu.

"Đây giờ gã là một người hoàn toàn khác, Ernst ạ," anh nói với tôi.

Tôi cũng nghĩ như anh. Tôi cũng không nhận ra Seelig. Gã đã gắn liền với bộ quân phục và quyển sổ ghi chép của mình đến nỗi tôi khó có thể tưởng tượng ra gã mặc áo sơ mi, chứ đừng nói lại còn là chủ quán rượu. Và bây giờ gã cầm ly uống cùng chúng tôi và còn cho phép Tjaden -

kẻ trước kia gã chỉ coi là đồ chấy rận - vỗ vai và mày tao chí tở với mình.

Chết tiệt, thế giới đã thay đổi biết bao!

Willy huých tay vào sườn Kosole khích lệ. "Thế nào anh?"

"Tớ không biết, Willy," Ferdinand bối rối nói. "Giờ tớ có nên đập vào mặt hắn hay không? Tớ đã hình dung mọi thứ khác hẳn. Cậu nhìn xem, hắn đã cung cúc hầu rượu chúng ta thế nào, cái đồ nịnh bợ này. Nhìn mà mắt hết cả hứng."

Tjaden liên tục gọi rượu. Cái cảnh gã chỉ huy cũ cứ phải rối rít títt mù phục vụ mình khiến cậu ta vô cùng khoái trá.

Lúc này Seelig cũng đã hoàn tất khá nhiều việc. Cái đầu lợn của gã đỏ dừ, phần vì rượu, phần vì phấn khích do đắt hàng.

"Chúng ta lại hòa thuận nhé?" gã đề nghị. "Tôi sẽ khao một châu rum hòa giải."

"Cái gì?" Kosole hỏi và uốn thẳng người dậy.

"Rượu rum! Tôi vẫn còn một chai trong tủ đằng kia," Seelig nói đây về vô tội và đi lấy rượu. Kosole như bị một cú thoi giữa mặt, trần trối nhìn

theo gã.

"Nó chẳng còn nhớ gì nữa rồi, Ferdinand," Willy đoán. "Neu nhớ nó đã không dám liều thế."

Seelig trở lại và rót rượu. Kosole rít vào tai gã: "Mày không còn nhớ mày đã nốc rum đến say bí tỉ vì sợ hãi sao? Cái loại mày đi làm chân gác đêm ở nhà xác được đấy, đồ hèn!"

Seelig khoát tay dàn hòa. "Chuyện đã xưa lắm rồi," gã nói, "nay không còn đúng nữa."

Ferdinand lại im lặng. Giá mà Seelig phản ứng gay gắt một lần thôi, chắc chắn sẽ lập tức to chuyện. Nhưng thái độ nhẫn nhục bất thường của gã khiến Kosole choáng và làm anh do dự.

Tjaden hít hà và tất cả chúng tôi cũng héch mũi ngửi. Rượu rum này ngon đây.

Kosole hất đồ ly rượu của anh. "Tao không thèm uống đồ mày mời!"

"Bớ khi," Tjaden kêu lên, "thì anh vẫn có thể đưa em uống hộ mà!"

Cậu ta vội thò ngón tay cô vét chỗ rượu đổ tung tóe trên bàn. Không được bao nhiêu.

Quán bia vắng dần. "Đóng cửa thôi," Seelig nói và hạ cửa cuốn xuống. Chúng tôi đứng dậy.

"Thế nào, Ferdinand?" tôi hỏi. Anh lắc đầu. Anh vẫn không quyết định được. Cái gã chủ quán kia đâu còn là thằng khốn Seelig anh từng biết.

Chủ quán mở cửa tiễn chúng tôi. "Tạm biệt các quý ông, chúc ngon giấc!"

"Các quý ông," Tjaden cười khùng khục, "các quý ông... trước kia thì hẳn gọi là lũ lợn..."

Kosole đã bước ra đến cửa, nhưng anh tình cờ nhìn xuống sàn và thấy chân Seelig vẫn đang mang đôi ủng quen thuộc. Quần của gã cũng là quần

phục với những đường nếp. Thân trên là chủ quán, nhưng thân dưới vẫn nguyên tay thợ sơn ngày nào. Điều này mang tính quyết định.

Ferdinand quay phắt lại. Seelig thụt lùi. Kosole dẫn theo gã.

"Nghe đây," anh gầm gừ, "Schröder! Schröder! Schröder! Mà còn nhớ thằng bé không, đồ chó đáng nguyên rủa? Hãy nhận cái này vì Schröder này! Lời chào tốt đẹp từ năm mô tập thể này!" Anh đấm Seelig.

Gã chủ quán lão đảo, nhảy ra sau quầy và chộp lấy một cái búa gỗ. Gã vung búa đập vào vai, vào mặt Kosole. Nhưng Ferdinand đã đột nhiên nổi điên tới mức không thèm né tránh. Anh thộp lấy Seelig, đập đầu gã xuống mặt quầy khiến ly cốc va lanh canh, rồi anh mở tất cả các vòi bia ra. "Đây, nốc đi, đồ hũ chìm! Mà đáng chết ngạt, chết đuối trong cái máng lợn của mày!" anh nghiến răng rít lên.

"Sai bét," Willy đang đứng ở cửa thích thú theo dõi cuộc ẩu đả đưa ra bình phẩm, "đáng lẽ phải húc bằng đầu rồi giật gỏi nó!"

Không ai trong chúng tôi can thiệp vào. Đây là việc riêng của Kosole.

Ngay cả nếu như anh bị đánh như tử, chúng tôi cũng không được xông vào giúp anh. Chúng tôi chỉ đứng đây để ngăn chặn những kẻ nào đó muốn nhảy ra hỗ trợ Seelig.

Nhưng chẳng ai muốn dây vào nữa, vì chỉ cần dăm ba câu Tiaden đã giải thích rõ chuyện này.

Máu chảy rùng rùng trên mặt Ferdinand; giờ đây anh nổi điên thực sự và nhanh chóng hạ gục Seelig. Bằng một cú gáng mạnh vào cổ họng, anh đánh gã ngã xuống, chồm lên trên người gã và đập lấy đập để đầu gã xuống đất, cho đến khi anh thấy đã tay.

Sau đó chúng tôi bỏ đi. Lina tái xanh mặt mũi đứng trước ông chủ đang thở khò khè của cô.

"Tốt nhất cô hãy đưa hân ta đến bệnh viện," Willy ngoái lại nói. "Mất

khoảng hai ba tuần là lại ổn thôi. Không có gì nghiêm trọng!"

Ra ngoài phố, Kosole mỉm cười nhẹ nhõm như một đứa trẻ, vì giờ đây Schröder đã được báo thù. "Đã quá," anh nói và lau máu trên mặt. Sau đó anh chia tay cho chúng tôi. "Nào, bây giờ tớ phải nhanh nhanh quay về với vợ, kéo chóc nữa cô ấy lại tưởng đâu tớ đã sa vào một cuộc ẩu đả thực sự."

Chúng tôi chia tay trên quảng trường chợ. Jupp và Valentin đi về doanh trại. Gót ủng của họ nện vang trên vỉa hè tràn ngập ánh trăng.

"Tớ rất muốn đi cùng họ," Albert bỗng nói.

"Tớ hiểu," Willy nói, chắc đang nghĩ về con gà trống của mình. "Con người ở đây cứ nhỏ nhen thế nào ấy, hả?"

Tôi gật đầu. "Giờ bọn mình chắc cũng phải sớm quay lại trường học thôi..."

Chúng tôi dừng lại và ngoác miệng cười. Tjaden không thể nén được sự khoái trá khi nghĩ về chuyện đi học lại. Sau đó cậu ta vừa cười vừa đuổi theo Valentin và Jupp.

Willy gãi đầu. "Các cậu tưởng rằng ở trường người ta hoan hỉ mong chờ bọn mình sao? Bọn mình đâu có còn hiền lành dễ bảo như xưa..."

"Bọn người hùng chúng mình chắc chắn ở càng xa họ càng thích,"

Karl nói.

"Tớ tò mò muốn xem vở kịch ấy sẽ diễn ra thế nào," Willy tuyên bố, "với những thằng đã được tôi trong lò luyện thép như bọn mình..."

Cậu ta khẽ nhấc một chân lên và thả một phát rắm kêu rất to. "Ba mươi phân năm," cậu ta hài lòng xác định.

IV.

Khi đơn vị giải thể, chúng tôi phải mang theo vũ khí của mình.

Chúng tôi được lệnh về đến quê nhà mới giao nộp chúng. Lúc này cả bọn đang ở trong doanh trại và giao nộp vũ khí. Đồng thời chúng tôi được thanh toán tiền lương: mỗi người nhận năm mươi mark tiền xuất ngũ và mười lăm mark tiền đi đường. Ngoài ra chúng tôi được cấp phát một áo măng tô, một đôi giày, quần áo lót và một bộ quần phục. Chúng tôi leo lên tận gian áp mái để nhận đồ. Gã thượng sĩ thủ kho hờ hững chỉ tay: "Tự mình chọn đi."

Willy đảo một vòng quanh gian phòng và ngó qua những bộ quần áo đang treo.

"Nghe này," đoạn cậu ta nói với gã thủ kho, giọng kẻ cả, "những cái này anh bạn có thể dành cho bọn tân binh nhé. Toàn đồ lắm cảm từ thời con thuyền Noah. Đưa xem những đồ mới hơn nào!"

"Không có," gã đây tở coi kho gắt gỏng đáp.

"Vậy hả," Willy nói và chăm chú nhìn gã kia một lúc. Đoạn cậu ta móc trong túi ra một hộp thuốc lá bằng nhôm. "Hút thuốc không?"

Gã kia lắc lắc cái đầu hỏi.

"A, vậy anh bạn nhai thuốc chứ?" Willy cho tay vào trong túi áo chên.

"Không."

"Được rồi, thế thì hẳn anh bạn phải uống, hả?" Willy đã nghĩ đến tất cả mọi thứ; cậu ta sờ vào thứ gì đó trôi lên dưới ngực áo.

"Cũng không," con bò coi kho phớt tỉnh đáp.

Vậy thì tở không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc tặng cho anh bạn đôi ba cú vào mồm," Willy thân mật tuyên bố. "Chúng tở sẽ không đi khỏi

đây mà không có những bộ quân phục mới, hoàn hảo."

May sao đúng lúc ấy Jupp xuất hiện. Là thành viên Hội đồng quân nhân, giờ Jupp là một tay có số má. Anh ta nháy mắt với gã đầy tớ coi kho:

"Chỗ đồng hương mà, Heinrich! Bạn cũ cả! Cho họ xem phòng quân trang đi!"

Viên thượng sĩ thủ kho vui vẻ hẳn. "Sao các cậu không nói ngay!"

Chúng tôi đi theo gã vào gian bên trong, ở đó treo toàn những đồ mới. Cả bọn nhanh chóng cởi bỏ bộ đồ sờn rách cũ kỹ rồi mặc đồ mới vào.

Willy tuyên bố cậu ta cần tới hai áo măng tô, đòi trận mạc đã khiến cậu ta trở nên thiếu máu. Con bò coi kho lưỡng lự. Jupp nắm cánh tay gã kéo vào một góc và thương lượng với gã về tiền sinh hoạt phí. Khi cả hai trở lại, gã thượng sĩ đã bình tĩnh. Gã chỉ liếc xéo qua Tjaden và Willy - lúc này người ngợm bỗng phồng hẳn ra - bằng nửa con mắt.

"Thôi được," gã lầm bầm, "việc quái gì đến mình chứ. Đẳng nào thì một số người cũng chẳng hề đến lấy quân trang của họ. Chỗ đó cũng đủ.

Miễn số kho khóp là được."

Chúng tôi ký tên đã nhận đủ tất cả mọi thứ.

"Chẳng phải ban nãy cậu đã nói gì về hút thuốc sao?" gã thượng sĩ hỏi Willy.

Willy cười bối rối lôi hộp thuốc lá ra.

"Và về thuốc nhai nữa?" gã kia tiếp tục.

Willy thò tay vào trong túi áo khoác của mình. "Nhưng anh bạn không uống rượu, đúng chứ?" cậu ta hỏi cho chắc.

"Sao không?" gã thượng sĩ thản nhiên đáp, "thậm chí rượu là thứ mà bác sĩ đã kê đơn trực tiếp cho tôi. Chả là tôi cũng bị thiếu máu. Cậu hãy để cái chai lại đây."

"Gượm đã!" Willy tu một ngụm lớn, để ít nhất cũng cứu vãn được chút

gì. Rồi cậu ta đưa cái chai cho con bọ chét coi kho đang trở mắt ngạc nhiên. Chai rượu vốn dĩ đầy nguyên giờ chỉ còn non nửa.

Jupp tiễn chúng tôi đến cổng doanh trại. "Các cậu có biết ai bây giờ cũng đang ở đây không?" anh ta hỏi. "Max Weil! Trong Hội đồng quân nhân."

"Công việc ấy cũng hợp cậu ta mà," Kosole nói. "Vị trí cực ngon, hả?"

"Cũng tạm tạm," Jupp nói. "Tạm thời Valentin và tớ giữ vị trí này.

Nếu có lúc nào các cậu cần, giả dụ như vé tàu miễn phí hoặc gì đó tương tự, thì cứ đến tớ, tớ ngồi ở nguồn cung mà."

"Cho em một vé đi," tôi nói, "để sắp tới em có thể đi thăm Adolf."

Anh ta rút ra một quyển hóa đơn nhỏ và xé một tờ từ đó.

"Tự điền vào đó. Tất nhiên cậu đi toa hạng hai."

"Xong ngay!"

Ra ngoài phố, Willy cởi cúc áo máng tô. Cậu ta còn cái thứ hai bên trong. "Vào tay tớ vẫn tốt hơn là sau này rơi vào tay một gã đầu cơ," cậu ta nói hờn hậ. "Đến bọn Phở cũng sẽ sẵn sàng cấp thêm cho tớ chiếc măng tô này để bù lại nửa tá mảnh đạn găm trong người tớ."

Chúng tôi đi bộ dọc theo phố chính. Kosole kể chiều hôm nay anh sẽ sửa chuồng bò câu ở nhà. Trước chiến tranh anh từng nuôi chim bồ câu đua thư và bồ câu đen trắng. Bây giờ anh muốn bắt đầu lại việc đó. Khi ở ngoài mặt trận anh đã luôn mơ ước nuôi bồ câu.

"Ngoài ra anh định làm gì nữa, Ferdinand?" tôi hỏi.

"Tìm việc làm," anh nói ngay. "Tớ đã có vợ mà, chú em. Bây giờ luôn phải nghĩ đến chuyện kiếm tiền."

Từ phía nhà thờ Marie đột nhiên vang lên vài tiếng súng. Chúng tôi cảnh giác lắng nghe.

"Súng ngắn quân sự và súng trường 98," Willy sành sỏi tuyên bố.

"Hai khẩu súng ngắn, tớ nghĩ thế."

"Ồ, dù thế nào thì ở đây so với Flandern vẫn là quá yên bình,"

Tjaden cười và vung vẩy đôi giày buộc dây.

Đến trước một cửa hiệu thời trang nam giới, Willy dừng lại. Trong ô kính trưng bày một bộ com lê chất liệu giấy pha sợi cây tầm ma. Nhưng cậu ta không mấy quan tâm đến nó mà mê mẩn ngắm những tờ áp phích thời trang phai màu treo phía sau bộ đồ. Cậu ta vui sướng chỉ lên hình một quý ông thanh lịch có chòm râu dê đang say sưa trò chuyện với một thợ săn.

"Các cậu có biết đó là cái gì không?"

"Một khẩu súng," Kosole nói, mắt nhìn người thợ săn.

"Nhảm nhí," Willy sốt ruột ngắt lời anh, "đây là một chiếc áo đuôi tôm! Đuôi én, anh hiểu chưa? Một nhất bây giờ! Các cậu có biết tớ vừa nảy ý gì không? Tớ sẽ đặt may cho mình một áo đuôi tôm từ chiếc măng tô này.

Tháo hết ra, nhuộm màu đen, cắt may lại, bỏ đi những cái dây... tớ nói cho mà biết, cực bảnh luôn!"

Cậu ta say sưa ra mặt với ý tưởng của mình. Nhưng Karl đã dội cho cậu ta một gáo nước lạnh. "Thế cậu có quần sọc để đánh bộ với áo đuôi tôm chưa?" Karl tỉnh táo hỏi.

Willy sững người trong giây lát. "Tớ sẽ thuồng nó từ tủ quần áo của ông bố." Sau đó cậu ta quyết định: "Tớ sẽ thó thêm cái áo gi lê đám cưới màu trắng của ông già nữa, đồ các cậu hình dung Willy sẽ bảnh bao như thế nào!" Cậu ta nhìn từng người chúng tôi bằng cặp mắt sáng ngời hạnh phúc. "Mẹ kiếp, những người anh em, giờ là lúc tụi mình sẽ sống cho ra sống, hả?"

Tôi trở về nhà và đưa cho mẹ tôi một nửa số tiền xuất ngũ của mình.

"Ludwig Breyer đang ở đây," bà nói. "Cậu ấy đang ngồi đợi trong

phòng của con."

"Hóa ra cậu ấy là trung úy," cha tôi nói thêm.

"Vâng," tôi nói, "cha không biết ả?"

Ludwig trông tươi tỉnh hơn một chút. Bệnh kiết lị của cậu ấy đã đỡ.

Cậu ấy mỉm cười với tôi. "Tớ muốn mượn cậu vài cuốn sách, Ernst."

"Hãy chọn lấy bất cứ cuốn nào cậu muốn, Ludwig," tôi nói.

"Chính cậu không cần chúng ả?" cậu ấy hỏi.

Tôi lắc đầu. "Trước mắt thì không. Hôm qua tớ đã cố thử đọc một chút gì đó. Nhưng thật lạ, tớ không thể tập trung suy nghĩ của mình. Mới đọc được vài trang tớ đã lại nghĩ về cái gì đó hoàn toàn khác. Cứ như có tấm bảng che trước mặt. Cậu muốn đọc tiểu thuyết không?"

"Không," cậu ấy nói và chọn ra vài cuốn sách. Tôi nhìn vào tiêu đề.

"Sao toàn những cuốn nặng nề vậy, Ludwig?" tôi hỏi. "Cậu định làm gì với chúng?"

Cậu ấy mỉm cười bối rối. Sau đó cậu ấy ngập ngừng nói: "Khi ở ngoài mặt trận trong đầu tớ nảy sinh một vài suy nghĩ, Ernst ả, và tớ đã không bao giờ có thể kết hợp chúng lại với nhau. Nhưng bây giờ, khi chiến tranh đã kết thúc, tớ muốn tìm hiểu rất nhiều thứ; tại sao một chuyện tồi tệ đến vậy lại có thể xảy ra với con người, cậu hiểu không, và tất cả diễn ra như thế nào. Có rất nhiều câu hỏi. Cả về bản thân chúng mình.

Trước đây chúng mình đã nghĩ rất khác về cuộc sống. Tớ muốn biết rất nhiều điều, Ernst ả..."

Tôi chỉ vào những cuốn sách cậu ấy đã chọn. "Cậu nghĩ rằng cậu sẽ tìm thấy câu trả lời trong đó?"

"Dù sao tớ cũng muốn thử. Bây giờ tớ đọc từ sáng đến tối."

Cậu ấy nhanh chóng chia tay. Riêng tôi vẫn ngồi trầm tư. Tôi đã làm gì suốt thời gian qua? xấu hổ, tôi với lấy một cuốn sách. Nhưng chẳng bao lâu

sau tôi hạ cuốn sách xuống và nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ. Tôi có thể ngồi hàng giờ đồng hồ nhìn vào hư không. Trước kia rất khác, trước kia tôi luôn biết tôi nên làm những gì.

Mẹ tôi đi vào phòng. "Ernst, tối nay con đến bác Karl chứ?"

"Vâng, con sẽ đi," tôi hơi khó chịu trả lời.

"Bác ấy vẫn thường gửi thực phẩm cho nhà mình," bà nói nhẹ nhàng.

Tôi gật đầu. Bên ngoài cửa sổ, hoàng hôn bắt đầu buông xuống. Giữa những tán cây dẻ thấp thoáng những cái bóng màu xanh. Tôi quay đầu lại.

"Mùa hè nhà mình có hay vào rừng dương chơi không mẹ?" tôi vội hỏi.

"Ồ

trong đó chắc phải đẹp lắm.."

"Không, Ernst, cả năm rồi không đi lần nào."

"Nhưng sao lại không, hả mẹ?" tôi ngạc nhiên hỏi. "Trước kia chủ nhật nào nhà ta cũng ở đó mà."

"Nhà ta hoàn toàn không đi chơi nữa rồi," bà khẽ đáp. "Đi chơi về thường rất đói. Mà nhà ta lại không có gì ăn."

"À, ra thế..." tôi nói chậm rãi, "nhưng bác Karl thì có đủ, phải không ạ?"

"Bác ấy cũng vẫn thường gửi thực phẩm cho nhà ta, Ernst."

Tôi bỗng thấy hơi buồn. "Tất cả những gì đã diễn ra là để làm gì, hả mẹ?" tôi hỏi.

Bà vuốt ve bàn tay tôi. "Chắc phải vì một cái gì đó, Ernst ạ. Đức Chúa của chúng ta hẳn sẽ biết rõ."

Bác Karl là người họ hàng nổi tiếng của gia đình chúng tôi. Ông có một biệt thự riêng và làm việc trong Cục ngân khố quân sự.

Con Sói tháp tùng tôi đi, nhưng nó phải đứng ở ngoài, vì bà bác của tôi không thích chó. Tôi bấm chuông.

Một người đàn ông mặc áo đuôi tôm ra mở cửa. Tôi sững sốt cúi chào. Sau đó tôi mới nghĩ ra chắc hẳn ông ta là đầy tớ. Tôi đã hoàn toàn lãng quên những thứ này trong quân đội.

Người đàn ông nhìn tôi xét nét như thể ông ta là một trung tá mặc thường phục. Tôi mỉm cười, nhưng ông ta không hề mỉm cười lại. Khi tôi cởi áo khoác của tôi, ông ta giơ tay lên, như thể để giúp tôi.

"Khỏi cần," tôi nói, thử giành thiện cảm của ông ta, "là một chiến binh kỳ cựu tôi có thể tự làm được." Rồi tôi tự treo áo khoác lên một cái móc.

Nhưng ông ta im lặng nhấc cái áo xuống và treo nó lên cái móc bên cạnh với vẻ mặt kiêu kỳ.

Đồ cặn bã, tôi rửa thậm và đi tiếp.

Bác Karl bước ra gặp tôi trong tiếng cựa thúc ngựa leng keng. Ông chào tôi với vẻ bề trên, vì tôi chỉ là dân thường. Tôi ngạc nhiên nhìn vào bộ trang phục dạ tiệc lấp lánh của ông.

"Hôm nay xem ra nhà ta có món ngựa nường ạ?" tôi hỏi cốt để pha trò.

"Sao hỏi thế?" ông bác ngạc nhiên.

"Vì bác đeo cựa thúc ngựa đi ăn tối," tôi cười đáp.

Ông bác ném cho tôi một cái nhìn giận dữ. Mặc dù không muốn, có vẻ như tôi đã chạm đúng chỗ đau của ông ấy. Những con lừa hậu phương này quả thực có niềm đam mê đặc biệt về kiếm và cựa thúc ngựa.

Chưa kịp giải thích với ông bác rằng tôi không định xúc phạm ông, thì bác gái của tôi đã sột soạt váy áo đi ra. Người bà vẫn phẳng lì như cái mặt bàn ủi, và đôi mắt đen nhỏ của bà vẫn lấp lánh như trước, giống những cái cúc áo bằng đồng đã được đánh bóng. Trong khi đang thao thao bất tuyệt với tôi, bà vẫn liên tục lia cái nhìn sắc lẹm ra mọi phía.

Tôi hơi bối rối. Tôi thấy quá nhiều người, quá nhiều phụ nữ và trên hết: quá nhiều ánh đèn. Ở mặt trận, may lắm chúng tôi cũng chỉ có một chiếc

đèn dầu. Còn những ngọn đèn chùm ở đây sao mà khắc nghiệt như những con mắt của các nhân viên chấp hành án. Không thể che giấu chúng điều gì. Tôi vụng về gãi lưng.

"Cháu đang làm gì thế?" bà bác ngừng giữa bài thuyết trình hỏi tôi.

"Có lẽ là một con rận còn sót lại," tôi nói, "ngoài mặt trận chúng cháu nhiều rận lắm, tới mức bắt ít nhất cả tuần mới hết..."

Bà kinh hoàng lui lại.

"Bác đừng sợ," tôi trấn an bà, "nó không nhảy được. Rận không phải là bọ chết."

"Vi Chúa!" bà đặt một ngón tay lên miệng, mặt nhón nhó như thể - có trời mới biết - tôi đã nói điều gì đó rất thô bỉ. Nhưng họ là vậy: chúng tôi phải là những anh hùng, nhưng họ không muốn nghe bất cứ điều gì về chấy rận.

Tôi phải bắt tay vô số khách mời và bắt đầu đồ mò hôi. Những người này hoàn toàn khác với chúng tôi ngoài mặt trận. Trước họ, tôi cảm thấy mình vụng về như một cỗ xe tăng. Họ cư xử như những ma nơ canh đang ngồi trong ô kính trưng bày của cửa hàng, và họ nói chuyện như đang diễn trong nhà hát. Tôi cẩn thận cố giấu đôi tay mình đi, vì bùn đất chiến hào vẫn đang ngấm trong đó tựa chất độc. Lén lút, tôi chùi tay vào ống quần, dầu vậy chúng vẫn cứ dẫm nước đúng vào lúc tôi phải bắt tay một quý bà.

Tôi cố ép mình đi loanh quanh và sa vào một nhóm khách đang nghe một cô vắn kiểm toán ba hoa. "Các ông bà thử tưởng tượng xem," ông ta hăng hái nói, "thợ làm yên ngựa nhé! Một thợ làm yên ngựa mà làm tổng thống! Cứ thử hình dung người đứng ra mở tiệc chiêu đãi trọng thể trong cung điện lại là anh thợ làm yên ngựa! Quá nực cười!"

Ông ta phát ho vì kích động. "Bạn sẽ nói gì về việc này, chiến binh trẻ tuổi!" ông ta kêu lên và phát vào vai tôi.

Tôi còn chưa suy nghĩ gì về điều đó. Tôi lúng túng nhún vai. "Có thể ông ấy cũng có chút hiểu biết..."

Ông cố vấn kiểm toán trên trời nhìn tôi giây lát. Đoạn ông ta cười rung cả người vì khoái trá. "Hay lắm," ông ta quang quác, "có thể ông ấy cũng có chút hiểu biết! Không, bạn thân yêu của tôi, cái đó phải là bẩm sinh! Thợ làm yên ngựa! Tại sao không phải là thợ may hay thợ đóng giày luôn cho rồi?"

Ông ta quay lại nói chuyện với những người khác. Những lời lảng nhãng của ông ta làm tôi bực mình. Tôi bực mình vì ông ta chê bai thợ đóng giày. Họ là những người lính giỏi, không hề kém cạnh các quý ông có học. Adolf Bethke là một thợ đóng giày, và anh ấy hiểu biết về chiến tranh hơn nhiều thiếu tá khác. Trên chiến trường, chúng tôi đánh giá cao con người chứ không phải nghề nghiệp. Tôi ác cảm nhìn ông cố vấn kiểm toán.

Lúc này ông ta đang phun ra những lời trích dẫn; có thể thực sự ông ta đã xoi nhiều thìa học vấn, nhưng nếu tôi ở vào hoàn cảnh cần ai đó cứu mình khỏi vòng lửa đạn, tôi ngàn lần thà chọn Adolf Bethke chứ không phải ông ta.

Ông ta quay lại nói chuyện với những người khác. Những lời lảng nhãng của ông ta làm tôi bực mình. Tôi bực mình vì ông ta chê bai thợ đóng giày. Họ là những người lính giỏi, không hề kém cạnh các quý ông có học. Adolf Bethke là một thợ đóng giày, và anh ấy hiểu biết về chiến tranh hơn nhiều thiếu tá khác. Trên chiến trường, chúng tôi đánh giá cao con người chứ không phải nghề nghiệp. Tôi ác cảm nhìn ông cố vấn kiểm toán.

Lúc này ông ta đang phun ra những lời trích dẫn; có thể thực sự ông ta đã xoi nhiều thìa học vấn, nhưng nếu tôi ở vào hoàn cảnh cần ai đó cứu mình khỏi vòng lửa đạn, tôi ngàn lần thà chọn Adolf Bethke chứ không phải ông ta.

Tôi mừng khi cuối cùng chúng tôi cũng ngồi vào bàn ăn. Bên cạnh tôi là một cô gái trẻ quấn chiếc khăn bằng lông thiên nga quanh cổ. Tôi thích cô, nhưng không biết nói chuyện gì với cô. Là lính bạn đã ít nói, lại càng chẳng bao giờ nói chuyện với phụ nữ. Những người khác trò chuyện sôi nổi. Tôi cố gắng lắng nghe để học hỏi phần nào.

Ngồi ở đầu bàn, ông cố vấn kiểm toán đang tuyên bố giá mà chúng ta cố chịu đựng thêm hai tháng nữa, chúng ta đã chiến thắng. Những lời nhảm nhí vô nghĩa đó làm tôi muốn ói bởi vì bất kỳ người lính nào cũng đều biết rõ là chúng tôi đơn giản không còn đạn dược và quân dự trữ. Một quý bà ngồi đối diện ông ta kể về người chồng chết trận với vẻ quan trọng như thể chính bà ta đã ngã xuống chứ không phải ông chồng. Xa hơn, ở phía cuối bàn, người ta đang bàn tán về cổ phiếu và các điều khoản của hòa bình, và cố nhiên mọi quý ngài ngồi đây đều am hiểu vấn đề này hơn so với những người thực sự liên quan tới nó. Một gã đàn ông có cái mũi khoằm kể câu chuyện về vợ của bạn mình với vẻ thương xót giả tạo và sự hả hê ngấm ngầm khó giấu, khiến tôi chỉ muốn liệng một cái ly vào mồm gã.

Tất cả những lời ba hoa ngu ngốc này làm đầu óc tôi mụ mị, và tôi sắp sửa không thể theo dõi các câu chuyện được nữa. Cô gái với chiếc khăn lông thiên nga giẽu cợt hỏi tôi liệu có phải tôi đã bị câm ở mặt trận không.

"Không," tôi đáp và thầm nghĩ: giá Kosole và Tjaden đang ngồi đây giữa cái đám các người, họ sẽ tha hồ cười về những thứ nhảm nhí mà các người tuôn ra, những thứ mà các người lấy làm kiêu hãnh lắm. Nhưng dẫu sao tôi vẫn bực vì đã không đưa ra được một nhận xét xác đáng, thể hiện những gì tôi đang nghĩ.

Sáng danh Chúa, đúng lúc này món sườn rán giòn đã xuất hiện trên bàn. Tôi phồng mũi hít hà. Sườn lợn chính công chiên bằng mỡ chính công.

Chỉ nhìn mà tiêu tan mọi sự khó chịu. Tôi lấy một miếng to và bắt đầu

khoan khoái nhai. Ngon tuyệt vời. Đã lâu lắm rồi tôi mới lại được ăn sườn tươi. Lần cuối cùng là ở Plandern - vào một buổi tối mùa hè vô cùng mát mẻ, chúng tôi bắt được hai con heo con, chúng tôi ăn sạch, gặm đến tận xương - khi đó Kaczinsky còn sống - ôi cả Kat, và Haie Westhus nữa, đó là những chàng trai thực thụ khác xa những ké ở hậu phương quê tôi - tôi chống khuỷu tay lên bàn và quên đi mọi thứ xung quanh, tôi nhìn thấy họ rất gần trước mặt mình. Hai chú lợn con rất mềm - chúng tôi đã nướng bánh khoai tây - và có mặt cả Leer và Paul Bäumer - phải, Paul nữa - tôi không nghe, không thấy gì nữa, tôi hoàn toàn chìm đắm trong ký ức...

Một tiếng cười khúc khích làm tôi choàng tỉnh. Quanh bàn đã trở nên hoàn toàn im ắng. Bà bác Lina trông chẳng khác gì một chai giấm. Cô gái bên cạnh tôi thì đang cố nén cười. Tất cả đều nhìn về phía tôi.

Cả người tôi bỗng túa mồ hôi. Thì ra tôi đang ngồi như ở Plandern, quên hết trời đất, khuỷu tay chống trên bàn, tay nắm chặt khúc xương, các ngón tay đầy mỡ, và gặm lầy gặm để khúc sườn - trong khi những người khác đều đang hoàng ăn với dao và đĩa.

Mặt đỏ dừ, tôi trân trối nhìn ra phía trước mặt và đặt cái xương xuống đĩa.

Sao tôi lại có thể nhặng đi như thế được? Nhưng tôi không quen ăn kiểu khác: ở mặt trận chúng tôi đã luôn luôn ăn như vậy, giỏi lắm thì chúng tôi có một cái thìa hoặc một cái đĩa, nhưng đĩa thì không bao giờ có.

Một sự tức giận bỗng len vào cơn xấu hổ của tôi. Tức giận ông bác Karl này, người đang bắt đầu lớn tiếng nói về trái phiếu chiến tranh; tức giận tất cả những kẻ đang ra vẻ ta đây với những lời nói thông thái; tức giận toàn bộ thế giới này, cái thế giới vẫn thản nhiên sống vô tư với những lợi ích nhỏ nhen đáng thương của mình, như thể chưa từng tồn tại những năm ghê rợn, khi chỉ có duy nhất một thứ: chết hoặc sống, ngoài ra không còn gì

nữa.

Lặng lẽ và buống bình, tôi nhồi nhét vào bụng tất tạt món gì có thể vớ được, tôi muốn ít ra cũng có một bữa no nê. Khi cơ hội đến, tôi linh ra ngoài.

Ở phòng giữ áo vẫn là gã đầy tớ mặc áo đuôi tôm. Tôi lấy áo của mình và găm ghè: "Lẽ ra chúng tao cũng phải được may hầu ngoài mặt trận, đồ con khỉ hào nhoáng! May và cả bè lũ ở đây!" Đoạn tôi đóng sầm cánh cửa.

Sói đang chờ tôi bên ngoài. Nó vui mừng nhảy lên nhìn tôi.

"Đi thôi, Sói!" tôi nói, và đột nhiên nhận ra rằng không phải rắc rối với món sườn rán, mà chính là cái tinh thần tự mãn, cổ hủ ngày nào giờ vẫn đang khoác lác và ra vẻ ta đây ở chốn này đã làm tôi rất tức giận.

"Đi nào, Sói!" tôi lặp lại, "Bọn người này xa lạ với tụi mình! Thà chơi với bất kỳ thằng lính Anh hay lính Pháp nào còn dễ hơn với lũ ấy. Nào, đến với anh em đồng đội thôi! Ở bên họ tốt hơn, cho dù họ ăn bốc và ợ hơi!

Đi nào!"

Chúng tôi chạy đi, con chó và tôi, chúng tôi cắm đầu chạy nhanh nhất có thể, nhanh nữa, nhanh nữa, thở hỏn hển, sủa, chúng tôi chạy như điên với đôi mắt lấp lánh... Kệ cho tạt cả đi với quỷ Satan, chúng ta đang sống, nghe không Sói, chúng ta đang sống!

V.

Ludwig Breyer, Albert Troßke và tôi đang trên đường đến trường, cần phải bắt đầu lại những bài học. Chúng tôi từng là học sinh của trường Sư phạm, và người ta đã không tổ chức kỳ thi tốt nghiệp sớm cho chúng tôi. Các chiến binh từ trường trung học may mắn hơn. Nhiều người trong số họ đã kịp thi tốt nghiệp trước khi vào lính hoặc trong kỳ nghỉ phép, số còn lại trong đám lính không được may mắn như vậy, bắt buộc phải trở lại lớp học. Karl Bröger cũng vậy.

Chúng tôi đi ngang qua nhà thờ. Những tấm đồng màu xanh lá cây trên các tòa tháp đã bị dỡ và thay vào đó là những tấm tôn lợp xám xịt. Mái vòm phủ rêu và gỉ sét, vì vậy nhà thờ trông gần giống một nhà máy.

Những tấm đồng đã bị đun chảy đúc lựu đạn.

"Thậm chí trong mơ đúc Chúa trời cũng không ngờ có cảnh này,"

Albert nói.

Tòa nhà hai tầng của trường Sư phạm nằm trong một ngõ cụt phía tây của nhà thờ. Trường trung học nằm chênh chếch phía trước. Xa hơn là con sông và hàng cây bồ đề. Trước khi chúng tôi đi lính, những tòa nhà này là toàn bộ thế giới của chúng tôi. Sau đó, các chiến hào đã thay thế chúng. Bây giờ chúng tôi lại ở đây. Nhưng đây không còn là thế giới của chúng tôi. Các chiến hào vẫn mạnh hơn.

Đến trước trường trung học, chúng tôi gặp người bạn chơi chung từ thuở bé là Georg Rahe. Cậu ta từng là trung úy và chỉ huy đại đội, hoàn toàn có cơ hội để thi tốt nghiệp, nhưng hễ nghỉ phép là cậu ta chỉ uống rượu và ngồi không, chẳng nghĩ gì đến tấm bằng tốt nghiệp trung học. Vì vậy, cậu ta phải về học lại năm cuối, nơi cậu ta đã bị lưu ban tới hai lần.

"Thế nào Georg," tôi hỏi, "có phải ở mặt trận cậu đã trở thành chuyên gia số một về tiếng Latinh không?"

Cậu ta cười và sai bước với đôi chân dài như cẳng cò vào trường trung học. "Cậu coi chừng đừng để bị xoi điếm bốn hạnh kiểm nhé," cậu ta gọi với theo tôi.

Trong sáu tháng chiến tranh cuối cùng cậu ta là phi công. Cậu ta đã bắn rơi bốn máy bay của người Anh, nhưng tôi không nghĩ rằng cậu ta còn có thể chứng minh được định lý Pythagore.

Chúng tôi đi tiếp đến trường Sư phạm. Ngõ hẻm chen chúc những bộ quân phục. Xuất hiện những gương mặt gần như đã quên, những cái tên hàng năm trời không nghe nói đến. Hans Walldorf khập khiễng tiến lại gần. Tháng mười một dập nát về hậu cứ. Cậu ấy đã bị cưa chân đến tận đùi. Giờ đây cậu ấy mang một chiếc chân giả nặng có khớp nối gỗ âm ỉ mỗi khi bước đi. Kurt Leipold xuất hiện và cười cười tự giới thiệu: "Götz von Berlichingen[1] với bàn tay sắt". Tay phải của cậu ta là một cánh tay giả.

Rồi một người đi ra từ góc cổng và nói líu ríu: "Còn tớ, chắc các cậu không nhận ra, hả?"

1. Götz von Berlichingen (1480 - 1562) là một hiệp sĩ đánh thuê nổi tiếng trong lịch sử Đức.

Tôi nhìn vào gương mặt, đúng ra là thứ còn lại của gương mặt. Một vết sẹo đỏ, rộng cắt ngang trán, kéo dài đến tận con mắt trái, nơi đó một cục thịt mọc lồi lên, khiến con mắt nhỏ lại và tụt sâu vào trong. Nhưng vẫn còn là con mắt. Mắt phải bất động, chỉ là một viên thủy tinh. Mũi đã biến mất, một miếng vải đen che đi chỗ đó. Mấy vết sẹo chạy ra từ bên dưới miếng vải cắt ngang miệng hai lần. Sẹo nơi miệng chỗ lồi lên, chỗ rúm rỏ, nên tiếng nói khó nghe. Răng toàn răng giả, nhìn thấy cả khung đỡ. Tôi phân vân nhìn mà không đoán được. Cái giọng líu ríu bèn nói: "Paul

Rademacher."

Bây giờ thì tôi nhận ra cậu ta. Đúng rồi, đây là bộ đồ màu xám có sọc của cậu ta. "Chào Paul, cậu thế nào?"

"Cậu thấy đấy," cậu ta cố chu môi, "hai cú táng bằng xẻng. Lại được thêm cái này nữa." Cậu ta giơ bàn tay thiếu mất ba ngón. Cậu ta buồn rầu nháy một con mắt của mình. Mắt kia nhìn thẳng bất động. "Giá mà tớ biết, liệu tớ còn có thể trở thành thầy giáo được không. Tớ nói quá tẻ. Cậu nghe có hiểu tớ không?"

"Hiểu tốt," tôi nói. "Mà rồi từ từ sẽ ổn dần. Sau này chắc còn có thể phẫu thuật lại."

Cậu ta nhún vai và im lặng. Xem ra cậu ta không hy vọng nhiều. Nếu có thể phẫu thuật thì người ta đã làm. Willy vội vã phi đến chỗ chúng tôi để thuật lại những sự kiện mới nhất. Chúng tôi nghe tin Borkmann chết vì vết thương ở phổi. Cậu ta bị mắc thêm bệnh lao phổi tiến triển nhanh.

Henze đã tự sát bằng súng khi biết rằng với vết thương ở tủy sống, mình sẽ chỉ còn nước ngồi xe lăn suốt đời. Điều này có thể hiểu được: cậu ấy từng là cầu thủ bóng đá giỏi nhất của chúng tôi. Meyer chết trận trong tháng chín, Lichtenfeld vào tháng sáu. Lichtenfeld mới ra trận được hai ngày.

Đột nhiên chúng tôi sững lại giữa câu chuyện. Một anh chàng xấu xí, nhỏ thó đứng trước chúng tôi.

"Cái gì, Westerholt đây sao?" Willy nghi ngờ hỏi.

"Vẫn tớ đây, đồ năm ruồi!" cậu kia trả lời.

Willy sững sốt. "Tớ cứ ngỡ cậu chết rồi."

"Vẫn chưa," Westerholt đáp thoải mái.

"Nhưng tớ đã đọc được trên báo hẳn hoi."

"Thì là thông tin sai," anh chàng nhỏ thó nhoẻn cười.

"Thật không thể tin vào cái gì nữa," Willy lắc đầu nói. "Tớ cứ nghĩ lũ giun đã xơi xong cậu từ lâu rồi."

"Sau cậu, Willy!" Westerholt tự mãn đáp. "Cậu sẽ đi gặp chúng trước. Những người tóc đỏ có bao giờ sống thọ đâu."

Chúng tôi đi vào trường. Cái sân, nơi chúng tôi thường ăn bánh mì bơ lúc mười giờ, các phòng học với bảng đen và ghế băng, hành lang với những dây móc treo mũ - tất cả vẫn y nguyên như trước, nhưng với chúng tôi dường như chúng xuất hiện từ một thế giới khác. Chúng tôi chỉ nhận ra mùi của những căn phòng tranh tối tranh sáng này; mùi không nồng lắm, nhưng giống mùi trong các doanh trại.

Chiếc đàn organ lớn với hàng trăm cái ống sáng lấp lánh trong hội trường. Nhóm giáo viên đứng bên phải đàn. Trên bục hiệu trưởng có hai chậu cây, lá lầu như bằng da thuộc. Trước bục treo một vòng hoa nguyệt quế với những dải ruy băng. Ông hiệu trưởng mặc áo choàng dài. Nghĩa là sẽ có một buổi lễ chào mừng trọng thể. Chúng tôi đứng chen chúc túm tụm thành một đám. Không ai muốn đứng ở hàng đầu. Chỉ có Willy hồn nhiên đứng lên phía trước. Mái tóc đỏ của cậu ta sáng lên trong bóng tối nhập nhoạng của gian phòng hết như ngọn đèn đỏ trong quán rượu.

Tôi quan sát đám giáo viên. Trước kia với chúng tôi họ có ý nghĩa nhiều hơn những người khác; không chỉ vì họ là bề trên, mà vì về căn bản chúng tôi tin họ, cho dù đôi lúc có lấy họ ra làm trò đùa. Còn nay trong mắt chúng tôi họ chỉ là một nhóm người lớn tuổi hơn, những người chúng tôi thân ái xem thường.

Lúc này họ đang đứng kia và muốn dạy dỗ lại chúng tôi. Nhìn họ thì thấy họ sẵn sàng hạ bót lòng tự tôn. Nhưng họ có thể dạy chúng tôi gì chứ?

Giờ đây chúng tôi hiểu đời hơn họ, chúng tôi đã có được những kiến thức khác, gian khổ, đẫm máu, tàn khốc và không khoan nhượng. Lẽ ra

hôm nay chúng tôi có thể dạy họ, nhưng họ đâu cần!... Nếu bây giờ có một cuộc tấn công bất ngờ vào hội trường, chắc hẳn họ sẽ sợ hãi và bất lực như một lũ thỏ nhảy tán loạn không biết chui vào đâu, trong khi không ai trong chúng tôi mất bình tĩnh. Bình tĩnh và cương quyết, chúng tôi sẽ lập tức hành động hợp lý nhất, cụ thể là nhốt họ lại để họ không làm vướng chúng tôi, và bắt đầu đánh trả đối phương.

Hiệu trưởng hăng giọng bắt đầu bài phát biểu. Những lời nói tròn trịa và trơn tru tuôn ra khỏi miệng ông. Phải thừa nhận ông là một diễn giả tuyệt vời. Ông nói về cuộc chiến đấu anh hùng của các binh đoàn, về trận đánh, về chiến công và lòng can đảm. Nhưng bất chấp những lời đẹp đẽ, tôi cảm thấy nhói đau, có lẽ chính do những lời đẹp đẽ đó. Cuộc chiến đấu có trôi chảy và tròn trịa như vậy. Tôi nhìn Ludwig, cậu ấy nhìn tôi; Albert, Walldorf, Westerholt, Reinersmann, những lời kia chẳng thuận tai ai cả.

Ông hiệu trưởng càng nói càng phân khích. Lúc này ông không chỉ tôn vinh những người hùng ngoài mặt trận, mà cả những anh hùng lặng lẽ ở hậu phương.

"Cả chúng ta ở quê hương cũng đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của mình, chúng ta đã đồng cam cộng khổ và chịu đói vì binh sĩ của chúng ta, chúng ta đã lo sợ, đã run rẩy, đã sống một cuộc sống vất vả, và nhiều khi việc gồng mình chịu đựng đối với chúng ta có lẽ còn khó hơn là đối với những người lính dũng cảm của chúng ta ngoài mặt trận..."

"Ái chà," Westerholt nói. Tiếng xì xầm nổi lên. Ông già liếc xéo về phía chúng tôi và tiếp tục: "Hiển nhiên chúng ta không thể đem so sánh những công trạng của mình. Các bạn đã chẳng hề sợ hãi nhìn thẳng vào bộ mặt sắt đá của thần chết và đã hoàn thành nghĩa vụ to lớn của mình, và cho dù thắng lợi cuối cùng đã không thuộc về chúng ta, giờ đây chúng ta hãy sát cánh bên nhau hơn nữa trong tình yêu nồng nàn với Tổ quốc vừa trải qua

bao thử thách nặng nề. Chúng ta hãy xây dựng lại bất chấp mọi thế lực thù địch, theo tinh thần của thi hào bậc thầy Goethe[1] , người đã bền bỉ xuyên nhiều thế kỷ nhắc nhở đến tận thời buổi rối ren này của chúng ta: Hãy tranh đấu chống lại mọi cường quyền!"

1. Johann Wolfgang von Goethe (1749 — 1832) là đại thi hào người Đức.

Một số tác phẩm nổi tiếng của ông bao gồm: Faust, Nỗi đau của chàng Werther...

Ông hiệu trưởng hạ giọng chuyển sang phần thứ ba của buổi giảng đạo. Lúc này giọng ông như đeo khăn tang và mới xúc dầu thánh. Có sự chuyển động lan tỏa trong đám tối sẫm của các giáo viên. Gương mặt họ đầy tập trung và nghiêm trang.

"Đặc biệt, chúng ta muốn tưởng nhớ các em học sinh của trường chúng ta đã ngã xuống; họ đã hăng hái xung phong ra chiến trường để bảo vệ quê hương và đã nằm lại trên miền đất của danh dự. Hai mươi một chàng trai không còn ở bên chúng ta — hai mươi một chiến sĩ đã hy sinh oanh liệt trong chiến đấu — hai mươi một anh hùng đã yên nghỉ trên mảnh đất xa lạ, rời xa những tiếng gầm của trận chiến và ngủ giấc ngủ vĩnh hằng dưới thảm cỏ xanh..."

Đúng lúc đó vang lên một tiếng cười to, khô khốc. Ông hiệu trưởng khó chịu, lúng túng dừng lại. Tiếng cười bắt đầu từ Willy đang đứng đó với vóc dáng to kình càng như cái tủ. Mặt cậu ta đỏ tía vì quá tức giận.

"Thảm cỏ xanh, thảm cỏ xanh..." cậu ta lắp bắp, "giấc ngủ vĩnh hằng sao? Họ đang nằm trong những hố đạn bắn thủ, bị bắn nát người, thân xác te tua, bị chìm trong bùn... Thảm cỏ xanh! Chúng tôi ở đây không phải trong giờ học hát!" Cậu ta vung tay như một cái cối xay gió trong cơn bão.

Hy sinh oanh liệt! Các người tưởng tượng mới hay ho chứ! Ông có

muốn biết Hoyer bé nhỏ đã chết như thế nào không? Cả ngày cậu ấy nằm trên hàng dây thép gai và la hét, và từ bụng cậu ấy ruột xỏ ra treo lủng lẳng như mì ống. Rồi một mảnh đạn pháo đã cắt lìa các ngón tay của cậu ấy, hai giờ sau phạt đứt thêm một phần chân, vậy mà cậu ấy vẫn còn sống và vẫn cố gắng lấy bàn tay còn lại nhét đóng ruột vào bụng, và phải đến tối cậu ấy mới tắt thở. Vào ban đêm, khi chúng tôi mò được đến nơi, người cậu ấy đã bị thủng lỗ chỗ như cái sàng. Ông hãy thử kể cho mẹ cậu ấy nghe xem cậu ấy chết như thế nào, nếu ông có can đảm!"

Hiệu trưởng tái mặt. Ông không biết nên làm gì: nghiêm khắc để giữ kỷ luật hay xoa dịu chúng tôi. Nhưng ông không kịp lựa chọn giải pháp nào.

"Ngài hiệu trưởng," Albert Troßke bắt đầu, "chúng tôi đứng đây không phải để nghe ông nói rằng chúng tôi đã thực hiện tốt phần việc của mình, mặc dù đáng tiếc chúng tôi đã không thể giành chiến thắng. Cút!

Chúng tôi ỉa vào nó!"

Hiệu trưởng giật nảy người, cả khối các giáo viên rùng mình cùng với ông ta, hội trường chao đảo, đàn organ đang run bần bật.

"Tôi buộc phải yêu cầu, ít nhất là cách trình bày..." ông phẫn nộ cố thử phản đối.

"Cút, cút và lại cút nữa!" Albert lặp lại. "Đó là ba từ đầu lưỡi của chúng tôi trong suốt những năm qua, rốt cuộc ông cũng phải biết điều đó!

Ở mặt trận, nếu chúng tôi bị rơi vào tình huống tồi tệ làm chúng tôi quên tất cả những thứ vô nghĩa các ông từng nhồi vào đầu chúng tôi, chúng tôi nghiêng rãnh và nói 'cút', rồi sau đó mọi việc tiếp diễn như thường. Ông dường như không hề hay biết điều gì đang xảy ra! Đến đây không phải là các cậu bé dững cảm, không phải là các học sinh thân yêu, đến đây là những người lính!"

Nhưng, thưa các vị," ông già kêu lên gần như van nài, "đây là một sự

hiểu lắm, một sự hiểu lắm đau đớn..."

Ông không thể nói hết câu. Ông bị ngắt lời bởi Helmut Reinersmann, người đã kéo cậu em trai bị thương ra khỏi làn lửa đạn dữ dội ở Yser và khi mang được về đến trạm cứu thương thì cậu em đã chết.

"Họ đã hy sinh," anh ta nổi điên nói, "họ đã hy sinh không phải để kẻ khác diễn thuyết về việc đó. Họ là anh em đồng đội của chúng tôi, và chúng tôi không muốn người ta ba hoa về họ!"

Cả hội trường trở nên hỗn loạn, ồn ào. Ông hiệu trưởng đứng đờ vì sốc và hoàn toàn bất lực. Đám giáo viên giống như một đàn gà mái bị xua tón tác. Chỉ có hai giáo viên giữ được bình tĩnh. Họ từng là lính.

Ông già thử xoa dịu chúng tôi bằng mọi cách. Nhưng chúng tôi quá đông, và Willy to mồm đứng chặn ngay trước mặt ông. Ai mà biết được những kẻ hoang dã này còn giờ những trò gì, biết đâu chỉ vài phút nữa chúng còn dám rút cả lựu đạn từ trong túi ra nữa. Ông hiệu trưởng vung vẩy hai cánh tay giống như một thiên sứ vỡ đôi cánh. Nhưng không ai thèm nghe ông nói.

Nhưng đột nhiên tiếng ồn ào lắng xuống. Ludwig Breyer đã bước về phía trước. Yên tĩnh trở lại.

"Ngài hiệu trưởng," Ludwig nói với giọng nói rõ ràng của mình, "ngài đã thấy cuộc chiến tranh theo cách riêng của ngài. Với những lá cờ bay phấp phới, với sự hân hoan và khúc quân hành. Nhưng ngài chỉ nhìn thấy nó không xa hơn nhà ga, nơi chúng tôi lên tàu ra mặt trận. Chúng tôi không vì thế mà muốn trách cứ ngài. Tất cả chúng tôi cũng đều đã từng nghĩ như ngài. Nhưng bây giờ chúng tôi đã biết mặt kia của tấm huân chương. Những hưng phấn năm 1914 đã nhanh chóng tan biến. Dù sao chúng tôi vẫn kiên trì đứng vững, bởi vì một cái gì đó sâu sắc hơn đã gắn kết chúng tôi lại với nhau, một cái gì đó chỉ sinh ra ngoài mặt trận, một thứ trách

nhiệm mà ngài không hề biết và người ta không thể nói về nó."

Trong một khoảnh khắc Ludwig nhìn thẳng vào khoảng xa xăm phía trước. Đoạn câu ấy vượt trán và tiếp tục nói:

"Chúng tôi không đòi hỏi ngài phải chịu trách nhiệm. Điều đó thật ngu ngốc, bởi vì khi đó không ai biết trước điều gì sẽ xảy ra. Nhưng chúng tôi yêu cầu ngài đừng có một lần nữa áp đặt chúng tôi nên suy nghĩ như thế nào về những điều này. Chúng tôi đã hăng hái ra trận với từ 'Tổ quốc'

trên môi, và chúng tôi đã lặng lẽ trở về với khái niệm 'Tổ quốc' cất giấu trong tim. Vì thế bây giờ chúng tôi yêu cầu ngài hãy im lặng. Hãy vứt bỏ những lời đao to búa lớn. Chúng không còn phù hợp với chúng tôi. Chúng cũng không phù hợp với đồng đội đã ngã xuống của chúng tôi. Chúng tôi đã tận mắt thấy họ chết. Các ký ức về điều đó vẫn còn rất sống động nên chúng tôi không thể chịu đựng được khi người ta nói về nó theo cách ngài đã nói. Họ đã hy sinh cho những điều lớn hơn thế."

Hội trường hoàn toàn yên lặng. Ông hiệu trưởng ép chặt hai bàn tay vào nhau. "Nhưng anh Breyer," ông nhẹ nhàng nói, "tôi hoàn toàn không có ý đó."

Ludwig im lặng.

Đợi một chút, ông tiếp tục: "Vậy hãy nói với tôi các anh muốn gì."

Chúng tôi nhìn nhau. Chúng tôi muốn gì? Vâng, giá như có thể nói được dễ dàng trong một hai câu. Một cảm giác mạnh mẽ sôi sục mơ hồ trong chúng tôi, nhưng làm sao diễn tả bằng lời? Những lời đó chúng tôi chưa có. Có lẽ chúng tôi sẽ nghĩ ra sau!

Im lặng giây lát, rồi Westerholt chen lên phía trước và đứng ngay trước mặt ông hiệu trưởng. "Chúng ta hãy nói chuyện thực tế," cậu ta nói.

"Hiện giờ đó mới là việc cần thiết nhất. Ngài định làm thế nào với đám chúng tôi? Ở đây có bảy mươi người lính trở lại ghé nhà trường. Tôi nói

thẳng với ngài thế này: chúng tôi hầu như không nhớ tí gì kiến thức sách vở của các ngài, nhưng chúng tôi không có hứng thú mài đũa quần ở đây lâu nữa đâu."

Ông hiệu trưởng cố dần lòng. Ông giải thích rằng chưa có hướng dẫn từ cấp trên về việc này. Do đó tạm thời chúng tôi cũng sẽ quay lại các lớp mà từ đó chúng tôi đã ra đi. Sau này sẽ rõ những gì cần làm.

Đáp lời ông là những tiếng rì rầm xen lẫn tiếng cười.

"Có lẽ chính ông cũng không tin là chúng tôi sẽ ngồi cùng bàn với lũ nhóc chưa từng là lính và sẽ ngoan ngoãn giơ tay khi muốn trả lời các câu hỏi," Willy tức giận nói. "Chúng tôi sẽ học cùng nhau."

Phải tới lúc này chúng tôi mới thực sự nhận thấy mọi thứ ở đây thật buồn cười làm sao. Trong nhiều năm qua chúng tôi đã được phép bắn, đâm và giết... Vậy mà bây giờ việc chúng tôi đã rời lớp năm thứ hai hay ba để ra trận lại hóa ra quan trọng. Một số người đã có thể giải phương trình có hai ẩn số, số khác lại mới chỉ giải được loại có một ẩn số. Đó là những khác biệt có giá trị ở đây.

Hiệu trưởng hứa sẽ làm đơn xin mở chương trình dạy đặc biệt cho những người lính.

"Chúng tôi không thể chờ đợi được," Albert Troßke nói ngắn gọn.

"Tốt hơn là chúng tôi tự làm đơn."

Hiệu trưởng không ý kiến gì, ông im lặng bước ra cửa.

Các giáo viên theo sau. Chúng tôi cũng bước ra ngoài. Tuy nhiên trước khi bỏ đi, Willy không hài lòng vì sự việc đã trôi qua quá yên tĩnh bèn quăng cả hai chậu hoa trên bục giảng xuống đất.

"Đằng nào xưa nay tớ cũng chưa bao giờ chịu đựng nổi cái thứ rau này," cậu ta tức tối nói. Cậu ta còn chụp vòng hoa nguyệt quế vào đầu Westerholt. "Mang về mà nấu xúp cho cậu!"

Những cái tàu và những điều kì lạ tỏa khói. Chúng tôi ngồi họp cùng với các cựu chiến binh của trường trung học. Khoảng hơn một trăm chiến sĩ, mười tám trung úy ba mươi thượng sĩ và hạ sĩ quan. Westerholt mang theo một cuốn nội quy cũ của trường và đọc to cho cả bọn nghe. Cậu ta luôn phải dừng lại giữa chừng, vì cứ sau mỗi đoạn cả bọn lại phá lên cười. Chúng tôi không thể hiểu được làm sao cái thứ nội quy này lại từng được chúng tôi tuân theo.

Westerholt đặc biệt chế nhạo việc trước đây cứ sau bảy giờ tối là chúng tôi không được ra phố nếu không được giáo viên chủ nhiệm cho phép. Nhưng Willy đã hạ nhiệt cậu ta.

"Thôi đi, Alwin," Willy chĩa vào Westerholt kêu lên. "Cậu đã làm giáo viên chủ nhiệm của cậu mất mặt hơn bất kỳ ai khác. Cậu đã được báo tử."

Ngài hiệu trưởng đã vô cùng xúc động đọc một bài điều trần tưởng nhớ cậu, ca ngợi cậu là một anh hùng, một học sinh mẫu mực, vậy mà sau tất cả những thứ đó cậu còn vô liêm sỉ lù lù dẫn xác về! Ông già lúc này đang bối rối kinh khủng. Bây giờ ông ấy phải rút lại tất cả những lời lẽ tốt đẹp mà ông ấy đã dành cho cậu khi cậu còn là một xác chết - là vì chắc chắn trong môn đại số và tập làm văn cậu vẫn dốt như xưa."

Chúng tôi bầu chọn các thành viên Hội đồng học sinh; vì các giáo viên có thể vẫn thích họp để nhồi cho chúng tôi chút kiến thức thi cử, nhưng cai quản chúng tôi thì không đến lượt họ. Chúng tôi bầu Ludwig Breyer, Helmuth Reinersmann và Albert Troßke vào Hội đồng học sinh trường Su phạm, bên trường trung học là Georg Rahe và Karl Bröger.

Ngay sau đó, chúng tôi chỉ định ba đại diện cho chuyến đi gặp chính quyền tỉnh và Bộ Giáo dục vào ngày mai để trình bày các yêu cầu của chúng tôi về thời gian học và các kỳ thi. Willy, Westerholt và Albert được chọn. Ludwig không thể đi vì cậu ấy chưa đủ khỏe.

Ba người được nhận giấy chứng minh quân sự và vé tàu miễn phí, chúng tôi có sẵn cả đồng những tập vé. Chúng tôi cũng có đủ sĩ quan và ủy viên Hội đồng quân nhân để ký giấy tờ.

Helmuth Reinersmann ra tay chỉnh trang vẻ ngoài của ba anh chàng sao cho phù hợp. Anh yêu cầu Willy để lại nhà cái áo choàng mới mà cậu ấy vừa lấy được ở kho quân trang và mặc cái áo chèn vá vịu, bị đạn thủng lỗ chỗ cho hành trình lần này.

"Sao phải thế chứ?" Willy ngạc nhiên hỏi.

"Với mấy con chuột cống văn phòng thì cái này hiệu quả hơn cả trăm lý do khác!" Helmuth giải thích.

Willy không chịu, bởi cậu ta tự hào về cái áo mới của mình và dự định sẽ phô nó trong các quán cà phê phổ thông.

"Nếu tớ đập bàn khi nói chuyện với Hội đồng giáo dục thì cũng hiệu quả như thế," cậu ta bướng bỉnh nói.

Nhưng Helmuth không dễ để ai thuyết phục. "Chúng ta không thể làm hỏng mọi việc bởi một cú đập bàn, Willy," anh nói. "Chúng ta đang cần những người này. Mà nếu cậu đập bàn trong bộ quân phục sần rách, cậu sẽ thu được cho tất cả chúng ta nhiều lợi ích hơn là trong bộ cánh mới của cậu. Những người anh em đó là vậy, hãy tin tôi đi!"

Willy đành nghe theo. Bây giờ Helmuth quay sang Alwin Westerholt và ngắm nghía cậu ta. Anh thấy quân phục của cậu ta cứ trông trơn thế nào, vì vậy anh gắn cho cậu ta tấm huân chương của Ludwig Breyer.

"Nhu vậy lời nói của cậu sẽ thuyết phục hơn đối với các vị ủy viên cơ mật," Helmuth nói thêm.

Albert không cần thứ này, bản thân cậu ta đã có đủ thứ lung keng trên ngực, cả ba giờ đây đã được trang bị đúng cách. Hulmuth ngắm nghía thành quả công sức của mình.

"Tuyệt vời!" anh nói, "Và bây giờ hãy lên đường! Hãy cho lũ lợn đất ấy biết thế nào là một người lính chiến thực thụ."

"Hãy cứ tin ở bọn tớ!" Willy tuyên bố. Cậu ta đã bình tĩnh trở lại.

Những cái tàu và những điều xì gà tỏa khói. Những ước muốn, những suy tư và những khao khát bay lên hòa quyện vào nhau. Chúa mới biết những gì sẽ xảy ra với họ. Cả trăm người lính trẻ, mười tám trung úy, ba mươi thượng sĩ và hạ sĩ quan ngồi ở đây và muốn bắt đầu lại cuộc sống.

Mỗi người trong số họ có thể dẫn một đại đội tấn công vượt qua làn đạn pháo trong một địa hình khó khăn với tổn thất tối thiểu, mỗi người trong số họ sẽ không một giây do dự hành động chính xác khi giữa đêm trong chiến hào vang lên tiếng hét "Chúng đến!", mỗi người trong số họ là một người lính hoàn hảo, không hơn không kém.

Nhưng đối với hòa bình thì sao? Liệu chúng tôi có ích gì không? Liệu chúng tôi có còn phù hợp với cái gì đó khác ngoài việc làm lính?

CHƯƠNG BA .

I.

Tôi đi từ ga xe lửa đến thăm Adolf Bethke. Tôi nhận ra nhà anh ngay, ở ngoài mặt trận anh đã thường xuyên mô tả tỉ mỉ về nó T cho tôi nghe.

Một vườn cây ăn quả. Táo còn chưa thu hoạch hết. Nhiều quả rụng nằm vương vãi trên bãi cỏ dưới tán cây. Trên khoảng trống trước cửa nhà có một cây dẻ rất lớn. Những lớp lá màu nâu đỏ phủ kín mặt đất dưới gốc cây phủ đầy cả mặt chiếc bàn đá và ghế băng kê ở đó. Giữa đám lá cây lấp ló những cái vỏ trắng ánh hồng gai góc vỡ toác và sắc nâu bóng của hạt dẻ.

Tôi nhặt một vài hạt dẻ và ngắm nhìn lớp vỏ nhẵn bóng, có gân màu đỏ sẫm với vết mầm sang sáng ở phía dưới. Trên đời sao lại có thứ tuyệt thế chứ, tôi nghĩ và nhìn ra xung quanh, không ngờ trên đời vẫn còn có tất cả những thứ này: những cái cây sặc sỡ, những cánh rừng xanh ngút trong sương.

Những cánh rừng, chứ không phải những gốc cây cháy sém, nát bươm vì đạn pháo; làn gió thổi trên những cánh đồng không còn ám khói thuốc súng và hôi mùi khí độc, và đất ruộng đã được cày xới, ánh lên màu mỡ kia nồng nàn hương đất, những con ngựa được thả vào trước những lưỡi cày chứ không phải vào những cỗ xe chất đầy đạn dược, và đằng sau chúng là những anh dân cày trở về nhà vai không đeo súng, những anh dân cày khoác áo lính.

Mặt trời ẩn vào sau đám mây phía trên một khu rừng nhỏ, nhưng từ đó vẫn hắt ra những chùm tia bạc lấp lánh, những cánh diều sặc sỡ của bọn trẻ con lơ lửng tí trên trời cao, lá phôi thoải mái hít vào thở ra làn không khí mát mẻ, không con súng, không còn mìn, không còn ba lô ép trước ngực,

không còn khóa thắt lưng siết nặng nơi bụng; đã qua rồi cảm giác ròn rợn sau gáy vì cảnh giác và rình mò, không còn tư thế nửa đi nửa bò vì sợ chỉ trong tích tắc có thể sẽ ngã xuống, nằm bất động, xám xịt và chết. Tôi bước đi tự do, vươn thẳng người với đôi vai đã trút bỏ mọi âu lo, và cảm thấy sức mạnh của thời điểm này: tôi đang ở đây và đang đến thăm người bạn Adolf của mình.

Cửa nhà khép hờ. Bên phải là nhà bếp. Tôi gõ cửa. Không có ai trả lời. Tôi nói to: "Xin chào!" Không một tiếng động. Tôi bước tiếp vào bên trong và mở một cánh cửa nữa. Ai đó đang ngồi một mình bên bàn; bây giờ anh ngẩng lên, bộ dạng cầu thả, quần áo lính sờn cũ, anh nhìn tôi: Bethke.

"Adolf," tôi vui vẻ kêu lên, "anh không nghe thấy gì à? Hẳn anh vừa chớp mắt, hả?"

Anh vẫn giữ nguyên tư thế ngồi của mình và chìa tay cho tôi.

"Muốn đến thăm anh tí, Adolf."

"Cậu thật tốt, Ernst," anh buồn bã nói.

"Có chuyện gì xảy ra à, Adolf?" tôi ngạc nhiên hỏi.

"À, thôi bỏ đi, Ernst..."

Tôi ngồi xuống bên cạnh anh. "Mẹ kiếp, Adolf, anh làm sao vậy?"

Anh phẩy tay. "Ồn mà, Ernst, bỏ đi. Có điều, cậu biết không, thật tốt là một thằng trong các cậu đến thăm tôi." Anh đứng lên. "Đến phát điên lên vì cô độc thế này."

Tôi nhìn xung quanh. Không thấy vợ anh đâu cả. Anh im lặng hồi lâu, đoạn anh nhắc lại: "Thật tốt là cậu đã đến thăm, Ernst!"

Anh lục lọi, lôi rượu và thuốc lá ra. Chúng tôi uống rượu bằng những cái ly dày có hoa văn màu hồng dưới đáy. Cửa sổ nhìn ra vườn và một con đường chạy giữa các hàng cây ăn quả. Trời nổi gió. Cửa vườn bung ra đập vào lạch cạch. Chiếc đồng hồ quả lắc sẫm màu đứng trong góc phòng đang

gõ đều đều.

"Chúc sức khỏe, anh Adolf!"

"Chúc sức khỏe, Ernst!"

Một con mèo nhẹ chân chạy ngang phòng. Nó nhảy lên trên cái máy khâu và kêu gừ gừ. Yên lặng một lúc, rồi Adolf bắt đầu nói:

"Họ đến đây và nói chuyện, cả cha mẹ tôi, cả cha mẹ vợ, họ cứ nói trong khi họ không hiểu tôi và tôi không hiểu họ. Cứ như thể tất cả chúng tôi giờ đều đã thành những con người khác." Anh chống tay vào cằm. "Cậu hiểu tôi, Ernst, và tôi hiểu cậu, nhưng giữa tôi và họ thì dường như có một bức tường chắn."

Cuối cùng tôi cũng đã được nghe mọi chuyện.

Bethke về đến nhà, ba lô sau lưng, tay xách một túi chứa đầy thực phẩm ngon lành, cà phê, sô cô la, thậm chí cả tấm vải lụa đủ may nguyên một chiếc váy.

Anh muốn đi thật nhẹ nhàng để dành cho vợ món quà bất ngờ, nhưng con chó sủa như hóa rồ và suýt giật đổ cả chuồng chó. Vậy là anh không kìm lòng được nữa, chạy như bay dọc con đường giữa các cây táo -

con đường của anh, những cái cây của anh, ngôi nhà của anh, vợ anh. Tim anh đập như búa thợ rèn, dội tận lên cổ, anh mở toang cửa, hít một hơi thật sâu, bước vội vào... "Marie..."

Anh nhìn thấy vợ, cái nhìn lập tức bao trọn chị ấy, niềm vui ngập tràn trong lòng anh, bóng tối nhập nhoạng, mái nhà thân yêu, tiếng đồng hồ tích tắc, cái bàn, cái ghế bành to tướng, vợ anh... Anh muốn lao đến với chị. Nhưng chị rụt lại và trân trối nhìn anh như nhìn một bóng ma.

Anh vẫn chưa hiểu gì cả. "Em giật mình đến thế cơ à?" anh cười hỏi.

"Vâng," chị ấy đáp đầy sợ sệt.

"Rồi sẽ ổn mà, Marie," anh nói, run rẩy vì xúc động. Lúc này, khi cuối

cùng anh đã ở trong phòng, toàn thân anh run bần bật. Bởi anh đã xa nhà quá lâu.

"Em không biết rằng anh sắp về, Adolf," vợ anh nói. Chị lùi đến tận tú quần áo và mở to mắt nhìn anh. Một cái gì lạnh lẽo choán lấy anh trong giây lát, khiến anh như nghẹt thở.

"Em không hề vui mừng sao?" anh bất lực hỏi.

"Có chứ, Adolt..."

"Có chuyện gì xảy ra chẳng?" anh tiếp tục hỏi, vẫn chưa bỏ ba lô và túi khỏi tay.

Thế là Heulerei bật khóc, chị ấy gục đầu xuống mép bàn, tại sao lại không cho anh biết ngay mọi việc, chẳng lẽ thì những người khác cũng sẽ nói với anh, chị đã có quan hệ với một người, việc đó đã xảy ra, trong khi chị hoàn toàn không muốn và vẫn chỉ luôn nghĩ về anh, và bây giờ thì anh cứ đánh chết chị đi.

Adolf đứng ngây như trời trồng và cuối cùng bỗng nhận ra rằng mình vẫn còn đeo ba lô trên lưng. Anh tháo ba lô xuống, anh dỡ đồ ra, anh run rẩy, anh liên tục tự nhủ: điều này không thể là sự thật, không thể là sự thật - và tiếp tục dỡ đồ ra, chỉ để không phải đứng yên lúc này; tám lạng sọt soạt trong tay anh, anh chìa nó cho chị, "Anh muốn mang về cho em này, "

và vẫn liên tục nghĩ: đó không thể là sự thật, không thể nào... Anh bắt lượm chìa tám lạng đỏ, trong đầu hoàn toàn trống rỗng.

Nhưng chị vẫn khóc và không muốn biết gì. Anh ngồi xuống trầm ngâm và đột nhiên thấy đói kinh khủng. Trên bàn là những trái táo vườn nhà, giống táo ngon có tiếng, anh cầm lấy một quả và ăn, vì anh cần phải làm gì đó. Nhưng rồi hai tay anh thông xuống và anh hiểu ra. Một cơn giận dữ sôi lên trong anh, anh muốn đập phá cái gì đó và lao ra khỏi nhà để đi tìm gã đàn ông kia.

Anh không tìm thấy gã. Vậy thì anh đi đến quán rượu. Ở đó người ta niềm nở chào đón; nhưng họ cư xử với anh giống như là nâng trứng, họ tránh nhìn vào mắt anh và cẩn trọng trong từng lời nói, nghĩa là họ đã biết cả. Mặc dù anh làm ra vẻ như không có chuyện gì, nhưng ai mà giữ nổi.

Anh dốc tuột ly rượu vào cổ họng và toan bỏ đi, thì một người bỗng hỏi:

"Cậu đã ghé qua nhà chưa?" và khi anh rời quán bia, tiền anh chỉ là sự im lặng. Anh chạy loanh quanh không mục đích cho tới tối muộn. Rồi anh lại quay về trước cửa nhà mình. Anh biết làm gì đây, anh đi vào nhà. Đèn sáng, cà phê trên bàn, khoai tây chiên trong chảo trên bếp. Anh đau đớn tưởng muốn quy, sẽ hạnh phúc xiết bao nếu gia đình anh êm đẹp, thậm chí bàn ăn còn được phủ khăn trắng tinh tươm. Nhưng như thế này chỉ khiến anh cảm thấy càng thêm tội tệ.

Vợ anh có nhà và đã thôi khóc. Khi anh ngồi xuống, chị rót cà phê và đặt món khoai tây kèm xúc xích lên bàn. Nhưng chị không bày đĩa cho mình.

Anh nhìn chị. Chị xanh và gầy. Một nỗi buồn vô vọng lại dâng lên, lấp đầy trong anh. Anh không muốn biết thêm gì nữa, anh muốn khép mình lại, lên giường nằm và hóa đá. Cà phê bốc khói, anh đẩy nó ra, đẩy cả chảo khoai tây ra. Vợ anh sợ rúm người. Chị biết điều gì sắp xảy đến.

Adolf không đứng dậy, anh không đứng dậy nổi, anh chỉ lắc đầu và nói: "Đi đi, Marie."

Chẳng nói chẳng rằng, chị choàng khăn lên vai, đẩy cái chảo tới trước mặt anh lần nữa và rụt rờ nói: "Ít nhất anh ăn một chút đi, Adolf," rồi chị đi.

Chị đi, bước chân nhẹ nhàng, không tiếng động, cánh cửa vườn đóng lại, con chó sủa khe khẽ, gió rít bên ngoài cửa sổ. Bethke còn lại một mình.

Và rồi đêm xuống.

Mấy ngày liền sống cô đơn trong ngôi nhà của mình làm hao mòn một người đàn ông trở về từ chiến hào.

Adolf cố gắng tóm cho được gã khôn nọ để đánh què gã; nhưng gã đã kịp linh cảm có điều chẳng lành và linh mất. Adolf rình mò gã, tìm gã ở khắp nơi - nhưng anh không thể bắt được gã và điều này khiến anh gục hẳn.

Sau đó cha mẹ vợ anh xuất hiện và ra sức khuyên nhủ, rằng anh hãy nên suy nghĩ lại, rằng vợ anh từ lâu đã thôi làm điều đại dột, rằng bốn năm dài vò vố một mình đâu có dễ dàng gì, tội lỗi là do gã kia, hơn nữa trong thời chiến tranh vẫn thường xảy ra những chuyện không mong đợi...

"Biết làm gì được đây, Ernst?" Adolf nhìn lên.

"Chết tiệt," tôi nói. "Cút thật!"

"Giờ ta về nhà chính là để lo những chuyện như thế này mà, Ernst!"

Tôi rót rượu, và chúng tôi uống. Vì trong nhà không còn xì gà, mà anh thì không muốn thò mặt ra quán, tôi chạy đi mua cho anh. Adolf là một người nghiện thuốc nặng, và anh sẽ cảm thấy nhẹ lòng hơn nếu có xì gà. Tôi lấy hẳn một hộp Waldfrieden, những điều thuốc bự, màu nâu đúng như tên gọi. Chúng được làm toàn từ lá sồi, nhưng có còn hơn không.

Khi tôi quay về, có ai đó nữa trong nhà, và tôi đoán ngay rằng đó là vợ anh. Chị ngồi thẳng người, nhưng đôi vai xuôi xuống mềm mại. Có một cái gì đó quyền rũ nơi gáy người phụ nữ, cái gì đó mang nét trẻ thơ, và hẳn bạn không bao giờ có thể thực sự giận họ. Dĩ nhiên không kể các bà béo có cái cổ nung núc mỡ.

Tôi cất tiếng chào và bỏ mũ xuống. Người phụ nữ không đáp lời. Tôi đặt hộp xì gà trước mặt Adolf, nhưng anh không động tới nó. Đồng hồ gõ tích tắc. Bên ngoài cửa sổ, đám lá dẻ chao liệng, chốc chốc một chiếc lá lại bay sạt vào kính cửa sổ và bị gió ép vào đó. Năm cái lá dính đất nâu nâu cùng dính trên một cuống lá đu đưa ngoài cửa sổ đầy hăm dọa, tựa một bàn

tay khô từ bên ngoài lăm le thò vào trong phòng, bàn tay nâu chét chóc của mùa thu.

Cuối cùng Adolf cũng cử động và nói bằng một giọng mà tôi chưa từng nghe ở anh: "Bây giờ thì đi đi, Marie."

Chị ngoan ngoãn đứng lên như một nữ sinh, mắt nhìn thẳng và đi ra.

Cái gáy mềm mại, đôi vai gầy, sao tất cả chuyện đó lại có thể là thật chứ?

"Ngày nào cô ấy cũng đến như thế và ngồi ở đó, không nói gì, chờ đợi và nhìn tôi," Adolf rầu rĩ nói. Tôi thấy thương anh, nhưng giờ đây tôi cũng thương cả vợ anh.

"Đi vào thành phố với em đi, Adolf, anh cứ ngồi đây thật vô nghĩa," tôi rủ. Nhưng anh không muốn. Bên ngoài con chó cất tiếng sủa. Lúc này vợ anh đã đi qua cổng vườn, quay về nhà cha mẹ chị.

"Chị ấy muốn quay lại đây sao anh?" tôi hỏi. Anh gật đầu. Tôi không hỏi thêm gì nữa. Anh phải tự giải quyết thôi.

"Đi vào phố nào," tôi cố gắng rủ một lần nữa.

"Đồ lúc khác, Ernst."

"Ít nhất thì anh cũng làm một điều xì gà đi!" Tôi đẩy hộp xì gà về phía anh và chờ đến khi anh lấy một điếu. Sau đó, tôi chìa tay cho anh. "Em sẽ ghé thăm anh lần nữa, Adolf."

Anh tiễn tôi đến cổng vườn. Đi một lúc tôi quay lại vầy vầy. Anh vẫn còn đứng bên hàng rào, và phía sau anh lại là bóng tối nhập nhoạng, y như hôm nào khi anh xuống sân ga và rời khỏi chúng tôi. Lẽ ra anh nên ở lại với chúng tôi. Bây giờ anh một thân một mình và bất hạnh, còn chúng tôi dù muốn đến đâu cũng không thể giúp anh. Chao ôi, ở chiến trường thật đơn giản hơn nhiều - ở đó chỉ cần bạn còn sống là mọi thứ đều ổn.

II.

Tôi nằm trên ghế sofa, hai chân duỗi dài, đầu gối lên cánh tay và nhắm mắt. Trong trạng thái lơ mơ ngủ, những ý nghĩ trong đầu tôi hỗn độn một cách kỳ lạ. Ý thức bồng bềnh giữa tỉnh và mơ, và sự mệt mỏi giống như một cái bóng lướt qua đầu. Đằng sau sự mệt mỏi văng vẳng mơ hồ tiếng súng từ xa, tiếng lựu đạn rít khe khẽ và tiếng keng leng keng báo động sắp có tấn công bằng hơi ngạt - nhưng trước khi tôi kịp sờ đến mặt nạ phòng độc thì bóng tối đã âm thầm lùi đi, và mặt đất, nơi tôi ép mình vào, tan ra trước một cảm giác tươi sáng ấm áp, và nó lại biến thành lớp nhung bọc sofa, áp vào má tôi. Tôi cảm thấy lơ mơ và trong sâu thẳm: tôi đang ở nhà... rồi tiếng keng báo hơi ngạt nơi chiến hào hòa lẫn vào tiếng va lách cách khe khẽ từ những cái đĩa mẹ tôi đang cẩn thận đặt lên bàn.

Nhưng rồi bóng tối lên trở lại gần hơn và cùng với nó là tiếng gầm của đạn pháo. Xa xa từ đâu đó, như xuyên qua các khu rừng và đại dương, những lời nói vọng đến từng giọt từng giọt, dần dần có ý nghĩa và thấm đẫm ý thức tôi. "Xúc xích là của bác Karl cho," tôi nghe mẹ tôi nói trong tiếng đại bác ì ầm.

Những lời này đuổi kịp tôi ngay ở rìa của hố đạn hình phễu tôi vừa trượt vào. Cùng với chúng, một gương mặt tự mãn, no đủ thoáng vụt qua.

"Thì ra là hấn," tôi nói giận dữ, và giọng nói của tôi nghèn nghẹn, như thể miệng tôi ngậm đầy bông, và sự mệt mỏi tăng thêm quanh tôi, "cái đồ..."

cút nát, thôi tha." Sau đó tôi rơi, rơi mãi, rơi mãi, rồi bóng tối nhảy chồm vào tôi và nhấn chìm tôi trong những con sóng dài, sẫm hơn và sẫm hơn.

Nhưng tôi không thiếp ngủ. Thiếu thứ gì đó, thứ vừa rồi còn có đây...

thiếu tiếng lách cách khe khẽ, đều đều của kim loại. Ý thức dần dần trở lại và tôi mở mắt ra. Mẹ tôi đứng đó với gương mặt tái xanh vì sợ hãi và đang nhìn tôi trần trối.

"Mẹ bị sao vậy?" tôi hoảng hốt kêu to và nhôm dậy. "Me ôm ạ?"

Bà phủ tay. "Không, không... nhưng sao con lại có thể nói những lời như vậy..."

Tôi cố nhớ lại. Tôi vừa nói gì được nhỉ? À phải, điều gì đó về bác Karl. "Nào, mẹ đừng quá nhạy cảm thế chứ," tôi cười nhẹ nhõm, "nhưng bác Karl đúng là một kẻ đầu cơ, chính mẹ biết rõ mà."

"Vấn đề không phải ở đó," bà khẽ trả lời, "mà ở chỗ con đã dùng những lời lẽ như vậy."

Tôi bỗng nhớ ra những gì mình đã nói trong lúc nửa mê nửa tỉnh. Tôi xấu hổ vì chuyện đó lại xảy ra ngay trước mặt mẹ tôi.

"Đó là con buột mồm thôi," tôi giải thích như xin lỗi "Quả thực con phải có thời gian để quen với việc không còn ở mặt trận nữa. Ngoài đó toàn một giọng thô lỗ thôi, mẹ ạ. Thô lỗ, nhưng chân tình."

Tôi vuốt tóc và cài cúc áo chèn. Sau đó, tôi lục tìm thuốc lá. Nhưng tôi thấy mẹ tôi vẫn đang nhìn tôi và hai bàn tay bà cứ run lên.

Ngạc nhiên, tôi dừng lại. "Kìa mẹ," tôi lấy làm lạ, vừa nói vừa quàng tay qua vai bà, "thật ra điều đó có gì là quá tệ đâu. Lính tráng đều thế cả mà."

"Phải, phải, mẹ biết," bà đáp, "nhưng mà con... ngay đến con cũng..."

Tôi bật cười. Tất nhiên, con cũng vậy, tôi muốn kêu lên nhưng tôi bỗng im lặng và buông bà ra, có một cái gì đó chạm vào tôi. Tôi ngồi xuống ghế sofa để trần n tĩnh lại, Mẹ già đứng trước tôi với vò mặt lo lắng và sợ hãi. Bà khoanh hai tay, đôi bàn tay mệt mỏi, chai sạn vì lao động với làn da mỏng nhăn nheo, có những đường gân xanh nổi lên; đôi bàn tay đã trở nên

như thế vì tôi.

Trước kia tôi chưa bao giờ nhìn thấy điều đó, trước kia nói chung tôi không nhìn thấy nhiều thứ, vì tôi còn quá trẻ. Nhưng bây giờ tôi hiểu tại sao đối với người phụ nữ gầy gò, tiều tụy này tôi lại khác hẳn mọi người lính trên thế gian: tôi là con của bà.

Đối với bà tôi luôn luôn là một đứa trẻ, thậm chí khi đã là một người lính. Bà chỉ nhìn thấy trong chiến tranh một bày thú dữ nguy hiểm đe dọa cuộc sống của đứa con bà. Nhưng bà chưa từng có ý nghĩ rằng, đứa con đang bị đe dọa của bà lại cũng là một con quái vật nguy hiểm không kém cho những đứa con của các bà mẹ khác.

Tôi rời mắt khỏi đôi tay bà, nhìn xuống đôi tay mình. Với đôi bàn tay này, tôi đã đâm chết một người Pháp vào tháng năm năm 1917. Dòng máu nóng đến ghê sợ chảy qua các ngón tay tôi, trong khi tôi vẫn đâm liên tiếp trong cơn mê sảng vì sợ hãi và giận dữ. Sau đó tôi đã nôn mửa và khóc suốt cả đêm. Mãi đến sáng Adolf Bethke mới an ủi được tôi; ngày ấy tôi mới chỉ vừa tròn mười tám tuổi, và đó là trận tấn công đầu tiên tôi tham dự.

Tôi từ từ ngửa hai lòng bàn tay ra. Trong nỗ lực đột phá lớn vào đầu tháng bảy, đôi tay này đã bắn chết ba người. Họ bị treo cả ngày trên hàng rào kẽm gai. Những cánh tay thõng xuống của họ đung đưa bởi sức ép mỗi khi đạn pháo nổ, thường thì trông như họ đang đe dọa, nhưng đôi khi lại như đang cầu xin sự giúp đỡ. Sau này, có lần tôi ném một quả lựu đạn ra xa hai mươi mét, lựu đạn nổ xé nát đôi chân của một đại úy người Anh.

Anh ta rú lên khùng khiếp, đầu ngẩng cao, miệng há hốc, hai cánh tay dang rộng, kéo lê thân trên như một con hải cẩu, rồi chết rất nhanh vì mất máu.

Và bây giờ tôi đang ngồi trước mẹ tôi, còn bà thì như muốn khóc vì không thể tin rằng tôi đã trở nên thô lỗ đến mức dùng những lời lẽ không

đúng đắn.

"Ernst," bà nhẹ nhàng nói, "mẹ muốn nói với con từ lâu là con đã thay đổi rất nhiều. Con trở nên bứt rứt thế nào ấy."

Vâng, tôi cay đắng nghĩ, con đã thay đổi. Mẹ còn biết những gì về con nữa, hả mẹ? Đó chỉ là một kỷ niệm, không nhiều hơn một kỷ niệm về một cậu bé trầm lặng, mơ mộng ngày nào. Không bao giờ, không bao giờ được để mẹ biết gì về những năm tháng qua, không bao giờ được để mẹ nhận biết thực sự điều gì đã diễn ra và con đã trở thành cái gì. Chỉ một phần trăm sự thực cũng sẽ làm tan nát trái tim mẹ, người đã run rẩy và xấu hổ chỉ vì một lời nói duy nhất, bởi lời nói đó đã làm hỏng hình dung tốt đẹp của mẹ về con.

"Rồi mọi thứ sẽ khá hơn mẹ ạ," tôi nói khá bất lực, cũng là để cố gắng trấn an chính mình.

Bà ngồi xuống bên tôi và vuốt ve hai bàn tay tôi. Tôi rút tay lại. Bà nhìn tôi lo lắng. "Đôi khi con hoàn toàn xa lạ với mẹ, Ernst ạ, những lúc đó con có một vẻ mặt mà đến mẹ cũng không còn nhận ra con nữa."

"Con cần quen dần đã," tôi nói, "con vẫn luôn có cảm giác như là con chỉ về thăm nhà..."

Bóng chiều chạng vạng len vào phòng. Con chó của tôi chạy từ ngoài hành lang vào và nằm xuống sàn nhà trước mặt tôi. Đôi mắt nó lấp lánh khi ngược nhìn tôi. Nó cũng vẫn còn bần chôn, và cũng vẫn chưa quen.

Mẹ tôi tựa người vào lưng ghế sofa. "Chỉ cần con trở về, Ernst..."

"Vâng, đó mới là điều chính," tôi nói và đứng dậy.

Bà ngồi lại trong góc của mình, một hình hài nhỏ bé trong bóng tối nhập nhoạng, và với một sự yếu đuối kỳ lạ tôi cảm nhận các vai trò đột nhiên bị đảo lộn như thế nào. Bây giờ mẹ trở thành đứa trẻ.

Tôi yêu mẹ, ôi, tôi chưa bao giờ yêu mẹ nhiều hơn lúc này, khi mà tôi

biết tôi không bao giờ có thể đến với mẹ và ở bên mẹ, kể cho mẹ nghe mọi thứ, và biết đâu tìm được sự thanh thản. Phải chăng tôi đã đánh mất bà?

Tôi bỗng cảm thấy mình thật xa lạ và cô đơn biết bao.

Mẹ tôi nhắm mắt lại. "Giờ con mặc áo và ra ngoài một lúc," tôi thì thào, cốt không làm phiền bà. Bà gật đầu.

"Được rồi, cậu bé của mẹ," bà nói, và ngừng một lát, khẽ hơn, "cậu bé ngoan của mẹ."

Lời mẹ làm tim tôi nhói đau. Tôi nhẹ nhàng khép cửa lại.

III.

Những đồng cỏ ướt đầm, và từ các khe rãnh nước róc rách chảy. Tôi thả một cái lọ nhỏ trong túi áo và đi dọc con kênh với những hàng dương.

Đây là nơi chú nhóc khi xưa là tôi vẫn mò đến vớt cá, bắt bướm và nằm dài mơ mộng dưới những tán cây.

Vào mùa xuân, trứng ếch và rong tảo nổi đầy mặt kênh. Những đám rong xanh nõn đong đưa trong làn nước trong veo gợn sóng, những con nhện nước chân dài chạy dích dắc giữa các thân lau sậy, và những đàn cá gai bơi tung tăng dưới nắng, in những cái bóng mảnh, linh lợi của chúng xuống đáy cát lốm đốm ánh vàng.

Trời lạnh và ẩm ướt. Những cây dương đứng thành hàng dài bên dòng kênh. Các cành cây trụi lá, nhưng lơ lửng giữa chúng là một làn sương khói xanh phớt nhẹ bồng. Sẽ đến một ngày chúng lại xanh lá và rì rào, mặt trời lại chiếu những tia ấm áp và tươi vui lên mảnh đất này, nơi gắn bó biết bao kỷ niệm tuổi thơ tôi.

Tôi bước lên mồm đất nhô ra ở bờ kênh. Vài con cá vọt qua vọt lại ngay dưới chân. Vậy là tôi không sao kiềm chế được nữa. Tôi tìm đến đoạn kênh đủ hẹp để có thể đứng giạng chân trên hai bờ và cúi xuống rình cho đến khi khum bàn tay bắt được hai con cá gai. Tôi thả chúng vào trong lọ ngắm nghía.

Chúng phóng qua phóng lại, xinh xắn và hoàn hảo, thân mình màu nâu mảnh dẻ, với ba gai nhỏ trên lưng và mấy cái vây ngực rung rung.

Nước trong như pha lê. Các tia nắng xuyên lớp thủy tinh phản chiếu lung linh. Và tôi bỗng nghệt thờ vì quá ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của làn nước lấp lánh ánh mặt trời lẫn ánh thủy tinh trong lọ.

Tôi nhẹ nhàng cầm cái lọ và thong dong bước tiếp, tôi cẩn thận giữ nó, chốc chốc lại ngó vào, tim đập thình thịch, như thể tôi đã bắt giữ được tuổi thơ của mình trong đó và lúc này đang mang theo tuổi thơ tôi về nhà.

Tôi ngồi xổm xuống cạnh một vũng nước tù lênh bênh những đám bèo dày đặc và thấy những con kỳ nhông màu xanh cầm thạch trông như những trái mìn nhỏ ngoi lên khỏi mặt nước để thở. Những con ấu trùng muỗi vẫn chậm chạp bò trên bùn, một con bọ cánh cứng uể oải bơi, và từ dưới một chùm rễ cây cong queo mục nát một đôi mắt ếch bất động ngạc nhiên ngó tôi. Tôi nhìn thấy tất cả, và ở đó còn có nhiều hơn những gì ta có thể thấy bằng mắt - đó là những kỷ niệm, nỗi nhớ và hạnh phúc trong quá khứ.

Tôi cẩn thận cầm lấy cái lọ và đi tiếp trong kiếm tìm và hy vọng. Gió thổi, và dãy núi xanh lam nằm yên ả phía chân trời. Nhưng đột nhiên một nỗi hoảng sợ điên rồ xuyên suốt trong tôi... Cúi thấp nữa, thấp nữa, nấp đi chứ, cậu đang đứng hoàn toàn trống trải trong tầm quan sát của địch!... Tôi co rúm người lại vì hoảng sợ, dang tay lao đến sau một thân cây để nấp, run rẩy, thở hổn hển, rồi tôi thở phào, qua rồi - tôi ngượng ngùng nhìn ra xung quanh - may đã không có ai trông thấy tôi. Phải mất một lúc tôi mới bình tĩnh trở lại. Sau đó tôi cúi tìm cái lọ đã văng khỏi tay mình. Nước bị đổ, nhưng hai con cá vẫn quẫy ở bên trong. Tôi khom người xuống con kênh để mức nước mới vào lọ.

Tôi chậm chậm đi tiếp, đắm chìm trong những suy nghĩ của mình.

Rừng đã đến gần. Một con mèo đang lò dò qua đường. Kè đường sắt uốn mình cắt ngang qua cánh đồng đến tận mép rừng. Ở đây có thể xây hầm trú ẩn tốt, đào thật sâu và đổ trần bê tông, tôi nghĩ, và tiếp đó là đường chiến hào chạy dài phía bên trái với những hầm ngách và những chốt canh... còn phía bên kia đặt vài khẩu súng máy... Không, chỉ hai khẩu, những khẩu súng khác sẽ bố trí ở bìa rừng, như thế toàn bộ khu vực này

gần như nằm dưới làn đạn chéo cánh sẻ... Những cây dương sẽ phải đốn bỏ, để chúng không trở thành điểm đánh dấu mục tiêu cho pháo địch... và phía sau đòi đặt một số khẩu cối... rồi thì xin mời, chúng cứ việc dẫn xác tới đây...

Một đoàn tàu hú còi. Tôi ngược nhìn. Tôi đang làm cái quái gì thế này?... Tôi đến đây cốt để tìm về phong cảnh thiên nhiên thời thơ ấu của mình, vậy mà giờ tôi lại kéo chiến hào phòng thủ xuyên qua nó. Đó là thói quen, tôi nghĩ, chúng tôi không thể trông thấy phong cảnh nữa, chỉ nhìn ra địa thế - địa thế thích hợp để tấn công và phòng thủ... cái nhà xay bột cũ ở trên đỉnh đồi không còn là nhà xay bột — đó là một điểm chốt... khu rừng không còn là một khu rừng - đó là nơi yểm trợ cho pháo binh... nỗi ám ảnh này luôn luôn trở lại trong đầu.

Tôi lắc đầu xua đuổi nó và cố gắng nghĩ về thời thơ bé. Nhưng không thể được như cũ. Tôi cũng chẳng còn hồ hởi như ban nãy và mất hứng đi tiếp. Tôi quay về.

Từ xa tôi nhìn thấy một dáng người cô đơn. Bóng dáng ấy đi đến phía tôi. Đó là Georg Rahe.

"Cậu đang làm gì ở đây?" cậu ta ngạc nhiên hỏi.

"Thế còn cậu?"

"Chẳng làm gì cả," cậu ta nói.

"Tớ cũng chẳng làm gì cả!" tôi đáp.

"Thế còn cái lọ kia?" cậu ta hỏi và nhìn tôi có chút chế giễu. Tôi đỏ mặt.

"Không cần phải xấu hổ," cậu ta nói. "Lại muốn bắt cá một lần nữa chứ gì?"

Tôi gật đầu.

"Được khá chứ?" cậu ta hỏi.

Tôi lắc đầu.

Biết mà, những thứ này không phù hợp với áo lính " cậu ta trầm tư nói.

Chúng tôi ngồi xuống một đồng gỗ và hút thuốc. Rahe bỏ mũ xuống.

"Cậu còn nhớ ở chỗ này bọn mình đã trao đổi tem ra sao không?"

"Có, tớ nhớ chứ. Những đồng gỗ mới chặt phơi dưới nắng thom nồng mùi nhựa cây và hắc ín, những hàng dương lấp lánh và làn gió mát thổi đến từ mặt nước... Tớ nhớ tất cả... Bọn mình đã tìm bắt những con châu chuộc thế nào, đã đọc sách ra sao, đã nói chuyện về tương lai và về cuộc sống đang đợi cả bọn nơi chân trời xanh thẳm, lời cuốn như một bản nhạc êm ái."

"Nhưng rồi nó đã hơi khác với mình tưởng, phải không Ernst?" Rahe nói và mỉm cười, nụ cười mà tất cả chúng tôi đều có, pha chút cay đắng, pha chút mệt mỏi. "Ở mặt trận chúng tớ bắt cá cũng khác. Quãng một quả lựu đạn xuống nước, thế là lũ cá lập tức nổi lên với bong bóng vỡ toác, bụng ngửa trắng mặt nước. Như thế tiện hơn."

"Georg, sao lại đến nông nổi bọn mình cứ ăn không ngồi rồi mãi ở đây mà thực sự chẳng biết rõ phải bắt đầu làm gì?" tôi nói.

"Thiếu một cái gì đó, phải không, Ernst?"

Tôi gật đầu. Cậu ta gõ ngón tay vào ngực tôi. "Tớ sẽ nói cho cậu biết..."

Tớ cũng đã suy nghĩ về nó. Những thứ này," cậu ta chỉ ra cánh đồng cỏ trước mắt chúng tôi, "đã từng là cuộc sống, nó nở hoa và lớn lên, và bọn mình đã lớn lên cùng nó. Còn đằng sau bọn mình," cậu ta hát đầu về khoảng mù xa phía sau, "đó từng là cái chết, nó đã chết và cũng ít nhiều hủy hoại bọn mình." Cậu ta mỉm cười lần nữa. "Bọn mình cần phải được sửa chữa chút đỉnh, cậu bé của tôi."

"Có lẽ sẽ tốt hơn nếu bây giờ đang là mùa hè," tôi nói, "vào mùa hè mọi thứ đều dễ dàng hơn."

"Vấn đề không phải ở đó," Rahe trả lời và phả khói thuốc ra. "Tở cho rằng đó là chuyện hoàn toàn khác."

"Thế thì là cái gì?" tôi hỏi.

Cậu ta nhún vai và đứng lên. "Chúng ta về đi, Ernst. Tớ nên cho cậu biết những gì tớ đã suy nghĩ chẳng?" Cậu ta cúi xuống tôi. "Có lẽ tớ sẽ đăng lính một lần nữa."

"Cậu điên rồi!" tôi sừng sốt kêu lên.

"Hoàn toàn không!" cậu ta đáp và trong một khoảnh khắc trở nên rất nghiêm trang. "Quá tỉnh táo thì có."

Tôi dừng lại. "Nhưng mẹ kiếp, Georg..."

Cậu ta vẫn tiếp tục đi. "Xét cho cùng tớ đã ở nhà lâu hơn cậu hẳn mấy tuần," cậu ta đáp, rồi bắt đầu chuyển sang các đề tài khác.

Khi những ngôi nhà đầu tiên xuất hiện, tôi cầm cái lọ đựng hai con cá gai đỏ chúng trở lại dòng kênh. Chúng nhanh chóng nguẩy đuôi bơi đi. Tôi bỏ cái lọ lại bên bờ kênh.

Tôi chia tay với Georg. Cậu ta thông thả đi xuôi con phố. Tôi dừng lại trước nhà mình và nhìn theo cậu ta. Những lời nói của cậu ta đã làm tôi bất an kỳ lạ. Một cái gì đó mơ hồ lảng vảng quanh tôi, nó lù lỉ lại khi tôi muốn tóm lấy nó và tan ra khi tôi tiến tới, nhưng rồi lại lén đến tụ lại sau lưng tôi và rình rập.

Bầu trời nặng như chì trên những bụi cây thấp ở quảng trường Luise, cây cối đều trĩu lúi, một cánh cửa sổ không cài đập trong gió, hoàng hôn ẩm ướt và âm đạm nấu mình giữa những bụi cây hương mộc xác xơ trong mấy khu vườn trước nhà.

Tôi đưa mắt ra xa và bỗng có cảm giác như hôm nay tôi mới nhìn thấy tất cả lần đầu tiên. Chúng bỗng trở nên xa lạ tới mức tôi hầu như không còn nhận ra nổi. Vạt cỏ bản thiêu, ướt át trước mặt tôi kia có thật đã chứa đựng

những năm tháng tuổi thơ tôi, những năm tháng luôn sinh động và rạng rỡ trong trí nhớ này? Quảng trường tâm thường, trông tron kia với cái nhà máy phía trước phải chăng đúng là cái góc tĩnh lặng của thế giới mà chúng tôi từng gọi là quê hương, và chỉ mình nó đã là niềm hy vọng, là phao cứu sinh đối với chúng tôi trong cơn lữ của nỗi khiếp sợ ngoài mặt trận? Phải chăng hình ảnh một con phố khác chứ không phải con phố xám xịt với những ngôi nhà xấu xí kia đã từng bay lên trên các chiến hào như một giấc mơ dịu dàng và buồn bã trong những quãng nghỉ eo hẹp giữa chết chóc và chết chóc? Con phố chẳng phải đã tỏa sáng và đẹp hơn nhiều, rộng hơn và sôi động hơn nhiều trong tâm trí tôi sao? Phải chăng mọi thứ không còn là sự thật, và dòng máu của tôi đã lừa dối tôi, trí nhớ của tôi đã lừa dối tôi?

Tôi rùng mình ớn lạnh. Mọi thứ đã khác trước, mặc dù chẳng có gì thay đổi. Chiếc đồng hồ trên tháp nhà máy Neubauer vẫn chạy và gõ chuông báo giờ chính xác, y như cái thời lữ trẻ chúng tôi vẫn nghên cổ ngó đắm đắm vào mặt số để xem kim đồng hồ dịch chuyển thế nào; vẫn tượng ông da đen với cái tàu thạch cao ngồi trong cửa hàng thuốc lá bên cạnh, nơi Georg Rahe mua những điều thuốc đầu tiên cho cả bọn; và trong cửa hàng tạp hóa bên kia đường vẫn là những tấm hình quảng cáo xà phòng bột từng bị Karl Vogt và tôi dùng mặt kính đồng hồ làm cháy vào những hôm nắng to. Tôi ngó qua ô kính trưng bày những vết cháy thậm chí vẫn còn đó. Nhưng xen giữa ngày ấy với hôm nay là cuộc chiến tranh, và Karl Vogt đã ngã xuống ở Kemmel tự bao giờ.

Tôi không hiểu vì sao mình đang đứng đây và không còn cảm thấy giống như đã từng cảm thấy ngày nào dưới những hố bom và trong những lều trú quân. Đâu rồi sự trọn vẹn của những rung động, tươi sáng, hào quang và cảm xúc dâng trào không thể gọi tên? Phải chăng nó đã trở thành hiện thực, khi mà nó lui về và co rúm lại cho tái lúc chẳng còn gì ngoài một

cái khung trần trụi mà trên đó đã có thời những lá cờ rực rỡ tung bay? Phải chăng nó đã tách khỏi thực tế và lúc này chỉ còn bồng bềnh trôi như một đám mây buồn trên đó? Có phải những năm chiến tranh đã thiêu trụi cây cầu trở về quá khứ?

Rất nhiều câu hỏi, nhưng không lời giải đáp...

IV.

Đã có quy định về việc đến trường của cựu chiến binh. Đại diện của chúng tôi đã đạt được những gì chúng tôi muốn: rút ngắn thời gian học, chương trình đặc biệt dành cho lính và thi cử giảm nhẹ hơn.

Thật không dễ dàng thực thi những việc ấy mặc dù đang có cách mạng; bởi toàn bộ cuộc lật đổ này chỉ là một chút sóng gợn trên bề mặt. Nó không có thực quyền. Liệu có ích gì nếu một vài vị trí lãnh đạo được thay thế. Người lính nào cũng biết rằng một chỉ huy đại đội có thể có những ý tưởng tốt nhất - nhưng nếu các hạ sĩ quan không muốn, anh ta cũng đành bất lực. Tương tự như vậy, một bộ trưởng cấp tiến nhất luôn phải chịu thất bại, nếu một đám các vị công chức bảo thủ dưới quyền chống lại ông ta. Và các vị công chức ở nước Đức thì vẫn tại vị. Không thể diệt nổi các ông tướng văn phòng này.

Giờ học đầu tiên. Chúng tôi ngồi trên ghế nhà trường. Gần uòuw tất cả đều mặc quân phục. Ba gã râu xồm. Một đã kết hôn.

Tôi phát hiện trên bàn tôi ngồi có vết khắc tên mình, nó được khắc cẩn thận bằng con dao bỏ túi và tô bằng mực, tôi vẫn nhớ mình đã hoàn thành công trình này trong giờ lịch sử; tuy vậy tôi cứ ngỡ đâu cả trăm năm đã trôi qua và vì vậy tôi có cảm giác kỳ lạ khi ngồi đây. Cuộc chiến tranh đã trở thành quá khứ, và vòng tròn một lần nữa khép lại. Nhưng chúng tôi không còn ở trong nó.

Giáo viên tiếng Đức Hollermann bước vào lớp và trước tiên muốn hoàn thành việc cần làm nhất; ông trả lại cho chúng tôi những thứ đồ chúng tôi bỏ lại ngày xưa. Hẳn từ lâu chúng đã đè nặng lên tâm hồn nhà giáo chủ chu của ông. Ông mở khóa tủ của lớp và lôi ra một đồng hồ: giá vẽ, bảng

vẽ và đặc biệt là những bó vở viết dày cộp màu xanh, các bài luận, bài chính tả bài kiểm tra - một đồng chất cao bên trái ông trên bục giảng. Ai được gọi tên sẽ trả lời và nhận lại vở của mình. Willy ném vở cho từng đứa, làm giấy thấm bay tứ tung.

"Breyer!" - "Có!"

"Brücker!" - "Có!"

"Detlefs!"

Im lặng. "Chết!" Willy hét.

Detlefs, nhỏ bé, tóc vàng, chân vòng kiềng, bị đúp lớp một lần. Hạ sĩ, hy sinh năm 1917 tại Kemmel.

Quyển vở được chuyển sang phía bên phải bục giảng.

"Diker!" - "Có!"

"Dierksmann!" - "Chết!"

Dierksmann, con nhà nông, một tay chơi bài giỏi, một ca sĩ tồi, hy sinh tại Ypern. Quyển vở đi về bên phải.

"Eggers!"

"Còn chưa về!" Willy thừa. Ludwig thêm: "Bị bắn thủng phổi, nằm quân y viện Dortmund, từ đó chuyển đến Lippspringe điều trị ba tháng."

"Friederichs!" - "Có!"

"Giesecke!" - "Mất tích!"

"Không đúng," Westerholt tuyên bố.

"Cậu ấy được thông báo mất tích mà," Reinersmann nói.

"Đúng," Westerholt cãi, "nhưng cậu ta đã về đây được ba tuần rồi, trong nhà thương điên. Tớ đã tận mắt thấy cậu ta."

"Gehring Một!" - "Chết!"

Gehring Một; đứng đầu lớp, sáng tác thơ, làm gia sư kiếm tiền mua sách. Hy sinh tại Soissons, cùng với em trai của mình.

"Gehring Hai," thầy giáo tiếng Đức chỉ lăm bằm và tự tay đặt quyển vở sang chồng vở bên phải.

"Cậu ấy đã viết các bài luận hay thực sự," ông trầm ngâm nói và một lần nữa lật giờ quyển vở của Gehring Một.

Còn nhiều cuốn vở đi sang bên phải, và sau khi tất cả tên đã được gọi, trên bục giảng là một chồng dày các bài kiểm tra nằm lại. Thầy Hollermann lưỡng lự nhìn chồng vở. Hẳn ý thức về trật tự của ông đang bấn loạn, bởi ông không biết phải làm gì với chúng. Cuối cùng, ông tìm ra một lối thoát. Có thể gửi các tập vở cho cha mẹ của đám trò đã chết.

Nhưng Willy không đồng ý. "Thầy nghĩ rằng các bậc cha mẹ sẽ vui mừng khi nhìn thấy một cuốn vở với đầy những điểm 'yếu' và 'kém' như thế hay sao?" cậu ta hỏi. "Xin hãy bỏ ý định đó đi!"

Hollermann tròn mắt nhìn cậu ta. "Được rồi, vậy tôi nên làm gì với chúng đây?"

"Cứ để nằm nguyên trong tủ," Albert nói.

Hollermann gằn như phẫn nộ. "Nhưng điều đó là không thể được, anh Troßke, những cuốn vở này không thuộc về nhà trường, không thể cứ đơn giản để chúng lại đây."

"Ôi lạy Chúa, sao phức tạp thế," Willy rên rỉ và đưa tay vò đầu. "Thầy hãy đưa những cuốn vở cho chúng tôi, chúng tôi sẽ tự lo." Hollermann ngập ngừng đưa chúng ra. "Nhưng mà..." ông ta lo lắng nói, vì chẳng gì đó cũng là tài sản của người khác.

"Vâng, vâng," Willy nói, "sẽ làm mọi thứ thầy muốn, sẽ dán tem thật cẩn thận, gửi bảo đảm, thầy cứ yên tâm đi! Kỷ cương trên hết, đau cũng phải chịu!" Cậu ta nháy mắt với chúng tôi, tay chỉ vào trán.

Sau giờ học, chúng tôi lật xem lại các bài luận của mình. Đề bài luận cuối cùng mà chúng tôi viết là: "Tại sao nước Đức phải thắng cuộc chiến

tranh?". Đó là đầu năm 1916. Mở bài, sáu luận chứng, tổng hợp kết luận.

Luận chứng thứ tư: "Vì những lý do tôn giáo" tôi trình bày không tốt. Lời phê bằng mực đỏ trên lề: "không mạch lạc" và "thiếu thuyết phục". Tuy nhiên gộp lại bài luận bảy trang được đánh giá điểm hai trừ, một kết quả tốt, nếu như gạt sang bên các sự thật ngày nay.

Willy đọc to bài của cậu ta ở môn lịch sử tự nhiên: "Cỏ bạch đầu ông và hệ rễ của nó". Cậu ta cười toét miệng ngó xung quanh. "Với thứ này bọn mình coi như đi tong rồi, hả?"

"Xong hẳn," Westerholt kêu lên.

Đúng, xong hẳn, xong thực sự! Chúng tôi đã quên ráo cả, cái đó quá rõ rồi. Còn những gì Bethke và Kosole đã dạy bảo chúng tôi, chúng tôi không quên.

Buổi chiều Albert và Ludwig đón tôi. Chúng tôi muốn xem xem người anh em Giesecke của mình giờ ra sao. Dọc đường chúng tôi gặp Georg Rahe. Cậu ta gia nhập nhóm chúng tôi, vì cậu ta cũng biết Giesecke.

Đó là một ngày trong lành. Từ trên ngọn đồi, nơi có tòa nhà bệnh viện, có thể nhìn ra cánh đồng rồi phóng mắt ra xa tới tấp. Ở đó từng nhóm các bệnh nhân tâm thần mặc áo khoác sọc xanh trắng đang làm việc dưới sự giám sát của các nhân viên mặc đồng phục. Từ cửa sổ bên cánh phải tòa nhà vọng ra tiếng hát "Bờ cát sáng bên sông Saale..." Chắc một bệnh nhân đang hát. Âm thanh bay qua song sắt nghe kỳ lạ: "Những đám mây bay mênh mang..."

Giesecke nằm trong một căn phòng rộng cùng một số bệnh nhân khác. Khi chúng tôi bước vào, một bệnh nhân hét chói tai: "Nấp đi! Nấp!..."

và chui tọt xuống gầm bàn. Những người khác không để ý đến anh ta.

Giesecke lập tức bước ra đón chúng tôi. Khuôn mặt cậu ấy gầy gò, vàng vọt, và với cái cằm nhọn cùng đôi tai vênh lên trông cậu ấy trẻ hơn hẳn

trước kia. Chỉ có cặp mắt là lo lắng và già nua.

Chúng tôi chưa kịp chào Giesecke, thì ai đó đã kéo chúng tôi sang một bên. "Có gì mới ngoài đó không?" anh ta hỏi.

"Không, không có gì mới," tôi trả lời.

"Thế còn ngoài mặt trận? Cuối cùng chúng ta đã chiếm Verdun chứ?"

Chúng tôi nhìn nhau. "Đã hòa bình lâu rồi," Albert nói trấn an.

Anh ta cười, tiếng cười khó chịu, be be như dê. "Các người đừng có để chúng ỉa vào đầu! Chúng chỉ muốn làm cho các người ngu đi và rình đến lúc bọn này phải ra viện! Để rồi lại chộp lấy và tống ra mặt trận." Anh ta nói thêm đầy bí ẩn: "Chúng không bắt tôi trở lại được đâu!"

Giesecke bắt tay chúng tôi. Chúng tôi ngỡ ngàng, vì đã tưởng rằng cậu ấy sẽ nhào lộn và nhảy nhót như một con khỉ, sẽ chau mày nhăn mặt, hoặc chí ít cũng liên tục run bần bật như những kẻ động kinh ăn xin trên các góc phố. Thay vào đó, cậu ấy mỉm cười với chúng tôi với cái miệng méo xệch đáng thương và nói: "Các cậu hẳn đã không ngờ, hả?"

"Cậu hoàn toàn khỏe mạnh mà," tôi trả lời. "Thế thì cậu bị sao vậy?"

Cậu ấy đưa tay vuốt trán. "Đau đầu. Giống như có cái vòng bóp chặt sau gáy. Rồi đến Fleury..."

Trong trận chiến quanh vùng Fleury, Giesecke đã bị vùi lấp nhiều giờ cùng với một binh sĩ khác, mặt ấy bị một thanh xà hàm sập xuống đè ép vào bên hông đã bị rách toác lên tận bụng của người lính kia. Đầu người lính bị trọng thương thò ra ngoài và anh ta rên la. Mỗi lần anh ta rên, máu lại trào ra chảy tràn qua mặt Giesecke. Ruột người lính phòi dần ra khỏi bụng và có cơ làm Giesecke chết ngạt. Cậu ấy phải gạt đám ruột trở lại để lấy không khí thở và luôn nghe tiếng rú trầm đục của kẻ bất hạnh mỗi khi làm vậy.

Cậu ấy kể lại toàn bộ câu chuyện rất rõ ràng và rành mạch. "Đêm đêm

cảnh đó lại tái hiện khiến tớ nghẹt thở và căn phòng ngập đầy những con rắn màu trắng nhóp nhóp cùng rất nhiều máu."

Nhưng nếu cậu đã biết rõ điều đó, sao cậu không thể vượt qua nó?"

Albert thắc mắc.

Giesecke lắc đầu. "Chẳng ích gì, kể cả khi tớ đang thức. Hễ trời tối là chúng lại xuất hiện." Cậu ấy rùng mình. "Ở nhà tớ đã nhảy ra khỏi cửa sổ và bị gãy chân. Thế nên họ đã đưa tớ đến đây."

"Các cậu đang làm gì vậy?" lát sau cậu ấy hỏi. "Thi xong rồi chứ?"

"Sắp," Ludwig nói.

"Chắc tớ chả học hành gì được nữa," Giesecke buồn bã nói. "Người như tớ ai để cho tiếp xúc với trẻ em."

Lúc này bệnh nhân ban nãy vừa hét "Nấp đi!" lên đến phía sau Albert và đẩy nhẹ vào gáy cậu ấy. Albert nổi xung lên, nhưng bình tĩnh lại ngay.

"Đủ chuẩn đăng lính!" anh ta cười khúc khích. "Đủ chuẩn đăng lính!"

Anh ta ré lên cười, nhưng đột nhiên trở nên nghiêm trang và lặng lẽ đi vào một góc phòng.

"Các cậu không thể viết thư cho thiếu tá sao?" Giesecke hỏi.

"Thiếu tá nào?" tôi ngạc nhiên hỏi lại. Ludwig huých tôi.

"Chúng tớ nên viết gì cho ông ấy?" tôi vội tiếp.

"Ông ấy phải cho phép tớ đến Fleury một lần nữa," Giesecke hào hứng đáp. "Điều đó nhất định sẽ giúp được tớ. Nơi ấy giờ đây chắc chắn yên tĩnh hoàn toàn, mà tớ thì lại chỉ biết nó khi mọi thứ bay tung tóe vì đạn pháo. Nếu được thế, tớ sẽ đi bộ xuyên Hẻm Núi Tử thần, ngang qua Vùng Đất Lạnh đến Fleury, không nghe một tiếng súng nào, và mọi chuyện sẽ qua đi. Sau đó tớ sẽ bình yên trở lại, các cậu có nghĩ vậy không?"

"Cứ thế này rồi mọi chuyện cũng sẽ qua mà," Ludwig nói và đặt tay lên vai Giesecke, "chỉ cần cậu phân biệt rõ ràng thật và hư."

Giesecke buồn bã nhìn thẳng phía trước mặt. "Cứ viết cho thiếu tá đi.

Tớ tên là Gerhard Giesecke, đánh vần với 'ck'." Đôi mắt cậu ấy dờ ra và tuông như không thấy gì. "Các cậu có thể mang cho tớ một ít mứt táo không? Tớ rất thèm lại được ăn mứt táo."

Chúng tôi hứa với cậu ấy mọi điều, nhưng cậu ấy đã hoàn toàn không còn nghe chúng tôi, cậu ấy bỗng trở nên dửng dưng vậy đấy. Khi chúng tôi ra về, cậu ấy đứng dậy và làm động tác chào Ludwig, sau đó lại ngồi xuống bên bàn với đôi mắt xa vắng.

Ra đến cửa, tôi ngoái nhìn một lần nữa về phía Giesecke. Cậu ấy đột nhiên nhảy dựng lên như vừa choàng tỉnh và chạy theo chúng tôi.

"Hãy đưa tớ theo với!" cậu ấy kêu lên bằng một giọng the thé kỳ cục.

"Chúng lại đang bò đến kìa!"

Cậu ấy sợ hãi bám chặt lấy chúng tôi. Chúng tôi không biết phải làm gì. Đúng lúc này bác sĩ đi vào, nhìn chúng tôi và nhẹ nhàng ôm lấy vai Giesecke. "Chúng ta đi ra vườn nào," ông điềm đạm nói với cậu ấy, và Giesecke ngoan ngoãn để dẫn đi.

Bên ngoài, mặt trời buổi xế chiều lơ lửng bên trên những cánh đồng.

Từ cửa sổ có chấn song vẫn vọng ra tiếng hát... "Nhưng các lâu đài đã tan hoang... những đám mây bay mênh mang..."

Chúng tôi lặng lẽ đi bên nhau. Những luống cày trên cánh đồng óng ánh sáng. Trăng lưỡi liềm mỏng và nhọn nhọn treo giữa các nhánh cây.

"Tớ nghĩ tất cả bọn mình đều có một cái gì đó từ cuộc chiến," hồi lâu sau Ludwig nói.

Tôi nhìn cậu ấy. Gương mặt cậu ấy được chiếu sáng bởi ánh hoàng hôn. Trông cậu ấy nghiêm trang và trầm ngâm. Tôi muốn trả lời cậu ấy, nhưng đột nhiên một cơn ớn lạnh lướt trên da khiến tôi rùng mình... Tôi không biết từ đâu và tại sao.

"Không nên nói gì thêm về chuyện đó," Albert nói.

Chúng tôi đi tiếp. Hoàng hôn nhạt dần, trời bắt đầu nhập nhoạng, vầng trăng lưỡi liềm chiếu sáng hơn. Làn gió đêm cuốn lên từ những cánh đồng, và trong các ngôi nhà, những ô cửa sổ đầu tiên bắt đầu lên đèn.

Chúng tôi vào đến thành phố.

Suốt dọc đường, Georg Rahe chẳng nói chẳng rằng. Mãi đến khi cả bọn dừng lại để chia tay, cậu ta mới như sự tỉnh khỏi dòng suy nghĩ của mình.

"Các cậu có nghe cậu ấy muốn gì không?" cậu ta hỏi. "Đến Fleury... trở lại Fleury..."

Tôi chưa thích về nhà. Albert cũng không. Chúng tôi thong thả đi dạo dọc theo những bức tường. Dưới kia con sông chảy rì rầm. Chúng tôi dừng lại chỗ nhà máy xay tưa người vào thành cầu.

"Thật kỳ cục là người ta không bao giờ thích ở một mình, đúng không, Ernst?" Albert nói.

"Ừ," tôi đáp, "người ta không biết rõ mình thuộc về nơi nào nữa."

Cậu ấy gật đầu. "Đúng thế. Nhưng cuối cùng thì người ta vẫn phải thuộc về nơi nào đó."

"Phải đến khi bọn mình có một cái nghề đã," tôi nói.

Cậu ta phẩy tay. "Cái đó cũng chả là gì. Người ta cần phải có một thực thể sống, Ernst á. Một con người, cậu biết không..."

"Ồ, một con người," tôi đáp. "Đó là thứ kém bền vững nhất thế gian."

Bọn mình đã chứng kiến quá đủ là con người ta có thể ra đi dễ dàng tới mức nào. Vì thế cậu phải kết bạn với mười, mười hai người để vẫn còn có ai đó ở lại bên cậu, khi những người khác bị xoi đạn vào đầu."

Albert chăm chú nhìn cái bóng của nhà thờ. "Ý tớ không phải vậy,"

cậu ấy nói. "Ý tớ là một con người thực sự thuộc về mình. Đôi khi tớ nghĩ đó là một phụ nữ..."

"Chúa ơi," tôi la lên, vì tôi không thể không nghĩ đến Bethke.

"Đừng làm nhảm nữa," Albert bỗng xẵng giọng với tôi. "Người ta phải có một cái gì đó để có thể bám vào, cậu không hiểu hay sao? Tớ muốn có ai đó yêu thương tớ, người ấy giữ tớ lại, và tớ giữ người ấy! Nếu không thể, có thể tự treo cổ được!" Cậu ấy run rẩy và quay lưng lại với tôi.

"Nhưng mà Albert," tôi nói nhẹ nhàng, "chúng tớ không có ý nghĩa gì với cậu sao?"

"Có, có, nhưng đó là chuyện hoàn toàn khác." Và một lúc sau cậu ấy thì thêm: "Người ta cần phải có con... những đứa trẻ không hề biết tí gì..."

Tôi không hiểu rõ ý Albert. Nhưng tôi cũng không thích hỏi thêm cậu ấy nữa.

CHƯƠNG BỐN .

Chúng tôi đã hình dung mọi thứ khác hẳn. Chúng tôi đã tin rằng với hòa ước vĩ đại một cuộc sống mạnh mẽ, mãnh liệt, một niềm C vui tràn đầy của cuộc đời vừa lấy lại được sẽ bắt đầu: chúng tôi đã muốn khởi đầu như vậy. Nhưng nhiều ngày, nhiều tuần đang trôi tuột qua tay chúng tôi, chúng tôi tiêu phí chúng với những thứ hời hợt, vô nghĩa, và khi chúng tôi nhìn lại, hóa ra vẫn chưa làm được gì. Chúng tôi đã quen suy nghĩ và hành động chóng vánh... một phút chậm trễ luôn có thể đánh mất tất cả. Vì vậy đối với chúng tôi cuộc sống bảy giờ quá chậm chạp, chúng tôi nhào tới nó, nhưng trước khi nó bắt đầu lên tiếng và reo vang, chúng tôi đã quay người bỏ đi rồi. Chúng tôi đã làm bạn với thần chết trong thời gian quá dài; nó là một tay cờ bạc nhanh nhẹn, và mỗi giây đều đặt mức cược cao nhất. Điều đó đem lại cho chúng tôi một chút hay thay đổi, một chút vội vã, một chút đắn đo trong giây lát, nhưng giờ lại làm cho chúng tôi trông rỗng, bởi vì nó không còn phù hợp với nơi đây.

Và sự trống rỗng này làm cho chúng tôi bứt rứt, bởi chúng tôi cảm thấy người ta không hiểu chúng tôi và ngay cả tình yêu cũng không thể giúp chúng tôi. Giữa những người lính và những người không phải là lính há hoác một vực sâu không thể bắc qua. Chúng tôi phải giúp chính mình.

Thế nhưng thường xuyên có những tiếng ì ầm, uỳnh uỳnh len vào những ngày không yên ả của chúng tôi. tựa tiếng súng vọng lại từ đằng xa... như lời cảnh báo trầm đục từ phía sau chân trời vắng tới, lời cảnh báo mà chúng tôi không hiểu, không muốn nghe, chúng tôi quay lưng lại với nó, luôn luôn trong nỗi sợ hãi kỳ lạ sẽ bỏ lỡ một thứ gì... như thể thứ gì đó đang rời bỏ chúng tôi. Đã có quá nhiều thứ rời bỏ chúng tôi... và với một số

người, thứ đó không ít hơn chính mạng sống của họ.

I.

Trong phòng ở của Karl Brögers mọi thứ lộn tung phèo. Tất cả các giá sách trông trơn. Những chồng sách nằm la liệt trên bàn và dưới sàn nhà.

Karl trước kia là một con mọt sách. Cậu ta sưu tầm sách giống như chúng tôi sưu tầm bướm bướm và tem. Cậu ta đặc biệt yêu thích Eichendorff. Cậu ta có hẳn ba tuyển tập khác nhau của tác giả này. Cậu ta cũng có thể đọc thuộc lòng nhiều bài thơ của ông.

Nhưng bây giờ cậu ta muốn bán cái kho sách này đi để có vốn ban đầu cho việc kinh doanh rượu. Cậu ta khẳng định sẽ kiếm bộn tiền với những vụ làm ăn như thế. Cho tới nay cậu ta mới chỉ làm đại lý cho Ledderhose; nhưng giờ cậu ta muốn tự mình đứng ra kinh doanh.

Tôi giờ tập đầu tiên trong một tuyển tập của Eichendorff, bìa bằng da rất mềm màu xanh. *Hoàng hôn, Những cánh rừng và những giấc mơ... Những đêm hè, Nỗi khao khát và nỗi nhớ nhà...* cái thời đó mới tuyệt làm sao!

Wiliy cầm tập thứ hai trên tay. Cậu ta ngắm nghía nó, vẻ nghĩ ngợi.

"Cậu nên chào bán cho ông thợ đóng giày" cậu ta gợi ý.

"Tại sao?" Ludwig mỉm cười hỏi.

"Da xịn," Willy trả lời. "Thời buổi này các thợ đóng giày hầu như không kiếm đâu ra da nữa. Nhìn đây," cậu ta nhắc các tác phẩm của Goethe lên, "hai mươi tập nhé... đóng được ít nhất sáu đôi giày da tuyệt hảo. Các thợ đóng giày chắc chắn sẽ trả cho cậu giá cao hơn nhiều so với các nhà sách. Họ đang thèm da thật chết lên được!"

"Các cậu có muốn lấy cuốn nào không?" Karl hỏi. "Các cậu sẽ được giảm giá."

Nhưng không ai muốn lấy cuốn nào cả.

"Cậu hãy nghĩ kỹ một lần nữa đi," Ludwig khuyên. "Sau này rất khó mua lại chúng."

"Không quan trọng," Karl cười. "Trước tiên phải sống đã, sống tốt hơn là đọc. Mà tớ cũng nhờ toẹt vào kỳ thi của tớ. Toàn thứ vớ vẩn! Ngày mai tớ đi ném thử các mẫu rượu. Mười mark lợi nhuận cho một chai cognac nhập lậu, hấp dẫn lắm chứ, bạn quý của tôi! Tiền là thứ duy nhất cậu cần, có tiền cậu sẽ có tất cả."

Cậu ta bó các cuốn sách với nhau. Tôi nhớ trước kia Karl thà nhịn đói chứ không chịu bán dù chỉ một cuốn sách. "Sao mặt các cậu cứ dần thối ra thế," cậu ta chế giễu. "Phải thực tế thôi! Quặng vật dần cũ đi cho nhẹ con tàu và bắt đầu một cuộc sống mới!"

"Đúng thế," Willy thừa nhận, "tớ mà có sách, tớ cũng bán bég đi!"

Karl vỗ vào vai cậu ta. "Một xen ti mét buôn bán còn tốt hơn cả ki lô mét học hành, Willy. Tớ đã ngồi đủ lâu dưới chiến hào bắn thủ ngoài mặt trận, giờ tớ muốn hưởng gì đó từ cuộc sống!"

"Xét cho cùng cậu ta có lý đấy," tôi nói. "Bọn mình đang làm gì chứ?"

Đến trường học hành một tí, thực ra là chẳng làm cái quái gì cả."

"Này lũ nhóc, các cậu cũng biến đi," Karl khuyên. "Các cậu còn muốn làm gì ở cái nhà trọ này nữa?"

"Lạy Chúa," Willy đáp, "đúng là việc đến trường quá vớ vẩn. Nhưng ít nhất bọn mình vẫn được ở bên nhau. Mà cũng chỉ còn có vài tháng nữa là đến kỳ thi ấy mà, nếu không có thi cho xong kể cũng tiếc. Sau kỳ thi tính tiếp vẫn được..."

Karl cắt một đoạn từ cuộn giấy bọc. "Cẩn thận, rồi cậu sẽ luôn chắc lưỡi 'chỉ có vài tháng ấy mà' cho xem, mỗi lần là một sự lãng phí đáng tiếc.

Và cuối cùng thì cậu đã thành một ông già..."

Willy ngoác miệng cười. "Cứ ngồi uống trà chờ xem..."

Ludwig đứng dậy. "Thế cha cậu nói gì về việc này?"

Karl cười. "Thì cũng giống những người già nhút nhất như ông vẫn nói. Nghe vậy thôi chứ theo sao được. Các bậc cha mẹ luôn quên rằng con mình đã từng là người lính."

"Thế cậu sẽ chọn nghề gì, giả sử như cậu không từng là lính?" tôi hỏi.

"Có lẽ mở hiệu sách... tớ ngu lâu mà..." Karl đáp.

Quyết định của Karl đã tác động mạnh đến Willy. Cậu ta đề xuất vứt bỏ tất cả những rác rưởi của trường học và mạnh mẽ bắt tay vào những việc đáng làm khi có cơ hội.

Nhưng cách hưởng thụ cuộc sống dễ dàng nhất là đánh chén. Vì vậy chúng tôi quyết định làm một chuyến săn đồ ăn. Theo tem phiếu thực phẩm thì mỗi tuần một người được hai trăm năm mươi gram thịt, hai mươi gram bơ, năm mươi gram bơ thực vật, một trăm gram lúa mạch và một ít bánh mì. Với số lượng này không ai có thể đủ no.

Tối và đêm muộn là lúc các tay săn thực phẩm tụ tập tại nhà ga để đi tàu đến các làng vào lúc sáng tinh mơ. Do đó chúng tôi phải cố bắt kịp chuyến tàu đầu tiên, để họ không đến trước chúng tôi. Một đám nghèo khổ u ám ngồi phiên muộn trong khoang tàu khi chúng tôi khởi hành. Chúng tôi chọn một khu làng hẻo lánh và chia nhau đi các ngả, luôn đi tốp hai, để rà soát không thiếu chỗ nào trong làng. Thì chúng tôi đã thuộc nằm lòng cách đi tuần tra mà.

Tôi đi cùng Albert. Chúng tôi mò đến một nông trại lớn. Đống phân đang bốc hơi. Bò đứng thành một hàng dài trong chuồng. Mùi ẩm áp của chuồng bò và sữa tươi chào đón chúng tôi. Lũ gà mái cục tác âm ỉ. Chúng tôi hau háu nhìn chúng, nhưng kìm lại, bởi vì đang có nhiều người trên sân đập lúa. Chùng tôi cất tiếng chào. Không ai thèm để ý chúng tôi. Chúng tôi

dừng lại. Cuối cùng, một bà hét lên: "Cút khỏi đây, đồ ăn xin đáng nguyên rủa."

Trang trại tiếp theo. Chủ nông trại đang đứng ở sân. Ông ta mặc một chiếc áo choàng lính dài, vạt vạt chiếc roi da và nói:

"Các anh có biết bao nhiêu người trong đám các anh đã đến đây trước các anh không? Một tá."

Chúng tôi sững sốt, chúng tôi đã đáp chuyến tàu đầu tiên đến đây kia mà. Đám người kia chắc đã đến từ tối qua và ngủ đêm trong kho chứa cỏ hoặc ngoài trời.

"Các anh biết thường một ngày có bao nhiêu người đến đây không?"

ông nông dân tiếp tục hỏi. "Khoảng một trăm. Phải làm sao bây giờ?"

Chúng tôi h ề điều đó. Ánh mắt ông ta dừng trên bộ quần áo lính của Albert. "Mặt trận Flandern hả?" ông ta hỏi.

"Flandern!" Albert trả lời.

"Tôi cũng vậy, ông ta nói, đoạn đi vào và mang ra cho mỗi người chúng tôi hai quả trứng. Chúng tôi sờ vào ví của mình. Ông ta phẩy tay "Thôi khỏi. Có đáng là bao."

"Vâng, vậy thì cảm ơn người đồng đội."

"Có gì đâu! Nhưng đừng kể ra nhé. Nếu không ngày mai nửa nước Đức sẽ kéo đến đây."

Nhà bên cạnh. Một tấm biển kim loại trên hàng rào "Cấm kẻ săn thực phẩm. Có chó dữ." Thật là tiện dụng.

Chúng tôi đi tiếp. Một vườn sỏi và một cái sân rộng Chúng tôi tiến vào đến tận nhà bếp. Ở chính giữa là một bếp lò thiết kế kiểu mới nhất, có thể dùng đủ cho một khách sạn. Bên phải kê một cây dương cầm, bên trái một cây dương cầm nữa. Một tủ sách tuyệt đẹp với những cái cột xoắn và những cuốn sách bìa gáy mạ vàng đứng đôi diện bếp lò. Trước tủ sách thêm

cái bàn cổ và những cái ghế đầu bằng gỗ. Trông kỳ cục. Sao phải đến hai cây đàn dương cầm.

Bà chủ nông trại xuất hiện. "Các anh có chỉ không? Nhưng phải là chỉ thật đấy."

Chúng tôi nhìn nhau. "Chỉ ư? Không!"

"Hoặc lụa? Tất lụa?"

Tôi nhìn vào bắp chân to tướng của người đàn bà. Chúng tôi dần hiểu ra: bà ta muốn trao đổi, không bán.

"Không, chúng tôi không có lụa," tôi nói, "nhưng chúng tôi sẵn sàng trả giá tốt."

Bà ta phẩy tay. "Ôi dào, tiền bạc, chỉ là đồng giấy lộn! Mỗi ngày một mất giá."

Bà ta lê bước bỏ đi. Trên cái áo lụa màu đỏ chóc của bà ta thiếu mất hai cái cúc phía sau.

"Chúng tôi có thể xin một ít nước không?" Albert gọi với theo. Bà ta quay lại với vẻ bất mãn và đặt xuống trước chúng tôi một cốc vại đầy nước.

"Này đây uống mau đi, tôi không rảnh để đứng không thế này," bà ta gắt gỏng. "Đáng lẽ nên đi làm việc, chứ đừng làm mất thời gian của người khác."

Albert vớ cái cốc quăng xuống đất. Cậu ta tức giận không nói nên lời. Nhưng tôi nói được. Mụ sẽ mắc bệnh ung thư, mụ già dơ bẩn kia!" tôi gầm lên.

Nhưng lúc này mụ già quay người lại và rống rít như cả một xưởng rèn thiếc đang làm việc hết công suất. Chúng tôi chuồn lẹ. Ngay đến người đàn ông mạnh mẽ nhất cũng không chịu nổi cảnh này.

Chúng tôi tiếp tục hành quân. Dọc đường chúng tôi gặp hàng đàn dân săn thực phẩm. Giống như một bầy ong đói bu quanh một miếng bánh mận,

họ lượn vè vè quanh các nông trại. Giờ chúng tôi đã hiểu vì sao những người nông dân ở đây dễ dàng phát rồ và hành xử thô bạo. Nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục đi, lúc bị đuổi thẳng cánh, lúc lại mua được chút gì đó, rồi bị đám săn thực phẩm khác chửi và chửi lại.

Đến chiều, tất cả chúng tôi gặp lại nhau trong quán bia. Thu hoạch không nhiều. Vài cân khoai tây, một ít bột, dăm quả trứng, táo, chút bắp cải và thịt. Chỉ có Willy toát mồ hôi. Cậu ta đến sau cùng, nách kẹp nửa cái thủ lợn. Vài gói đồ khác thò ra từ trong túi. Nhưng cậu ta đã không còn áo choàng nữa. Cậu ta đã đom nó ra đổi, vì ở nhà cậu ta vẫn còn một cái của Karl, và nghĩ rằng đằng nào mùa xuân ấm áp cũng sắp đến rồi.

Còn hai tiếng nữa mới đến giờ tàu chạy. Hai tiếng mang lại may mắn cho tôi. Chẳng là trong quán có một cây đàn dương cầm, tôi ngồi xuống, nhấn bàn đạp hết cỡ, chơi bài *Lời nguyện cầu của một nàng trinh nữ*. Bà chủ quán mon men lại gần. Bà ta lắng nghe hồi lâu, sau đó nháy mắt ra hiệu cho tôi đi ra ngoài. Tôi lên ra hành lang, bà ta bèn giải thích với tôi rằng bà ta là người yêu âm nhạc, nhưng đáng tiếc ở quán của bà ta hiếm khi có ai chơi đàn. Liệu tôi có muốn quay lại chơi đàn nữa hay không. Nói rồi bà ta trao cho tôi hai lạng bơ và tuyên bố tôi sẽ thường xuyên có bơ ăn. Tất nhiên tôi đồng ý và cam kết chơi đàn hai tiếng mỗi lần. Đáp lại sự hào phóng của bà ta, tôi chơi tiếp bản *Nắm mỏ quanh hiu* và *Stolzenfels bên sông Rhein* hay nhất có thể.

Sau đó chúng tôi đi ra ga. Dọc đường chúng tôi gặp rất nhiều kẻ săn thực phẩm khác, họ cũng muốn đáp cùng một chuyến tàu. Ai nấy đều sợ hiến binh. Rốt cuộc cả một đám đông tụ lại cách ga một quãng, ẩn mình trong một góc phố tối tăm, lộng gió để không bị nhìn thấy trước khi tàu đến. Như thế này đỡ nguy hiểm hơn.

Nhưng chúng tôi gặp hạn. Đột nhiên hai hiến binh đi xe đạp lù lù xuất

hiện. Họ đã lảng lạng đạp xe vòng từ phía sau lại.

"Dừng lại, tất cả đứng yên!"

Một sự kích động khủng khiếp, cầu khẩn và van xin. "Hãy để chúng tôi đi, chúng tôi phải lên tàu."

"Mười lăm phút nữa tàu mới đến," gã hiến binh béo hơn thản nhiên tuyên bố. "Tất cả bước lại đây!"

Gã chỉ vào một chiếc đèn đường, ở chỗ đó có thể nhìn rõ hơn. Một gã canh chừng để không ai chuồn được, gã kia kiểm tra. Gần như chỉ toàn phụ nữ, trẻ em và người già; đa số họ đứng đó im lặng và phục tùng... họ đã quen bị đối xử như vậy, và họ chưa bao giờ dám tin hoàn toàn vào vận may sẽ đem lại được hai lạng bơ về đến nhà. Tôi ngắm hai gã hiến binh; họ đứng đó vênh vác, kiêu ngạo với những bộ đồng phục xanh lá cây, những bộ mặt đỏ gay, những thanh kiếm và bao súng, hết như bọn hiến binh ngoài mặt trận trước đây. Quyền lực, tôi nghĩ, luôn luôn là vậy, chỉ cần một chút xíu quyền lực cũng đủ làm con người ta trở nên tàn nhẫn.

Một thiếu phụ bị thu mất mấy quả trứng. Khi chị đã len lén bỏ đi, gã béo hơn gọi giật chị lại: "Đứng lại. Chị có gì trong đó vậy?" Gã chỉ vào váy chị: "Bỏ nó ra!" Chị chờ người và muốn té xỉu.

"Mau lên!"

Thiếu phụ lấy từ dưới váy ra một miếng mỡ muối. Gã hiến binh đặt nó sang một bên. "Tuồng thoát được rồi phải không?"

Chị vẫn không hiểu và toan với tay lấy lại miếng mỡ muối. "Tôi đã mua nó rồi mà... Tôi đã trả toàn bộ số tiền tôi có"

Gã gạt tay chị ra và đã lấy được một khúc xúc xích từ trong áo một phụ nữ khác. "Nghiêm cấm tích trữ thực phẩm, tụi các chị phải biết."

Người thiếu phụ sẵn sàng mất mấy quả trứng, nhưng chị năn nỉ xin lại miếng mỡ muối của mình. "Chỉ miếng mỡ muối này thôi. Tôi biết ăn nói

thế nào khi về đến nhà? Đó là dành cho các con tôi."

"Hãy đến Sờ thực phẩm mà xin thêm tem phiếu," gã hiến binh cầu nhàu. "Đó không phải là việc của chúng tôi. Người tiếp theo!"

Người thiếu phụ lão đảo bước sang bên, nôn ọe và gào khóc: "Chồng tôi đã chết ngoài mặt trận để các con tôi chết đói thế này đây!"

Là người đến lượt sau chị, một cô gái đang cố tọng vào mồm, nhai và nuốt miếng bơ của mình, miệng cô choe choét bóng nhẫy, mắt trợn ngược, nhưng cô vẫn cố nhồi, cố nuốt, miễn sao gỡ được chút ít trước khi họ lấy đi của cô tất cả. Có gỡ được là bao - lát nữa cô sẽ lên cơn đau bụng và sẽ bị Tào Tháo đuổi.

"Người tiếp theo."

Không ai động đậy. Gã hiến binh đang đứng lom khom cất tiếng gọi lần nữa: "Người tiếp theo!"

Gã cúi tiết đứng thẳng lên và nhìn thẳng vào mắt Willy. Giờ bình tĩnh hơn nhiều, gã hỏi: "Anh là người tiếp theo phải không?"

"Tôi chả là gì cả," Willy trả lời thiếu thân thiện.

"Anh có gì trong gói kia?"

"Một nửa cái thủ lợn," Willy thẳng thắn tuyên bố.

"Anh buộc phải giao nộp."

Willy không động đậy. Gã hiến binh do dự và đưa mắt cho đồng nghiệp của mình. Gã kia đến đứng ngay bên cạnh. Đây là một sai lầm nghiêm trọng. Có vẻ như cả hai có quá ít kinh nghiệm trong các tình huống như vậy và không quen bị chống cự; bởi vì lẽ ra gã thứ hai đã phải nhận thấy từ lâu rằng chúng tôi là một hội, mặc dù chúng tôi không trò chuyện với nhau. Vì thế đáng lẽ gã phải dừng lại cách chúng tôi một khoảng đủ rộng, để có thể dùng vũ khí không chế chúng tôi. Tuy rằng dù gã có làm vậy thì chúng tôi cũng chả ngán... một khẩu súng ngắn có là cái đinh! Thay vào đó, gã lại

đứng sát cạnh đồng nghiệp, đề phòng Willy nổi đóa. Hậu quả thấy tức thì. Số là Willy chia cái thủ lợn ra. Gã hiến binh ngạc nhiên đưa tay đón nhận và như vậy coi như đã mất khả năng tự vệ, vì cả hai tay gã đều bận. Đúng vào khoảnh khắc đó, Willy tỉnh bơ đâm thẳng vào mồm gã, khiến gã ngã xuống. Trước khi gã thứ hai kịp trở tay, Kosole húc mạnh cái đầu cứng như thép của anh vào hàm gã, còn Valentin nhảy đến áp sát lưng, siết cổ họng gã từ phía sau khiến gã há hốc cả mồm và Kosole nhanh tay nhồi ngay một tờ báo vào đó.

Cả hai gã hiến binh cố ọc, nuốt, nhổ nhưng vô ích, chúng bị mắc giấy trong họng, hai cánh tay bị bẻ quặt ra sau và trói thật chặt bằng chính dây thắt lưng của chúng. Việc này diễn ra thật nhanh... nhưng bây giờ biết đem chúng đi đâu được đây?

Albert biết chỗ. Cậu ấy đã phát hiện cách đó năm mươi bước có một căn nhà nhỏ đứng trơ trọi, trên cửa có khắc hình trái tim: nhà xí. cả bọn bèn phi tới đây. Hai gã bị tống vào trong. Cửa nhà xí bằng gỗ sồi, chốt cửa rộng và chắc chắn, sẽ phải mất không dưới một tiếng đồng hồ chúng mới chui được ra ngoài. Kosole là người tử tế. Anh thậm chí còn mang xe đạp của chúng để ngay trước cửa.

Sợ hết hồn, đám người săn thực phẩm này giờ cứ đứng ngậy ra nhìn.

"Hãy lấy lại đồ của mình đi", Ferdinand cười bảo. Đã nghe tiếng còi tàu từ xa vọng lại. Họ e dè nhìn chúng tôi và không đợi phải nói đến lần thứ hai. Nhưng có một bà già bất mãn tột độ. "Ôi Chúa ơi," bà lão rên rỉ, "chúng đã đánh đập hiến binh... bất hạnh... bất hạnh quá!"

Dường như bà lão cho rằng đây là tội đáng chết. Những người khác cũng có phần hốt hoảng. Nỗi sợ hãi trước sắc phục và cảnh sát đã ăn vào tận xương tủy họ.

Willy nhe răng cười. "Đừng than khóc nữa, u già ơi! Cho dù toàn bộ

chính phủ đang đứng ở đây, chúng tôi cũng không để họ cướp đi bất kỳ thứ gì! Các quân nhân kỳ cựu mà lại phải giao nộp đồ ăn, rõ đẹp mắt!"

May mắn là rất nhiều ga xếp nằm cách xa nhà dân. Chẳng ai nhận thấy điều gì bất thường. Trưởng ga bây giờ mới bước ra từ văn phòng của mình, vừa ngáp vừa gãi gãi đầu. Chúng tôi đi đến chỗ rào chắn. Willy cắp nách cái thớt lợn. "Tao mà lại nộp mày à!" cậu ta lẩm bẩm và âu yếm vuốt ve nó.

Đoàn tàu khởi hành. Chúng tôi đứng trong cửa sổ tàu vẫy ra. Ông trưởng ga tưởng vẫy mình nên giơ tay chào lại. Nhưng kỳ thực chúng tôi vẫy chào cái nhà xí. Willy thò hẳn người ra ngoài và quan sát cái mũ màu đỏ của người trưởng ga.

"Ông ta trở lại văn phòng của mình rồi," cậu ta đắc thắng thông báo.

"Mấy tay hiến binh còn khướt mới xong việc."

Sự căng thẳng đã biến mất trên nét mặt của những người đi săn thực phẩm. Họ lại dám nói chuyện. Thiếu phụ có miếng mỡ muối cười mà mắt long lanh ướt, chị rất lấy làm biết ơn. Chỉ có cô gái đã ăn bơ là khóc lóc đến tội nghiệp. Cô đã quá vội vàng. Ngoài ra, cô bắt đầu thấy khó chịu trong người. Thế là Kosole thể hiện. Anh chia cho cô một nửa cái xúc xích của mình. Cô gái nhét nó vào trong bít tất.

Để đề phòng, chúng tôi xuống tàu một ga trước khi đến thành phố và đi xuyên qua các cánh đồng ra đường cái. Chúng tôi định đi bộ chặng cuối cùng, nhưng lại gặp một chiếc xe tải chở bình sữa. Tài xế mặc áo khoác lính. Anh ta cho chúng tôi đi cùng. Thế là cả hội chạy xe vù vù xuyên qua màn đêm. Những ngôi sao nhấp nháy. Chúng tôi ngồi bên nhau, và từ các gói hàng của chúng tôi tỏa ra mùi thịt lợn dễ chịu.

II.

Phố Lớn chìm trong sương mù buổi tối đẫm nước, bàng bạc. Những ngọn đèn đường tỏa ra những khoảng sáng rộng màu vàng. Mọi người như đi trên bông. Những đóm lửa bí ẩn hai bên đường là những ô kính cửa hàng. Con Sói như bơi lại gần rồi lại lặn xuống trong sương. Cây cối lấp lóa đen và ẩm ướt bên những ngọn đèn đường.

Valentin Laher đang đi bên tôi. Anh không hẳn ca cẩm, nhưng anh không thể quên tiết mục nhào lộn mà anh đã từng trình diễn tại Paris và Budapest.

"Đã hết thời rồi, Ernst," anh nói. "Xương kêu lục khục, và tớ cũng bị thấp khớp nữa. Tớ đã cố thử và cố thử cho đến khi gục ngã. Cố thể nào cũng không ăn thua."

"Vậy anh định sẽ làm gì, Valentin?" tôi hỏi. "Lẽ ra nhà nước sẽ phải trả lương hưu cho anh, như trả cho sĩ quan nghỉ hưu."

"Ôi chà, nhà nước, nhà nước," Valentin coi thường đáp, "nhà nước chỉ cho những kẻ biết há mồm đúng kiểu. Hiện tớ đang cùng một vũ nữ dựng một vài tiết mục, biểu diễn tạp kỹ, cậu biết không. Cũng được khán giả tán thưởng đấy, nhưng giá trị nghệ thuật không nhiều, và một nghệ sĩ nhào lộn chân chính lẽ ra phải thấy xấu hổ khi diễn những trò đó. Nhưng biết làm sao được, vẫn phải sống mà."

Valentin muốn đi đến chỗ tập, và tôi quyết định đi cùng anh. Ở góc phố Hamken, một chiếc mũ quả dưa màu đen xuyên sương mù lướt qua chúng tôi, dưới nó là một chiếc áo đi mưa màu hoàng yến và một cái cặp.

"Arthur," tôi gọi.

Ledderhose dừng lại.

"Quý thật." Valentin nói, "cậu làm thế nào mà nổi bản bật thế."

Với vẻ sành sỏi, anh sờ vào cà vạt của Arthur, một cái cà vạt lộng lẫy bằng lụa nhân tạo, có hoa văn màu tím.

"Cũng tạm tạm, cũng tạm tạm," Ledderhose nói, giọng sưng sượng và có vẻ vội vã.

"Lại còn cái mũ này nữa chứ," Valentin tiếp tục sưng sốt và ngăm nghĩa chiếc mũ quả dưa.

Ledderhose muốn đi tiếp. Anh ta vồ vồ vào chiếc cặp của mình. "Có việc, có việc..."

"Anh không còn cửa hàng xì gà nữa à?" tôi hỏi.

"Còn chứ," anh ta đáp, "nhưng bây giờ tớ chỉ bán buôn. Các cậu có biết văn phòng cho thuê nào không? Tớ sẽ trả bất cứ giá nào."

"Tụi này không biết văn phòng cho thuê," Valentin đáp, "còn lâu tụi này mới phải cần thứ đó. Thế vợ cậu dạo này sao rồi?"

"Sao cậu hỏi vậy?" Ledderhose thận trọng hỏi lại.

"Ồ thì ngày trước ngoài chiến hào cậu từng than vãn suốt về chuyện đó. Nào là với cậu cô ấy đã trở nên quá gầy gò, nào là cậu thích tặng đàn bà vạm vạp khỏe mạnh."

Arthur lắc đầu. "Tớ chịu không nhớ nổi chuyện đó nữa." Anh ta chạy biến đi.

Valentin cười phá lên. "Người ta có thể thay đổi nhiều biết bao, đúng không Ernst? Trong chiến hào cậu ta chỉ là một con sâu đáng thương, còn bây giờ cậu ta là một doanh nhân nhanh nhạy. Ngoài mặt trận thẳng cha nói năng cực kỳ thô bỉ! Bây giờ lại không muốn nhắc tới nữa."

"Nhưng xem ra anh ta đang sống cực ngon lành," tôi trầm tư nói.

Chúng tôi tiếp tục dạo bước. Sương mù bồng bênh. Con Sói đùa giỡn cùng sương mù. Những gương mặt đến gần rồi lại đi xa. Trong ánh đèn

sáng trắng tôi bỗng thấy một chiếc mũ da sơn bóng loáng màu đỏ, bên dưới là một gương mặt phủ một lớp sương mịn màng, khiến đôi mắt càng thêm lấp lánh.

Tôi đứng sững lại. Tim đập dữ dội. Đó là Adele. Trỗi dậy trong tôi ký ức về những buổi tối đã qua, khi chúng tôi, những chàng trai mười sáu, nấp trong bóng tối bên ngoài cửa phòng tập thể dục và đợi cho đến lúc các cô gái mặc những chiếc áo len trắng đi ra, để rồi chạy theo sau họ qua các con phố, đuổi kịp họ và thở hổn hển đứng trước mặt họ dưới một ngọn đèn đường, im lặng nhìn họ chăm chăm... cho đến khi họ nguẩy người bỏ đi và cuộc rượt đuổi lại tiếp tục... Ký ức về những buổi chiều nhìn thấy các cô ở đâu đó, luôn rụt rè đi sau họ vài bước, quá bối rối để có thể bắt chuyện, và chỉ đến khi họ đi vào một ngôi nhà mới vội thu hết can đảm réo thật to "Tạm biệt nhé!" rồi bỏ chạy...

Valentin nhìn xung quanh.

"Em phải quay lại chút," tôi vội vã nói, "em cần nói chuyện với một người. Em sẽ quay lại ngay."

Và tôi chạy ngược trở lại để tìm kiếm chiếc mũ màu đỏ, vàng sáng màu đỏ trong sương mù, tìm kiếm những năm tháng tuổi trẻ trước khi mặc áo lính và nằm trong các chiến hào.

"Adele!"

Cô ngó quanh. "Ernst!... Bạn đã trở về rồi sao?"

Chúng tôi bước đi bên nhau. Sương mù trôi qua giữa chúng tôi, con Sói vừa nhảy loi choi xung quanh vừa sủa ngẫu xạ, những đoàn tàu điện leng keng, và thế giới thật ấm áp và êm ái. Cảm giác trước đây lại ùa về, đầy ấp, run rẩy, bông bênh; năm tháng đã bị xóa sạch một vòng cung bắc trở lại những ngày xưa, một dải cầu vồng, một cây cầu rực sáng xuyên qua sương mù. Tôi không biết chúng tôi nói những gì, mà cũng quan trọng gì đâu,

điều chính yếu là chúng tôi đang đi bên nhau, và thứ âm nhạc dịu dàng, không thành tiếng của ngày xưa đã trở lại, những tầng tầng lớp lớp linh cảm và khát khao mà phía sau chúng là những đồng cỏ xanh óng mượt như lụa, những hàng dương xào xạc cất tiếng ca và chân trời êm ái của tuổi trẻ đang ló dạng.

Chúng tôi đi bên nhau có lâu không? Tôi không biết. Tôi quay về một mình, Adele đã chào tạm biệt, nhưng niềm vui như một lá cờ lớn muôn sắc phấp phới trong tôi, niềm hy vọng và hạnh phúc tràn đầy, căn phòng nhỏ bé thời trai trẻ của tôi, những cái tháp màu xanh và chân trời xa rộng.

Trên đường quay lại tôi đụng phải Willy, và chúng tôi cùng đi tiếp để tìm Valentin. Chúng tôi đuổi kịp anh, đúng lúc anh mặt mày sáng rỡ vì vui mừng đâm bổ đến một người đàn ông và phát mạnh vào vai anh ta.

"Cha mẹ ơi, Kuckhoff, thằng bạn cũ, cậu từ đâu chui ra thế này?" anh chìa tay cho người kia. "Thật là tình cờ, hả? Ông trời run rủi cho tụi mình lại gặp nhau."

Người kia nhìn anh một lát, vẻ xem thường.

"A, Laher, phải không?"

"Chứ ai nữa, anh bạn, cậu đã chung chiến hào với tớ ở Somme. Cậu còn nhớ giữa cái chiến trường kinh tởm ấy tụi mình đã cùng xơi chiếc bánh rán tằm đường Lilly gửi cho tớ như thế nào không? Georg đã mang nó cùng với thư từ lên tận tuyến đầu cho tụi mình. Anh ấy đã quá ư mạo hiểm, hả?"

"Phải chắc chắn rồi," người kia nói.

Valentin quá xúc động trước những kỷ niệm. "Về sau anh ấy cũng đã bị dính đạn thật sự," anh tiếp tục kể, "nhưng khi đó cậu đã đi khỏi. Vết thương khiến anh ấy phải chặt bỏ đi cánh tay phải. Cũng chẳng dễ dàng gì cho một người vốn sống bằng nghề đánh xe ngựa như anh ấy. Chắc giờ phải làm việc khác thôi. Mà thời gian sau này cậu đã ở đâu vậy hả?"

Người kia trả lời qua quýt, đoạn lạnh nhạt nói: "Rất vui đã gặp ông.

Ông dạo này sống thế nào, Laher?"

"Cái gì?" Valentin sững sốt hỏi lại.

"Ông sống thế nào? Ông đang làm gì?"

"Ông sao?" Valentin vẫn chưa hồi tỉnh. Anh trân trối nhìn người kia một lúc, cái người mặc chiếc áo choàng trang nhã đang đứng trước mặt anh kia. Sau đó, anh nhìn xuống chính mình, đỏ bừng mặt và bỏ đi. "Con khi!"

Tôi cảm thấy nặng nề cho Valentin. Có lẽ lần đầu tiên ý nghĩ về sự khác biệt đã đánh trúng anh. Trước tới nay tất cả chúng tôi đều là lính. Vậy mà giờ đây một thằng cha hõm hĩnh chỉ với cái đại từ "ông" duy nhất ấy đã đập tan ra từng mảnh tình cảm hồn nhiên chân thành của anh.

"Quên hẳn đi, Valentin," tôi nói. "Cái loại chỉ biết vênh váo về những gì cha chúng đã kiếm được. Đó cũng là một nghề."

Willy cũng chêm vào một vài chỉ trích nặng nề.

"Đồng đội tử tế thế đấy," cuối cùng Valentin bực bội nói. Nhưng anh chưa quên được vụ này, nó vẫn mắc nghẹn trong cổ anh.

May mắn là chúng tôi gặp Tjaden. Trông cậu ta nhem nhuốc như một cái giẻ lau.

"Cậu nghe đây," Willy nói, "chiến tranh đã qua rồi, bây giờ cậu có thể rửa ráy sạch sẽ lấy một lần."

"Hôm nay thì chưa," Tjaden trịnh trọng tuyên bố, "nhưng đen thứ bảy. Thứ bảy này thậm chí tớ sẽ tắm nữa đấy."

Chúng tôi kinh ngạc. Tjaden mà tắm sao? Hay cậu ta bị di chứng từ vụ bom vùi hồi tháng tám? Willy nghi ngờ khum bàn tay áp lên tai. "Tớ nghĩ tớ đã không nghe rõ lời cậu. Cậu định làm gì vào thứ bảy?"

"Tắm!" Tjaden tự hào đáp. "Chả là tối thứ bảy tớ sẽ đính hôn."

Willy nhìn Tjaden như nhìn một con vẹt quý hiếm. Sau đó cậu ta nhẹ

nhàng đặt bàn tay to bè lên vai anh chàng và hỏi giọng cha chú: Này Tjaden, có phải thỉnh thoảng cậu vẫn thấy bị đau nhói sau gáy không?

Hoặc có tiếng ù là lạ trong tai?"

"Chỉ khi nào tớ đói ngau thôi," Tjaden thừa nhận, "ngoài ra trong bụng tớ còn như có lửa đốt. Cảm giác cực khó chịu. Nhưng hãy nghe tớ kể về vị hôn thê của tớ đã: cô ấy không được đẹp, hai chân đều xoay sang trái, mắt hơi lác; nhưng bù lại cô ấy có tâm hồn, và cha cô ấy là ông hàng thịt."

Ông hàng thịt. Chúng tôi sáng ra rồi.

Tjaden sẵn sàng cung cấp thêm thông tin. "Cô ấy mê tớ điên cuồng.

Thế đấy, giờ người ta vẫn gọi là cưới liền tay. Thời buổi khó khăn, đành phải hy sinh ít nhiều. Ông hàng thịt luôn là người chịu chết đói sau cùng.

Với lại đính hôn đâu đã phải là kết hôn."

Willy lắng nghe với sự quan tâm mỗi lúc một tăng, rồi cậu ta bắt đầu lên tiếng: "Tjaden, cậu biết đấy, chúng mình luôn là chỗ bạn bè."

"Nhất trí, Willy," Tjaden ngắt lời, "cậu có thể được vài cái xúc xích. Và tớ sẵn sàng thêm cho cậu ít sườn nữa. Hãy đến vào thứ hai. Đúng hôm đó chúng tớ có tuần lễ trắng[1]."

"Tại sao?" tôi ngạc nhiên hỏi. "Chẳng lẽ nhà vợ cậu còn có một cửa hàng đồ lót nữa?"

"Không có, nhưng nhà tớ sẽ mổ một con ngựa bạch."

Chúng tôi hứa chắc chắn sẽ đến và quay gót đi tiếp.

Valentin rẽ vào quán trọ Người Phố cổ. Các nghệ sĩ xiếc trú chân ở đây. Một nhóm người lùn đang dùng bữa tối khi chúng tôi bước vào. Trên bàn có món xúp củ cải và bên cạnh mỗi người đặt một mẩu bánh mì.

1. Tuần lễ giảm giá.

"Hy vọng ít nhất họ cũng đủ no với khẩu phần ăn tí hon của mình,"

Willy làu bàu. "Bụng họ bé hơn mà."

Trên các bức tường treo đầy áp phích quảng cáo và ảnh. Những tấm vải sặc sỡ bị xé rách một nửa với những tấm ảnh của những nghệ sĩ xiếc, những cô gái dạy sư tử và những chú hề. Tất cả đã cũ và ố vàng, vì trong những năm gần đây các chiến hào mới là sàn diễn cho các vận động viên cử tạ, các kỵ sĩ xiếc và các nghệ sĩ nhào lộn. Ở đó họ không cần áp phích.

Valentin chỉ vào một tấm. "Tớ ngày xưa đây này." Trên tấm hình là một chàng trai với một bộ ngực nở nang đang lộn một vòng từ một thanh ngang treo tít trên đỉnh lều xiếc. Nhưng dù thành ý cỡ nào bạn cũng không thể tìm thấy bóng dáng Valentin ở chàng trai này.

Cô vũ công mà anh muốn cùng làm việc đang đợi. Chúng tôi đi vào gian phòng nhỏ của nhà hàng. Các tấm phong trang trí sân khấu dựng trong góc phòng. Chúng thuộc về vở hài kịch *Hãy bay lên, chú chim câu bé nhỏ*, một vở diễn đầy hài hước với những điệp khúc về cuộc sống của lính đã chiến chúng tôi, đã thành công vang dội trong hai năm liền.

Valentin đặt một cái máy quay đĩa lên một chiếc ghế và chọn đĩa hát.

Một giai điệu khàn khàn cất lên rè rè từ cái loa hình phễu, cái đĩa nghe nhiều đã mòn, nhưng vẫn còn vương lại chút dữ dội, giống như giọng hát đã bị dùng quá mức của một người phụ nữ tàn tạ từng một thời xinh đẹp.

"Tango đây," Willy thì thào bảo tôi với nét mặt sần sùi, nét mặt không để lộ rằng cậu ta chỉ vừa mới đọc được những chữ này trên vỏ đĩa.

Valentin mặc quần màu xanh và áo sơ mi, còn cô gái mặc bộ đồ dệt.

Họ luyện một điệu nhảy apache[1] và một tiết mục phóng tác mà ở cuối tiết mục cô gái treo mình bằng cách quắp hai chân trên cổ Valentin, trong khi anh xoay tròn nhanh hết mức có thể.

1. Một điệu nhảy phổ biến trong văn hóa đường phố ở Paris những năm đầu thế kỷ 20.

Cả hai im lặng tập luyện với nét mặt nghiêm trang. Chỉ thỉnh thoảng họ

mới khẽ thốt lên một tiếng. Ánh sáng nhợt nhạt của ngọn đèn chạy bằng khí đốt chập chờn. Tiếng khí đốt xì nhẹ. Bóng to tướng của các vũ công chao liệng trên các phong trang trí của vở *Chim câu*. Vụng về như một con gấu, Willy dò dẫm đi đi lại lại để quay cái máy hát. Valentin ngừng tập. Willy vỗ tay tán thưởng. Valentin rầu rĩ phẩy tay. Cô gái thay váy áo mà không mấy may để ý đến chúng tôi. Đứng dưới cây đèn khí, cô chậm rãi tháo đôi giày nhảy. Tấm lưng dưới lớp đồ dệt bạc màu cúi xuống mềm mại. Rồi cô đứng thẳng lên và giơ cao hai cánh tay để lộ cái gì đó ra. Ánh sáng và bóng tối đổi chỗ trên vai cô. Cô có đôi chân dài, xinh đẹp.

Willy sục sạo quanh gian phòng. Cậu ta tìm thấy một cuốn lời thoại cho vở *Chim câu*. Cuối sách có đăng kèm quảng cáo. Một chủ tiệm bánh ngọt mời chào những trái bom và lựu đạn bằng sô cô la, đóng gói sẵn sàng cho việc gửi đến các chiến hào. Một công ty vùng Sachsen quảng cáo dao rọc phong bì thư làm từ mảnh đạn, rồi giấy vệ sinh in những câu nói của các ông lớn về chiến tranh... và hai bộ bưu thiếp mang tựa đề *Cuộc chia tay của người lính* và *Tôi đứng giữa đêm đen*.

Cô vũ công đã mặc xong quần áo. Khoác áo măng tô và đội mũ vào trông cô hoàn toàn khác. Chỉ vừa đây thôi cô còn là một con thú mềm mại, nhưng bây giờ cô lại giống như bao người. Gần như không thể tin rằng cô chỉ đắp lên mình vài ba mảnh vải mà có thể biến đổi đến như vậy. Thật kỳ lạ, quần áo thay đổi con người mới ghê gớm làm sao. Còn quần phục thì khỏi nói!

III.

Tôi nào Willy cũng có mặt ở Waldmann. Đây là một nhà hàng dành cho những người đi dã ngoại, nằm ở ngoại ô thành phố nơi chiều và tối đều có khiêu vũ. Tôi cũng tới đó, bởi Kari Bröger kể với tôi rằng thỉnh thoảng Adele có mặt ở đó. Và tôi muốn gặp lại Adele.

Tất cả các cửa sổ phòng khiêu vũ trong vườn của Waldmann đều sáng đèn. Bóng những người đang nhảy lướt trên những tấm rèm cửa buông xuống. Tôi đứng tại quầy bar và đưa mắt tìm kiếm Willy. Tất cả các bàn đều có người, thậm chí không còn một chiếc ghế trống. Trong những tháng đầu tiên sau chiến tranh này, một cơn sốt giải trí đã thực sự bùng nổ.

Đột nhiên tôi nhìn thấy một cái bụng trắng bóc, lóa sáng, và một cái đuôi én xòe ra đường bệ. Đó là Willy trong chiếc áo đuôi tôm. Bị lóa mắt, tôi nhìn chăm chăm vào cậu ta. Áo đuôi tôm đen, gi lê trắng, tóc đỏ... cậu ta đúng là một cột cờ sống.

Willy kể cả nhận lấy sự ngưỡng mộ của tôi. "Này, cậu đang ngạc nhiên hả?" cậu ta nói và xoay người như một con công. "Cái áo tưởng niệm đức Hoàng đế Wilhelm của tớ! Từ một áo khoác lính có thể làm ra mọi thứ, hả?"

Cậu ta vỗ nhẹ vào vai tôi. "Ngoài ra, cậu ở đây là tốt đấy. Hôm nay có cuộc thi nhảy, tất cả chúng ta đều tham gia, sẽ có những giải thưởng thượng hạng! Nửa giờ nữa bắt đầu."

Vậy là đến lúc đó còn có thể tập luyện. Willy có bạn nhảy trông như một nữ đô vật, một tạo vật có thân hình chắc nịch, lực lưỡng như một con ngựa chiến. Cậu ta đang tập nhảy one-step, điệu nhảy trên hết đòi hỏi tốc độ cao. Ngược lại Karl đang nhảy với một cô nhân viên Sở lương thực, cô

ta như một con ngựa thồ, được thắng dây cương với đủ loại nhẫn và dây chuyên. Cậu ta kết hợp công việc làm ăn và giải trí theo cách dễ chịu vậy đấy. Nhưng còn Albert — Albert không ngồi cùng bàn với chúng tôi. Hơi bối rối, cậu ta vẫy tay từ một góc xa chào chúng tôi. Cậu ta ngồi cùng một em tóc vàng.

"Kẻ này đang rời bỏ chúng ta," Willy tiên đoán.

Bản thân tôi cũng để mắt tìm kiếm cho mình một nàng nhảy giỏi.

Việc này không hề dễ dàng, vì một số cô khi ngồi ở bàn trông duyên dáng như nai tơ, mà khi khiêu vũ lại như voi có chữa. Thêm nữa các cô nàng mảnh mai rất được ưa chuộng. Nhưng rồi tôi cũng bắt cặp được với một cô thợ may nhỏ nhắn.

Tiếng kèn hiệu vang lên. Một người với bông cúc cài trên khuy áo bước lên phía trước và tuyên bố có đôi bạn nhảy đến từ Berlin sẽ biểu diễn vũ điệu mới nhất: điệu foxtrot. Ở đây chúng tôi chưa biết điệu nhảy này, mà chỉ mới nghe loáng thoáng về nó.

Tò mò, chúng tôi đứng dôn lại. Ban nhạc chơi một điệu nhạc giật cục.

Hai vũ công nhảy căng lên như hai con cừu xung quanh nhau. Đôi khi họ tách xa nhau ra, rồi lại móc hai cánh tay với nhau và khập khiễng xoay tròn.

Willy nghên cổ, tròn mắt xem. Đây là một điệu nhảy hợp ý cậu ta.

Chiếc bàn bày các giải thưởng được bê ra. Chúng tôi xô tới xem. Có ba giải cho mỗi điệu nhảy one-step, boston và foxtrot. Foxtrot bị loại đối với chúng tôi, chúng tôi không biết điệu nhảy đó; nhưng với cả hai điệu kia thì chúng tôi sẽ xông tới như Blücher[1].

1. Gebhard Leberecht von Blücher (1742 - 1819) là thống chế của nước Phổ.

(N. D.)

Mỗi giải nhất đều bao gồm mười quả trứng mòng biển hoặc một chai rượu. Willy nghi ngờ đi hỏi liệu trứng mòng biển có ăn được không. Yên tâm, cậu ta quay lại. Giải nhì là sáu quả trứng mòng biển hoặc một cái mũ hoàn toàn bằng len, giải ba gồm bốn quả trứng hoặc hai bao thuốc lá, nhãn hiệu Vinh quang anh hùng nước Đức.

"Bọn mình sẽ không đời nào nhận thứ thuốc lá đó," Karl sành sỏi về thuốc lá, tuyên bố.

Giải đấu bắt đầu. Đối với boston, chúng tôi dự kiến Karl và Albert; điều one-step: Willy và tôi. Tuy nhiên, chúng tôi không đặt nhiều hy vọng vào Willy. Cậu ta chỉ có thể giành chiến thắng nếu các trọng tài có khiếu hài hước.

Ở điều boston, Karl và Albert đấu cùng với ba cặp khác ở vòng loại.

Karl đang dẫn đầu; cái cổ áo cao của bộ lễ phục cùng đôi ủng da sơn sáng bóng của cậu ta kết hợp với dây chuyền và nhẫn trên mình con ngựa thô tạo ra một hình ảnh sang trọng gây ngỡ ngàng đến mức không ai có thể cưỡng lại. Về tư thế và phong cách cậu ta là độc tôn, nhưng về sự hài hòa thì Albert ít nhất cũng không kém. Các trọng tài đưa ra nhận xét đánh giá, như thể tại Waldmann đang có cuộc đấu loại ở ngày phán xử cuối cùng.

Karl giành chiến thắng và lấy mười quả trứng mòng biển, bởi vì cậu ta biết quá rõ thương hiệu rượu; chính cậu ta đã bán chúng ở đây. Cậu ta hào phóng tặng cho chúng tôi chai rượu thưởng của mình; cậu ta có thứ ngon hơn ở nhà. Albert được giải nhì. Cậu ta ngượng nghịu nhìn chúng tôi khi mang sáu quả trứng mòng biển của mình đến cho cô nàng tóc vàng. Willy huýt một tiếng sáo đầy ngụ ý.

Ở điều one-step tôi quay vun vút với cô thợ may nhỏ nhắn và cũng lọt vào vòng chung kết. Tôi lấy làm lạ thấy Willy vẫn thản nhiên ngồi và không hề đăng ký tham gia nhảy. Tôi đã tỏa sáng bằng một biến tấu đặc

biệt với những động tác nhún thấp và đảo ngược người trước đây tôi chưa từng biểu diễn. Cô gái nhỏ nhún nhảy nhẹ nhàng như một chiếc lông chim, và chúng tôi đoạt giải nhì, đem ra chia nhau. Tôi hãnh diện quay về bàn với chiếc huy chương bạc danh giá của Hiệp hội khiêu vũ thể thao toàn đế chế trên ngực áo.

"Willy đồ con lừa," tôi nói, "tại sao cậu không thử ít nhất một lần, biết đâu cậu đã đoạt huy chương đồng!"

"Phải, đúng vậy," Karl về hòa với tôi, "tại sao cậu không làm điều đó?"

Willy đứng dậy, vờ vai, chỉnh lại cái áo đuôi tôm nhìn chúng tôi đầy ngạo mạn và đáp gọn lỏn: "Tại thế đây!"

Đúng lúc đó người đàn ông cài bông cúc gọi các đôi ra thi foxtrot.

Chỉ có vài cặp đứng lên tham gia. Willy không bước đi mà là vung chân phi ra sàn nhảy.

"Cậu ta biết khi gì đâu," Karl bĩu môi phì một cái.

Chúng tôi nhóm người trên ghế chờ xem cái gì sẽ đến. Cô nàng dạy sư tử bước đến trước mặt Willy. Cậu ta khoát tay thật rộng trước khi đưa cánh tay ra mời cô. Âm nhạc nổi lên.

Đúng khoảnh khắc đó Willy biến thành một con lạc đà nổi máu hoang dã. Cậu ta tung người lên không, cà nhắc cà nhót, nhảy căng, quay tròn, vung hai cẳng chân và quăng bạn nhảy hết sang phải lại sang trái, rồi cậu ta chồm chồm những bước ngắn kiểu lợn phi nước kiệu xuyên khắp gian phòng, với cô diễn viên xiếc không ở phía trước, mà ngay bên cạnh, đang phô diễn tài đu xà ngang trên cánh tay phải dang thẳng của cậu ta, trong khi cậu ta tha hồ nhảy vung vít ở phía bên trái mà không lo giẫm lên chân cô gái.

Lúc này cậu ta bắt chước một chiếc đu quay quay tít tại chỗ khiến tà áo đuôi tôm của cậu ta xòe ngang ra, tiếp theo đó cậu ta bắt đầu nhảy tung

tung xuyên qua sàn diễn như một con dê bị ong đốt đít, nện móng âm âm, xoay tít, hú hét, và kết thúc bằng một cú quay kinh hồn trên một chân, trong khi tay phải vung cô bạn nhảy của mình lên cao.

Không ai trong khán phòng nghi ngờ rằng mình đang được xem một bậc thầy cho tới nay còn chưa được biết tới biểu diễn siêu foxtrot. Willy đã nhận ra cơ may của mình và tận dụng nó. Cậu ta giành chiến thắng tuyệt đối, đến nỗi sau cậu ta một lúc lâu không có giải nào được trao, và mãi sau nữa mới có giải nhì. Cậu ta đắc thắng giơ lên khoe chúng tôi chai rượu.

Tuy nhiên Willy đã đổ mồ hôi nhiều tới mức cái áo đuôi tôm bị thôi màu khiến cả sơ mi lẫn gi lê trở nên đen sì sì, so với chúng cái áo đuôi tôm xem ra còn sáng màu hơn.

Phần thi đấu đã kết thúc, nhưng những điệu nhảy vẫn tiếp tục.

Chúng tôi ngồi bên bàn uống cạn giải thưởng của Willy. Chỉ thiếu Albert -

không thể dứt cậu ta ra khỏi cô nàng tóc vàng.

Willy huých tôi: "Này cậu, Adele kia kia."

"Đâu?" tôi vội hỏi.

Cậu ta chỉ ngón tay cái của mình vào đám đông trên sàn nhảy. Quả đúng thế, cô đang nhảy điệu valse với một gã cao kều tóc đen.

"Cô ấy đến đây lâu chưa?" tôi hỏi, vì tôi mong rằng cô ấy đã nhìn thấy chiến thắng của chúng tôi.

"Cách đây năm phút," Willy đáp.

"Với thằng cò hương đó à?"

"Với thằng cò hương đó!"

Adele hơi ngả đầu ra trong khi nhảy, một tay đặt trên vai anh chàng tóc đen. Khi ngấm khuôn mặt nhìn nghiêng của cô ấy, đôi lúc tôi thấy nghẹt thở. Trong ánh đèn trần của gian phòng, nó thật giống với ký ức của tôi về

những buổi tối trước chiến tranh. Nhưng nhìn thẳng, mặt cô ấy tròn hơn, và khi cười thì cô ấy hoàn toàn xa lạ.

Tôi hớp một ngụm lớn từ chai rượu của Willy. Đúng lúc này cô thợ may nhỏ nhắn lướt ngang qua trong điệu nhảy, cô ấy mảnh mai và duyên dáng hơn Adele. Mới đây, trong lớp sương mù trên Phố Lớn, tôi đã không nhìn ra nhưng Adele đã trở thành một phụ nữ thực thụ với bộ ngực đầy đặn và đôi chân chắc khỏe. Tôi không thể nhớ trước kia cô ấy đã như vậy hay chưa; tôi có lẽ đã không để ý.

"Táo chín mọng rồi hả?" Willy nói.

"Ồ, cảm ơn đi!" tôi giận dữ đáp.

Điệu valse kết thúc. Adele tựa lưng vào cánh cửa. Tôi đi lại phía đó.

Cô ấy chào tôi, trong khi vẫn tiếp tục tán chuyện và cười với gã tóc đen của cô ấy. Tôi dừng lại và nhìn cô ấy. Tim tôi đập như thể tôi đang đứng trước một quyết định lớn.

"Bạn nhìn gì tôi thế?" cô ấy hỏi.

"Ồ, không có gì," tôi nói, "chúng ta nhảy được không?"

"Điệu này không được, điệu sau nhé," cô ấy nói và cùng gã bạn đồng hành bước ra sàn nhảy.

Tôi đợi cô ấy, rồi chúng tôi nhảy với nhau một bài boston. Tôi cố gắng hết sức, và cô ấy mỉm cười tán thưởng.

"Thì ra bạn đã học nhảy ngoài mặt trận."

"Ồ đó lại càng không," tôi nói, "nhưng ban nãy chúng tôi vừa đoạt giải đây."

Cô ấy vội ngược nhìn. "Thật tiếc, lẽ ra chúng mình có thể thi cùng nhau. Giải thưởng đó là gì?"

"Sáu quả trứng mòng biển và một huy chương," tôi trả lời, và tôi thấy nóng bừng ở trán. Các cây đàn violin chơi khê đến mức có thể nghe thấy

tiếng nhiều bước chân lướt trên sàn.

"Bây giờ chúng mình khiêu vũ với nhau," tôi nói, "bạn còn nhớ các buổi tối chúng mình chạy đuổi theo nhau từ câu lạc bộ thể thao không?"

Cô ấy gật đầu.

"Ừ khi đó chúng mình vẫn còn khá trẻ con. Nhìn kia, cô gái mặc chiếc váy màu đỏ ấy - kiểu áo thụng này hiện nay đang một nhất đấy. Đẹp, đúng không?"

Những cây đàn vĩ cầm chuyển giai điệu sang đàn cello. Run rẩy, như tiếng khóc bị kìm nén, chúng rung lên qua những âm thanh nâu vàng.

"Khi tôi nói chuyện với bạn lần đầu tiên, cả hai chúng mình đã bỏ chạy," tôi nói, "hồi đó là tháng sáu, bên trên tường thành tôi nhớ rõ như vừa mới đây thôi."

Adele vẫy tay với ai đó. Rồi cô ấy mới quay đầu lại.

"Ừ, ngớ ngẩn thật đấy. Mà bạn có nhảy được tango không? Anh tóc đen đằng kia là một vũ công tango tuyệt vời."

Tôi không trả lời. Tiếng nhạc tắt.

"Bạn có muốn đến bàn của chúng tôi ngồi một lát không?" tôi hỏi.

Cô nhìn nhìn về phía bàn.

"Anh chàng mảnh dẻ đi đôi giày da láng là ai vậy?"

"Karl Bröger," tôi đáp. Cô ấy đến ngồi với chúng tôi. Willy rót cho cô ấy một ly và kể một câu chuyện tiểu lâm. Cô ấy cười và nhìn sang Karl.

Đôi khi cô cũng liếc nhìn con ngựa thồ của Karl - đó chính là cô gái với bộ váy thời trang. Tôi ngạc nhiên quan sát Adele, cô ấy đã thay đổi biết bao. Lẽ nào ở đây ký ức cũng lại lừa dối tôi? Hay ký ức cứ sinh sôi và sinh sôi, cho đến khi che lấp mất thực tại? Giờ đây ngồi ở bàn là một cô gái xa lạ, hơi ồn ào, nói quá nhiều. Phải chăng bên dưới vẻ ngoài này còn ẩn một người khác, người mà tôi biết rõ hơn? Liệu một sự thay đổi như thế có thể

chỉ vì bạn đã già đi? Có thể lỗi đó là do những năm qua, tôi nghĩ, chẳng gì đã hơn ba năm trôi qua, hồi đó cô ấy mười sáu tuổi và là một đứa trẻ, bây giờ cô ấy mười chín và đã trưởng thành. Và đột nhiên tôi bị nhấn chìm bởi một nỗi buồn không tên về thời gian - thời gian cứ trôi, cứ trôi và thay đổi, rồi khi ta quay lại, chẳng còn tìm thấy gì nữa. Phải, chia tay đã khó nhưng gặp lại xem ra đôi khi còn khó hơn.

"Sao mặt mũi cậu trông kỳ cục thế, Ernst?" Willy hỏi. "Đói à?"

"Cậu ấy buồn chán," Adele cười nói. "Trước đây cậu ấy cũng luôn như thế. Hãy hoạt bát lên một chút nào! Các cô gái thích thế hơn là cứ ngồi đó với vẻ mặt đờ đẫn!"

Qua rồi, tôi nghĩ, lần này qua hẳn rồi. Không phải vì cô ấy tán tỉnh anh chàng tóc đen và Karl Bröger, không phải vì cô ấy thấy tôi nhàm chán, không phải vì cô ấy đã thay đổi - không, chỉ là bây giờ tôi thấy tất cả mọi thứ đều vô mục đích. Tôi đã chạy đôn chạy đáo, tôi gõ lên tất cả các cánh cửa tuổi trẻ của tôi và muốn vào đó một lần nữa, tôi đã nghĩ rằng tuổi trẻ sẽ lại đón nhận tôi, bởi vì tôi vẫn còn trẻ và tôi đã xiết bao mong ước có thể quên đi; nhưng tuổi trẻ vụt chạy khỏi tôi như một ảo ảnh, nó vỡ vụn không tiếng động, tan ra như tro khi tôi chạm vào, tôi không thể hiểu được, ít nhất ở nơi đây nó phải còn lưu lại một chút gì đó chứ, tôi đã gắng thử đi thử lại, và trở nên lố bịch và buồn vì điều đó... Nhưng giờ đây tôi nhận ra rằng một cuộc chiến thâm lặng, không lời cũng đã hoành hành trong miền ký ức, và tiếp tục tìm kiếm sẽ là vô nghĩa đối với tôi. Thời gian xen giữa như một bờ vực rộng hoác, tôi không thể quay lại, không còn lựa chọn nào khác, tôi phải hành quân đi lên phía trước, đến một nơi bất kỳ, bởi vì tôi chưa có mục tiêu.

Tôi nắm chặt ly rượu của mình và nhìn lên. Adele ngồi đó và vẫn đang căn vặn Karl xem có thể mua được tất lựa nhập lậu ở đâu... Các điệu nhảy

vẫn tiếp tục như trước, và ban nhạc vẫn đang chơi đúng bản valse từ vở *Ngôi nhà của ba cô gái*... và chính tôi vẫn còn ngồi trên đúng cái ghế đó, vẫn thở và sống như trước... Phải chăng sét đã đánh xuống và cuộn phăng tôi đi, phải chăng khung cảnh xung quanh tôi đột nhiên chìm xuống, phải chăng con người tôi không còn lại chút gì và vừa mới đây thôi tôi mới thực sự đánh mất tất cả?

Adele đứng lên và chia tay Karl.

"VẬY là ở cửa hiệu Meyer và Nickel," cô ấy vui vẻ nói, "phải rồi, ở đó họ buôn bán ngấm đủ thứ. Ngày mai tôi sẽ đến đó. Tạm biệt nhé, Ernst!"

"Để tôi tiễn bạn một quãng," tôi nói.

Ra đến bên ngoài, cô bắt tay tôi. "Bạn không thể đi cùng nữa, đã có người chờ tôi ở đây."

Tôi thấy mình ngớ ngẩn và đa sầu, nhưng tôi không thể tự chủ được: tôi bỏ mũ xuống và cúi thật thấp chào cô ấy, như thể tôi đang thực hiện một cuộc chia tay lớn - không phải với cô ấy - mà với toàn bộ quá khứ. Cô ấy chăm chú nhìn tôi một giây.

"Đôi khi bạn thật buồn cười." Rồi vừa hát, cô ấy vừa chạy xuôi theo con phố.

Những đám mây kéo đi, và bầu trời đêm trong trẻo trên thành phố.

Tôi nhìn ra xa hồi lâu. Đoạn tôi quay lại.

IV.

Trong hội trường lớn của quán Konersmann diễn ra cuộc họp mặt lần thứ nhất của trung đoàn kể từ khi chúng tôi trở về từ chiến trường. Tất cả các đồng đội đều được mời. Sẽ có một lễ kỷ niệm lớn. Karl, Albert, Jupp và tôi đến sớm hẳn một giờ. Chúng tôi quá sốt ruột chỉ muốn gặp lại ngay những gương mặt quen biết cũ.

Chúng tôi ngồi tạm trong phòng khách bên cạnh hội trường chờ Willy và những anh em khác.

Đúng lúc chúng tôi định đổ một ván xúc xắc thì cánh cửa mở ra và Ferdinand Kosole bước vào. Các con xúc xắc rơi khỏi tay chúng tôi, chúng tôi quá choáng váng vì bề ngoài của anh. Anh mặc thường phục.

Cho đến nay, giống như hầu hết chúng tôi, anh vẫn tiếp tục mặc bộ quân phục cũ của mình; nhưng hôm nay, đúng ngày lễ này, anh lại xuất hiện lần đầu tiên trong bộ đồ dân sự và giờ đây anh đứng đó với chiếc áo choàng cổ nhung màu xanh lơ, cái mũ xanh lá cây đội đầu và sơ mi cổ cồn thắt cà vạt. Với bộ cánh này anh đã trở thành một con người khác hoàn toàn.

Chúng tôi vẫn chưa kịp định thần thì Tjaden xuất hiện. Cậu ta cũng lần đầu tiên diện thường phục: chiếc áo khoác sọc, đôi giày màu vàng và cây ba toong tay nắm mạ bạc. Cậu ta ngẩng cao đầu vênh vang đi khắp phòng. Khi chạm mặt Kosole cậu ta sững lại. Kosole cũng sững lại. Cả hai chưa bao giờ thấy nhau mặc thứ gì khác ngoài quân phục. Họ ngắm nhau một giây. Sau đó họ cười phá lên: người này thấy người kia trông buồn cười đến ngớ ngẩn trong bộ thường phục.

"Mẹ kiếp, Ferdinand, tớ luôn luôn nghĩ cậu là một người đàn ông lịch

thiếp," Tjaden ngoác miệng cười.

"Tại sao?" anh vặn lại và ngừng cười.

"À, thì đây này," Tjaden trở vào áo choàng của Kosole, "thấy ngay là cái này mua ở cửa hàng đồ cũ."

"Đồ ngu như bò!" Ferdinand giận dữ càu nhàu và quay đi nhưng tôi thấy mặt anh dần đỏ ửng. Tôi không thể tin vào mắt mình; đúng là anh trở nên ngượng ngùng, và khi tin rằng không có ai đang quan sát mình, anh lén nhìn xuống chiếc áo choàng bị chế nhạo. Nếu đó là bộ quân phục, hẳn anh đã chẳng bao giờ thèm quan tâm nhưng lúc này quả đúng là anh đang đưa ống tay áo cũ sờn cổ chùi đi vài vết bẩn trên áo, và sau đó anh ngó rất lâu Karl Bröger trong bộ com lê mới tuyệt đẹp. Anh không biết rằng nãy giờ tôi vẫn quan sát anh. Một lúc sau, anh hỏi tôi:

"Thực ra cha của Karl làm gì ấy nhỉ?"

"Thẩm phán," tôi trả lời.

"Ra thế, thẩm phán," anh tư lự lặp lại. "Còn cha của Ludwig?"

"Thanh tra thuế."

Anh im lặng hồi lâu. Đoạn anh bảo: "Ừ, xem ra các cậu sẽ sớm chẳng muốn dính dáng gì với chúng tôi nữa."

"Anh điên rồi, Ferdinand," tôi bật thốt lên. Anh nhún vai nghi ngờ.

Tôi mỗi lúc càng ngạc nhiên hơn. Anh không chỉ thay đổi vẻ bề ngoài với mớ giẻ lau dân sự đáng nguyên rửa này, mà con người anh cũng đã thực sự thay đổi. Trước tới giờ anh nhổ toẹt vào những thứ vớ vẩn đó; nhưng lúc này anh thậm chí cởi hẳn cái áo khoác và treo nó vào trong góc tối nhất của nhà hàng.

"Ồ đây quá nóng," anh cúi kính nói khi thấy tôi đang nhìn anh.

Tôi gật đầu. Lát sau anh cau có hỏi: "Thế còn cha của cậu?"

"Thợ đóng sách," tôi đáp.

"Thật à?" anh hồ hởi ra mặt. "Thế còn cha của Albert?"

"Ông ấy mất rồi. Trước là thợ nguội."

"Thợ nguội," anh lặp lại vui sướng, như thể nghề đó danh giá ngang Đức Giáo Hoàng. "Thợ nguội, thật là tuyệt vời. Tớ là thợ tiện. Lẽ ra ông ấy và tớ đã có thể là đồng nghiệp với nhau."

"Đúng thế," tôi nói.

Tôi nhìn thấy dòng máu của anh lính Kosole lại trở về trong huyết quản của anh dân thường Kosole. Anh trở nên tươi tỉnh và mạnh mẽ.

"Chứ nếu không thế thì cũng đáng tiếc," anh thiết tha khẳng định với tôi, rồi khi Tjaden đi ngang và lại chun mũi lần nữa, anh lẳng lặng đá cho anh chàng một cú tuyệt vời trúng đích, mà chẳng cần đứng lên. Anh đã trở lại là chính mình.

Cánh cửa hội trường lớn bắt đầu mở ra đóng vào. Những người đồng đội đầu tiên đang đến. Chúng tôi đi sang đó. Gian phòng vắng vẻ được trang trí bằng những tràng hoa giấy và các bàn vẫn còn trông gây một ấn tượng khó chịu. Vài nhóm đứng túm tụm trong các góc. Tôi phát hiện ra Julius Weddekamp trong chiếc áo khoác lính bạc màu, vội đẩy nhanh máy chiếc ghế sang bên để chạy đến chào ông.

"Bác khỏe không, bác Julius?" tôi hỏi. "Bác còn nhớ bác vẫn nợ tôi một cây thập tự bằng gỗ gụ đấy chứ? Hồi đó bác muốn làm cho tôi một cái từ gỗ nắp đàn dương cầm mà? Thôi cứ gác việc đó lại đã, bố già nhé!"

"Chính tôi lẽ ra cũng cần đến nó đấy, cậu Ernst," ông buồn rầu đáp.

"Bà nhà tôi mất rồi."

"Quý thật, bác Julius," tôi nói, "bác gái bị sao vậy ạ?"

Ông nhún vai. "Có lẽ bà ấy bị kiệt sức vì cứ phải xếp hàng dài dằng dặc trước các cửa tiệm vào mùa đông. Rồi lại sinh con, nên bà ấy không chịu đựng nổi được nữa."

"Thế còn đứa bé?" tôi hỏi.

"Cũng mất rồi," ông co ro đôi vai xuôi như thể bị lạnh. "À này, Ernst, Scheffler cũng đã chết, cậu có biết mà, phải không?"

Tôi lắc đầu. "Chuyện xảy ra như thế nào bác?"

Weddekamp châm một tẩu thuốc. "Cậu ta bị đạn vào đầu năm mười bảy, đúng không? Sau đó thì đã được chữa lành hoàn toàn. Rồi sáu tuần trước cậu ta bỗng bị những cơn đau kinh khủng, đến nỗi cậu ta luôn muốn đập đầu vào tường. Phải bốn người chúng tôi mới đưa được cậu ta đến bệnh viện. Bị viêm hoặc một cái gì đại loại thế. Ngày hôm sau cậu ta đã ra đi."

Ông quẹt que diêm thứ hai. "Phải, và bây giờ người ta còn không muốn trả tiền tuất cho vợ cậu ta nữa."

"Thế còn Gerhard Pohl?" tôi hỏi thêm.

"Cậu ấy không đến được, Fassbender và Fritsch cũng không. Thất nghiệp. Ngay đến tiền ăn còn chẳng có. Nếu dư dả họ cũng muốn cùng đi lắm chứ."

Hội trường lúc này đã đầy một nửa. Chúng tôi còn gặp gỡ nhiều đồng đội cùng đại đội, nhưng thật là lạ: mặc dù vậy không khí vui vẻ thực sự vẫn chẳng thấy đâu. Trong khi chúng tôi đã háo hức mong chờ cuộc gặp này từ nhiều tuần lễ và hy vọng nó sẽ giải tỏa chúng tôi khỏi những áp lực, sự thiếu tự tin và những hiểu lầm. Có thể lỗi là ở những bộ đồ dân sự len lỏi khắp nơi giữa đám áo lính - có thể sự khác biệt về nghề nghiệp, gia đình, địa vị xã hội đã chêm vào giữa chúng tôi như nêm gỗ: tình đồng đội cũ chân chính trước đây đã không còn.

Mọi thứ đã đảo lộn. Kia là Bosse, thằng hề của đại đội, hẳn thường xuyên bị chế nhạo vì luôn xử sự ngu ngốc, ngoài mặt trận hẳn dơ dáy và hôi hám, không ít lần chúng tôi phải lôi cổ hắn gi vào máy bơm nước. Giờ đây hắn ngồi giữa chúng tôi trong bộ com lê bằng len rất thanh lịch, một

viên ngọc trai đính trên cà vạt và đôi ghệt xịn dưới chân, một gã đàn ông phong lưu lời nói có trọng lượng. Bên cạnh hắn là Adoh Bethke, người ngoài mặt trợn so với hắn một trời một vực, đến nỗi Bosse sẽ mừng hóm nếu anh hạ cố nói chuyện với hắn, thì giờ đây đột nhiên chỉ còn là một anh thợ đóng giày nhỏ bé, nghèo hèn có một chút đất canh tác.

Thay cho bộ quân phục trung úy, Ludwig Breyer mặc bộ đồng phục thời trung học đã chật lại sồn, chiếc cà vạt học sinh dẹt kim thắt vẹo vọ quanh cổ; còn tay cần vụ cũ của cậu ấy thì kẻ cả vỗ vai cậu, gã trở lại là ông chủ của một hãng lắp đặt thiết bị vệ sinh lớn, có một cơ ngơi thanh lịch ngay trên con đường mua sắm chính của thành phố.

Bên dưới áo quân phục rách mở phanh, Valentin mặc một chiếc áo len xanh pha trắng đã cũ, trông chả khác gì một gã lang thang, vậy mà khi là lính anh mới kiêu dũng làm sao; trong khi đó Ledderhose, con chó lươn lẹo ấy, diện cái mũ bóng bẩy và áo choàng cao su màu hoàng yến ngồi vênh mặt rít thuốc lá Anh. Mọi thứ đã đảo lộn tưng phèo.

Nhưng điều đó vẫn còn chịu đựng được. Tệ nhất là giọng điệu cũng thay đổi, và cái này cũng bắt nguồn từ những bộ quần áo. Những kẻ trước đây không dám hé răng, thì bây giờ toàn lên giọng cao ngạo. Những kẻ diện bộ cánh đẹp tự cho mình cái quyền nói năng kẻ cả, còn những người áo quần xấu xí thường là im lặng. Một giáo viên trung học, từng là hạ sĩ quan, thêm nữa lại là hạ sĩ quan tồi, lên giọng bẽ trên hỏi về kỳ thi của Karl và Ludwig. Ludvvig nên đổ cốc bia của cậu ấy vào cổ áo thằng cha đó mới phải. Rất may Karl đã đáp lời gã, hết lời chê bai giáo dục, thi cử và quay sang khen ngợi kinh doanh và thương mại.

Tôi phát ốm vì những câu chuyện nhắm nhí ở đây. Lẽ ra chúng tôi không bao giờ nên gặp lại nhau, như thế ít nhất chúng tôi còn giữ được ký ức đẹp. Tôi cố gắng trong vô vọng để tưởng tượng rằng tất cả những người

này lại mặc quân phục lấm lem và cái quán Konersmann này là một căn tin vùng sau chiến tuyến. Nhưng tôi thất bại. Thực tại ở đây mạnh hơn. Sự xa lạ mạnh hơn. Cái chung không còn chiếm ưu thế. Nó bị tan ra trong các lợi ích cá nhân. Hẳn đôi khi còn có chút gì đó sáng lên từ những năm tháng cũ, khi mà tất cả chúng tôi đều mặc đồ như nhau, nhưng nó đã trở nên không rõ ràng và mờ nhạt. Thì vẫn đấy những đồng đội của chúng tôi, nhưng họ không còn là đồng đội nữa, đó mới là điều hết sức buồn. Mọi thứ khác đều đã tàn lụi trong chiến tranh, nhưng tình đồng đội thì không, chúng tôi từng tin như vậy. Và bây giờ chúng tôi thấy điều mà cái chết đã không làm nổi, thì cuộc sống làm được: nó chia rẽ chúng tôi.

Nhưng chúng tôi không muốn tin điều này. Chúng tôi cùng ngồi chung một chiếc bàn, Ludwig, Albert, Karl, Adolf, Willy, Valentin. Không khí thật nặng nề.

"Ít nhất là bọn mình sẽ sát cánh bên nhau," Albert nói, mắt nhìn lướt qua gian phòng rộng. Chúng tôi nhất trí và cùng nắm tay nhau, trong khi ở phía bên kia, sự liên kết giữa những bộ cánh sang trọng cũng bắt đầu. Trật tự mới này chúng tôi không tham dự. Chúng tôi muốn bắt đầu với thứ mà những kẻ khác đã gạt sang một bên.

"Đập tay nào, Adolf, cả anh nữa," tôi nói với Bethke. Đã lâu lắm rồi anh mới lại mỉm cười, rồi đặt bàn tay to tướng của mình lên tay chúng tôi.

Chúng tôi còn ngồi với nhau một lúc. Adolf Bethke sớm bỏ đi. Trông anh không được khỏe. Tôi định vài ngày nữa sẽ đến thăm anh.

Một người bồi bàn xuất hiện và thì thầm với Tjaden, cậu ta phẩy tay.

"Phụ nữ không có việc gì làm ở đây."

Ngạc nhiên, chúng tôi nhìn lên, Tjaden mỉm cười hãnh diện. Người phục vụ trở lại. Đằng sau ông ta, một cô gái khỏe mạnh rảo bước tiến đến.

Tjaden sừng sốt. Chúng tôi nhăn nhó cười. Nhưng Tjaden biết phải làm

gì.

Anh ta khoát tay thật rộng: "Đây là vợ sắp cưới của tớ."

Việc của anh ta đến đó là xong. Willy tiếp tục giới thiệu từng người.

Cậu ta bắt đầu từ Ludwig và kết thúc ở cậu ta. Sau đó cậu ta mời cô gái ngồi. Cô gái ngồi xuống. Willy ngồi xuống bên cạnh cô gái và đặt cánh tay của mình trên lưng ghế của cô.

Cha cô là chủ cửa hàng thịt ngựa nổi tiếng ở Neuer Graben phải không nhỉ?" cậu ta mào đầu câu chuyện.

Cô gái gật đầu. Willy xích lại gần hơn. Tjaden chẳng mấy may quan tâm đến động thái đó. Anh ta còn mãi khoan khoái nốc bia. Cô gái sớm trở nên thân mật bởi cách nói chuyện dí dỏm và tình cảm của Willy.

"Em đã rất muốn làm quen với các ông," cô nói. "Cung của em đã thường xuyên kể chuyện về các ông, nhưng lần nào em bảo anh ấy rủ các ông đến cùng, anh ấy cũng không muốn."

"Cái gì?" Willy trừng mắt nhìn Tjaden. "Rủ chúng tôi đến cùng hả?"

Nhưng chúng tôi muốn đến cùng kinh khủng luôn, quả thật là vô cùng muốn. Tên lừa đảo này đã không nói với chúng tôi lời nào về chuyện đó."

Tjaden trở nên hơi bất an. Bây giờ đến lượt Kosole cúi người về phía cô gái. "Vậy hả, cung của cô thường kể về chúng tôi hả? Mà cậu ấy đã kể những chuyện gì thế?"

"Chúng ta phải đi rồi, Marie bé bỏng," Tjaden xen vào và đứng lên.

Kosole ấn cậu ta ngồi xuống. "Cung ngồi yên đó. Cậu ấy đã kể gì, thưa cô?"

Marie bé bỏng đã tin cậu hoàn toàn. Cô điệu dàng nhìn Willy. "Có phải ông là ông Homeyer?" Willy làm động tác cúi chào trước nữ chủ nhân hàng thịt. "Vậy là hồi đó anh ấy đã cứu ông," cô xởi lời, trong khi Tjaden liên tục ngọ nguậy trên ghế, cứ như thể cậu ta đang ngồi trên một ổ kiến lửa. Ông

không nhớ chuyện đó sao ạ?

Willy sờ tay lên đầu mình. "Sau này tôi còn bị bom vùi nên trí nhớ bị ảnh hưởng ghê gớm. Tiếc là tôi đã quên mất nhiều chuyện."

"Đã cứu ư?" Kosole nín thở hỏi.

"Marie bé bỏng, anh đi đây, em có đi hay không?" Tjaden nói. Kosole giữ chặt cậu ta.

"Anh ấy thật là khiêm tốn," Marie bé bỏng cười khúc khích mặt mày rạng rỡ. "Trong khi một tay anh ấy giết chết ba tên da đen - là bọn đã định dùng rìu xả thịt ông Homeyer. Một tên bị anh ấy quai chết bằng nắm đấm..."

"Bằng nắm đấm," Kosole ồm ồm nhắc lại.

"Những tên khác bằng chính lưỡi rìu của chúng. Rồi sau đó anh ấy còn công ông về." Marie bé bỏng ngắm thân hình cao một mét chín của Willy và kiên quyết gật đầu với vị hôn phu của cô. "Cứ thoải mái nói ra những việc tốt mà anh đã làm đi cung."

"Chính thế," Kosole tán thành, "cứ nói thoải mái đi."

Willy nhìn một lúc vào mắt Marie bé bỏng, vẻ nghĩ ngợi. "Đúng, cậu ấy là một con người tuyệt vời," cậu ta trả lời. Sau đó cậu ta gật đầu sang phía Tjaden: "Hãy cùng ra ngoài một lát."

Tjaden do dự đứng lên. Nhưng Willy không có chút ác ý nào. Vài phút sau cả hai khoác tay nhau quay vào. Willy cúi xuống Marie bé bỏng:

"Đã quyết định rồi nhé, tôi sẽ đến thăm vào tối mai. Tôi còn phải cảm tạ ơn cứu mạng khỏi bọn da đen chứ. Nhưng tôi cũng đã cứu chồng sắp cưới của cô một lần đấy."

"Thật sao?" Marie bé bỏng ngạc nhiên.

"Có lẽ sau này cậu ấy sẽ kể cô nghe," Willy cười.

Nhẹ cả người, Tjaden cùng cô dâu của mình ra về.

"Chả là ngày mai họ sẽ mở ngựa," Willy bảo chúng tôi. Nhưng chẳng ai để tai nghe. Cả bọn này giờ đã phải nén quá lâu, nên bây giờ hí lên cười như một bầy ngựa đói. Kosole suýt ói vì cười lẫn lộn. Mãi hồi lâu sau Willy mới có thể thông báo cậu ta đã thỏa thuận với Tjaden những điều kiện có lợi như thế nào về việc cung cấp xúc xích ngựa. "Thằng lỏi giờ nằm trong tay tớ," cậu ta cười tùm tùm tuyên bố.

V.

Buổi chiều tôi ngồi nhà và cố thử làm việc gì đó. Nhưng ý định không thành, và suốt một giờ qua tôi lang thang không mục đích trên các con phố. Tôi có đi ngang qua quán Hà Lan. Đây là quán rượu thứ ba mới khai trương trong ba tuần trở lại đây. Những cái quán với biển hiệu sặc sỡ như thế mọc lên khắp nơi như nấm ruồi xen giữa các ngôi nhà mặt phố.

Quán Hà Lan là quán lớn nhất và thanh lịch nhất.

Trước cửa kính ra vào sáng ánh đèn là một nhân viên gác cửa có vẻ ngoài nửa như đại tá khinh kỵ binh, nửa như giám mục - một gã trai mạnh mẽ với một cây ba toong mạ vàng trong tay. Tôi nhìn xoáy vào mắt anh ta; thế là toàn bộ vẻ danh giá nơi anh ta biến mất, anh ta giờ gậy chọc vào bụng tôi và mỉm cười:

"Xin chào Ernst, đồ bù nhìn đuổi chim! Com-măng sa-va[1] , như người Pháp vẫn nói."

Đó là hạ sĩ quan Anton Demuth, một cựu đầu bếp của chúng tôi. Tôi đứng nghiêm chào anh, bởi vì trong quân ngũ chúng tôi đã được nhồi sọ rằng lễ nghi này là dành cho bộ quân phục chứ không phải cho người mặc nó. Bộ đồng phục Anton đang mặc vào loại đẳng cấp cao và chí ít cũng xứng đáng để chào.

"Chào anh, Anton," tôi cười. "Thôi ta vào luôn chuyện nghiêm túc, anh nói cho tôi biết: anh có gì chén không?"

1. Nguyên văn tiếng Pháp "Comment ça va" : "Cậu thế nào rồi?"

"Này cậu học trò," Anton hưởng ứng, "Franz Elstermann thật ra cũng đang ở trong cái quán nước quả này đây. Làm đầu bếp!"

"Khi nào tôi ghé qua được?" tôi hỏi, vì chỉ nghe thế thôi là đủ biết tình

hình sáng sủa. Elstermann và Demuth là những kẻ trung dụng đồ ăn vĩ đại nhất toàn nước Pháp.

"Sau một giờ đêm nay," Anton nháy mắt. "Quán vừa được một thanh tra Sở lương thực tuần cho một tá ngỗng, hàng lậu. Cậu có thể tin chắc rằng Franz Elstermann sẽ cắt cụt cẳng vài con trước đã! Ai dám khẳng định rằng giữa bầy ngỗng với nhau không có chiến tranh khiến chúng có thể mất đôi cẳng hả?"

"Chẳng ai cả..." tôi nói và hỏi, "Quán đất hàng chứ?"

"Tôi nào cũng chật cứng. Ngó thử tí không?"

Anh đẩy tấm rèm cửa sang bên một chút. Tôi liếc qua khe hở nhìn vào trong phòng. Ánh đèn âm áp, êm ái tỏa xuống các mặt bàn, khói thuốc lá xanh lơ kéo thành những vệt dài, những tấm thảm óng ánh, đồ sứ long lanh, và bạc thì tỏa sáng. Ngồi bên những chiếc bàn là các bà các cô, được bao quanh bởi đám bồi bàn, và bên họ là những quý ông không hề toát mồ hôi hay bối rối. Họ lên tiếng sai bảo với sự tự nhiên tuyệt vời.

"Thế nào, mẹ kiếp, giá được chơi cầu trượt ra trò với một em như thế kia, hả?" Anton nói và chọc vào sườn tôi.

Tôi không trả lời, vì cái phân đòi sắc sỡ chìm trong khói thuốc này kích thích tôi kỳ lạ. Có gì đó không thật trong nó, gần như là tôi chỉ đang mơ, đang đứng trên con phố tối tăm, chân giẫm trong tuyết ướt và ngắm nhìn bức tranh này qua khe cửa. Tôi say mê cảnh đó, mà không quên rằng có lẽ đây chỉ là một đám những kẻ đầu cơ đang vung tiền... Nhưng chúng tôi đã nằm quá lâu trong những hố cá nhân bản thiêu, như thể không có chuyện đôi khi trong chúng tôi vẫn trỗi lên một nỗi thèm khát mạnh mẽ và gần như điên rồ trước những xa hoa và sang trọng - vì xa hoa là được che chở và chăm sóc - và đó chính là thứ chúng tôi hầu như không hề biết đến.

"Sao, ông bạn thấy thế nào?" Anton lại hỏi tôi. "Những ả mèo cái cực

êm ái trên giường, hả?"

Tôi cảm thấy mình ngớ ngẩn, nhưng ngay lúc đó tôi không thể phụ họa Anton được. Toàn bộ cái giọng điệu mà trong nhiều năm qua tôi vẫn hòa theo chẳng chút nghĩ ngợi, thì giờ đây tôi bỗng thấy nó quá thô lộ và khả ố. May sao vừa đúng lúc Anton lấy lại tư thế đứng thẳng và đĩnh đạc, vì có một chiếc xe tiến đến. Một thiếu nữ thanh mảnh xuống xe và đi qua cánh cửa, mình hơi cúi về phía trước, một tay giữ chiếc khăn choàng lông trên ngực, mái tóc óng mượt dưới chiếc mũ chụp vừa khít bằng vàng, hai đầu gối sát nhau, với đôi chân nhỏ nhắn và một khuôn mặt thon gầy.

Với bước chân hơi chệnh chao, nàng đi ngang qua tôi trong mùi nước hoa thoang thoảng, hăng hắc; và đột nhiên tôi cảm thấy ước muốn điên dại được đi cùng người đàn bà-trẻ thơ này qua cánh cửa quay đến các bàn trong bầu không khí dễ chịu, được che chở đầy sắc màu và ánh sáng, không chút âu lo đi rong qua cuộc sống êm ái vốn được bao bọc bởi những anh bồi bàn, những người đầy tớ và lớp cách ly của đồng tiền, không biết đến đói khát và bản thiêu — là thứ bánh ăn hằng ngày của chúng tôi từ nhiều năm nay.

Chắc trông tôi phải giống một cậu học trò lắm, vì Anton Demuth cười phá lên sau bộ râu của anh và vừa đánh mắt về phía bên kia vừa thụi tôi: "Dù họ có đi trong nhung và lụa — trên giường ai cũng như ai."

"Cố nhiên " tôi nói và làm quà thêm một chuyện tiêu lâm loại con heo, để Anton không nhận thấy điều gì đang xảy ra trong tôi.

"Thế nhé, hẹn đến một giờ, Anton!"

"Được cậu học trò," anh đĩnh đạc đáp, "hoặc Bong-xoa[1] , như người Pháp vẫn nói."

1. Nguyên văn tiếng Pháp "Bonsoir": tiếng chào dùng vào buổi chiều hoặc buổi tối.

Tôi lang thang tiếp, hai tay thọc sâu trong túi. Tuyết lạo xạo dưới giày. Tôi công phần đá văng cả tuyết. Liệu tôi có thể làm gì, nếu như tôi thực sự được ngồi bên bàn với một người phụ nữ như nàng? Tôi chỉ có thể nhìn nàng chăm chăm, ngoài ra không có gì hơn. Thậm chí tôi còn không thể ăn mà không cảm thấy ngượng nghịu. Tôi nghĩ ở bên một người như nàng cả ngày chắc phải khó khăn lắm. Luôn phải để ý, luôn phải cẩn thận.

Và phải đến đêm... hẳn lúc đó tôi hoàn toàn không biết gì. Đương nhiên tôi đã từng có chút kinh nghiệm với phụ nữ, nhưng đó là Jupp và Valentin đã bày dạy cho tôi, còn với những quý cô như nàng thì điều tôi học được chắc chắn không phù hợp.

Tháng sáu năm 1917 lần đầu tiên tôi đã ở bên một người đàn bà. Đại đội chúng tôi khi đó đóng quân trong khu binh xá. Đó là buổi trưa, chúng tôi nằm dài trên đồng cỏ nô giỡn với hai chú chó con từ đâu chạy đến. Tai dựng, lông bóng mượt, hai con cún nhảy cẫng lên trong đám cỏ mùa hè mọc cao, bầu trời xanh thẳm và chiến tranh ở khá xa.

Bỗng Jupp từ văn phòng chạy ra. Những con cún lao đến và nhảy chồm lên chào đón anh. Anh hát chúng ra, kêu lớn:

"Vừa có lệnh, tối nay chúng ta phải đi."

Chúng tôi biết điều đó có nghĩa là gì! Từ nhiều ngày nay chân trời phía tây âm âm tiếng súng của cuộc tấn công lớn, từ nhiều ngày nay chúng tôi thấy các trung đoàn toi tả quay về, và nếu chúng tôi có hỏi thăm ai đó về tình hình chiến trường thì anh ta chỉ trả lời bằng một cái phẩy tay, mắt tiếp tục dò dẫm nhìn về phía trước, từ nhiều ngày nay xe chở thương binh lũ lượt lăn bánh ngang qua, từ nhiều ngày nay mỗi sáng chúng tôi lại đào những dãy mộ dài...

Chúng tôi đứng lên. Bethke và Weßling đi đến chỗ đặt ba lô của mình để tìm giấy viết thư, Willy và Tjaden mò sang nhà bếp lưu động còn Franz

Wagner và Jupp chèo kéo tôi đi với họ tới nhà thổ.

Mẹ kiếp, Ernst," Wagner nói, "cậu cũng phải một lần nếm mùi đàn bà chứ! Biết đâu ngày mai cả lũ chúng ta lại chẳng về châu giời, vì nghe nói chúng có cơ man các loại pháo mới. Thật là quá ư ngu ngốc nếu cậu ngòm như một trinh nữ trong trắng."

Nhà chứa mặt trận nằm ở một thị trấn nhỏ, đi tới đó mất khoảng một giờ. Chúng tôi được phát thẻ và phải đợi khá lâu; vì cũng có những trung đoàn khác phải lên tuyến trước, và nhiều anh muốn vót vát nhanh từ cuộc sống những gì họ có thể. Chúng tôi phải nộp thẻ trong một căn buồng nhỏ.

Một binh nhất quân Y kiểm tra xem chúng tôi có khỏe mạnh không, sau đó chúng tôi đã được tiêm vài giọt Protargol[1] , và một thượng sĩ giải thích với chúng tôi rằng cuộc vui có giá ba mark và vì quá đông người chờ nên không được kéo dài quá mười phút. Sau đó, chúng tôi xếp hàng trên cầu thang.

1. Một loại muối bạc được dùng làm thuốc chống bệnh lậu.

Hàng người chậm chạp nhích về phía trước. Trên kia, tiếng những cánh cửa đóng mở. Mỗi lần lại thấy một anh chàng bước ra, rồi có tiếng gọi: "Người tiếp theo!"

"Có bao nhiêu con bò cái trong đó?" Franz Wagner hỏi một lính công binh.

"Ba," anh kia trả lời, "nhưng cậu không được kén chọn. Đây là trò xổ số — nếu cậu số ruồi, cậu vợ được một bà lão."

Tôi gần như phát ốm trong lối cầu thang ngột ngạt, tích tụ khí nóng và hơi người bốc lên từ những người lính đói khát. Giá được tôi đã muốn đánh bài chuồn, vì tất cả sự tò mò của tôi đã bay biến cả. Nhưng tôi sợ những người khác sẽ cười tôi, vì vậy tôi tiếp tục chờ đợi.

Cuối cùng cũng đến lượt tôi. Người vào trước đó loạng choạng đi

ngang qua tôi, và tôi bước vào. Căn phòng thấp và tối tăm, nồng nặc mùi chất tẩy và mô hôi, đèn nổi tôi cảm thấy lạ lùng khi nhìn thấy ngoài cửa sổ những tán lá cây bồ đề xanh non đang đùa giỡn cùng nắng gió; sao mà mọi thứ trong gian phòng này lại tàn tạ đến vậy. Một chậu nước hoa hồng đặt trên một chiếc ghế, và trong góc phòng kê một chiếc giường đã chiến, trên đó phủ một tấm chăn nhàu nát. Người đàn bà to béo và mặc một chiếc áo sơ mi ngắn, trong suốt. Cô ta hoàn toàn không nhìn tôi, mà nằm ngay xuống giường.

Không thấy tôi đến, cô ta mới sột ruột nhìn lên; rồi gương mặt hum húp của cô ta lộ vẻ thông cảm. Cô ta nhận ra tôi vẫn còn quá non.

Đơn giản là tôi không thể, toàn thân tôi ớn lạnh, và tôi nghẹt thở vì ghê tởm. Người đàn bà làm vài cử chỉ khêu gợi tôi: những cử chỉ thô bỉ, gớm ghiếc; cô ta muốn lôi kéo tôi vào cuộc và thậm chí còn mỉm cười, ngọt ngào và điệu bộ. Lẽ ra có thể thương hại cô ta, bởi vì rốt cuộc cô ta cũng chỉ là một cái nệm nhà binh khốn khổ, mỗi ngày phải chịu đựng hai mươi, ba mươi gã trai hoặc nhiều hơn nữa... nhưng tôi để lại tiền cho cô ta và vội vã bỏ đi, chạy xuống cầu thang.

Jupp nháy mắt với tôi. "Thế nào?"

"Còn phải hỏi," tôi trả lời như một tay chơi sành sỏi, và chúng tôi muốn về. Nhưng trước đó chúng tôi phải quay lại chỗ anh lính quân y và nhận thêm một mũi Protargol.

Hóa ra tình yêu là thế, tôi tuyệt vọng và chán chường nghĩ trong khi chúng tôi gói ghém đồ đạc, hóa ra tình yêu là thế, tất cả những cuốn sách của tôi ở nhà đều tràn ngập những dòng về tình yêu, và tôi đã chờ mong biết bao điều tốt đẹp từ nó trong những giấc mơ tuổi trẻ mơ hồ! Tôi cuộn áo măng tô và gập tấm lều bạt của mình, nhận đạn dược, rồi chúng tôi hành quân. Tôi bước đi lạng lẽ, buồn rầu, bụng nghĩ giờ đây tất cả những ước mơ

bay bổng về cuộc sống và tình yêu không còn lại gì ngoài một khẩu súng, một ả điếm béo và tiếng súng ì ầm phía chân trời, nơi chúng tôi đang chậm chậm dần thân vào. Rồi bóng tối nuốt chửng mọi thứ, xuất hiện các chiến hào và cái chết... Franz Wagner đã ngã xuống ngay đêm hôm đó, và ngoài cậu ấy chúng tôi còn mất thêm hai mươi ba người anh em.

Mưa lác rác rơi từ trên cây, tôi kéo cao cổ áo khoác. Giờ đây tôi thường xuyên khao khát sự dịu dàng, những lời nói rụt rè, những cảm xúc mênh mang bay bổng; tôi muốn thoát khỏi sự lỗ mãng khủng khiếp của những năm tháng vừa qua. Nhưng rồi sẽ ra sao nhỉ nếu khát khao kia thành sự thật: nếu sự dịu dàng và xa xắm của ngày xưa cùng trở lại, nếu có ai đó thật sự muốn tốt với tôi, một cô gái dịu dàng, mảnh mai, giống cô gái đội mũ chụp vàng có bước chân mềm mại; sẽ ra sao nếu như sự say sưa của một buổi tối xanh bàng bạc sẽ quên mình, vĩnh viễn phủ bóng xuống chúng tôi? Liệu hình ảnh béo tốt của ả điếm có xen ngang đúng vào khoảnh khắc cuối cùng, liệu những giọng nói của các hạ sĩ quan cùng doanh trại với tôi có đột nhiên hô hô chen vào cùng những câu chuyện tục tĩu của họ, liệu những hồi ức, những mâu đối thoại, những sự lỗ mãng của lính có xé nát và đâm thủng mọi cảm xúc tinh khiết?

Chúng tôi vẫn còn gần như trong trắng, nhưng trí tưởng tượng của chúng tôi đã bị phân hủy mà chúng tôi không nhận thấy, và trước khi chúng tôi kịp biết chút gì về tình yêu, chúng tôi đã phải xếp hàng để người ta công khai khám các căn bệnh tình dục. Cảm giác nghẹt thở, những sự hăng hái, cơn gió, bóng tối, câu hỏi... mọi thứ đã từng có khi chúng tôi, những cậu trai tuổi mười sáu, đuổi theo sau Adele và các cô gái khác dưới ánh sáng nhấp nháy của đèn đường, sau đó đã không bao giờ còn quay trở lại ngay cả nếu như tôi đã không đến cho một ả điếm, ngay cả nếu tôi tin rằng tình yêu phải khác, ngay cả khi có người phụ nữ ôm siết lấy tôi và sự ham muốn

làm tôi run rẩy. Sau mỗi lần như vậy tôi chỉ luôn buồn bã.

Tôi vô tình đi nhanh hơn và thở hổn hển. Tôi muốn có lại nó... Tôi phải có lại nó. Nó phải trở lại, nếu không không có lý do gì để sống!

Tôi rẽ vào con đường đến căn hộ của Ludwig Breyer. Phòng cậu ta vẫn sáng đèn. Tôi ném đá lên cửa sổ. Ludwig đi xuống mở cửa cho tôi.

Trên phòng, Georg Rahe đang đứng trước những hộp sưu tập đá của Ludwig. Cậu ta cầm một hòn thạch anh lớn trong tay và xoay cho nó lấp lánh.

"May mà tớ vẫn gặp được cậu, Ernst," cậu ta mỉm cười nói "Tớ có ghé đến nhà cậu. Ngày mai tớ lên đường."

Cậu ta mặc quân phục.

"Georg," tôi nói ngắc ngứ, "cậu hẳn không muốn..."

"Có đấy!" cậu ta gật đầu. "Lại vào lính. Đúng vậy. Mọi thứ đã xong.

Mai bắt đầu."

"Cậu có hiểu nổi không?" tôi quay hỏi Ludwig.

"Có," Ludwig trả lời. "Tớ hiểu. Nhưng sẽ chẳng ích gì cho cậu ấy,"

cậu ta quay sang Rahe. "Cậu đang thất vọng, Georg, nhưng cậu hãy suy nghĩ rằng điều đó là tự nhiên. Ngoài mặt trận, các dây thần kinh của bọn mình bao giờ cũng căng thẳng cực độ, bởi lúc đó luôn là chuyện sống chết.

Còn bây giờ chúng chỉ khẽ lay động như cánh buồm lúc đứng gió, bởi lúc này mọi sự chỉ còn xoay quanh những tiến bộ cón con."

"Đúng thế," Rahe cắt ngang, "xoay quanh sự tranh giành cái ăn vặt vĩnh, bon chen danh lợi và một vài lý tưởng chấp vá, chính cái đó làm tớ thấy buồn nôn, và vì thế mà tớ muốn bỏ đi!"

"Nếu cậu nhất định muốn làm một cái gì đó, cậu có thể tham gia cách mạng mà," tôi nói, "biết đâu cậu còn trở thành Bộ trưởng chiến tranh."

"Ôi dào, cái cuộc cách mạng ấy," Georg khinh bỉ đáp. "Cách mạng gì

mà được thực hiện với hai bàn tay buông thõng, cách mạng của những vị đứng đầu các đảng phái, chưa kịp can đảm đã sợ vãi đá. Hãy nhìn xem chúng đã tùm túc nhau như thế nào, đám Dân chủ Xã hội, đám Độc lập, đám Sparta, đám Cộng sản. Trong lúc đó thì những kẻ khác đã lạnh lùng lấy đi vài cái đầu thực sự có trình độ mà chúng có và chẳng mảy may hay biết."

"không, Georg," Ludwig nói, "không phải vậy đâu. Chúng ta đã làm cách mạng với quá ít hận thù, đó là sự thật, và chúng ta muốn công bằng ngay từ đầu, do đó tất cả đã trở nên tê liệt. Một cuộc cách mạng phải đốt sạch như một đám cháy rừng sau đó cậu mới có thể bắt đầu gieo trồng; nhưng chúng ta không muốn phá hủy thứ gì mà lại muốn đổi mới. Chúng ta thậm chí không còn có đủ sức để thù hận, chúng ta đã quá mệt mỏi và kiệt quệ bởi chiến tranh. Người ta có thể ngủ thiếp đi ngay dưới làn đạn pháo vì mệt mỏi, cậu cũng biết rồi đấy... Nhưng có lẽ cũng chưa phải quá muộn để bắt tay vào làm việc, nhằm lấy lại những gì đã bỏ lỡ trong cuộc chiến."

"Làm việc sao," Georg đáp giọng phản bác, tay giơ hòn thạch anh dưới ánh đèn cho nó sáng lấp lánh, "chúng ta có thể chiến đấu, nhưng không biết làm việc."

"Chúng ta phải học lại thôi," Ludwig đang ngồi trên góc ghế sofa bình thản nói.

"Học hành gì nữa, chúng ta đã hỏng hẵn rồi," Georg trả lời.

Im lặng trong một khoảnh khắc. Gió ngân nga bên ngoài các ô cửa sổ.

Rahe rải những bước dài quanh căn phòng nhỏ của Ludwig, và trông có vẻ như cậu ta thực sự không còn phù hợp nữa giữa những bức tường đầy sách, sự yên tĩnh và công việc... Dường như khuôn mặt rõ nét, sắc cạnh trên bộ quân phục màu xám của cậu ta chỉ còn thuộc về chiến hào, chiến đấu và chiến tranh. Cậu ta chống tay lên bàn và cúi xuống Ludwig. Anh đèn chiếu

vào cầu vai cậu ta, và sau lưng cậu ta lấp lánh những viên thạch anh trong bộ sưu tập đá.

"Ludwig " cậu ta nói nhẹ nhàng, "chúng ta đang làm gì ở đây? Hãy nhìn xung quanh cậu: tất cả mới ử rữ và tiêu điều làm sao! Chúng ta là gánh nặng cho chính mình và những người khác. Những lý tưởng của chúng ta bị phá sản, nhưng giấc mơ của chúng ta bị hỏng, và chúng ta chạy vòng quanh trong thế giới của những kẻ cơ hội và những tên gian thương hết như những chàng Don Quixote đã bị đánh dạt đến một đất nước xa lạ."

Ludwig nhìn cậu ta hồi lâu. "Tớ cho rằng chúng ta đang bị bệnh, Georg. Chúng ta vẫn còn chiến tranh nằm sâu trong xương tủy."

Rahe gật đầu. "Chúng ta cũng sẽ không bao giờ thoát khỏi nó."

"Có đấy," Ludwig trả lời, "bởi vì nếu không mọi thứ sẽ là vô ích."

Rahe nhảy lên và đấm tay xuống bàn. "Đã vô ích rồi, Ludwig. Đó chính là điều đang làm tớ phát điên! Chúng ta đã là những con người như thế nào ngày ấy, khi chúng ta đi ra tiền tuyến trong cơn bão của sự nhiệt tình! Một kỷ nguyên mới dường như đã bùng sáng. Mọi thứ cũ nát, mục ruỗng, nửa vùi, chia rẽ đã bị cuốn đi. Chúng ta đã là một lứa thanh niên trước đây chưa từng có!"

Cậu ta nắm chặt hòn thạch anh như một trái lựu đạn. Nắm tay cậu ta giật giật.

"Ludwig," cậu ta tiếp tục, "tớ đã nằm trong nhiều hầm trú ẩn, và tất cả chúng ta đều là những người trẻ tuổi, những người ngồi túm tụm quanh một ngọn nến khốn khổ và chờ đợi, trong khi phía trên chúng ta cơn bão lửa đang dập xuống như một trận động đất. Chúng ta không còn là những tân binh và biết rõ chúng ta đang chờ đợi gì, biết rõ cái gì sẽ đến... nhưng Ludwig, trên những gương mặt trong bóng tối nhập nhoạng dưới lòng đất là thứ mạnh hơn cả sự bình tĩnh, mạnh hơn cả lòng can đảm, mạnh hơn cả

sự sẵn sàng hy sinh: ý chí cho một tương lai khác hiển hiện trên những gương mặt cứng rắn, bất động ấy, và nó vẫn ở nguyên đó khi chúng ta tấn công, vẫn ở nguyên đó cả khi chúng ta chết! Chúng ta trầm lặng hơn, năm này qua năm khác, nhiều thứ đã rơi rụng, nhưng ý chí này vẫn ở lại. Còn bây giờ, Ludwig, bây giờ nó ở đâu rồi? Cậu có hiểu rằng tất cả có thể nhấn chìm nó trong cái vũng bùn của trật tự, nghĩa vụ, đàn bà, sự chùng mực và tất cả những gì gì nữa mà ở đây người ta gọi là cuộc sống? Không, ngày ấy chúng ta đã sống ra sống, cho dù cậu có nói với tớ cả trăm ngàn lần rằng cậu căm ghét chiến tranh, tớ vẫn sẽ nói ngày ấy chúng ta đã sống ra sống, bởi vì chúng ta đã ở bên nhau, và bởi vì trong chúng ta có thứ gì đó rực cháy, thứ có ý nghĩa hơn nhiều lần toàn bộ những rác rưởi ở nơi này!"

Cậu ta thở hổn hển: Nó phải tồn tại vì cái gì đó, Ludwig! Một lần, trong một khoảnh khắc, khi người ta nói đến cách mạng, tớ đã nghĩ: bây giờ sẽ là sự giải phóng, bây giờ dòng thác quay ngược trở lại và mạnh mẽ cuốn phăng bờ cũ, đắp lên bờ mới - thế có Chúa, nếu thế tớ đã tham gia!

Nhưng dòng thác đã tan vỡ thành hàng ngàn con rãnh nhỏ, cách mạng trở thành một cuộc tranh cãi xung quanh địa vị lớn nhỏ, nó bị rò rỉ, bị bôi bẩn, bị hút cạn bởi các ban ngành, các mối quan hệ, các dòng họ và các đảng phái. Nhưng tớ không thềm đây. Tớ đi đến chỗ mà tớ vẫn có thể tìm thấy tình đồng đội."

Ludwig đứng dậy. Trán cậu ta đỏ lên. Hai mắt cháy rực. Cậu ta nhìn sát vào mặt Rahe. "Mà vì sao chứ, Georg, vì sao? Vì chúng ta đã bị lừa dối, bị lừa dối cho đến tận bây giờ mà hầu như vẫn mơ hồ chưa nhận ra. Vì người ta đã lạm dụng chúng ta khủng khiếp! Người ta nói với chúng ta 'Tổ quốc' mà nghĩ đến những kế hoạch đánh chiếm của một nền công nghiệp tham lam; người ta nói với chúng ta 'danh dự' mà nghĩ đến cuộc tranh giành và khao khát quyền lực của một nhóm các nhà ngoại giao và quý tộc đầy tham

vọng; người ta nói với chúng ta 'dân tộc' mà nghĩ đến sự hồi thúc có việc làm của những vị tướng vô công rồi nghề!" Cậu ta lắc lắc vai Rahe.

"Chẳng lẽ cậu không hiểu? Họ nhồi nhét vào cái từ 'yêu nước' những ngôn từ sáo rỗng của họ, sự háo danh của họ, tham vọng quyền lực của họ, sự lãng mạn giả dối của họ, sự ngu ngốc của họ, máu ham lam giàu của họ và sau đó trình bày trước chúng ta như một lý tưởng sáng ngời! Còn chúng ta đã tin rằng đó là một tiếng chuông báo hiệu cho một cuộc sống mới, mạnh mẽ, vĩ đại! Chẳng lẽ cậu không hiểu? Chúng ta đã tiến hành chiến tranh chống lại chính mình mà không biết! Và mỗi phát súng trúng đích, là một người trong chúng ta trúng đạn! Hãy nghe này, tớ sẽ hét vào tận tai cậu: tuổi trẻ của thế giới đã bị đập tan tành, ở đất nước nào tuổi trẻ cũng bị lừa dối, bị lạm dụng, ở đất nước nào tuổi trẻ cũng chiến đấu vì lợi ích thay vì cho lý tưởng, ở đất nước nào tuổi trẻ cũng bị bắn hạ và tự tiêu diệt lẫn nhau! Chẳng lẽ cậu không hiểu? Chỉ có một cuộc chiến: chống lại điều dối trá, sự nửa vời, sự thỏa hiệp và tuổi tác! Nhưng chúng ta đã để những lời sáo rỗng của họ bủa vây, và thay vì chiến đấu chống lại họ, chúng ta lại chiến đấu vì họ. Chúng ta đã tin rằng đó là vì tương lai! Nhưng lại đi ngược với tương lai. Tương lai của chúng ta đã chết, bởi vì tuổi trẻ gánh vác tương lai đã chết. Chúng ta chỉ là thứ còn sót lại, là di hài! Nhưng những kẻ kia - những kẻ no đủ và thỏa mãn - thì vẫn sống, lại còn sống no đủ hơn và thỏa mãn hơn bao giờ hết! Vì những kẻ bất mãn, bị thôi thúc, những người lính xung kích đã chết cho nó! Cậu hãy nghĩ đi! Cả một thế hệ đã bị phá hủy! Một thế hệ của niềm hy vọng, niềm tin, ý chí, sức mạnh, tài năng đã bị thôi miên, để đến nỗi tự bắn giết lẫn nhau, mặc dù họ có những mục đích giống nhau trên toàn thế giới này!"

Giọng cậu ta vỡ ra. Đôi mắt cậu ta đầy tiếng nức nở và hoang dại.

Chúng tôi đứng cả dậy.

"Ludwig," tôi nói và vòng tay quanh cổ cậu.

Rahe nhặt chiếc mũ của mình và ném hòn đá vào hộp trở lại. "Tạm biệt, Ludwig, người anh em một thời!"

Ludwig đứng đối diện Rahe, môi mím chặt, các xương gò má nhô hẳn lên. "Cậu bỏ đi, Georg," cậu ta thốt lên, "nhưng tôi sẽ ở lại! Tôi còn chưa bỏ cuộc!"

Rahe nhìn cậu ta hồi lâu, đoạn từ tốn nói: "Điều đó là vô vọng," và chỉnh lại khóa thắt lưng.

Tôi tiến Georg xuống cầu thang. Bên dưới, ánh sáng ban mai màu chì đã rọi qua ô cửa. Tiếng bước chân vang lên trên những bậc đá. Chúng tôi bước ra ngoài như chui lên từ một hầm trú ẩn. Con phố vắng tanh và u ám, dài hun hút. Rahe chỉ tay về phía trước.

"Tất cả là chiến hào, Ernst ạ..." cậu ta chỉ vào những ngôi nhà, "Toàn là hầm trú ẩn... Cuộc chiến vẫn tiếp tục... nhưng là một cuộc chiến tranh đê tiện... người này chống lại người kia."

Chúng tôi bắt tay nhau. Tôi không thể cất lời. Rahe mỉm cười. "Có chuyện gì vậy, Ernst? Ở phía đông đằng kia cũng đâu phải mặt trận thật sự nữa! Ngẩng đầu lên đi, chúng ta là những người lính kia mà. Đây đâu phải lần đầu tiên chúng ta nói lời tạm biệt..."

"Có đấy, Georg," tôi vội vã nói, "tớ nghĩ giờ mới là lần đầu tiên chúng ta thực sự nói lời tạm biệt."

Cậu ta còn đứng trước mặt tôi giây lát. Rồi cậu ta từ tốn gật đầu và bước xuôi theo con phố, không hề ngoảnh lại, mảnh khảnh, bình thản, và hồi lâu sau khi Georg đã khuất dạng tôi vẫn còn nghe tiếng bước chân của cậu ấy.

CHƯƠNG NĂM .

I.

Đối với kỳ thi tốt nghiệp, cấp trên đã có lệnh: chiếu cố hết mức khi kiểm tra các cựu chiến binh. Lệnh này quả thực được chấp Đ hành. Chúng tôi vì thế đều qua được cả. Nhóm tiếp theo, nhóm của Ludwig và Albert, thì sẽ thi tốt nghiệp sau ba tháng nữa. Cả hai đành phải tiếp tục đợi tới khi đó, mặc dù đề thi cho bốn tháng chúng tôi đã xong hết cả rồi.

Vài ngày sau kỳ thi, chúng tôi nhận được mấy chân dạy thay ở các làng lân cận. Tôi phấn khởi ra mặt, vì đã chán ngấy cuộc sống loãng quãng không mục đích. Nó chỉ dẫn đến những suy nghĩ đau đầu, buồn bã và sự buông thả ồn ào, vô nghĩa. Bây giờ tôi muốn làm việc.

Tôi xếp va li và cùng Willy đi nhận việc. May sao chúng tôi được là hàng xóm. Làng của chúng tôi nằm cách nhau chưa đến một giờ đi bộ.

Tôi được ở trong một nông trại cũ. Những cây sồi lớn đứng choán ngay trước cửa sổ, và từ phía chuồng gia súc vọng lại tiếng be be hiền lành của lũ cừu. Bà chủ nông trại mời tôi ngồi lên một chiếc ghế tựa chân cao và bắt đầu dọn bữa trước tiên. Bà tin rằng tất cả đám dân thành thị đều đang đói rữ, và kê ra thì cũng khá đúng. Với một niềm xúc động nhẹ nhàng, tôi nhìn thấy những thứ gần như đã bị lãng quên xuất hiện trên bàn: một khúc giăm bông khổng lồ, một cái xúc xích dài bằng cả cánh tay, ổ bánh mì trắng muốt như tuyết và những cái bánh kẹp kiểu mạch Tjaden yễn thường ca ngợi có cục mỡ muối to tướng à chính giữa. Chồng bánh nhiều đến mức có thể đủ cho cả một đại đội.

Tôi bắt đầu ngón, còn bà chủ nhà tay chống nạnh vui sướng đứng nhìn, nụ cười hài lòng nở rộng trên môi. Sau một giờ tôi mới đành phải rên rĩ

dừng lại, dù cho mẹ Schomaker ra sức mời tôi tiếp tục.

Đúng vào lúc này Willy đến thăm tôi.

"Bây giờ bác hãy chú ý nhé," tôi nói với bà chủ nông trại, "bây giờ bác có thể trải nghiệm một thứ đáng chiêm ngưỡng. So với cậu ta, cháu chỉ là nhãi nhép."

Willy biết những gì một người lính phải làm. Cậu ta không nghĩ ngợi nhiều, mà hành động ngay lập tức. Sau lời mời ngắn gọn của mẹ Schomaker, cậu ta bắt đầu với món bánh kếp. Đến lúc cậu ta ăn tới món pho mát, bà chủ nhà đã đứng tựa vào tủ mà tròn mắt ngó Willy, như thể cậu ta là kỳ quan thế giới thứ tám. Bà phân khởi khệ nệ bụng ra thêm một liễn pudding to tướng, và Willy cũng dễ dàng vượt qua.

"Thế đây," cậu ta phì phò nói và đặt cái thìa sang một bên, "bây giờ cháu mới đói thực sự đây. Bây giờ sẽ ăn đến những món ra trò, được không bác?"

Với câu nói này, cậu ta đã mãi mãi chinh phục được trái tim của mẹ Schomaker.

Tôi ngồi trên bục giảng có phần lúng túng và không tự tin. Bốn mươi đứa trẻ ngồi trước mặt tôi. Đó là những đứa nhỏ nhất. Giống như được xếp thẳng bằng thước kẻ, chúng ngồi trên tám cái bàn dài nối đuôi nhau, những bàn tay nhỏ mũm mĩm nắm chặt cây bút chì, hộp bút xếp gọn, bảng và vở đặt trước mắt. Những đứa nhỏ nhất bảy tuổi, lớn nhất mười tuổi.

Nhà trường chỉ có ba phòng học, vì vậy trong mỗi lớp đều trộn lẫn nhiều lứa tuổi khác nhau.

Những đôi guốc gỗ lộp cộp mài trên sàn nhà. Than bùn trong lò sưởi cháy kêu lách tách. Nhiều đứa trẻ quàng khăn len và đeo ba lô da đi bộ đến trường mát tới hai giờ đồng hồ. Đồ của chúng bị ướt, bắt đầu bốc hơi trong cái nóng khô của phòng học.

Lũ bé nhất với những khuôn mặt tròn như trái táo trở mắt nhìn tôi.

Vài bé gái lén cười khúc khích. Một cậu bé tóc vàng đang nhiệt tình ngoáy mũi. Một cậu bé khác đang nấp sau lưng bạn bàn trước để cố tọng một cái bánh kẹp bơ dày vào miệng. Nhưng tất cả đều chăm chú dõi theo từng cử động của tôi.

Tôi khó chịu ngo ngoáy trên ghế. Chỉ mới một tuần trước tôi vẫn còn ngồi trên ghế băng giống như chúng, ngắm nhìn những cái khoát tay điệu bộ của thầy Hollermann khi nói về các nhà thơ trong các cuộc chiến tranh giải phóng. Hôm nay, chính tôi đã trở thành một Hollermann. Ít nhất là đối với những đứa trẻ ngồi kia.

"Các em, bây giờ chúng ta sẽ tập viết chữ 'L' hoa," tôi nói và bước đến gần bảng, "mười dòng chữ 'L', sau đó năm dòng 'Lina'[1] và năm dòng 'Lerche'[2]."

Tôi cầm phấn thông thả viết chữ lên bảng. Phía sau có tiếng sột soạt và lạch cạch. Tôi cứ chờ đợi lũ trẻ sẽ cười mình, bèn quay lại. Nhưng chỉ là lũ trẻ đã mở vở và kê bảng cho ngay ngắn: bốn mươi cái đầu ngoan ngoãn cắm cúi viết bài. Tôi gần như ngạc nhiên.

Chỉ viết cốt kết và bút mực sột soạt. Tôi đi đi lại lại giữa những chiếc ghế băng.

Trên tường treo một cây thánh giá, một con cú nhồi bông và một tấm bản đồ nước Đức. Ngoài cửa sổ những đám mây thấp trôi đi vội vã.

1.

Tên riêng. (N. D.)

2.

Chim sơn ca. (N. D.)

Tấm bản đồ nước Đức được in hai màu xanh lá cây và nâu. Tôi dừng lại trước nó. Các đường biên giới màu đỏ, chạy ngoằn ngoèo kỳ quái từ trên

xuống dưới. Köln... Aachen, đây là những đường manh màu đen chỉ đường sắt... Herbesthal Liège, Brüssel, Lille... tôi kiễng chân... Roubaix...

Arras Ostende... Kemmelberg đâu nhỉ?... Nó hoàn toàn không có trên bản đồ... nhưng đây, Langemarck, Ypern, Bixschoote, Staden. Trên bản đồ chúng mới bé nhỏ làm sao, chỉ là những cái chấm bé tí xíu, những cái chấm bé tí xíu câm lặng... Vậy mà ở đó sấm sét đã vang trên bầu trời, mặt đất đã rung chuyển vào ngày ba mươi một tháng bảy khi cuộc tấn công lớn bắt đầu, và đến đêm thì chúng tôi đã mất toàn bộ các sĩ quan.

Tôi quay đi và nhìn xuống những mái đầu tóc vàng và đen đang háo hức cúi trên những chữ "Lina" và "Lerche". Thật kỳ lạ... Đối với chúng, những cái chấm nhỏ trên bản đồ chẳng là cái gì khác ngoài một bài học đơn giản, một vài địa danh mới và một số ngày tháng phải học thuộc lòng cho các bài học trong giờ lịch sử thế giới, đại loại như Cuộc chiến tranh bảy năm và Trận chiến ở rừng Teutoburg.

Từ dãy bàn thứ hai một cậu bé nhảy căng lên, tay giơ cao quyền vờ.

Nó đã viết xong cả hai mươi dòng. Tôi lại gần và chỉ cho nó thấy nó đã viết nét ngoặc ở chân chữ L quá rộng. Cậu bé nhìn tôi với cặp mắt xanh uơn ướt, rạng rỡ đến nỗi tôi phải cup mắt xuống trong giây lát. Tôi đi nhanh lên bảng và viết hai từ bắt đầu bằng chữ cái mới. "Karl" và... tôi ngập ngừng một giây, nhưng không sao cưỡng lại được, dường như một bàn tay vô hình đã dẫn dắt viên phấn... "Kemmelberg".

"Karl là gì?" tôi hỏi.

Tất cả các cánh tay giơ lên. "Một người đàn ông," chính cậu bé ban nãy hét to.

"Còn Kemmelberg?" tôi hỏi tiếp với chút bối rối sau một khoảng dừng ngắn.

Im lặng. Cuối cùng, một cô bé giơ tay. "Từ Kinh Thánh ạ," cô bé ngập

ngừng nói.

Tôi nhìn cô bé một lúc. "Không," đoạn tôi bảo, "không đúng. Ý em muốn nói đến Ölberg hoặc Libanon, phải không?" Cô bé gật đầu bẽn lễn.

Tôi vuốt tóc em. "Vậy thì chúng ta hãy viết từ đó. Libanon là một từ rất đẹp."

Tôi lại trầm ngâm đi đi lại lại giữa các dãy bàn. Đôi lúc tôi cảm thấy một ánh mắt tò mò từ sau mép một cuốn vở hướng vào mình. Tôi dừng lại bên cạnh lò sưởi và ngắm nhìn những gương mặt trẻ thơ ấy. Đa số có vẻ ngoan ngoãn và bình thường, một số tinh nghịch, vài đứa khác lại ngô ngố... nhưng ở một vài đứa có cái gì ánh lên sáng rỡ. Đối với chúng rồi đây trong cuộc đời không phải cái gì cũng là đương nhiên và không phải mọi thứ đều suôn sẻ...

Đột nhiên, tôi cảm thấy một sự chán nản ghê gớm. Ngày mai chúng tôi sẽ học đến giới từ, tôi nghĩ... Và tuần tới sẽ viết một bài chính tả... Sau một năm các em có thể thuộc lòng năm mươi câu hỏi trong sách giáo lý, sau bốn năm các em bắt đầu học bảng cửu chương... Và các em sẽ lớn lên, và cuộc đời sẽ lôi các em vào trong gọng kìm của nó, dịu êm hay dữ dội, ôn hoà hay phá phách... Các em sẽ có số phận của riêng mình, và nó sẽ đến ngoài ý muốn của các em, thể này hay thể khác... Lúc đó phỏng tôi giúp gì được cho các em với những cách chia động từ hay dãy dài liệt kê các con sông ở nước Đức của mình... Bốn mươi em... bốn mươi cuộc đời khác nhau đang chờ đợi các em. Giá như tôi có thể giúp các em hạnh phúc, tôi sẽ làm ngay! Nhưng ở đây liệu có ai thật sự giúp đỡ nổi người khác chứ? Ngay đến Adolf Bethke tôi cũng đã giúp được gì chưa?

Chuông vang lên. Giờ học đầu tiên kết thúc.

Ngày hôm sau, Willy và tôi mặc lễ phục chính tề - may mà bộ của tôi được may xong đúng lúc - để đi thăm ông mục sư. Cái này là nghĩa vụ.

Chúng tôi được tiếp đón thân thiện nhưng cũng rất dè dặt, vì qua cuộc nổi loạn ở trường, chúng tôi đã bị lấm tai tiếng trước những người đảng hoàng đứng đắn. Buổi tối chúng tôi còn muốn tìm gặp ông xã trưởng, vì đây cũng là việc bắt buộc phải làm. Nhưng chúng tôi đã gặp ông ta trong quán rượu đồng thời cũng là trạm bưu điện.

Xã trưởng là một nông dân láu cá, mặt đầy nếp nhăn, việc đầu tiên ông ta làm là mời chúng tôi vài ly rượu bự. Chúng tôi nhận lời. Bảy giờ hai, ba người nông dân khác cũng vừa nháy mắt vừa tiến lại chào đón chúng tôi và cũng lần lượt mời chúng tôi một ly. Chúng tôi lịch sự cụng ly với họ.

Họ nhìn chòng chọc và che tay nhăm nháy với nhau "mấy chú gà con đáng thương"... Tất nhiên chúng tôi đã lập tức nhận ra là họ muốn chuốc chúng tôi say mềm để đùa vui. Dường như họ vẫn thường xuyên thử trò này; vì họ cười tủm tỉm kể về những giáo sinh trẻ khác đã từng ở đây. Có ba lý do khiến họ tin rằng chúng tôi sẽ sớm gục ngã: thứ nhất, theo quan điểm của họ sức chịu đựng của dân thành thị chắc chắn không bằng họ; thứ hai, thầy giáo là những anh chỉ biết học hành do đó tử lượng sẽ kém hơn; thứ ba, mấy thằng còn trẻ măng thế này sao đã kịp tôi luyện khoản rượu chè. Cái này có thể đúng với những anh giáo sinh mà họ đã từng gặp trước chúng tôi; nhưng với chúng tôi thì họ đã quên tính đến một điều: chúng tôi đã qua vài năm làm lính và uống rượu như húp canh. Chúng tôi chấp nhận cuộc đấu. Mấy bác nông dân chỉ muốn đưa chúng tôi ra làm trò đùa một chút; nhưng chúng tôi sẽ bảo vệ ba lần danh dự, điều đó tiếp thêm động lực cho chúng tôi.

Ông xã trưởng, ông thư ký và vài bác nông dân lực lưỡng ngồi đối diện chúng tôi. Họ có vẻ là những tay uống khỏe nhất trong đám sâu rượu ở đây. Với nụ cười nhẹ ranh mãnh kiểu nông dân, họ cụng ly với chúng tôi.

Willy làm ra vẻ như cậu ta đã bốc lấm. Những tiếng cười xung quanh

càng rộ lên.

Chính chúng tôi mời một châu bia với rượu. Sau đó liên tục thêm bảy châu nữa từ những người khác. Các nông dân tin chắc chúng tôi sẽ xong đời. Họ hơi ngạc nhiên khi thấy chúng tôi cứ thế nốc sạch ly không chớp mắt. Những ánh mắt dò xét của họ bắt đầu lóe lên chút kính nể. Willy nét mặt tỉnh rụi gọi tiếp một tuần rượu nữa.

"Mà không bia đâu nhé, chỉ rượu thôi, ly lớn!" cậu ta réo chủ quán.

"Trời đất quỷ thần ơi, chỉ rượu thôi sao?" ông xã trưởng hỏi.

"Tất nhiên, không thì chúng ta ngồi đến sáng mai mất," Willy bình thản nhận xét. "Uống bia chỉ tổ càng tỉnh!"

Ông xã trưởng lại càng trở mặt ngạc nhiên. Giọng rụt rè, một nông dân khẳng định rằng chúng tôi uống quá siêu. Hai người khác lặng lẽ đứng dậy và biến mất. Một vài đối thủ của chúng tôi đã thử tìm cách lén đổ rượu dưới gầm bàn. Nhưng Willy cảnh giác để không ai thoát được.

Cậu ta bắt họ đặt cả hai tay lên bàn và dốc hết ly rượu vào cổ họng. Những nụ cười tắt lịm. Chúng tôi đã lên chiếu trên.

Một giờ sau, phần lớn đám nông dân không mặt tái xanh tái xám nằm vạ vật các góc phòng thì cũng xiêu vẹo chệnh choáng ngoài sân. Đám ngồi bên bàn cứ vui dần, đến lúc chỉ còn lại có ông xã trưởng và tay thư ký.

Cuộc đấu tay đôi giữa hai bọn họ và chúng tôi bắt đầu. Thật ra chúng tôi đã nhìn một hóa hai, nhưng họ còn lấp bắp không ra hơi từ lâu, điều này tiếp thêm sức mạnh cho chúng tôi.

Sau nửa giờ nữa, khi mặt cả bọn đều đã đỏ gay, Willy tung ra đòn quyết định.

"Bốn cốc đầy cognac," cậu ta hét về phía quầy bar.

Ông xã trưởng giật nảy người. Các cốc rượu đến. Willy gửi hai cốc rượu vào tay họ.

"Chúc sức khỏe!"

Họ nhìn chúng tôi chăm chăm.

"Cạn ly!" Willy hét toáng lên với cái đầu đỏ rực. "Nào cạn một hơi!"

Ông thư ký định trốn tránh, nhưng Willy không chịu.

"Uống làm bốn ngụm nhé," ông xã trưởng năn nỉ, lúc này đã rất bối rối.

"Một hơi thôi," Willy khăng khăng, đứng dậy và cụng ly của mình với ông thư ký. Tôi cũng đứng bật dậy.

"Nào! Chúc sức khỏe! Cạn ly! Ly này dành chúc riêng các bác! "

chúng tôi hét lên với hai bác nông dân đang choáng váng. Như những con bê sắp bị đưa vào lò mổ, họ nhìn chúng tôi và nhấp một ngụm.

"Tiếp đi! Các bác định lần nữa?" Willy hú lên. "Đứng dậy nào!"

Họ loạng choạng đứng lên và uống. Họ nhiều lần thử dừng lại giữa chừng, nhưng chúng tôi quang quác lên với họ, chỉ cho họ thấy cốc của chúng tôi. "Chúc sức khỏe!"; "Nốt đi!"; "Cạn đến đáy!" và họ đành nhắm mắt nhắm mũi nuốt cho bằng hết. Sau đó, với cặp mắt đờ dại như bi ve, họ trượt từ từ nhưng chắc chắn xuống đất. Chúng tôi đã giành chiến thắng; nếu uống chậm có khi họ đã cho chúng tôi đo ván rồi; nhưng với cách nốc rượu nhanh thì chúng tôi đầy kinh nghiệm, và áp đặt cho họ tốc độ uống của mình chính là cơ hội của chúng tôi.

Lảo đảo và tự hào, chúng tôi quan sát chiến trường. Ngoài chúng tôi chẳng còn ai đứng nổi. Người đưa thư, đồng thời là chủ quán, gục đầu trên quày khóc thương người vợ đã chết khi sinh con lúc ông ta đang ở ngoài mặt trận. "Martha ơi, Martha," ông ta nức nở với giọng the thé lạ tai. Cô hầu bàn cho chúng tôi biết ông ta luôn làm vậy vào giờ này. Tiếng khóc cứ xói vào tai chúng tôi. Cũng đã đến lúc ra về.

Willy túm ông xã trưởng, còn tôi ôm ông thư ký nhẹ hơn, và chúng tôi cùng lôi họ về nhà. Đây là chiến thắng cuối cùng của chúng tôi. Chúng tôi

đặt ông thư ký trước thềm nhà và gõ cửa cho đến khi cửa sổ sáng đèn.

Còn ông xã trưởng thì đã có người chờ sẵn. Bà vợ đứng ngay ở cửa.

"Lạy Chúa Giêsu," bà ta rít lên, "ra là mấy anh giáo mới! Còn trẻ thế mà đã thành sâu rọu rồi! Xem ra sẽ còn hay ho lắm đây!"

Willy cố thử giải thích với bà ta rằng đây là vấn đề danh dự, nhưng rồi trí quá nói không nổi.

"Chúng cháu nên đặt bác ấy vào đâu ạ?" cuối cùng tôi hỏi.

"Hãy để cái đồ nát rọu này nằm tạm lên đây," bà ta quyết định.

Chúng tôi đặt ông xã trưởng lên ghé sofa. Sau đó Willy nở nụ cười ngây thơ như con trẻ hỏi xin một tách cà phê. Người đàn bà nhìn cậu ta như nhìn người ngoài hành tinh.

"Chúng cháu đã mang bác trai về cho bác mà," Willy rạng rỡ giải thích.

Trước những lời càn rỡ rất mực hồn nhiên như thế thì ngay bà già nghiêm khắc nhất cũng phải đầu hàng. Bà vợ ông xã trưởng lắc đầu rót cho chúng tôi mấy tách cà phê lớn và lên lớp dạy dỗ chúng tôi. Bà khuyên gì chúng tôi cũng vâng tuốt, đó là cách tốt nhất vào lúc này.

Từ hôm đó chúng tôi được dân làng xem như những người đàn ông thực thụ và được chào hỏi với sự kính nể.

II.

Ngày lại ngày trôi qua đều đặn và đơn điệu. Buổi sáng bốn tiết học, buổi chiều hai, nhưng khoảng thời gian ở giữa là những giờ trải dài bất tận khi anh chỉ có hết đi lại ngồi, một mình luẩn quẩn với những suy nghĩ.

Tôi tệ nhất là những ngày chủ nhật. Nếu mà không muốn ngồi quán rượu thì cũng khó lòng chịu nổi. Bên cạnh tôi còn có một ông giáo viên chính, sống ở đây đã ba mươi năm, và từ đó tới nay đã trở thành chuyên gia nuôi lợn hàng đầu đoạt nhiều giải thưởng. Nhưng ngoài chuyện nuôi lợn thì hầu như chẳng nói được chuyện gì khác với ông ấy. Cứ nhìn ông ấy là tôi lại muốn chuồn đi ngay lập tức; cái ý nghĩ mình cũng sẽ thành ra như thế thật đáng sợ. Ngoài ra, còn có một bà giáo, một tạo vật già, hiền lành tử tế, hễ nghe ai nói "Mẹ kiếp, cam mồm đi!" là lại run bắn lên. Cũng chẳng vui về gì.

Willy thích nghi tốt hơn. Cậu ta là khách danh dự ở tất cả các đám cưới và lễ rửa tội. Khi có những con ngựa bị đau hoặc những con bò khó đẻ, cậu ta vừa cho lời khuyên vừa giúp nông dân một tay. Tôi đến thì cậu ta la cà quán xá với họ, cò cưa bài Skat với họ và lột họ sạch sẽ.

Trong lúc đó, tôi không muốn nằm vạ vật ở các quán rượu nữa, tôi thích ở trong phòng mình hơn. Nhưng khi ngồi một mình, thời gian trôi đi thật chậm, những suy nghĩ kỳ lạ cứ thường xuyên bò ra từ mọi góc, như những bàn tay nhợt nhạt, xám xịt vẩy vẩy và hăm dọa, những cái bóng của quá khứ ma quái biến hóa lạ kỳ. Những ký ức lại trôi dạt, những gương mặt không thực, xám ngoét, những lời than vãn và cáo buộc...

Vào một ngày chủ nhật âm đạm, tôi dậy sớm, mặc quần áo và ra ga đê đi thăm Adolf Bethke. Đó là một kế hoạch hay. Tôi lại có thể cùng ngồi với

một người thực sự gần gũi với mình, rồi đến lúc ra về thì ngày chủ nhật nhàm chán cũng đã trôi qua.

Tôi đến nơi vào buổi chiều. Cánh cổng vườn kêu rìn rít. Con chó sủa nhặng trong chuồng. Tôi đi nhanh theo con đường giữa hàng cây ăn quả.

Adolf đang ở nhà. Cả vợ anh cũng vậy. Khi tôi bước vào và chìa tay cho Adolf thì chị đi ra ngoài. Tôi ngồi xuống. Sau một lúc, anh nói: "Cậu ngạc nhiên phải không, Ernst?"

"Vì cái gì cơ, Adolf?"

"Bởi vì cô ấy lại ở trong nhà."

"Không hề... chính anh biết rõ mà."

Anh đẩy cho tôi liền đưng hoa quả. "Cậu có muốn ăn một quả táo không?"

Tôi lấy một quả và mời anh điều xì gà. Anh cắn răng xé đầu điều và tiếp tục nói: "Cậu thấy đấy, Ernst, tớ đã ngồi ở đây, ngồi mãi và đã suýt phát điên. Khi cậu ở một mình, ngôi nhà sẽ trở nên nặng nề khủng khiếp."

Cậu đi qua các phòng... Ở đây vẫn treo chiếc áo của cô ấy, kia là đồ may vá, còn kia là cái ghế cô ấy thường luôn ngồi khâu... Rồi vào ban đêm, cái giường thứ hai lại càng trắng tinh và trống không bên cạnh cậu, cậu cứ chốc chốc lại nhìn qua đó, lăn qua lăn lại và không thể chợp mắt... Vào những lúc như thế có nhiều thứ trôi qua trong đầu lắm, Ernst ạ..."

"Em hình dung được mà, Adolf..."

"Và sau đó cậu sẽ chạy ra khỏi nhà và nốc say rồi làm đủ trò vô nghĩa..."

Tôi gật đầu. Đông hồ tích tắc nhẹ nhàng. Lò sưởi cháy lách tách. Chị vợ lặng lẽ đi vào đặt bánh mì và bơ lên bàn. Rồi chị lại đi ra. Bethke vuốt phẳng tấm khăn trải bàn.

"Ừ, Ernst, và xét cho cùng cả cô ấy cũng từng trải qua cảm giác cô đơn"

đó, cô ấy cũng từng thui thui một mình ngồi như thế suốt những năm qua, cũng nằm ở đây và sợ hãi, lo lắng bất an, đầu óc mụ mị và lắng tai nghe từng tiếng động... Và rồi cuối cùng chuyện đó cũng đến, chắc chắn thoát tiên cô ấy hoàn toàn không muốn vậy, nhưng khi nó xảy ra, cô ấy không biết làm thế nào để tự giúp mình nữa, thế nên nó đã tiếp diễn."

Chị vợ mang cà phê đến. Tôi muốn chào chị một tiếng, nhưng chị không nhìn tôi.

"Sao em không mang một cốc cho em nữa?" Adolf hỏi.

"Em vẫn còn có việc trong bếp," chị nói. Giọng chị trầm và nhẹ nhàng.

"Tớ ngồi đây và tự nhủ, mày đã giữ gìn danh dự của mày, mày đã đuổi vợ mày đi. Nhưng mày được gì từ cái danh dự ấy, âu cũng chỉ là một lời nói, trong khi mày thui thui một mình, có hay không có danh dự thì cũng chẳng tốt hơn. Sau đó tớ đã bảo cô ấy có thể ở lại, tất cả những chuyện kia thì đã làm sao, đời người cũng mệt mỏi lắm rồi và có sống được bao nhiêu năm nữa đâu, mà giả dụ như không biết chuyện gì, thì cuộc sống vẫn cứ yên ả mà. Ai biết được người ta sẽ làm những gì, nếu như người ta luôn biết hết mọi thứ."

Adolf bòn chòn gõ gõ lên tay vịn ghế. "Uống cà phê đi, Ernst, có cả bơ đấy."

Tôi rót một tách, và chúng tôi uống.

"Cậu thấy đấy, Ernst," anh nói khẽ, "mọi việc với các cậu dễ chịu hơn.

Các cậu có sách, có học vấn và còn nhiều thứ khác. Nhưng tớ... tớ làm gì có cái gì nữa đâu ngoài vợ tớ."

Tôi không nói gì về điều đó, bởi vì có nói tôi cũng không thể giải thích cho anh hiểu; anh không còn giống như khi ở ngoài mặt trận, và tôi cũng chẳng còn như trước. Một lúc sau tôi hỏi: "Thế chị ấy nói sao về việc này?"

Adolf thả tay thông xuống. "Thực ra cô ấy ít nói, chẳng hiểu được gì

nhiều từ cô ấy. Cô ấy chỉ ngồi và nhìn tở. Cùng lắm là cô ấy khóc. Cô ấy nói chuyện ít lắm."

Anh đặt cốc của mình sang một bên. "Có lần cô ấy nói, chuyện xảy ra chẳng qua vì cô ấy muốn có ai đó ở bên thôi. Lần khác cô ấy lại bảo cô ấy không hiểu nổi, cô ấy đã không biết là đang xúc phạm tở, khi chuyện xảy ra cô ấy cứ ngỡ kẻ đó chính là tở. Nhưng tở vẫn không sao hiểu được, những chuyện như thế thì phải phân biệt được chứ sao có thể nhầm, còn bình thường cô ấy vốn là người biết điều."

Tôi ngẫm nghĩ. "Có lẽ ý chị ấy muốn nói là trong thời điểm đó chị ấy không hoàn toàn tỉnh táo, như kiểu chị ấy cứ ngỡ là mình chỉ đang mơ, Adolf ạ!"

"Có thể," anh trả lời, "nhưng tở không hiểu được. Chắc việc đó cũng không kéo dài."

"Chị ấy không còn muốn biết gì về gã kia nữa chứ?" tôi hỏi.

"Cô ấy nói rằng cô ấy thuộc về nơi này."

Tôi ngẫm nghĩ tiếp. Nên hỏi gì nữa nhỉ. "Giờ anh cảm thấy khá hơn rồi phải không, Adolf?"

Anh nhìn tôi. "Không hoàn toàn đâu Ernst, cậu cũng hình dung được đây, vẫn chưa khá hẳn. Nhưng sẽ ổn thôi, cậu cũng nghĩ thế chứ?"

Trông anh có vẻ không tin chắc lắm vào điều đó.

"Chắc chắn sẽ ổn, anh Adolf," tôi nói và đặt lên bàn mấy điều xì gà tôi vốn cất dành cho mình. Bọn tôi nói chuyện phiếm một lúc rồi tôi ra về.

Trong hành lang, tôi gặp vợ anh đang muốn đi qua tôi cho nhanh.

"Tạm biệt, chị Bethke," tôi nói và chìa tay cho chị.

"Tạm biệt!" chị đáp và đưa tay cho tôi, mặt vẫn ngoảnh đi.

Adolf tiễn tôi đến nhà ga. Gió rít ù ù. Tôi liếc nhìn anh và nhớ đến nụ cười băng quơ luôn nở trên môi anh mỗi khi chúng tôi ngồi trong chiến hào

nói chuyện về hòa bình. Vậy mà giờ đây tất cả đã trở thành cái quái gì thế này!

Đoàn tàu rời ga.

“Adolf,” tôi vội nói với qua cửa sổ, "em hiểu anh rất rõ... Anh không thể biết rõ đến mức nào đâu."

Anh đơn độc đi qua cánh đồng trở về nhà mình.

Chuông báo hiệu giờ giải lao vang lên đúng mười giờ. Tôi vừa dạy xong một tiết ở lớp lớn. Lúc này đám học sinh mười bốn tuổi chạy ào qua tôi ra ngoài chơi. Tôi ngắm chúng từ cửa sổ. Chỉ trong vài giây mà chúng thay đổi hoàn toàn, rũ bỏ khuôn phép của trường học và lấy lại được sự tươi mát và vô tư vốn có của lứa tuổi chúng.

Khi lũ trẻ ngồi ngay ngắn bên bàn học trước mặt tôi, chúng không thực là chúng; chúng hoặc có chút gì đó của loại người nịnh bợ và hãnh tiến hoặc của loại người đạo đức giả và nổi loạn. Bảy năm giáo dục tại nhà trường đã biến chúng thành những kẻ như vậy. Nguyên sơ, thành thật và vô tư lự như những con thú non, chúng đến trường từ những cánh đồng cỏ, những trò chơi và những giấc mơ... Chúng vẫn thuận theo quy luật đơn giản của tự nhiên: ai linh hoạt nhất, khỏe nhất sẽ là thủ lĩnh, đám còn lại theo đuôi. Nhưng những khẩu phần giáo dục hằng tuần đã dần dần tiêm vào đầu chúng một thứ luật lệ khác, luật lệ nhân tạo; ai ngón hết các khẩu phần này một cách ngoan ngoãn nhất thì sẽ được khen thưởng và sẽ là trò giỏi nhất. Những kẻ khác phải noi theo. Chẳng có gì lạ khi những đứa trẻ linh hoạt nhất phản kháng. Nhưng chúng cũng phải thích ứng; vì học sinh ngoan luôn là lý tưởng của các trường học. Nhưng cái lý tưởng này như thế nào chứ! Và những học sinh giỏi trên thế giới đã trở thành cái gì! Trong lòng kính của nhà trường, chúng hưởng thụ một cuộc sinh tồn giả tạo ngán ngùi mà càng đảm bảo chắc chắn về sau này chúng sẽ chìm ngấm trong sự lãng

nhàng và lệ thuộc tâm thường. Thế giới tiến lên phía trước toàn nhờ những học sinh tôi.

Tôi ngắm nhìn lũ học trò trên sân. Với những chuyển động mạnh mẽ, khéo léo, lũ trẻ đang chơi dưới sự đầu têu của cậu bé tóc xoắn Dammholt, thằng nhóc với năng lượng của mình đang thống trị toàn bộ sân chơi. Đôi mắt cậu bé ánh lên vẻ hiếu chiến và can đảm, cơ bắp và gân cốt căng tràn sức sống, và những đứa trẻ khác phục tùng nó không chút do dự. Tuy nhiên chỉ mười phút sau, khi ngồi trong lớp học, chính thằng lỏi này lại biến thành một học sinh lì lợm, ương ngạnh, không bao giờ có thể hoàn thành bài tập của mình và nhiều phen đến lễ Phục Sinh sẽ bị lưu ban.

Thằng nhóc sẽ làm bộ mặt ngoan ngoãn khi tôi nhìn nó và ngay lập tức nhăn mày bĩu mỏ sau lưng tôi; nó sẽ nói dối nếu tôi hỏi nó đã chép bài tập làm văn chưa, và lập tức nhổ bọt vào quần tôi hoặc đặt một cái đinh mũ trên mặt ghế của tôi nếu nó có cơ hội. Nhưng trò giỏi nhất lớp, người vừa nãy chỉ là một hình hài thảm hại trên sân chơi, lại đỉnh đạc trong lớp học; cậu ta sẽ tự tin giơ tay khi Dammholt không biết câu trả lời và vừa chịu thua vừa tức tối chờ đợi bị điểm kém. Trò giỏi nhất lớp biết tất cả mọi thứ, và bản thân cậu ta cũng biết điều này. Nhưng Dammholt, đứa mà thực ra tôi phải trừng phạt, lại khiến tôi cảm mến hơn gấp ngàn lần cậu học trò gương mẫu xanh xao kia.

Tôi nhún vai. Chẳng phải điều tương tự cũng từng xảy ra trong cuộc gặp mặt trung đoàn ở hội trường Konersmann đó sao? Chẳng phải phẩm chất con người bỗng nhiên chẳng còn là cái thá gì hết, chỉ có nghề nghiệp mới là thước đo tất cả, cho dù trước đó thang giá trị từng khác hoàn toàn?

Tôi lắc đầu. Thế giới mà chúng tôi vừa bước chân quay trở lại là cái thế giới quái quỷ gì vậy...

Giọng Dammholt vang khắp sân trường. Tôi đang nghĩ phải chăng sẽ

tốt hơn nếu các giáo viên tiếp cận học sinh của mình với thái độ bạn bè.

Biết đâu sẽ cải thiện được quan hệ thầy trò và tránh được những xung đột có thể xảy ra... nhưng về cơ bản thì đó chỉ là ảo tưởng. Tôi biết từ kinh nghiệm bản thân chúng tôi: tuổi trẻ sáng suốt và không thể mua chuộc.

Chúng đoàn kết tạo thành một mặt trận bất khả xâm phạm trước người lớn. Chúng không ủy mị; có thể tiếp cận chúng, nhưng không thể thâm nhập vào hàng ngũ của chúng. Ai đã một lần bị tống khỏi thiên đường đó, thì không bao giờ còn có thể quay trở lại. Đó gọi là quy luật của tuổi tác.

Với dòng máu lạnh và cặp mắt sắc sảo, Dammholt sẽ tận dụng thái độ bạn bè của người thầy sao cho có lợi cho nó nhất. Thậm chí có thể nó sẽ tỏ chút quyền uyển; nhưng điều đó không ngăn cản nó tận dụng lợi thế của mình.

Những nhà giáo dục nào tưởng rằng họ hiểu thấu được đám trẻ đều chỉ là những kẻ mơ mộng viễn vông. Tuổi thiếu niên không muốn được hiểu; chúng chỉ muốn được là chính mình. Khi người lớn tiếp cận chúng quá sâu, chúng thấy cũng nực cười như thể anh ta đang cố mặc quần áo trẻ con vậy. Chúng ta có thể cảm nhận cùng tuổi trẻ, nhưng tuổi trẻ không cảm nhận cùng chúng ta. Đó là sự cứu rỗi của chúng.

Chuông reo. Giờ giải lao đã hết. Dammholt miễn cưỡng đứng vào hàng trước cửa lớp.

Tôi đi bộ xuyên qua làng, về phía thảo nguyên. Sói chạy trước mặt tôi. Đột nhiên một con chó ngao lao ra từ một nông trại, nhảy xổ vào Sói. Sói không nhìn thấy nó tới gần. Vì vậy ngay từ cú tấp đầu tiên, con chó đã xô ngã được Sói. Một nháy mắt sau, tất cả đã trở thành một mớ hỗn độn gồm bụi mù và hai cơ thể cắn xé nhau trong tiếng gầm gào giận dữ.

Chủ nông trại cầm gậy chạy từ trong nhà ra. "Vì Chúa," bác ta hét lên từ đằng xa, "thầy giáo, gọi con chó của anh lại! Pluto sẽ xé nó ra từng mảnh

mất!"

Tôi xoa tay. "Pluto! Pluto! Đồ đêu, đồ chết tiệt, lại đây!" bác nông dân hét lên kích động, thở hồn hển chạy tới và cố dùng gậy tách hai con chó ra.

Nhưng đám lóc bụi với tiếng sủa hỗn loạn đã lao vút đi hơn trăm mét rồi lại mù mịt lên ở đó.

"Nó đi đời rồi," bác nông dân rên rỉ hạ cây gậy xuống. "Nhưng tôi nói luôn với thầy, tôi không đền tiền con chó đâu đấy! Lẽ ra thầy đã có thể gọi nó lại mà!"

"Con nào đi đời ạ?" tôi hỏi.

"Con chó của thầy," bác nông dân bất lực đáp, "cái con chó ngao điếm đàng này đã làm gỏi cả chục con chó rồi."

"À, với Sói thì trước hết chúng ta hãy cứ đợi đã," tôi nói. "Nó không phải một con chó chăn cừu bình thường đâu, bác thân mến ơi. Nó là một con chó đã từng xông pha trận mạc, một anh lính già, bác hiểu không!"

Bụi tan dần. Hai con chó đã lăn đến một bãi cỏ. Tôi thấy con chó ngao đang cố đè Sói xuống đất và chồm lên cắn ngang lưng nó. Nếu Pluto thành công, Sói sẽ chết, vì nó có thể cắn tan xương sống của Sói. Nhưng trơn tuột như một con lươn, Sói vùng thoát khỏi đôi thủ chỉ một ly trước khi bị đè bẹp rồi lại đứng trên mặt đất, quay phắt người, rồi lập tức lao vào tấn công. Con chó ngao vừa cắn vừa sủa nhưng Sói cứ lẳng lẳng chiến.

"Chết tiệt," bác nông dân lầm bầm.

Con chó ngao lắc mình, nhảy chồm lên, vồ vào không khí, giận dữ quay lại, nhảy chồm lên lần nữa và lại vồ hụt... cứ như thể nó ở đó có một mình, vì hầu như người ta chẳng nhìn thấy Sói đâu nữa. Sói bay như một con mèo sát mặt đất, kỹ năng mà nó đã quen khi làm chó liên lạc, luôn qua mấy cẳng chân con chó ngao rồi tấn công từ dưới lên. Nó chạy vòng quanh đối thủ, đuổi riết không tha, rồi đột nhiên cắn vào bụng và cứ thế ngoạm thật chặt.

Con chó ngao sủa điên loạn, lăn mình xuống đất để vồ lại con chó chăn cừu. Nhưng bất thành linh, nhanh như cắt, Sói buông đối thủ ra, rồi thừa cơ ngoạm luôn vào cổ họng con chó ngao. Và lúc này, lần đầu tiên, tôi mới nghe Sói cất tiếng gầm gừ trầm trầm, giận dữ, đầy đe dọa, khi nó đã ngoạm chặt đối thủ, kẻ đang tuyệt vọng giãy giụa, lăn lộn trên mặt đất.

"Vì Chúa, thầy giáo ơi," bác nông dân kêu lên, "làm ơn gọi con chó của anh lại! Nó xé con Pluto ra từng mảnh mất thôi!"

"Tôi có thể gọi nó mệt nghỉ, nó sẽ chẳng chịu về đâu," tôi nói. "Mà thế cũng phải. Trước tiên nó cần phải kết liễu con Pluto thôi tha này đã."

Con chó ngao rên rỉ và kêu ăng ẳng. Bác nông dân vung cây gậy đinh giúp nó. Tôi giật gậy khỏi tay bác ta, tóm ngực áo bác ta và hét lên: "Chết tiệt, con khốn đó đã tấn công trước!"

Thiếu chút nữa tôi đã xông vào bác nông dân.

May sao tôi đang đứng ở tư thế có thể nhìn thấy Sói đột ngột nhả con chó ngao ra và phóng như bay về phía chúng tôi, vì nó tưởng tôi bị tấn công. Nhờ vậy mà tôi kịp giữ nó lại, nếu không thì nhẹ ra bác nông dân cũng sẽ cần một cái áo khoác mới. Thừa lúc đó, Pluto đã lẳng lặng chuồn mất. Tôi vỗ vỗ con Sói và trấn an nó.

"Nó đúng là quỷ Satan," bác nông dân sợ hết hồn, lắp bắp.

"Chính thế " tôi tự hào nói, "cựu chiến binh chứ đùa đâu. Đừng đại gây sự với nó."

Chúng tôi đi tiếp. Phía sau làng là mấy cánh đồng cỏ, rồi bắt đầu đến thảo nguyên với những cây đỗ tùng và những ngọn đồi. Gần khu rừng bạch dương nhỏ một đàn cừu đang ăn cỏ. Những bộ lông xoắn xù của chúng ánh lên trong nắng hoàng hôn như dát vàng.

Tôi chợt thấy con sói sải những bước dài phóng thẳng đến đàn cừu.

Cho rằng trận chiến với con chó ngao đã khiến nó nổi tính hoang dã, tôi

vội đuổi theo nó để ngăn chặn một cuộc tắm máu giữa bầy cừu.

"Cẩn thận! cảnh giác với con chó!" tôi kêu lên với người chặn cừu.

Anh ta cười. "Nó là chó chặn cừu mà, nó không cắn đâu!"

"Không, không!" tôi hét. "Nó không biết đâu! Nó là chó chiến trường!"

"Vớ vẩn," người chặn cừu nói, "chó chiến trường hay không thì nó cũng sẽ không cắn. Đấy... anh nhìn xem... anh nhìn kỹ đi! Giỏi, chó ngoan của ta, làm tiếp đi! Giữ chúng lại!"

Tôi không tin vào mắt mình. Sói... con Sói, con chó cả đời chưa hề nhìn thấy một con cừu nào, bây giờ đang dồn bầy cừu lại với nhau, như thể nó chưa từng làm bất cứ việc gì khác. Bằng những bước nhảy dài, nó sủa vang đằng sau hai con cừu con bị tách đàn và đuổi chúng trở lại. Mỗi khi chúng tách ra hoặc muốn dừng lại, nó chặn chúng và cạp nhẹ vào chân để chúng tiếp tục đi thẳng.

"Con chó tuyệt vời," người chặn cừu nói, "nó chỉ cạp nhẹ chúng thôi, chuẩn không chê vào đâu được."

Con chó thay đổi biết bao. Đôi mắt nó lấp lánh, cái tai bị đạn xé rách của nó bay phàn phật, nó cảnh giác chạy xung quanh đàn cừu, và tôi thấy nó vô cùng phấn khích.

"Tôi mua con này ngay lập tức," người chặn cừu tuyên bố. "Con chó của tôi không thể làm tốt hơn nó. Anh hãy xem nó lừa cả đàn về làng thế nào! Nó chẳng cần học gì thêm nữa."

Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra với tôi.

"Sói!" tôi gọi. "Sói!" và tôi có thể phát khóc ngay được khi nhìn thấy nó như thế. Nó lớn lên dưới bom đạn, và bây giờ, chẳng cần ai dạy dỗ, nó tự biết rõ công việc của mình là gì.

Một trăm mark tiền mặt và một con cừu mỡ sẵn," người chặn cừu trả giá.

Tôi lắc đầu. "Một triệu mark cũng không bán, ông bạn," tôi đáp.

Giờ đến lượt người chần cừ lắc đầu.

Những nhánh thạch thảo cứng cọ vào mặt tôi. Tôi gạt chúng sang bên và nằm gác đầu lên hai cánh tay. Con chó thở nhẹ bên cạnh tôi, và xa xa vọng lại tiếng lục lạc leng keng từ bầy gia súc. Ngoài ra hoàn toàn yên tĩnh.

Mây trôi chậm chậm qua bầu trời chiều. Mặt trời lặn dần. Những bụi cây đỗ tùng màu xanh đậm chuyển sang màu nâu sẫm, và tôi có thể cảm thấy làn gió đêm nhẹ nhàng bay lên từ những khu rừng phía xa. Một giờ nữa, gió sẽ thổi đến rừng bạch dương. Thiên nhiên cũng gần gũi với người lính như với người nông dân và người gác rừng, vì họ đều không sống trong nhà, họ biết thời gian của những cơn gió và của làn sương màu nâu đỏ trong những tối mù sương, họ quen với những cái bóng lác lác trên mặt đất khi ánh sáng bị chìm lấp trong mây, và họ thuộc nằm lòng quỹ đạo của mặt trăng.

Nhớ lần ở Flandern, sau một trận pháo kích dữ dội, một thương binh đã phải đợi rất lâu mới được ứng cứu. Chúng tôi đã dùng tất cả các gói băng cứu thương và làm hết sức để quán và băng bó cho cậu ta, nhưng máu vẫn tiếp tục xối ra, và cậu ta cứ thế mất máu. Trong suốt thời gian đó, đằng sau cậu ta có một đám mây khổng lồ trên bầu trời lúc xế chiều, một đám mây duy nhất, nhưng nó là cả một ngọn núi được tạo bởi sắc trắng vàng rờn và ánh hào quang đỏ rực. Siêu thực và tuyệt đẹp đám mây lơ lửng sau cái nền nâu u uẩn của khung cảnh hoang tàn vì bom đạn. Đám mây đứng im lìm và tỏa sáng, còn anh lính hấp hối nằm im lìm và chảy máu, cứ như thể họ thuộc về nhau nhưng tôi vẫn không hiểu nổi sao đám mây có thể đứng lộng lẫy và vô tình đến vậy, trong khi một con người đang chết dần.

Những tia sáng cuối cùng của mặt trời tô lên thảo nguyên một màu đỏ sẫm. Những con chim te te ai oán vỗ cánh bay lên. Một con diệc cất tiếng

kêu từ phía những hồ nước. Tôi đắm đắm nhìn khắp đồng bằng bao la màu tím nâu. Ở Houthoult có một chỗ các đồng cỏ mọc đầy hoa anh túc, nhiều đến nỗi chúng đổ rục một màu. Chúng tôi gọi chúng là những đồng cỏ máu, vì trong cơn đông chúng có màu hơi nhò nhò như máu vừa chảy vẫn còn tươi. Trong một đêm sáng trăng, Köhler đã hóa điên khi chúng tôi phờ phạc và mệt mỏi hành quân ngang qua đó. Dưới ánh trăng mờ ảo, cậu ta cứ ngỡ đó là những cái hồ máu và muốn nhảy xuống...

Tôi rùng mình và ngược nhìn lên. Thế này nghĩa là sao? Vì sao giờ đây những ký ức này cứ thường xuyên trở lại? Và chúng kỳ lạ lắm, khác hẳn những gì ngoài mặt trận? Hay vì tôi ở một mình quá nhiều?

Sói cựa quậy bên cạnh tôi và khẽ sửa giọng chơi chỏi trong giấc ngủ.

Liệu nó có mơ thấy đàn cừu? Tôi nhìn nó hồi lâu. Rồi tôi đánh thức nó dậy và chúng tôi quay về.

Thứ bảy. Tôi đến chỗ Willy hỏi xem chủ nhật cậu ta có muốn đi với tôi vào thành phố không. Tuy nhiên, cậu ta gạt phăng ý nghĩ đó đi.

"Ngày mai ở đây sẽ có một con ngỗng nhồi," cậu ta nói, "tớ không đời nào bỏ qua nó. Mà tại sao cậu lại muốn đi?"

"Tớ không thể cứ lủn quủn à đây vào chủ nhật được." tôi nói.

"Tớ không hiểu, ở đây được săn sóc tốt thế còn gì!"

Tôi đi tàu một mình. Buổi tối, tôi đi đến quán Waldmann với một hy vọng mơ hồ. Ở đây cực kỳ náo nhiệt. Tôi đứng lảng vảng một lúc, mặt ngó nghiêng. Rất nhiều chàng trai trẻ, những người tuổi vừa đủ để thoát tham gia cuộc chiến tranh, lượn lờ quanh sàn nhảy. Họ tự tin và biết họ muốn gì, thế giới của họ có một khởi đầu rõ ràng và một mục tiêu rõ ràng: sự thành công. Họ sẵn sàng hơn chúng tôi nhiều, mặc dù họ trẻ hơn.

Tôi phát hiện trong đám người đang khiêu vũ cô thợ may nhỏ nhắn duyên dáng, người đã cùng tôi giành giải điệu nhảy one-step. Tôi mời cô

nhảy một bài valse, và sau đó chúng tôi ở lại bên nhau. Mấy hôm trước tôi mới nhận lương, nên lúc này tôi mua vài chai rượu vang đỏ ngọt ngào.

Chúng tôi uống từ từ, và càng uống, tôi càng cảm nhận một nỗi buồn kỳ lạ.

Albert đã từng nói gì nhỉ? Cần có một người, một người thuộc về mình.

Tôi trầm ngâm lắng nghe câu chuyện phiếm của cô gái, còn cô riu rít như một con chim én kể về đồng nghiệp, về tiền công may đồ lót, về những điệu nhảy mới và cả ngàn những chuyện linh tinh khác. Cô sẽ rất hài lòng nếu công may mỗi món đồ lót được tăng thêm hai mươi xu, như thế cô có thể đi nhà hàng ăn trưa. Tôi ghen tị với cuộc sống đơn giản, rõ ràng của cô và cứ hỏi cô mãi. Tôi muốn hỏi từng người đang cười và vui vẻ ở đây, xem họ sống ra sao. Biết đâu lại gặp đúng người có thể kể tôi nghe điều gì đó giúp được tôi.

Sau đó tôi tiễn Chim Én nhỏ về nhà. Cô sống trên tầng áp mái của một khu nhà cho thuê xám xịt. Chúng tôi dừng lại ngoài cổng. Tôi cảm nhận hơi ấm của bàn tay cô trong tay mình. Gương mặt cô sáng mờ trong bóng tối. Một gương mặt người, một bàn tay, trong đó là hơi ấm và cuộc sống. "Cho anh đi lên cùng nhé," tôi nói vội vàng, "cho anh lên cùng với..."

Chúng tôi thận trọng nhón bước đi lên cầu thang cọt kẹt. Tôi đánh một que diêm, nhưng cô thổi tắt nó ngay, nắm lấy tay tôi và kéo tôi theo sau.

Một căn phòng hẹp. Một cái bàn, một cái ghế sofa màu nâu một cái giường, một vài bức ảnh trên tường, máy may trong góc phòng, một con ma nơ canh tết bằng lau sậy, và một giỏ đồ lót trắng đang may dở.

Cô gái nhỏ nhanh nhẹn mang ra một cái bếp cùn và đun trà từ vỏ táo với lá trà đã pha qua mùi nước sau đó lại được sấy khô. Hai tách trà, một gương mặt nhỏ tươi cười hơi tinh nghịch, một chiếc váy xinh màu xanh lơ đến nao lòng, sự nghèo khó thân thiện của căn phòng, và Chim Én nhỏ với

tài sản duy nhất của cô là tuổi trẻ... Tôi ngồi xuống ghé sofa. Tình yêu bắt đầu như thế này sao? Dễ dàng và như một trò chơi? Hẳn người ta phải nhảy qua chính mình thôi.

Chim Én đáng yêu, hẳn việc ai đó đến ôm cô vào lòng rồi sau đó bỏ đi cũng thuộc về cuộc sống nhỏ của cô; cái máy may quay ro ro, người khác lại đến, Chim Én cười, Chim Én khóc và rồi lại may, may mãi... Cô phủ một tấm chăn nhỏ sặc sỡ lên cái máy may, biến nó từ một công cụ làm việc bằng sắt thép thành một đôi hoa lụa xanh đỏ. Cô không muốn gọi nhớ đến ban ngày, cô nép mình trong vòng tay tôi và trò chuyện, cô khẽ ngân nga và lẩm bẩm và hát trong tấm váy mỏng của mình, cô rất mảnh khảnh và nhợt nhạt, hơi thiếu ăn một chút, và nhẹ đến nỗi dễ dàng bế cô sang giường, một cái giường sắt dã chiến, vẻ mặt cô thật ngọt ngào khi dang hiển, khi cô bám vào cổ tôi, khi cô thở dài và mỉm cười, một đứa trẻ với đôi mắt nhắm nghiền, cô thở dài và run rẩy, và lấp bắp gì đó, cô hít thở sâu và kêu lên khe khẽ, tôi nhìn cô, tôi nhìn cô không rời mắt, tôi cũng muốn được như vậy và im lặng tự hỏi: là đây sao... là đây sao?... rồi sau đó Chim Én gọi tôi bằng đủ những cái tên mỹ miều, và e thẹn, và dịu dàng nép sát vào tôi, rồi khi tôi hỏi trước khi ra về: "Em có thấy hạnh phúc không, Chim Én?" thì cô hôn tôi nhiều lần, nhắm mắt, vẫy tay và gật đầu, gật gật đầu...

Còn tôi đi xuống cầu thang, lòng đầy ngạc nhiên. Cô ấy hạnh phúc...

sao lại nhanh như thế. Tôi không hiểu. Chẳng phải cô ấy vẫn cứ là một con người khác, có một cuộc sống riêng, cuộc sống mà tôi không bao giờ có thể thâm nhập vào hay sao? Chẳng phải cô ấy vẫn cứ sẽ nguyên như vậy, ngay cả nếu tôi có tất cả sự cháy bỏng của tình yêu? Ôi, tình yêu... một ngọn đuốc rơi xuống vực thẳm chỉ để soi thấy vực sâu đến thế nào.

Tôi đi qua các đường phố, về phía ga xe lửa. Không, không phải là nó, vẫn không phải. Càng thấy cô đơn hơn bao giờ hết...

III.

Vòng tròn ánh sáng đèn rơi xuống mặt bàn. Trước mắt tôi là chồng vở màu xanh. Lọ mực đỏ nằm bên cạnh. Tôi lần lượt xem từng cuốn vở, gạch dưới các lỗi, kẹp tờ giấy thấm vào và gập cuốn vở lại.

Rồi tôi đứng dậy. Cuộc sống là thế này sao? Là cái sự đều đều tẻ ngắt từng ngày từng giờ này? Về cơ bản chẳng lấp đầy được bao nhiêu! Vẫn còn quá nhiều thời gian để nghĩ ngợi. Tôi đã hy vọng nhịp sống đều đặn sẽ làm mình tĩnh tâm lại. Vậy mà nó chỉ làm tôi thêm bồn chồn. Những buổi tối ở đây sao mà dài đến vậy!

Tôi đi qua hành lang nông trại. Những con bò thở phì phì và giậm vó trong bóng tối nhập nhoạng. Máy cô hầu gái ngồi trên những chiếc ghế đầu thấp bên cạnh chúng để vắt sữa. Mỗi cô ngồi riêng rẽ cứ như trong một căn buồng nhỏ, mà vách tường hai bên là những thân bò khoang đen tạo thành. Những ngọn đèn nhỏ nhấp nháy phía trên họ trong khu chuồng ẩm áp mờ hơi, những dòng sữa mảnh phun vào những cái xô, và ngực các cô gái cũng đung đưa dưới làn váy yếm màu xanh. Họ ngẩng đầu lên, mỉm cười và hít thở, phô ra hàm răng trắng khỏe mạnh. Mắt họ lấp lánh trong bóng tối. Mùi cỏ khô và gia súc nồng nồng.

Tôi đứng ở cửa một lúc, rồi quay về phòng. Những cuốn vở màu xanh nằm dưới cái đèn. Chúng vẫn sẽ luôn nằm đó... Phải chăng tôi cũng sẽ ngồi đây mãi cho đến già và cuối cùng là chết?

Tôi muốn đi ngủ. Mặt trăng màu đỏ từ từ trôi qua nóc kho chứa cỏ, in bóng cửa sổ lên sàn nhà, một hình chữ nhật xiên xiên với chữ thập bên trong, càng nhích lên cao càng không ngừng biến đổi. Sau một giờ, nó trườn lên giường tôi, và cái bóng chữ thập bò lên ngực tôi. Tôi nằm trên

một cái giường nông dân lớn, nệm vải kẻ ca rô xanh đỏ, và không sao ngủ được. Thi thoảng hai mắt tôi díp lại, tôi chìm nhanh vào một không gian vô tận... nhưng cứ vào khoảnh khắc cuối cùng thì một nỗi sợ hãi đột ngột trỗi dậy lại lôi tôi về trạng thái tỉnh, và tôi tiếp tục nghe tiếng chuông đồng hồ nhà thờ điểm từng giờ, tôi lắng nghe, chờ đợi và thao thức trần trọc.

Cuối cùng tôi đành trở dậy, mặc lại quần áo. Rồi tôi trèo ra ngoài cửa sổ, kéo con chó theo sau, chạy ra thảo nguyên. Trăng sáng, gió ù ù bên tai và thảo nguyên trải rộng bao la. Con đường sắt cắt ngang qua bóng tối.

Tôi ngồi dưới một bụi cây đỗ tùng. Lát sau tôi thấy những dây đèn hiệu đường sắt bừng sáng lên. Chuyến tàu đêm đang đến. Đường ray bắt đầu khe khẽ rít lên tiếng kim loại. Các đèn pha của đầu máy xe lửa nhấp nháy ở phía chân trời, đuổi theo làn sóng ánh sáng phía trước nó. Đoàn tàu lướt qua với những ô cửa sổ sáng đèn, trong một khoảnh khắc các khoang tàu với những chiếc va li và những số phận thật là gần, sau đó chúng tiếp tục lao đi, những thanh ray lại sáng lấp lánh trong màn đêm ẩm ướt, và từ xa chỉ thấy ngọn đèn màu đỏ ở cuối con tàu như một con mắt lửa đang trừng trừng dọa dẫm.

Tôi thấy mặt trăng sáng hơn và chuyển màu vàng, tôi đi xuyên qua bóng đêm nhập nhoạng màu xanh lam, những giọt nước mưa từ trên các tán cây rơi xuống cổ tôi, tôi vấp vào rễ cây và những hòn đá, và khi tôi quay về thì ban mai đã xam xám màu chì. Đèn trong phòng vẫn sáng... Tôi tuyệt vọng nhìn quanh căn phòng... Không, tôi không thể chịu nổi, phải già hơn hai mươi tuổi nữa may ra tôi mới chấp nhận cuộc sống này.

Mệt mỏi và kiệt sức, tôi cố cởi quần áo. Tôi không cởi nổi. Nhưng khi ngủ thiếp đi, tôi vẫn siết chặt hai nắm tay... Tôi không muốn buông xuôi...

Tôi vẫn không muốn đầu hàng... Sau đó, tôi lại chìm nhanh vào một không gian vô tận và thận trọng trườn lên phía trước. Chậm chạp, nhích

từng xen ti mét. Mặt trời thiêu đốt các triền đồi vàng rực nở đầy hoa kim tước, không khí nóng và yên ả, những quả khinh khí cầu và những đám khói trắng của đạn cao xạ lừng lờ nơi chân trời. Trước mũi sắt của tôi phát phơ những cái cánh màu đỏ của một bông hoa anh túc.

Có tiếng lạo xạo rất khẽ, gần như không nghe thấy từ sau bụi cây đôi diện. Rồi lại yên ắng. Tôi chờ đợi. Một con cánh cam màu xanh lá cây óng ánh đang leo lên nhánh cúc trước mặt tôi. Hai cọng râu dò dẫm những chiếc lá răng cưa. Lại một tiếng động nhẹ thổi qua buổi trưa yên tĩnh. Giờ đây một vành mũi sắt nhô ra từ sau bụi cây. Bên dưới là một vàng trán, cặp mắt sáng, cái miệng mím chặt... Đôi mắt sẫm soi lướt qua toàn bộ khung cảnh rồi trở lại trên cuốn sổ trắng. Người đàn ông mãi ký họa nông trang phía trước, không mảy may biết đến sự có mặt của tôi.

Tôi rút quả lựu đạn ra. Loay hoay mất một lúc. Cuối cùng nó đã nằm cạnh tôi. Tôi rút chốt bằng tay trái và đếm thầm. Rồi tôi quăng nó bay thẳng vào bụi cây mâm xôi và nhanh chóng tụt trở xuống cái hố của mình, ép người sát xuống đất, chúi mặt vào đám cỏ và há hốc miệng.

Tiếng nổ xé toang bầu không khí, mảnh lựu đạn rít trong không trung, một tiếng thét rống lên, kéo dài, điên dại vì kinh hoàng. Tôi cầm sẵn quả lựu đạn thứ hai trong tay và từ trong chỗ nấp ghé mắt nhìn ra. Tay lính người Anh giờ đang nằm tênh hênh trên mặt đất, hai bắp chân đã bị tiện bay, máu tuôn xối xả. Hắn ta nằm sấp, dải xà cạp xoắn dài phía sau như cuộn băng buộc lỏng bị tuột, hai cánh tay khua loạn xạ như đang bơi trong đám cỏ, miệng ngoác to la hét.

Hắn lăn lộn và nhìn thấy tôi. Chông tay, rướn người lên như một con hải cẩu, hắn gào lên với tôi và máu vẫn tiếp tục tuôn... Sau đó gương mặt đang đỏ tía dần tái đi và co rúm lại, ánh nhìn vỡ vụn, mắt và miệng chỉ còn là những cái hốc đen ngòm của một gương mặt đang phân hủy, từ từ chúi

xuống đất, gục chìm vào trong bụi cúc. Xong việc.

Tôi nhoai người lên và toan bò về chiến hào của chúng tôi. Nhưng tôi ngoái lại lần nữa... thì người chết đột nhiên sống lại, hăn nhòm dậy như muốn đuổi theo... Tôi rút chốt quả lựu đạn thứ hai và ném thẳng vào hăn.

Quả lựu đạn rơi xuống cách hăn một mét, lăn sang bên, nằm lại... Tôi đếm và đếm... Sao nó không nổ? Lúc này xác chết đã đứng dậy, nhe răng ra, tôi ném quả lựu đạn tiếp theo... cũng không nổ... Giờ đây hăn đã bước được vài bước, bước đi trên hai cái chân cụt, cười nhả nhổ gờ tay về phía tôi...

Tôi ném quả lựu đạn cuối cùng... Nó bay trúng ngực hăn, nhưng hăn gạt phăng đi... Thế là tôi nhóm người dậy để chạy trốn, nhưng hai đầu gối không chịu nghe tôi, chúng mềm nhũn như bơ, vô cùng chậm chạp tôi kéo lê chúng về phía trước, người tôi cứ dính chặt vào đất, tôi lê lét, cố nhào mình về phía trước, đã nghe tiếng thở hồng hộc của kẻ truy đuổi, tôi đưa cả hai tay kéo đôi chân tê bại của mình... Nhưng từ phía sau hai bàn tay đã nắm lấy cổ tôi, ghì tôi ngửa ra sau, rồi xác chết quỳ trên ngực tôi, kéo dây xà cạp lòng thòng ra khỏi bãi cỏ và quấn quanh cổ tôi. Tôi cố né đầu đi, căng mọi cơ bắp lên, vật người qua bên phải để thoát khỏi thòng lọng... Thì đây, một cú giật, một cơn đau nghệt thờ ở cổ, và xác chết kéo lét tôi đi, đến bên miệng hố vôi, hăn đẩy tôi lăn xuống. Tôi mất thăng bằng và cố bám lại, rồi trượt, rơi tự do, la hét, không ngừng rơi, la hét, va đập, la hét...

Bóng tôi bị nghiền vỡ thành từng tảng dưới đôi tay cào bới của tôi có gì đó rơi lách cách nhẹ xuống bên cạnh, tôi va vào đá những góc nhọn, sắt, tiếng thét không thể kìm nén bật ra từ trong tôi, nghe chói tai, tôi không thể dừng nó lại, có những tiếng gọi xen vào, ai đó túm hai cánh tay tôi, tôi hát ra, ai đó vấp lên người tôi, tôi chộp được một khẩu súng trường, mò được chỗ nấp, kê vào vai, bóp cò súng, miệng vẫn la hét, rồi một tiếng gọi sắc

như mũi dao đâm xuyên qua mớ bông bong...

"Birkholz"... rồi lại... "Birkholz"... Tôi nhảy lên, tiếp viện đến rồi đây, tôi phải vượt qua vòng vây, tôi xông ra khỏi chỗ nấp cắm đầu chạy, bị một cú nện vào đầu gối, ngã nhào vào một cái hố êm, ngập trong ánh sáng, ánh sáng chói gắt, nhấp nháy "Birkholz"... "Birkholz"... Chỉ còn tiếng hét của tôi vang lên trong phòng... đột nhiên im bật... trước mặt tôi là ông chủ nông trại và bà vợ. Tôi nằm nửa trên giường, nửa dưới đất, một anh đầy tớ đang hì hụi nâng tôi dậy, tay tôi nắm khur khur một cây gậy như khẩu súng, tôi chắc mẫm mình đang bị chảy máu chỗ nào đó, nhưng rồi nhận ra chỉ là con chó đang liếm tay mình.

"Thầy giáo," bà chủ nhà run rẩy hỏi, "cậu làm sao vậy?"

Tôi không hiểu gì cả. "Sao cháu lại ở đây?" tôi hỏi bằng giọng khàn khàn.

"Kìa thầy giáo... tỉnh lại đi... cậu ngủ mơ rồi."

"Mơ sao..." tôi nói, "cháu ngủ mơ thật sao?"

Và tôi bỗng phá lên cười, cười rung cả người, cười đến đau bụng, cười...

Nhưng đột nhiên cơn buồn cười trong tôi tắt ngấm.

"Là gã đại úy người Anh..." tôi thì thầm, "chính là cái gã hồi đó..."

Anh đầy tớ xoa xoa cánh tay bị cào xước của mình. "Thầy giáo, anh đã mơ ngủ, lăn cả ra khỏi giường," anh ta nói, "anh chẳng nghe thấy gì sất và suýt nữa đã đánh chết tôi."

Tôi không hiểu anh ta nói gì, chỉ cảm thấy vô cùng mệt mỏi và khôn khổ. Rồi tôi nhìn thấy cây gậy trong tay. Tôi bỏ nó ra và ngồi lên giường.

Con chó nép mình vào đầu gối tôi.

"Cho cháu xin một ly nước, mẹ Schomaker," tôi nói, "rồi bác hãy đi ngủ tiếp đi..."

Nhưng chính tôi không nằm lại nữa, mà trùm chăn ngồi lì bên bàn.

Tôi để đèn sáng.

Tôi ngồi như vậy rất lâu, im lặng, mắt nhìn trống rỗng, chỉ những người lính mới có thể ngồi như thế khi họ ở một mình. Một lúc sau tôi bắt đầu lo lắng và cảm giác như có ai đó trong phòng. Tôi cảm nhận khả năng nhìn và thấy đang trở lại với đôi mắt mình một cách chậm chạp, chẳng cần tôi phải cố gắng. Khi tôi nhướn mi mắt lên một chút, tôi thấy mình đang ngồi đối diện cái gương treo trên bồn rửa mặt nhỏ. Từ mặt hơi gương hơi lượn sóng, một khuôn mặt với đầy bóng đen và hai hốc mắt tối sẫm đang chăm chăm nhìn tôi. Khuôn mặt của tôi...

Tôi đứng dậy, tháo gương xuống và đặt nó trong góc phòng quay mặt kính vào tường.

Trời sáng. Tôi đi bộ đến lớp. Bọn trẻ đã khoanh tay ngồi ngay ngắn ở đó. Trong những đôi mắt to tròn của chúng vẫn nguyên vẹn vẻ ngạc nhiên rụt rè của tuổi thơ. Chúng nhìn tôi thật tin cậy và tôn sùng, đến nỗi tôi bỗng cảm thấy đau nhói trong tim.

Tôi đứng đây trước các em, là một trong hàng trăm ngàn những kẻ lụn bại, những kẻ đã bị chiến tranh phá nát mọi niềm tin và gần như toàn bộ sức mạnh... Tôi đứng đây trước các em và cảm thấy các em nhiều sức sống và gắn kết với cuộc đời hơn tôi biết bao... Tôi đứng đây trước các em, là thầy giáo, là người dìu dắt các em. Tôi nên dạy các em cái gì đây? Tôi có nên nói với các em rằng hai mươi năm nữa các em sẽ trở nên khô cứng và què quặt, cằn cỗi trong những bản năng tự do nhất và bị ép vào khuôn mẫu một cách không thương tiếc như một mặt hàng sản xuất hàng loạt?

Tôi có nên kể với các em rằng mọi thứ giáo dục, mọi thứ văn hóa và khoa học chẳng là gì ngoài một sự nhạo báng khủng khiếp, chừng nào con người vẫn còn nhân danh Chúa và nhân loại tiến hành các cuộc chiến tranh

bằng hơi độc, sắt thép, thuốc súng và lửa? Tôi nên dạy các em cái gì đây, các em nhưng tạo vật bé bỏng, các em, những người duy nhất còn trong sạch trong những năm tháng đáng sợ này?

Tôi có thể dạy cho các em cái gì đây? Nói cho các em biết cách rút chốt lựu đạn và quăng vào những người khác chẳng? Chỉ cho các em cách đâm người bằng lưỡi lê, đập chết người bằng báng súng, xẻ đôi người bằng xẻng chẳng? Tôi có nên làm mẫu cho các em cách chĩa nòng súng vào một tạo vật tuyệt vời như một lồng ngực đang thở, một lá phổi đang phập phồng, một trái tim đang đập? Tôi có nên giải thích cho các em thế nào là liệt vì uốn ván, là tủy sống đứt lìa, là hộp sọ vỡ toác? Tôi có nên tả cho các em óc bắn tung tóe, xương tan từng mảnh, ruột lòi cả đồng trông như thế nào? Tôi có nên mô phỏng cho các em tiếng người rên rỉ khi đạn bắn lưng bụng, khò khè hóp hơi khi phổi bị trúng thương, và rít lên khi đạn xuyên vào đầu? Tôi không biết gì hơn! Tôi không được học gì hơn!

Tôi có nên dẫn các em đến bên tấm bản đồ màu lá cây và xám xịt kia, lướt ngón tay trên đó và nói với các em rằng chính tại nơi đây tình yêu đã bị giết chết? Tôi có nên giải thích cho các em rằng những cuốn sách các em đang cầm trong tay kia chính là những tấm lưới mà người ta giăng ra để nhử những tâm hồn trong trắng của các em vào bụi rậm của những ngôn từ sáo rỗng và hàng rào thép gai của những khái niệm giả tạo?

Tôi đứng đây trước các em, một kẻ bị vấy bẩn, đầy tội lỗi, và chỉ xin các em: hãy cứ là mình như các em lúc này, đừng để ánh sáng âm áp của tuổi thơ bị lạm dụng trở thành ngọn lửa độc ác của thù hận! Trên vầng trán của các em vẫn phủ ánh sáng của sự trắng trong... làm sao tôi có thể đang tâm dạy dỗ các em chứ! Phía sau tôi những bóng ma đẫm máu của quá khứ vẫn đang săn đuổi... làm sao tôi lại dám đứng giữa các em? Chẳng phải trước tiên tôi cần trở lại làm người đã hay sao?

Tôi cảm thấy một cơn co thắt lan tỏa bên trong, tưởng như tôi đang hóa đá và sẽ vỡ vụn ra từng mảnh. Tôi từ từ buông mình xuống ghế và hiểu rằng mình không thể ở lại đây thêm nữa. Tôi cố nắm bắt một cái gì đó, nhưng tôi không thể. Phải một lúc sau, mà đối với tôi dường như dài vô tận, cảm giác tê cứng mới mất đi. Tôi đứng dậy. "Các em," tôi nói một cách khó khăn, "các em có thể ra về. Hôm nay nghỉ học."

Lũ trẻ nhìn tôi, xem liệu tôi có đùa không. Tôi gật đầu lần nữa. "Phải, thật đây... hôm nay hãy đi chơi đi... chơi cả ngày... vào rừng mà chơi... hoặc chơi với lũ chó mèo của các em... ngày mai các em mới cần quay lại trường..."

Thế là bọn trẻ ném ào ào hộp bút vào ba lô, ríu rít nhón nháo chen nhau chạy ra ngoài, vội đến không kịp thở.

Tôi đóng gói đồ đạc của mình rồi đi sang làng bên để chào tạm biệt Willy. Cậu ta mặc áo cộc tay, tựa lưng vào cửa sổ, đang tập kéo đàn vĩ cầm bài *Tất cả tươi mới bởi mùa xuân*. Trên bàn là bữa ăn sáng thịnh soạn.

"Bữa thứ ba của tờ ngày hôm nay đấy," cậu ta mẫn nguyện tuyên bố.

"Tớ phát hiện mình có thể chén đấy để dự trữ như một con lạc đà."

Tôi nói với cậu ta rằng tôi muốn đi khỏi đây tối nay. Willy không phải loại người hay hỏi nhiều.

"Tớ muốn nói với cậu điều này, Ernst," cậu ta trầm tư bảo. "Ở đây đúng là nhàm chán... nhưng chừng nào tớ còn được nuôi ăn như vậy," cậu ta chỉ bàn thức ăn, "thì đến mười con ngựa cũng không kéo nổi tớ ra khỏi cái chuồng Pestalozzi[1] này đâu."

Nói đoạn cậu ta lôi từ dưới gầm ghế sofa ra một thùng bia.

"Nguồn sức mạnh!" cậu ta mỉm cười và giơ nhãn bia lên soi dưới ánh đèn.

Tôi nhìn cậu ta hồi lâu. "Chà, Willy à, tớ ước giá mình cũng được như

cậu!" sau đó tôi thốt lên.

"Tớ cũng nghĩ vậy," cậu ta cười mỉm và bật một cái nút chai.

Khi tôi đi ra ga, có hai bé gái miệng còn dính đồ ăn, bím tóc thắt nơ phấp phới chạy đến từ ngôi nhà bên cạnh. Chúng vừa chôn một con chuột chũi chết ở trong vườn và cầu nguyện cho nó. Lúc này chúng nhún chân chào và bắt tay tôi. Tạm biệt thầy giáo ạ!"

1. Johann Heinrich Pestalozzi (1746 - 1827) là nhà giáo dục người Thụy Sĩ.

(N. D.)

CHƯƠNG SÁU .

I.

"Ernst, cha cần nói chuyện với con," cha tôi nói. Tôi đã biết ngay là chuyện gì rồi. Suốt mấy ngày nay ông đi đi lại lại với vẻ mặt E lo lắng và xa xôi bóng gió này kia. Nhưng cho tới giờ tôi toàn lĩnh khỏi ông, vì ít khi tôi ở nhà.

Chúng tôi đi vào phòng của tôi. Ông ngồi xuống ghế sofa và trông đầy phiền muộn.

"Cha và mẹ lo lắng về tương lai của con, Ernst ạ."

Tôi lấy hộp xì gà từ kệ sách và mời ông. Gương mặt ông tươi tỉnh lên một chút, bởi vì xì gà ngon... Tôi nhận nó từ Karl, mà Karl thì không hút loại thuốc lá dễ gai.

"Có thật con đã bỏ công việc dạy học rồi không?" cha tôi hỏi.

Tôi gật đầu.

"Tại sao con phải làm vậy?"

Tôi nhún vai. Biết giải thích thế nào cho cha đây? Chúng tôi là hai con người hoàn toàn khác nhau và sở dĩ cho đến tận bây giờ cha con vẫn có vẻ rất hiểu nhau là vì chúng tôi hầu như chẳng hiểu gì về nhau cả.

"Thế bây giờ con sẽ làm gì đây?" ông hỏi tiếp.

"Thì việc gì đó," tôi nói, "cũng chẳng quan trọng mà."

Ông nhìn tôi choáng váng và sau đó bắt đầu nói về một nghề tốt, được trọng vọng, về sự thăng tiến và địa vị trong cuộc sống.

Tôi lắng nghe ông, vừa cảm động vừa buồn chán, bụng nghĩ thật kỳ lạ là người đàn ông đang ngồi trên ghế sofa này lại là cha tôi, người trước kia đã từng nắm quyền điều khiển cuộc sống của tôi. Tuy nhiên ông đã không

thể bảo vệ tôi trong những năm tháng ngoài mặt trận, ông đã không thể giúp tôi dù là trong doanh trại, nơi mỗi viên hạ sĩ quan đều mạnh hơn ông. Tôi đã phải vượt qua mọi thứ một mình, dù tôi có cha hay không thì cũng thế cả.

Đợi cha nói hết, tôi rót cho ông một ly cognac.

"Cha ạ," tôi nói và ngồi xuống bên cạnh ông, "có thể cha đúng.

Nhưng con đã học được cách sống trong một cái lỗ dưới đất, với chút vỏ bánh mì và canh loãng. Có lúc chỉ cần chưa bị trúng đạn là con đã hài lòng lắm rồi. Đối với con, một cái lán cũ đã có vẻ xa xỉ và một bao rom ở chỗ nghỉ chân đã là cả thiên đường. Cha phải hiểu rằng nguyên việc con còn sống và sẽ không còn cảnh bắn giết nữa đã là quá đủ với con lúc này. Chút đồ ăn và thức uống con cần thì bằng cách nào đó con sẽ kiếm được thôi, còn những thứ khác thì cả đời con vẫn còn khối thời gian mà."

"Ừ, nhưng mà," cha tôi đáp, "đó có phải cuộc sống đâu con, chỉ là tồn tại không mục đích..."

"Còn tùy vào cách nhìn," tôi nói. "Con thì cho rằng cũng chẳng phải là sống nếu sau này con chỉ có thể kể được rằng: trong suốt ba mươi năm qua ngày nào tôi cũng đã đi đến đúng một lớp học đó hoặc đúng một văn phòng đó."

Cha tôi ngạc nhiên trả lời: "Cha cũng đi đến xí nghiệp bia các tông từ hai mươi năm nay, và cũng đã phấn đấu trở thành một người thợ cả độc lập đây thôi."

"Con không muốn phấn đấu gì cả, cha ạ. Con chỉ muốn sống."

"Cha cũng đã sống lương thiện," ông nói với chút tự hào, "không phải bỗng dưng mà cha được bầu làm thành viên nghiệp đoàn thợ thủ công."

"Cha nên mừng vì mọi thứ đối với cha dễ dàng như vậy," tôi nói.

"Nhưng con phải làm gì đó chứ," ông than thở.

"Con có thể tạm thời làm việc trong cửa hiệu của một chiến hữu, cậu ta đã đề nghị con," tôi nói để an ủi cha, "con sẽ kiếm đủ cho nhu cầu của mình."

Ông lắc đầu trách móc. "Và chỉ vì thế mà con từ bỏ vị trí công chức tốt như vậy sao?"

"Con đã phải từ bỏ nhiều thứ lắm rồi cha ạ!"

Ông buồn bã rít điếu xì gà. "Con đáng lẽ còn được hưởng lương hưu."

"Ôi giờ", tôi nói, "lính tráng chúng con có ai sống đến sáu mươi chứ?"

Trong xương chúng con tích nhiều thứ lắm, rồi sau này mới phát tác...

Chúng con chắc sẽ ngòm sớm thôi."

Dù muốn đến đâu, tôi cũng không hình dung nổi mình sẽ sáu mươi tuổi. Tôi đã nhìn thấy quá nhiều người chết ở tuổi đôi mươi. Tôi trầm ngâm hút thuốc và ngắm nhìn cha. Tôi vẫn luôn cảm thấy rằng đó đúng là cha tôi... nhưng ngoài ra ông cũng chỉ là một người đàn ông lớn tuổi đáng mến, thận trọng và mô phạm, và các quan điểm của ông chẳng còn chút ý nghĩa nào đối với tôi nữa. Tôi có thể tưởng tượng dễ dàng ông sẽ ra sao ngoài mặt trận; người ta hẳn sẽ luôn phải để mắt đến ông, và chắc chắn ông sẽ không bao giờ được phong hạ sĩ quan.

Buổi chiều tôi đến thăm Ludwig. Cậu ấy ngồi sau một đồng tờ rơi và sách vở. Tôi muốn tâm sự nhiều thứ, những điều đang đè nặng trong lòng mình, vì tôi cảm thấy có lẽ cậu ấy có thể chỉ ra cho tôi một con đường.

Nhưng hôm nay chính cậu ấy có vẻ lo lắng, bồn chồn. Chúng tôi nói chuyện linh tinh một lúc, rồi cậu ấy nói: "Giờ tớ phải đến bác sĩ đây."

"Lại vẫn kiệt lực à?" tôi hỏi.

"Không, vì cái khác."

"Cậu bị gì vậy. Ludwig?" tôi ngạc nhiên hỏi. Cậu ấy im lặng một lúc.

Môi cậu ấy run rẩy. Sau đó cậu ấy nói: "Tớ không biết"

“Tớ có nên đi với cậu không? Đằng nào tớ cũng không bận gì.”

Cậu ấy tìm chiếc mũ của mình. "Được rồi đi nào "

Trên đường, đôi lúc cậu ấy lén nhìn tôi từ bên cạnh. Cậu ấy có vẻ ủ rũ và lặng lẽ khác thường. Chúng tôi rẽ vào phố Cây Bò Đề và đi vào một ngôi nhà có khu vườn nhỏ tiêu điều với vài bụi cây. Tôi đọc bảng hiệu trắng men màu trắng ở cửa: "Bác sĩ Friedrich Schultz, chuyên về các bệnh da liễu, tiết niệu và sinh dục". Tôi dừng lại. "Có chuyện gì vậy, Ludwig?"

Cậu ta tái mặt nhìn tôi. "Đã có gì đâu, Ernst. Tớ từng bị mọc một cái nốt. Và bây giờ lại có cái gì đó sưng lên..."

"Nếu chỉ thế thôi thì không sao đâu, Ludwig," tôi thở phào nhẹ nhõm. "Tớ đã từng nổi những cái nốt mới ghê chứ! To bằng đầu trẻ con nhé. Tại dám thực phẩm ăn liền đấy mà."

Chúng tôi bấm chuông. Một y tá trong bộ đồ màu trắng mở cửa cho chúng tôi. Cả hai chúng tôi đều xấu hổ kinh khủng, mặt mũi đỏ dừ đi vào phòng chờ. Ở Chứa trong phòng chỉ có mỗi hai ghế. Một chồng tạp chí *Tuần lễ* nằm trên bàn. Chúng tôi lật xem qua. Chúng đã khá cũ. Chỉ có đến thời kỳ Hòa ước Brest-Litowsk[1].

1 Hòa ước Brest-Litowsk được ký ngày 3-3- 1918 giữa phe Liên minh Trung tâm và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô Viết Liên bang Nga.

Bác sĩ đi vào. Mắt kính của ông lấp lánh. Cánh cửa phòng khám bệnh phía sau lưng ông khép hờ. Có thể nhìn thấy qua khe hở một cái ghê bọc da có khung bằng ống niken, thực dụng và phản cảm đến khó chịu.

Thật nực cười là rất nhiều bác sĩ ưa đối xử với bệnh nhân như với con nít. Với đám bác sĩ nhỏ nhắn thì cách này thuộc chương trình đào tạo hẳn hoi, nhưng có vẻ như ở đây cũng áp dụng chiêu này.

"Nào anh Breyer," con rắn đeo kính làm trò, trước hết chúng ta hãy làm bạn với nhau chút đã nhỉ."

Ludwig đứng như một con ma, và nghẹn giọng. Có phải là..."

Bác sĩ gật đầu khích lệ. "Vâng, kết quả thử máu đã được trả về.

Dương tính. Bây giờ chúng ta sẽ quyết liệt tấn công cái lũ bất lương này."

"Dương tính," Ludwig lắp bắp, "như vậy tức là..."

"Phải," bác sĩ nói, "chúng ta phải tiến hành một liệu trình điều trị nhỏ."

"Có nghĩa là tôi mắc bệnh giang mai?"

"Phải."

Một con nhặng xanh vo vo bay qua phòng và đâm sầm vào cửa sổ.

Thời gian ngừng lại. Bầu không khí giữa những bức tường đặc quánh. Thế giới đã thay đổi. Nỗi sợ hãi khủng khiếp đã trở thành điều chắc chắn khủng khiếp.

"Liệu có thể có nhầm lẫn nào không?" Ludwig hỏi. "Không thể thử máu lần thứ hai sao?"

Bác sĩ lắc đầu. "Tốt hơn là bắt đầu chữa trị sớm. Đã là giai đoạn hai rồi."

Ludwig nuốt nước bọt. "Có thể chữa được không?"

Bác sĩ tươi tỉnh lên. Gương mặt ông ta gần như vui vẻ vì tin tưởng.

"Chắc chắn rồi. Trước hết sẽ tiêm mấy ống thuốc này trong nửa năm. Sau đó ta sẽ tiếp tục xem xét. Có thể sẽ chẳng cần làm gì thêm nữa. Bệnh giang mai bây giờ chữa được."

Bệnh giang mai... một từ nghe mà khiếp sợ, tựa hồ một con rắn đen dài ngoẵng.

"Anh bị ở mặt trận à?" bác sĩ hỏi. Ludwig gật đầu.

"Tại sao anh không điều trị ngay lập tức?"

"Tôi không biết nó là cái gì. Trước đây người ta chưa bao giờ nói với chúng tôi về những thứ này. Mà cũng khá lâu sau nó mới xuất hiện, trông

có vẻ vô hại. Rồi nó lại tự biến mất.”

Bác sĩ lắc đầu. "Vâng, đó là mặt trái của tấm huân chương " Ông ta nói không suy nghĩ.

Tôi chỉ muốn phang cho ông ta một ghế vào đầu. Liệu lão lang băm này có hiểu được cảm giác khi người lính có ba ngày phép đến Brussel và từ những hố bom, bùn lầy, bản thiêu, máu me đáp chuyến tàu đêm thẳng đến một thành phố với những con đường, những ngọn đèn, ánh sáng, những cửa hàng và những người phụ nữ, với những phòng khách sạn khang trang có bồn tắm trắng toát, nơi người ta có thể vỗ nước và rửa sạch mọi dơ bẩn, với tiếng nhạc du dương, những hàng hiên và rượu vang mạnh ướp lạnh; làm sao lão cảm nhận được sự quỳn rũ có trong màn sương xanh của buổi hoàng hôn trong một khoảnh khắc mong manh giữa sợ hãi và sợ hãi - nó như một khe hở giữa đám mây, như một tiếng kêu hoang dại của cuộc sống trong khoảng dừng ngắn ngủi giữa chết chóc và chết chóc. Ai mà biết được, có khi vài ngày nữa chính mình đã bị treo lủng lẳng trên dây thép gai với xương gãy lòi ra và gào rú, khát khô, chết dần...

Thôi thì nhấp thêm một ngụm vang mạnh, hít thêm một hơi thở và nhìn thêm một chút cái thế giới huyền ảo của những màu sắc đang chuyển động, những giấc mơ, những người phụ nữ và những thăm thì xúc động, những lời nói khiến cho dòng máu biến thành một đài phun nước đen nhánh mà bên dưới nó những năm tháng rác rưởi, nổi tức giận và sự vô vọng sẽ tan chảy thành một dòng xoáy reo ca ngọt ngào của ký ức và hy vọng.

Ngày mai cái chết sẽ lại ập tới cùng súng ống, lựu đạn, súng phun lửa, máu và sự hủy diệt... nhưng hôm nay vẫn có làn da mịn màng này, nó tỏa hương và mời gọi như chính cuộc sống, nó quỳn rũ không thể hiểu nổi: những cái bóng nơi gáy khiến ta ngây ngất, những cánh tay mềm mại... cái gì đó sột soạt, sáng lóe, đổ xuống và tuôn chảy, bầu trời cháy rực... Ai còn

đầu óc đầu đê nghĩ đến rằng trong tiếng thì thầm và những lọn tóc xoăn này, mùi hương này làn da này còn có một thứ khác rình rập, ần náu, rón rén, chờ đợi: bệnh giang mai... Có ai biết đến nó, và có ai muốn biết đến nó, có ai suy nghĩ điều gì xa hơn ngày hôm nay... Ngày mai có thể tất cả sẽ chấm dứt... Cuộc chiến tranh khốn kiếp đã dạy chúng tôi chỉ nhìn thấy và chộp lấy khoảnh khắc này "Bây giờ sao đây?" Ludwig hỏi.

"Bắt đầu chữa trị càng sớm càng tốt."

"VẬY thì làm luôn đi," Ludwig bình tĩnh nói. Cậu ấy đi cùng ông bác sĩ vào trong phòng khám.

Tôi ở lại trong phòng chờ và xé nát vài cuốn tạp chí Tuần lễ, những cuốn in đầy cảnh diễu binh, chiến thắng và những lời đầy khí phách của những mục sư cuồng chiến.

Ludwig quay ra. Tôi thì thầm với cậu ấy: "Đi đến một bác sĩ nữa, tay này chắc chắn vô dụng. Hắn chẳng biết quái gì đâu."

Cậu ấy phẩy tay mệt mỏi, và chúng tôi lặng lẽ đi xuống cầu thang.

Xuống bên dưới, cậu ấy bỗng quay mặt đi, nói gọn lỏn: "Thôi tạm biệt cậu..."

Tôi ngược nhìn lên. Ludwig đứng tựa vào lan can, hai nắm tay siết chặt thọc trong túi áo.

"Chuyện gì vậy?" tôi chột dạ hỏi.

"Tớ phải đi ngay bây giờ," cậu ấy đáp.

"VẬY ít nhất cũng chia cẳng cho tớ chứ," tôi ngạc nhiên nói.

Với đôi môi run rẩy, cậu ấy trả lời: "Cậu có lẽ không còn muốn chạm vào tớ, khi mà..."

Hoang mang và gầy gò, Ludwig đứng bên lan can cầu thang, vẫn cái tư thế cậu ấy thường tựa vào bờ chiến hào, với gương mặt buồn rầu và đôi mắt cụp xuống...

“Ôi, Ludwig, Ludwig, họ đang làm gì với bọn mình thế này... Tớ không chạm vào cậu sao, cậu, cái đồ đàn, cậu — đồ chó ngu ngốc, tớ chạm vào cậu đây này, tớ chạm vào cậu cả trăm lần...” tôi bị chọc tức đến nổi, chết tiệt, lúc này thậm chí chính tôi bật khóc, tôi là đồ con lừa, và tôi ôm lấy vai Ludwig, ghì chặt cậu ấy vào người và cảm nhận cậu ấy đang run lên bần bật... "Thôi nào Ludwig, tất cả đều là vớ vẩn, biết đâu ngay cả tớ cũng đã dính bệnh ấy chứ. Bây giờ hãy bình tĩnh đi, cái con rắn đeo kính trên kia chắc chắn sẽ làm mọi thứ ổn trở lại..." Nhưng cậu ấy vẫn run bần bật, run bần bật, và tôi giữ chặt cậu ấy.

II.

Người ta thông báo chiều nay sẽ có biểu tình trong thành phố. Từ nhiều tháng trở lại đây giá cả tăng vọt khắp nơi, và cảnh túng đói trở nên tệ hại còn hơn cả thời chiến tranh. Tiền lương không đủ để mua sắm những thứ cần thiết nhất, và ngay cả khi có tiền, bạn cũng thường chẳng thể mua được gì với số tiền đó. Vậy nhưng ngày càng mọc ra nhiều quán rượu và vũ trường, đầu cơ và lừa đảo cũng không ngừng tăng.

Những nhóm công nhân đình công rời rạc kéo nhau đi dọc các đường phố. Đây đó tụ lại thành những đám đông. Có tin đồn quân đội đã được lệnh tập trung trong doanh trại. Nhưng chưa thấy biểu hiện gì của việc này.

Những tiếng í ới to có nhỏ có vang lên. Ai đó đang diễn thuyết trong một góc phố. Nhưng bỗng chốc tất cả đều im lặng...

Một đoàn người trong những bộ áo lính chinh chiến bạc màu chậm chậm tiến lại gần. Họ đi theo hàng lối, luôn luôn bốn người một hàng. Dẫn đầu là những khẩu hiệu lớn được giương lên: "Lòng biết ơn của Tổ quốc đâu rồi?", "Thương bệnh binh đang chết đói".

Giương khẩu hiệu là những thương binh chỉ còn một cánh tay. Họ thường xuyên ngoái lại, xem đoàn người phía sau có theo kịp hay không.

Bởi vì họ đi nhanh nhất.

Ngay sau họ là những người dắt chó chặn cừu bằng những dây da ngắn. Đàn chó đeo hình chữ thập đỏ của người mù trên vòng cổ. Chúng chăm chú đi bên các ông chủ của mình. Khi đoàn người dừng, chúng sẽ lập tức ngồi xuống và những người mù đứng lại. Thỉnh thoảng những con chó ngoài phố vừa sủa vang vừa vẫy đuôi xông vào đoàn, muốn chơi đùa, vật lộn với chúng. Nhưng chúng chỉ ngoảnh đầu đi không quan tâm đến trò hít ngửi và

sủa ăng ăng đó. Dù tai chúng vẫn dỏng lên nghe ngóng và đôi mắt vẫn sống động, nhưng chúng chỉ thông thả bước, như thể chúng không bao giờ còn muốn chạy nhảy nữa như thể chúng nhận thức được chúng đang ở đây để làm gì. Chúng khác với những kẻ đồng loại kia cũng như các xơ giàu lòng nhân từ khác với các cô gái bán hàng vui vẻ. Những con chó ngoài phố cũng không cố gắng lâu; sau ít phút chúng quay đầu và bỏ chạy vội vàng như thể chúng đang chạy trốn thứ gì đó. Chỉ có một con chó săn to lớn đứng lại với hai chân trước choãi rộng, cất tiếng sủa chậm rãi, trầm trầm, ai oán, cho tới lúc cả đoàn đi qua nó...

Thật là lạ... Tất cả những người này đều mù do bị thương; do đó họ di chuyển khác với những người mù bẩm sinh. Họ mau lẹ hơn đồng thời thận trọng hơn với những cử chỉ vốn chưa có được sự tự tin của nhiều năm dài trong bóng tối. Trong họ vẫn còn sống động ký ức về màu sắc, bầu trời, trái đất và hoàng hôn. Họ cử động như thể họ vẫn có đôi mắt, vô tình ngẩng đầu và ngoảnh lại để nhìn người đang nói chuyện với mình. Một số đeo miếng che màu đen hoặc băng trên mắt, nhưng đa số đi mà không đeo gì, như thể không có chúng thì màu sắc và ánh sáng sẽ gần hơn một chút.

Hoàng hôn nhợt nhạt lấp lánh đằng sau những cái đầu cúi xuống của họ.

Trong các gian kính bày hàng, những ngọn đèn đầu tiên bắt đầu thấp sáng.

Nhưng họ hầu như không cảm nhận được không khí nhẹ nhàng và dịu mát của buổi tối trên trán mình... Với những đôi ủng nặng nề, họ chậm rãi đi xuyên qua cái bóng tối vĩnh cửu, trải rộng xung quanh họ như một đám mây, và những suy nghĩ của họ cứ dai dẳng và buồn bã leo lên leo xuống những con số nghèo nàn mà lẽ ra phải là bánh mì, sự chăm sóc và cuộc sống đối với họ nhưng lại vẫn chưa đủ sức vì quá ít ỏi. Đói khát và bần hàn

uể oải cựa quậy trong những khoang tối om của trí não họ. Bất lực và tràn ngập nỗi sợ hãi nặng nề, họ cảm nhận được sự cận kề của chúng, nhưng họ không thể nhìn thấy và cũng không thể làm gì chống lại chúng ngoài việc cùng nhau đi bộ chậm chạp qua các đường phố và ngẩng những gương mặt chết chóc từ bóng tối ra ánh sáng với lời khẩn cầu câm lặng tới những người khác, những người vẫn còn sáng mắt.

Đi sau những người mù là những người chột mắt, những gương mặt rách nát của đám người bị thương ở đầu, những cái miệng méo xệch, lồi lõm, những cái đầu mất hẳn mũi và hàm dưới, chỉ một vết sẹo đỏ lớn duy nhất phủ kín gương mặt, với vài cái lỗ ở những chỗ vốn trước kia là miệng và mũi. Nhưng bên trên sự tàn phá này là những cặp mắt người buồn bã, chất vấn, lặng câm.

Theo sau họ là hàng dài những thương binh cụt chân. Nhiều người mang chân giả, háp tấp xiêu vẹo bước đi, gõ lóc cóc trên đá lát đường, như thể toàn thân họ đều làm bằng sắt gắn những bản lề.

Sau đó đến những người bị chấn thương sọ não. Tay họ, đầu họ, quần áo họ, thân thể họ rung bần bật như thể họ vẫn đang run lên vì sợ hãi. Họ không đủ sức chế ngự chúng nữa, ý chí của họ đã bị dập tắt, các cơ bắp và dây thần kinh nổi loạn chống lại bộ óc, cặp mắt họ trở nên đờ đẫn và bất lực.

Những người chỉ còn một mắt và một tay đẩy những chiếc xe nhỏ bằng mây đan, trên phủ vải dầu, chở những thương binh nặng, những người từ nay chỉ còn có thể sống trên xe lăn. Giữa đám họ có vài người đang kéo một chiếc xe sàn phẳng, loại mà cánh thợ mộc vẫn dùng để vận chuyển khung giường và quan tài. Trên xe ngự một thân người. Hoàn toàn không có chân. Đó là phần thân trên của một người đàn ông lực lưỡng, chỉ có vậy thôi.

Anh ta có cái cổ chắc nịch và một gương mặt phương phi quả cảm với một bộ ria mép rậm. Anh ta có lẽ từng làm nghề đóng gói đồ gỗ. Bên cạnh anh ta có một tấm biển với dòng chữ xiêu vẹo chắc hẳn do chính anh ta viết: "Tôi cũng muốn tự bước đi lắm, hồi những người anh em". Người đàn ông ngồi với vẻ mặt nghiêm trang; chỉ đôi khi anh ta chống tay nâng mình cổ nhích một chút trên xe để thay đổi tư thế.

Đoàn diễu hành chậm rãi kéo qua các đường phố. Nó đi ngang chỗ nao, nơi đó trở nên im ắng. Một lần đoàn người phải dừng khá lâu ở góc phố Haken. Người ta đang xây ở đó một vũ trường mới rất lớn, và con phố bị chặn bởi hàng đống cát xi măng, giàn giáo. Giữa các giàn giáo phía trên cửa, biển tên đã sáng rực dòng chữ bằng đèn đỏ: "Astoria: Vũ trường và Bar". Chiếc xe kéo chở nửa thân người dừng lại đúng chỗ này chờ người ta dọn đi một số thanh sắt. Ánh sáng đỏ ối của tấm biển phủ lên người thương binh và tô gương mặt đang lặng lẽ ngắm nhìn của anh ta thành màu đỏ sẫm, như thể nó đang nở phồng lên vì quá đỗi say sưa và sẽ lập tức nổ tung như một tiếng thét kinh hoàng.

Nhưng sau đó đoàn người đi tiếp, và lại vẫn chỉ gương mặt của người thợ đóng gói đồ gỗ, xanh xao vì nằm quân y viện và vì ánh sáng nhợt nhạt của buổi tối, là mỉm cười biết ơn, khi một đồng đội nhét cho anh ta một điều thuốc vào giữa đôi môi. Những nhóm thương binh lặng lẽ kéo qua các đường phố, không hô hào, không phấn nộ, bình tĩnh, chỉ than thở, không đổ lỗi... Họ biết rằng ai không thể bán được nữa cũng sẽ chẳng còn mong được giúp đỡ nhiều. Họ sẽ đi đến tòa thị chính và đứng ở đó một lúc sẽ có vị thư ký nào đó ra nói chuyện với họ, rồi họ sẽ giải tán và ai lại trở về nhà nấy, về với những căn nhà chật chội, với những đứa con xanh xao và cảnh đói nghèo u ám, chẳng có nhiều hy vọng... Họ chỉ là tù nhân của cái số phận mà những kẻ khác đã gieo cho họ...

Càng tối muộn, thành phố càng bất an hơn. Tôi cùng Albert đi qua các con phố. Ở mỗi góc phố đều có những đám người tụ tập. Xung quanh có đủ loại tin đồn. Nghe nói quân đội đã đụng độ với một đoàn công nhân đang biểu tình.

Từ phía nhà thờ Marie đột nhiên vang lên tiếng súng nổ; thoát tiên chỉ đơn lẻ, sau đó là một tràng dài. Albert và tôi nhìn nhau, rồi chúng tôi chẳng nói chẳng rằng tiến về hướng có tiếng súng.

Mỗi lúc càng thêm đông người chạy ngược về phía chúng tôi. "Lấy vũ khí mau lên, lũ khốn nạn đang bắn," họ hét to. Chúng tôi bước nhanh hơn. Chúng tôi luôn lách giữa những đám người, chúng tôi chen lấn tiến lên và giờ đây chúng tôi đang chạy... Một sự kích động nguy hiểm, dữ tợn thúc đẩy chúng tôi lao về phía trước. Chúng tôi thở hổn hển. Tiếng súng tách tạch tăng lên.

"Ludwig!" tôi gọi.

Cậu ấy chạy bên cạnh chúng tôi. Môi cậu ấy mím chặt, xương hàm bạnh ra, đôi mắt lạnh lùng và căng thẳng... Cậu ấy lại mang về mặt của chiến hào. Albert cũng vậy. Tôi cũng thế. Chúng tôi đang chạy theo tiếng súng nổ như chạy theo một tín hiệu có sức lôi kéo ghê gớm.

Đám đông trước mặt chúng tôi vừa la hét vừa lùi lại. Chúng tôi lách lên trước. Đám phụ nữ kéo tạp dề che mắt và chạy tán loạn. Một tiếng thét giận dữ vang lên. Người ta đang kéo một người bị thương ra.

Chúng tôi chạy đến quảng trường chợ. Ở đó quân đội đã được triển khai quanh tòa thị chính. Những cái mũ sắt xám xám lấp loáng. Trước bậc tam cấp dẫn vào tòa thị chính lù lù một khẩu súng máy sẵn sàng nhả đạn.

Quảng trường trống không... Người ta chỉ chen chúc trên các nẻo đường dẫn tới đó. Có họa là điên mới bước tiếp. Khẩu súng máy đang thống trị cả quảng trường.

Nhưng có một người bước lên trước, hoàn toàn một mình. Đằng sau anh đám đông nhấp nhô tràn ra từ các con phố, sôi sục quanh các ngôi nhà và tụ lại với nhau thành những cụm tối đen. Người đàn ông đã tiến xa về phía trước. Đến chính giữa quảng trường, anh bước khỏi bóng tối của nhà thờ, đi ra chỗ có ánh trăng. Một giọng đanh và rõ ràng thét lên: "Lùi lại!"

Người đàn ông giơ hai tay lên. Trăng sáng vằng vặc, đến mức người ta thấy rõ cả hàm răng trắng ánh lên trong hốc miệng tối tối khi anh bắt đầu nói.

"Hỡi các đồng đội!"

Im lặng.

Giọng anh vang lên đơn độc giữa nhà thờ, giữa khối nhà đồ sộ của tòa thị chính và bóng tối, nó đơn độc bay trên quảng trường như con chim câu đang vỗ cánh.

"Hỡi các đồng đội, hãy bỏ vũ khí xuống! Chẳng lẽ các bạn muốn bắn vào anh em mình? Hãy bỏ vũ khí xuống và đến với chúng tôi!" Chưa bao giờ trăng sáng như thế. Những bộ quân phục trên các bậc thang tòa thị chính nom trắng như phấn. Các cửa sổ sáng lấp lánh. Một nửa cửa tháp nhà thờ được chiếu sáng trông tựa tấm gương bằng lụa màu xanh lục. Các bức tượng hiệp sĩ bằng đá bên cổng nhà thờ với mũ giáp và tấm che mặt lấp lóa nổi bật trên bức tường sập bóng.

"Lùi lại, hoặc sẽ nổ súng!" giọng nói ban nãy lạnh lùng ra lệnh. Tôi nhìn sang Ludwig và Albert. Đó là chỉ huy đại đội chúng tôi! Đó là giọng của Heel! Một sự căng thẳng nghẹt thở ôm siết lấy tôi, như thể tôi đang phải chứng kiến một cuộc hành quyết. Tôi biết: Heel sẽ ra lệnh nổ súng.

Khối người sẫm đen di chuyển trong bóng tối của những ngôi nhà rục rích và rì râm. Một khoảng thời gian vô tận trôi qua. Rồi hai người lính cầm súng rời khỏi các bậc thang đi đến chỗ người đàn ông đơn độc giữa quảng

trường. Thời gian tưởng như kéo dài vô tận cho tới lúc họ đến nơi, như thể họ đang giẫm chân tại chỗ trong bãi lầy xám xịt, những con búp bê vải lấp loáng giương ngang súng sẵn sàng nhả đạn. Người đàn ông bình thản chờ đợi. Khi họ tới gần, anh lại nói: "Các đồng đội..."

Họ tóm phía dưới cánh tay và lôi anh về phía trước. Người đàn ông không cưỡng lại. Họ tiếp tục lôi anh rất nhanh đến nỗi anh vấp dúi dụi. Từ phía sau vang lên những tiếng hét, đám đông rục rịch chuyển động, cả một con phố chậm chậm, lộn xộn tiến về phía trước. Giọng nói sang sảng ra lệnh: "Lùi lại ngay cùng với anh ta! Tôi hạ lệnh bắn!" Một loạt súng cảnh cáo vang lên trong không trung. Người đàn ông đột nhiên vùng thoát ra nhưng anh không chạy tháo thân, mà lao thẳng tới chỗ để súng máy.

"Đừng bắn, các đồng đội!"

Vẫn chưa có gì xảy ra, nhưng khi thấy người đàn ông không có vũ khí tiếp tục dấn thân, đám đông cũng tiếp tục tiến lên. Họ đang chen chúc trong một lối đi hẹp cạnh nhà thờ. Ngay khoảnh khắc sau đó, một mệnh lệnh bay trên quảng trường, tiếng nổ tạch tạch của súng máy vang lên, vọng lại nhiều lần từ những ngôi nhà, những viên đạn rít xé không trung rồi văng tung tóe xuống mặt đường.

Nhanh như chớp, chúng tôi lao về phía sau một khối nhà nhô ra.

Trong khoảnh khắc đầu tiên, một nỗi sợ hãi chó má, tê dại, hoàn toàn khác khi ở chiến trường, choán lấy tôi. Sau đó, nó biến thành cơn tức giận. Tôi còn nhìn thấy người đàn ông đơn độc ấy xoay người và ngã sấp về phía trước như thế nào. Tôi thận trọng ngó ra từ sau góc tường. Đúng lúc này anh cố gắng thử gượng dậy lần nữa, nhưng anh không làm được. Cánh tay anh từ từ gập lại, đầu gục xuống, và, tựa như anh đã vô cùng mệt mỏi, thân hình anh trượt dài xuống mặt đường... Khi đó cục nghẹn chặn ngang họng tôi tan ra. "Không!" tôi thét lên. "Không!"

Tiếng thét vang lên chói tai giữa những bức tường của các ngôi nhà.

Rồi tôi cảm thấy bị đẩy sang bên. Ludwig Breyer đứng dậy và đi qua quảng trường đến cái khối đen ngòm của thân chết.

"Ludwig!" tôi kêu lên.

Nhưng cậu ấy vẫn bước tiếp... bước tiếp... Tôi kinh hoàng trân trối nhìn cậu ấy.

"Lùi lại!" lại vang lên mệnh lệnh từ phía cầu thang tòa thị chính.

Ludwig dừng lại trong giây lát.

"Hãy tiếp tục ra lệnh bắn đi, thượng úy Heel!" cậu ấy gọi về phía tòa thị chính. Vừa gọi cậu ấy vừa tiến về phía trước và cúi xuống người nằm trên mặt đất.

Chúng tôi nhìn thấy một sĩ quan rời khỏi cầu thang. Không nhớ rõ bằng cách nào, chúng tôi đột nhiên đứng bên cạnh Ludwig và đợi người kia tới, vũ khí duy nhất mà ông ta cầm theo là một chiếc ba toong. Ông ta không hề do dự một giây, mặc dù lúc đó chúng tôi có ba người và có thể lôi cổ ông ta đi nếu chúng tôi muốn, vì những người lính của ông ta sẽ không dám bắn, sợ có thể trúng ông ta.

Ludwig đứng thẳng lên. "Chúc mừng ông, thượng úy Heel. Người này đã chết."

Một vệt máu chảy ra từ dưới áo của người chết và nhỏ xuống các rãnh nhỏ giữa những viên gạch lát đường. Cạnh bàn tay phải gầy gò vàng vọt thò ra từ ống tay áo, máu đã đọng lại thành vũng, lấp loáng một màu đen sẫm dưới ánh trăng.

"Breyer!" Heel nói.

"Ông có biết đó là ai không?" Ludwig hỏi. Heel nhìn cậu ấy và lắc đầu.

"Max Weil."

"Tôi đã muốn thả cậu ta đi." một lúc sau Heel nói, có chút trầm ngâm.

"Anh ấy đã chết," Ludvvig trả lời.

Heel nhún vai.

"Anh ấy là đồng đội của chúng ta," Ludwig nói tiếp.

Heel không đáp lời.

Ludwig lạnh lùng nhìn ông ta. "Làm sạch gọn lắm!"

Heel dường như sực tỉnh. "Vấn đề không phải chỗ đó " ông ta nói bình tĩnh, "mà là ở mục đích: để duy trì bình yên và trật tự."

"Mục đích ư?" Ludwig khinh bỉ đáp. "Ông biện bạch cho hành động của mình từ khi nào vậy? Mục đích! Ông cần việc làm... đó là tất cả! Lôi người của ông về đi, như thế sẽ không còn bắn giết nữa!"

Heel phác một cử chỉ nôn nóng. "Người của tôi sẽ ở nguyên vị trí.

Nếu rút về, ngày mai họ sẽ bị tấn công bởi một đội quân đông hơn gấp mười lần. Cậu tự biết rõ mà. Năm phút nữa tôi sẽ cho chặn mọi ngã đường.

Tới lúc đó các cậu có đủ thời gian đưa người chết đi khỏi đây."

"Mang anh ấy đi," Ludwig nói với chúng tôi. Sau đó, cậu ta quay lại Heel. "Nếu ông rút đi bây giờ, sẽ không ai tấn công ông. Nếu ông ở lại, sẽ lại có thêm người chết. Bởi tay ông! Ông có biết điều đó không?"

"Tôi biết," Heel lạnh lùng đáp.

Chúng tôi đứng đối diện nhau thêm một giây nữa. Heel lần lượt nhìn từng người chúng tôi. Đó là một khoảnh khắc kỳ lạ. Có cái gì đó đã vỡ tan.

Sau đó, chúng tôi nâng cơ thể bất động của Max Weil và mang anh đi. Các đường phố lại tràn ngập người. Khi chúng tôi đến gần, mọi người tách ra thành một lối đi rộng cho chúng tôi. Những tiếng hét bay lên: "Đồ chó săn! Lũ cảnh sát khát máu! Bọn giết người!" Máu nhỏ giọt từ lưng Max Weil.

Chúng tôi đưa anh đến ngôi nhà gần nhất. Hóa ra đó chính là Quán Hà Lan. Một số nhân viên y tế đã có mặt và đang băng bó hai người bị thương

nằm trên sàn nhảy. Một thiếu phụ đeo cái tạp dề thấm đẫm máu đang rên la và nằng nặc đòi về nhà.

Khó khăn lắm mới giữ được cô để đội băng ca và bác sĩ đến. Cô bị một vết thương ở bụng. Nằm bên cô là một người đàn ông vẫn còn mặc áo khoác lính cũ. Cả hai đầu gối của anh đều bị đạn xuyên qua. Chị vợ quỳ bên cạnh chồng mà than vãn: "Anh ấy có làm gì đâu kia chứ! Anh ấy chỉ tình cờ đi qua đó! Tôi vừa mới mang bữa tối đến cho anh ấy!" Chị chỉ vào chiếc cặp lồng tráng men màu xám. "Chỉ là bữa tối cho anh ấy..."

Các cô vũ công trong vũ trường của Quán Hà Lan đứng túm tụm trong một góc phòng. Người quản lý luống cuống chạy qua chạy lại hỏi xem liệu có thể chuyển những người bị thương sang nơi nào đó khác hay không. Việc kinh doanh của ông ta sẽ đi đời nếu chuyện này lan ra. Sẽ chẳng khách nào còn muốn đến đây nhảy nữa. Anton Demuth trong bộ đồng phục gác cổng óng ánh vàng đi lấy một chai cognac và đưa lên miệng người bị thương. Người quản lý kinh hãi nhìn và ra hiệu cho anh ta.

Nhưng Anton không thềm bận tâm. "Cậu có nghĩ rằng tôi sẽ vẫn giữ được hai chân không?" người bị thương hỏi. "Tôi làm nghề lái xe!"

Những chiếc cáng đã được mang đến. Bên ngoài lại vang lên những tiếng súng nổ rất đanh. Chúng tôi nhảy dựng lên. Tiếng gào thét, la ó và tiếp theo là tiếng kính vỡ loảng xoảng. Chúng tôi chạy ra ngoài. "Hãy lật đá lát đường lên!" ai đó thét và bỏ lười cuộc xuống mặt đường. Những cái nệm giương bị ném xuống, rồi những chiếc ghế, cả một cái xe đẩy trẻ con.

Phía quảng trường lập lòe súng nổ. Từ các mái nhà lúc này vang tiếng súng đáp trả.

"Tắt đèn đường đi!" Một người đàn ông nhảy lên phía trước và ném một viên gạch vào cái đèn. Ngay lập tức bóng tối ập xuống.

"Anh Kosole!" Albert hét. Chính là anh ấy. Valentin ở bên cạnh anh.

Như một cái xoáy nước, những tiếng súng đã hút tất cả bọn tôi lại một chỗ.

"Xông lên Ernst, Ludwig, Albert!" Kosole gầm lên. "Bọn lợn đó bắn cả vào phụ nữ!"

Chúng tôi nằm rạp trong những khung cửa các ngôi nhà đạn xé ngang tai, người người la hét; chúng tôi bị ngập lụt, bị cuốn đi, bị tàn phá, điên giân bởi cảm hờn, máu phun xuống mặt đường; chúng tôi lại trở thành lính, quá khứ lại tóm được chúng tôi, dữ dội và điên loạn; cuộc chiến tranh lại lướt trên chúng tôi, giữa chúng tôi, trong chúng tôi... Tất cả đã chấm dứt, tình đồng đội đã bị súng máy bắn thủng, những người lính bắn vào những người lính, đồng đội bắn vào đồng đội, mọi thứ đã kết thúc, kết thúc thật rồi!...

III.

Adolf Bethke đã bán căn nhà của mình và chuyển vào thành phố.

Khi anh đón vợ về lại nhà mình, mọi thứ diễn ra tốt đẹp một thời gian. Anh làm việc của anh, vợ anh làm việc của chị ấy, và có vẻ như cuộc sống sẽ yên ả trở lại.

Nhưng trong làng bắt đầu điều ồng tiếng ve. Hễ vợ anh có việc đi ra đường vào buổi tối là đủ chuyện đùa cợt bay theo sau chị; bọn trai làng đi ngược chiều tảo tợn cười vào mặt chị; đám đàn bà tay giữ váy nguây đi với ảm chỉ rõ ràng. Chị không bao giờ kể lại bất cứ điều gì cho Adolf. Nhưng chị sống thu mình lại và ngày càng trở nên xanh xao.

Với Adolf mọi thứ cũng chẳng khá hơn. Khi anh bước vào quán rượu, những cuộc chuyện trò im ả... Anh đến thăm ai đó, người ta tiếp đón với sự im ả ngại ngùng... Dần dần có người đã dám đặt những câu hỏi đầy ảm ý... Và trong những châu say sưa thế nào cũng có những lời bóng gió thô ả, đôi khi cả những tiếng cười nhạo báng hô hô sau lưng anh.

Anh không biết phải làm gì để chống lại; bởi tại sao anh phải nói cho cả làng nghe về điều chỉ liên quan đến một mình anh, và ngay cả ông mục sư cũng không chịu hiểu, ông ta nhìn anh dò xét sau cặp kính gọng vàng với vẻ ả bất mãn mỗi khi anh đi ngang qua. Chuyện này giày vò anh; nhưng Adolf cũng không bao giờ kể lại với vợ Họ sống bên nhau như vậy một thời gian, cho đến một tối chủ nhật họ có lũ vô lại dám trâng tráo gào những lời thô ả với vợ anh ngay trước mặt anh. Adolf nổi xung lên.

Nhưng vợ anh đã đặt tay lên cánh tay anh.

"Kệ chúng, chúng vẫn thường xuyên làm thế, đến nỗi em thậm chí chẳng thèm nghe nữa."

"Thường xuyên sao?" anh bỗng hiểu ra tại sao chị trở nên lặng lẽ như một cái bóng. Anh tức giận chồm lên định thộp cổ một trong những thằng láo lếu kia. Nhưng chúng đã kịp lui ra sau những tấm lưng đứng sát vào nhau của đồng bọn.

Họ quay về nhà và lặng lẽ lên giường nằm. Adolf nhìn chăm chăm vào khoảng không. Sau đó, anh nghe thấy tiếng thút thít bị kìm nén, rất khế. Vợ anh đang trèm chần khóc. Có lẽ chị vẫn thường nằm khóc như vậy trong khi anh ngủ. "Bình tĩnh nào, Marie," anh nói nhẹ nhàng, "cho dù tất cả bàn dân thiên hạ nói gì cũng kệ họ." Nhưng chị vẫn khóc. Anh cảm thấy bất lực và cô đơn. Bóng tối thù địch ẩn sau các cửa sổ, và cây cối rì rầm như những bà già ngồi lê đôi mách. Anh nhẹ nhàng ôm lấy vai vợ. Chị nhìn anh với gương mặt đầm nước mắt.

"Adolf, hãy để em đi khỏi đây, khi đó họ sẽ thôi đàm tiếu..."

Chị trở dậy, ngọn nến vẫn còn cháy, cái bóng to lớn của chị đung đưa qua cả căn phòng, trượt trên các bức tường, trong khi chị thật nhỏ bé và yếu ớt dưới ánh nến mờ hiu hắt. Chị ngồi ở thành giường, với tay lấy tất và chiếc áo cánh. Kỳ dị và to lớn, cái bóng cũng với tay ra, như một số phận cam lạng lên vào qua cửa sổ từ màn đêm đen kịt rình rập ngoài kia và giờ đây nó vừa lặp lại mọi cử chỉ của chị một cách kỳ cục, méo mó vừa khúc khích cười giễu cợt... như thể nó sắp vồ lấy con mồi của mình và tha ra màn đêm rì rào ngoài kia. Adolf chồm dậy, kéo những tấm rèm màu trắng che kín cửa sổ, làm như nhờ đó anh có thể che chắn căn phòng thấp lè tè của họ trước màn đêm đang giương cặp mắt cú vọ tham lam nhìn chăm chăm qua những ô cửa tối đen.

Chị đã đi xong bút tất và cầm lấy chiếc áo lót. Adolf đứng bên cạnh vợ. "Nhưng mà Marie " Chị ngược nhìn và buông tay xuống. Chiếc áo lót rơi xuống đất. Adolf nhìn thấy nỗi đau trong mắt vợ, nỗi đau của một tạo vật,

nỗi đau của con thú bị đánh đập, tất cả nỗi đau thể lương của những người không thể tự bảo vệ mình. Anh choàng tay ôm lấy đôi vai chị. Chị thật mềm mại và ấm áp. Tại sao người ta có thể nỡ ném đá vào chị, chẳng lẽ hai vợ chồng anh là những người không có thiện chí? Tại sao người ta cứ chà đạp và truy đuổi họ không thương tiếc như vậy? Anh kéo chị về phía mình, và chị thuận theo, chị vòng tay ôm cổ anh, tựa đầu vào ngực anh. Cả hai đứng run rẩy, trên người chỉ có manh áo ngủ, và cảm nhận lẫn nhau, người này muốn cứu rỗi mình trong hơi ấm của người kia, họ ngồi trên thành giường và nói rất ít, rồi khi bóng họ trên bức tường phía trước lại run rẩy vì bắc nển đã đổ nghiêng và ngọn lửa chập chờn muốn tắt, Adolf âu yếm kéo vợ nằm xuống giường, cử chỉ ấy có nghĩa: chúng mình sẽ ở lại bên nhau, chúng mình muốn thử lại lần nữa... và anh nói: "Chúng mình sẽ đi khỏi đây, Marie." Đó là lối thoát.

"Vâng, Adolf, chúng mình hãy đi khỏi đây!"

Chị lấn sát vào anh và mãi lúc này mới òa khóc nức nở. Anh ôm chị thật chặt và nhắc đi nhắc lại: "Sáng mai chúng mình sẽ tìm người mua...

ngay sáng mai..." Rồi trong cơn lốc xoáy của những ý định, niềm hy vọng, cơn tức giận và nỗi đau buồn, anh chiếm lĩnh chị, nỗi tuyệt vọng hóa thành lửa tình ngùn ngụt, cho đến khi chị im lặng và chỉ còn khóc khe khẽ như một đứa trẻ, để rồi cuối cùng mệt mỏi ngủ thiếp đi trong hơi thở yên bình.

Ngọn nển đã tắt, những cái bóng biến mất, vợ đang say ngủ, nhưng Adolf vẫn nằm thao thức mãi trên giường và trăn trở. Đêm khuya vợ anh thức giấc và nhận thấy chân vẫn còn mang đôi tất mà mình đã đi vào khi định ra đi. Chị cởi tất và vuốt phẳng phiu trước khi đặt chúng lên chiếc ghế cạnh giường.

Hai ngày sau, Adolf Bethke bán nhà và xưởng của mình. Chỉ thời gian

ngắn sau đó anh đã tìm được một chỗ ở mới trong thành phố. Bàn ghế tủ giường chất cả lên xe. Con chó đành phải để lại. Với Adolf, khó khăn nhất là chia tay với vườn cây của mình. Bỏ làng ra đi như thế này thật chẳng dễ dàng, và anh không biết rồi đây chuyện gì nữa sẽ đến. Về phần vợ anh, chị đã sẵn sàng và im lặng.

Ngôi nhà ở thành phố ẩm ướt và thiếu ánh sáng, cầu thang dơ bẩn và弥漫 mùi đồ giặt, không khí nặng nề vì sự hằn học của hàng xóm và những căn phòng bức bí. Việc thì ít, thành ra thời gian để suy nghĩ lại có quá nhiều. Cả hai đều không thấy vui. Cứ như tất cả những thứ họ đã cố thoát khỏi đều theo họ về đây.

Adolf ngồi lì trong bếp và không hiểu nổi vì sao cuộc sống của vợ chồng anh cứ như không chịu thay đổi. Vào buổi tối khi họ ngồi đối diện nhau, khi họ đã đọc báo xong, đã dọn hết đồ ăn khỏi bàn, thì sự trống rỗng của nỗi buồn lại hiện hữu trong nhà, và anh thấy chóng mặt vì nghe ngóng và suy nghĩ. Vợ anh cố bói việc ra làm, chị lau chùi bếp, và khi anh nói:

"Lại đây, Marie," thì chị đặt miếng giẻ và bột cọ rửa xuống rồi đến bên anh, khi anh kéo chị ngồi xuống và một mình thì thầm với vẻ tội nghiệp:

"Chúng mình sẽ vượt qua!" thì chị gật đầu, nhưng chị vẫn im lặng, chị chẳng hề vui vẻ như anh muốn. Anh đâu biết rằng cơ sự này là tại anh cũng nhiều như tại chị, rằng họ đã trở nên xa lạ sau bốn năm không sống cùng nhau, và giờ đây người này làm người kia thấy nặng nề. Anh hỏi thúc chị: "Hãy nói gì đi chứ." Chị sợ hãi; và chị vâng lời anh nói điều gì đó, nhưng chị biết nói gì được đây, có chuyện gì hay ho xảy ra trong ngôi nhà này, trong căn bếp này của chị đâu chứ... và nếu quan hệ giữa hai con người đã tệ đến mức cần phải nói chuyện, thì họ sẽ chẳng bao giờ có thể nói đủ để khôi phục mối quan hệ đó. Nói chuyện chỉ tốt khi hạnh phúc đứng đằng sau, khi lời nói tuôn ra dễ dàng và linh hoạt, nhưng một khi người ta đã bắt

hạnh thì cái thứ thay đổi tựa thời tiết và dễ gây hiểu lầm như những lời nói phỏng còn giúp được gì. Chúng chỉ khiến mọi sự thêm tồi tệ.

Adolf đưa mắt dõi theo từng cử chỉ của vợ, và anh hình dung ở phía sau chị một hình ảnh khác, trẻ trung, vui vẻ, người vợ trong trí nhớ của anh, người mà anh không thể quên. Mỗi nghi ngờ bùng lên, và trong trạng thái bị kích động anh buông lời: "Vẫn luôn nghĩ về gã đó chứ gì?" Rồi khi chị mở to mắt nhìn anh và anh nhận ra sự bất công của mình, thì anh càng khoét sâu hơn: "Chắc đúng thế rồi, trước đây cô khác hẳn! Tại sao cô còn quay lại? Lẽ ra cô vẫn có thể ở lại bên gã ta mà!" Mỗi lời nói đều làm chính anh đau đớn, nhưng ai chịu im chỉ vì thế! Anh nói mãi, cho đến khi vợ anh lui vào bên nắp cống trong góc bếp, nơi ánh sáng không chiếu đến, và lại khóc như một đứa trẻ bị lạc đường.

Than ôi, tất cả chúng ta đều là trẻ con, những đứa trẻ điên rồ, lạc đường, và bóng đêm luôn phủ quanh nhà chúng ta.

Anh không chịu đựng được nữa, anh ra khỏi nhà và lang thang không mục đích qua các con phố, anh đứng trước các ô kính bày hàng mà chẳng nhìn thấy gì, anh bước đến những nơi có ánh đèn. Tàu điện rung chuông, ô tô bấm còi chạy ngang qua, người đi đường huých vào anh, và dưới quầng sáng vàng vọt của những chiếc đèn đường là các ả điếm. Họ đang đưa những cặp mộng chắc khỏe, cười đùa và đứng túm tụm vào nhau, anh hỏi: "Em vui tính chứ hả?" rồi anh đi với họ, hoan hỉ vì được thấy, được nghe những thứ lạ tai lạ mắt. Nhưng sau đấy anh lại đứng quẩn quanh, anh không muốn trở về nhà, mà lại cũng thèm về nhà, rồi anh lang thang qua các quán rượu và nốc đến say mềm.

Tôi tìm thấy anh trong tình trạng như vậy, nghe anh kể lể và ngắm nhìn anh trong khi anh ngồi đó với cặp mắt mờ đục, nói lè nhè và vẫn uống: Adolf Bethke, người lính giỏi nhất, thận trọng nhất, người đồng đội trung

thành nhất, đã giúp rất nhiều người và đã cứu sống nhiều người.

Anh thường xuyên là sự che chở và nguồn an ủi, vừa là mẹ vừa là anh trai đối với tôi ngoài chiến trường, khi những quả pháo sáng phụt lên và các dây thần kinh bị đứt lìa vì tấn công và chết chóc... Chúng tôi đã vai kề vai ngủ trong chiến hào ẩm ướt, và anh đã đắp chăn cho tôi khi tôi đau ốm, anh có thể làm tất cả, anh luôn biết phải làm gì... Nhưng ở đây anh bị treo trên hàng rào dây thép gai, cào rách tay rách mặt, và đôi mắt của anh đã trở nên mờ đục...

"Mẹ kiếp, Ernst," anh nói, giọng thê lương, "phải chi bọn mình cứ ở lại ngoài mặt trận... ngoài đó ít nhất bọn mình luôn được ở bên nhau." Tôi không trả lời, tôi chỉ chăm chú nhìn ống tay áo mình, trên đó có mấy vết máu đã giặt vẫn còn hồng hồng. Đó là máu của Weil, người đã bị bắn chết theo lệnh của Heel. Giờ đây chúng tôi đã đi quá xa. Vẫn có chiến tranh; nhưng tình đồng đội thì không còn nữa.

IV.

Tjaden ăn mừng đám cưới của mình ở cửa hàng thịt ngựa. Cửa hàng đã phát triển thành một mỏ vàng đích thực và tình cảm của Tjaden đối với Marie Bé Bông cũng tăng lên tương ứng. Buổi sáng, cô dâu chú rể đến nhà thờ làm lễ trên một cỗ xe sơn màu đen, phía trong bọc lụa trắng, tất nhiên phải thắng bốn con ngựa, thế mới đáng mặt một doanh nghiệp làm ăn phát đạt nhờ ngựa. Willy và Kosole được mời làm chứng. Willy đã sắm riêng cho dịp long trọng này một đôi găng tay trắng may bằng vải bông thật. Việc đó tốn khá nhiều công sức.

Đầu tiên Karl phải kiểm được nửa tá phiếu mua hàng, và sau đó mất hẳn hai ngày đi tìm... Bởi vì không cửa hàng nào có sẵn cỗ của Willy. Nhưng rồi cũng bỏ công. Mấy cái túi trắng như phấn mà cuối cùng cậu ta kiểm được cực kỳ hợp với cái áo đuôi tôm mới nhuộm lại. Tjaden diện lễ phục màu đen, Marie Bé Bông mặc váy cưới có đuôi dài và đội vòng hoa cô dâu.

Ngay trước khi khởi hành đến Sở hộ tịch còn xảy ra một sự cố. Kosole đến, vừa nhìn thấy Tjaden trong bộ lễ phục màu đen đã ôm bụng cười lăn lộn.

Vừa tạm dứt trận cười và hồi lại một chút thì anh lại đưa mắt sang phía bên cạnh và bắt gặp đôi tai vênh của Tjaden lấp ló trên cái cổ áo dựng đứng, thế là anh lại cười sảng sặc. Không có cách gì cứu vãn, Kosole sẽ phá lên cười ngay giữa nhà thờ và có cơ phá hỏng toàn bộ buổi lễ. Vì vậy vào phút cuối tôi phải nhảy ra thay anh làm chứng cho hôn lễ.

Toàn bộ cửa hàng thịt ngựa được trang hoàng cho lễ cưới. Ở lối vào đặt nhiều chậu hoa và những cây dương non, thậm chí lò mổ cũng treo một

vòng hoa làm từ cây linh sam, và Willy được tán thưởng rầm rộ khi gắn thêm vào đó tấm biển "Nhiệt liệt chào mừng".

Tất nhiên không có miếng thịt ngựa nào trên bàn; những miếng thịt lợn loại ngon nhất đang bốc hơi nghi ngút trong những cái liễn và một tảng thịt bê nướng không lò được cắt ngay trước mặt chúng tôi.

Sau món bê nướng, Tjaden cởi lễ phục và tháo cổ áo ra. Việc này cho phép Kosole bắt tay vào việc tốt hơn, bởi vì cho đến lúc này anh không dám nhìn sang phía bên cạnh, do lo sợ sẽ chết sặc vì cười. Chúng tôi noi gương Tjaden và cảm thấy thoải mái hẳn.

Buổi chiều, ông bố vợ đọc một tờ chứng nhận cho Tjaden làm đồng sở hữu lò mổ. Chúng tôi chúc mừng cậu ta, rồi Willy diện đôi găng tay trắng trang trọng trao món quà cưới của chúng tôi: một cái khay bằng đồng thau với một bộ mùi hai ly uống rượu bằng pha lê chạm khắc tinh xảo.

Thêm ba chai cognac từ kho dự trữ của Karl.

Tối đến, Ludwig ghé qua một lát. Theo yêu cầu khẩn thiết của Tjaden, cậu ấy xuất hiện trong bộ quân phục, vì Tjaden muốn cho mọi người thấy mình có một người bạn là trung úy thực sự. Nhưng rồi Ludwig lại đi ngay. Chúng tôi vẫn ở lại, cho đến khi trên bàn chỉ còn đồng xương xẩu và vỏ chai.

Khi chúng tôi cuối cùng rời cũng bước ra phố thì đã nửa đêm. Albert rủ cả bọn đi tiếp đến quán cà phê Gräger.

"Ồ đó đóng cửa từ lâu rồi," Willy nói.

"Bọn mình có thể vào theo lối cửa sau!" Albert khẳng khẳng, "Karl biết đường."

Cả bọn không còn mấy hứng thú nữa. Nhưng Albert cứ thúc ép mãi, cho tới lúc chúng tôi chịu thua mới thôi. Tôi ngạc nhiên, bởi vì bình thường cậu ấy luôn là người đầu tiên muốn về nhà.

Mặc dù ở phía trước cửa quán Gräger tất cả đều tối om và yên tĩnh, nhưng khi vừa vòng qua sân sau bước vào quán, chúng tôi đã rơi ngay vào cảnh ồn ào náo nhiệt. Gräger là quán của bọn đầu cơ; ở đây hầu như ngày nào cũng hoạt động thâu đêm suốt sáng.

Một phần của gian phòng bao gồm những lô nhỏ che tấm màn nhung đỏ. Đây là khu rượ vang. Hầu hết rèm cửa được khép kín. Từ phía sau rèm có tiếng rú rít và tiếng cười vọng ra Willy ngoác miệng cười hết cỡ.

"Nhà chứa tư nhân Gräger."

Chúng tôi ngồi vào một bàn xa xa phía trước. Quán cà phê đông kín người. Bên phải là dãy bàn của đám gái điếm. Ở đâu công việc làm án phát đạt, ở đó niềm vui cuộc sống nở hoa. Do đó mười hai người đàn bà ở đây thậm chí cũng không phải là quá nhiều. Tuy nhiên, giữa họ có sự cạnh tranh. Karl chỉ cho chúng tôi thấy Bà Nickel, một ả lẳng lơ tóc đen, đầy đà.

Chồng ả chỉ là một tên đầu cơ hạng tép riu, nếu không có ả chắc cũng đói rã họng. ả giúp chồng bằng cách đàm phán trước một mình với các đối tác kinh doanh của gã độ một tiếng đồng hồ tại nhà.

Ở bàn nào cũng thấy những cảnh đi qua đi lại đầy kích động, xì xào, thì thầm, thậm thụt và huyên náo. Những người mặc com lê kiểu Anh và đội mũ mới được những kẻ khác mặc áo chèn không cổ kéo vào góc phòng, họ bí mật lấy từ trong túi ra những gói nhỏ và hàng mẫu, kiểm tra, trả lại, lại mời chào, những quyển sổ tay xuất hiện, bút chì ngoay ngoáy viết, thỉnh thoảng có ai đó lao đến chỗ đặt điện thoại hoặc chạy ra bên ngoài và cả bầu không khí lao xao chỉ toàn nghe nhắc tới toa hàng ký lô bơ, cá trích, mỡ muối, thuốc tiêm, đô la, gulden[1], tên cổ phiếu và những con số.

1. Tên gọi một loại tiền xu vàng của Đức trước đây.

Sát bên chúng tôi là một cuộc tranh luận đặc biệt hăng hái về một toa than nào đó. Nhưng Karl chỉ phẩy tay khinh thường. "Tất cả các trò này chỉ

là buôn nước bọt thôi. Gã đầu tiên nghe hơi nôi chõ ở đâu đó, gã thứ hai môi giới tiếp, gã thứ ba mách mối đến gã thứ tư, chúng chạy vòng quanh tỏ ra mình quan trọng, nhưng hầu như chẳng bao giờ có thứ gì đằng sau. Đây chỉ toàn những thằng qua đường muốn kiếm chác chút tiền hoa hồng. Các ông vua đầu cơ thực sự chỉ thực hiện chuyện làm ăn qua nhiều lần là một đến hai người trung gian mà họ biết rõ. Gã béo đằng kia chẳng hạn, hôm qua đã mua hai toa xe trứng ở Ba Lan. Nghe nói lúc này chúng được chuyển đi Hà Lan, dọc đường chúng sẽ được dán nhãn khác biến thành trứng gà tươi Hà Lan rồi sau đó chở ngược lại bán với giá cao gấp ba. Mấy gã ở phía trước kia kia, là bọn buôn cocain; tất nhiên bọn này kiếm được những món tiền khổng lồ. Gã Diederichs ngồi ở bên trái ấy, chỉ buôn mỡ muối cũng kiếm bộn tiền."

"Vì lũ lợn đó mà bây giờ bọn mình luôn phải chịu cảnh bụng đói,"
Willy lầm bầm.

"Không có bọn chúng thì cậu vẫn đói thôi," Karl trả lời. "Tuần trước mười thùng bơ của nhà nước bị bán ra, vì đã hoàn toàn hư hỏng do để quá lâu. Với lúa mì cũng vậy. Bartscher gần đây đã mua được mấy xe lúa với giá chỉ vài xu, vì nhà nước trữ chúng trong một nhà kho đổ nát nên chúng sũng nước mưa và bị nấm mốc."

"Cha đó tên gì?" Albert hỏi Karl.

"Bartscher. Julius Bartscher."

"Hắn thường ở đây à?"

"Tớ nghĩ vậy," Karl nói. "Cậu muốn làm ăn với hắn sao?"

Albert lắc đầu. "Hắn có tiền không?"

"Nhiều như rác," Karl trả lời có chút kính nể.

"Nhìn xem, Arthur đến kia!" Willy cười, reo lên.

Chiếc áo mưa màu hoàng yến xuất hiện ở cửa sau. Một vài người đứng

dậy và lao ngay đến anh ta. Ledderhose gạt họ sang một bên, trịch thượng gạt đầu với người này người kia và đi tiếp giữa dãy bàn như một ông tướng. Tôi ngạc nhiên nhìn vẻ mặt cứng nhắc, khó chịu của anh ta, vẻ mặt vẫn giữ nguyên ngay cả khi anh ta mỉm cười.

Anh ta chào chúng tôi, với vẻ khá bề trên.

"Ngồi đi, Arthur," Willy mỉm cười. Ledderhose do dự nhưng anh ta không thể cưỡng lại sự cám dỗ là cho chúng tôi thấy trong vương quốc của anh ta, anh ta đã trở thành một người như thế nào.

"Một lúc thôi đấy," anh ta nói và ngồi vào chỗ của Albert người lúc này đang len lỏi trong quán, như đang tìm kiếm ai đó. Tôi định đi theo cậu ấy, nhưng rồi lại thôi, vì tôi nghĩ cậu ấy chỉ chạy ra ngoài sân chốc lát.

Ledderhose gọi mang rượu mạnh đến và bắt đầu đàm phán với một người đàn ông có những ngón tay lấp lánh kim cương về hơn mười ngàn đô ủng quân đội và hai mươi toa xe sắt vụn. Chốc chốc anh ta lại liếc nhìn xem liệu chúng tôi có đang lắng nghe không.

Tuy nhiên, Albert lại đang đi dọc theo dãy lô nhỏ che màn nhung. Có người nói cho cậu ấy một chuyện gì đó mà cậu ấy không thể tin được, nhưng nó vẫn như một tấm ván đóng chặt trong đầu cậu ấy suốt cả ngày.

Khi Albert liếc qua khe hở của ngăn lô áp chót, cậu ấy cảm thấy như bị một lưỡi rìu khổng lồ bổ xuống đầu. Cậu lão đảo một giây, rồi vén bức màn lên.

Trên bàn có mây ly sam panh, một bó hoa hồng nằm bên cạnh, tấm khăn trải bàn bị xô lệch và tụt một nửa xuống sàn nhà. Phía sau bàn, một cô gái tóc vàng ngồi thù lù trên một chiếc ghế bành. Chiếc váy bị tụt xuống, mái tóc rối bù, bộ ngực vẫn còn để trần.

Cô gái quay lưng lại phía Albert, đang ngân nga một bài hát quen thuộc và chải tóc trước một tấm gương nhỏ. "Lucie" Albert cất giọng khàn khàn.

Cô gái quay phắt lại và trôn trôn nhìn cậu ấy như nhìn một bóng ma.

Sợ cứng người, cô ta cố gắng mỉm cười, nhưng nụ cười run rẩy trên gương mặt cô ta tắt lịm khi cô ta thấy ánh mắt Albert dán chặt vào bộ ngực trần của mình như thế nào. Không nói dối được nữa rồi. Cô ta sợ hãi nép chặt người vào sau lưng ghế. "Albert... không phải tại em..." cô ta lắp bắp, "... ông ta... lỗi ở ông ta...", rồi đột nhiên cô ta liên thoảng rõ nhanh: "Ông ta đã chuốc rượu cho em say mềm Albert, em hoàn toàn không muốn, ông ta cứ rót cho em thêm mãi, em không còn biết gì nữa, em thề với anh..."

"Có chuyện gì xảy ra ở đây?" ai đó hỏi sau lưng Albert. Bartscher đã quay về từ ngoài sân, người nghiêng ngả vì đứng không vững. Gã phun khói xì gà vào mặt Albert. "Định kiểm chác chút đỉnh, hả? Bước! Xéo đi!"

Trong một khoảnh khắc Albert đứng như bị trúng thuốc mê trước mặt gã. Hình ảnh cái bụng phệ, bộ com lê nâu kẻ ca rô, dây đeo đồng hồ bằng vàng và gương mặt to bè, đỏ lựng của gã in vào não cậu ấy với sự rõ ràng khủng khiếp.

Đúng lúc này Willy đang ngồi ở bàn với chúng tôi tình cờ nhìn lên, cậu ta lập tức nhảy phóc dậy, xô ngã vài người và chạy xuyên qua quán.

Nhưng đã quá muộn. Trước khi Willy đến nơi, Albert đã có khẩu súng lục trong tay và siết cò. Chúng tôi lao bỏ tới đó.

Bartscher đã cố vớ một chiếc ghế để che thân... nhưng gã chỉ nâng được nó lên ngang tầm mắt. Còn phát đạn của Albert nằm trên trán, cao hơn hai xen ti mét. Cậu ấy hầu như không nhắm bắn... Cậu ấy luôn là xạ thủ giỏi nhất trong đại đội, và từ nhiều năm nay cậu ấy đã quá quen thuộc với khẩu súng lục chiến trường của mình.

Bartscher đổ rầm xuống sàn. Hai bàn chân co giật. Phát súng chí mạng. Cô gái rú lên.

"Ra khỏi đây!" Willy quát và ngăn chặn đám khách đô xô đến xem.

Chúng tôi lôi Albert đang đứng bất động nhìn cô gái chạy qua sân, dọc theo con phố, qua nhiều góc phố tiếp theo, rồi tới một quảng trường tối om, nơi có hai xe tải chở đồ gỗ đang đỗ. Willy chạy đến sau. "Cậu phải trốn ngay lập tức trong đêm nay!" Willy hân hân nói.

Albert nhìn Willy như thể mãi lúc này cậu ấy mới vừa sự tỉnh. Cậu ấy giằng người ra. "Mặc tở, Willy," cậu ấy khó nhọc đáp, "tớ biết tớ phải làm gì bây giờ."

"Cậu điên à?" Kosole gắt.

Albert thoáng lảo đảo. Chúng tôi giữ cậu ấy. Cậu ấy lại gạt chúng tôi ra. "Không, anh Ferdinand," Albert nói nhẹ nhàng như thể rất mệt mỏi, "ai đã làm việc này, cũng phải làm nốt việc kia."

Cậu ấy chậm rãi đi ra phố.

Willy chạy theo sau cố thuyết phục Albert. Albert chỉ lắc đầu và đi về phía phố Mühlen. Willy bám theo cậu ấy.

"Phải dùng vũ lực đưa cậu ấy đi," Kosole kêu lên. "Cậu ấy đủ gan chạy đến cảnh sát lắm!"

"Em nghĩ rằng vô ích thôi, anh Ferdinand," Karl tuyệt vọng nói. "Em biết con người Albert."

"Nhưng đằng nào thì gã đó cũng không thể nhờ thế mà sống lại được," Ferdinand gào lên. "Cậu ấy làm vậy thì được cái gì? Albert phải trốn đi!"

Chúng tôi im lặng nháp nhòm ngòì đợi Willy.

"Sao cậu ấy có thể làm vậy chứ?" hồi lâu sau Kosole cất tiếng hỏi.

"Cậu ấy đã quá quyen luyện cô ta," tôi đáp.

Willy quay về một mình. Kosole đứng phất dậy. "Cậu ấy trốn rồi chứ?"

Willy ngoảnh mặt đi. "Đến cảnh sát rồi. Chẳng thể làm gì được. Cậu ấy suýt bắn cả em khi em toan kéo cậu ấy đi trốn."

"Chết tiệt!" Kosole gục đầu trên trục xe. Willy nằm vật xuống bãi cỏ.

Karl và tôi dựa người vào thành chiếc xe tải chở đồ gỗ.
Kosole Ferdinand Kosole bật khóc nức nở như một đứa bé.

V.

Một phát súng đã bắn ra, một viên gạch đã rơi xuống một bàn tay đen tôi đã len vào giữa chúng tôi. Chúng tôi chạy trốn khỏi một cái bóng, nhưng chúng tôi chỉ chạy trong một vòng tròn, và cái bóng đã đuổi kịp chúng tôi.

Chúng tôi đã hò hét và tìm kiếm, chúng tôi đã trở nên rần rỏi và dâng hiến, chúng tôi đã cúi xuống và nhảy chồm lên đã lạc lối và đã bước tiếp...

nhưng chúng tôi vẫn luôn cảm thấy cái bóng đeo bám sau gáy và muốn thoát khỏi nó. Chúng tôi cứ tin là nó đuổi theo mình... không biết rằng chính mình đã tha nó theo, rằng chúng tôi ở đâu nó cũng âm thầm ở đó...

rằng không phải nó ở phía sau, mà ở bên trong chúng tôi... ở trong chính chúng tôi.

Chúng tôi muốn xây những ngôi nhà, khao khát những khu vườn và những hàng hiên, vì chúng tôi muốn ngắm biển và cảm nhận làn gió...

nhưng chúng tôi không nhận thức được rằng ngôi nhà cần có móng.

Chúng tôi giống như những cánh đồng nham nhở hố đạn bị ruồng bỏ ở Pháp... Chúng cũng yên ả như những cánh đồng xung quanh, nhưng trong lòng chúng vẫn chứa đầy mìn chưa nổ... và việc cày bừa vẫn đầy rủi ro nguy hiểm cho đến khi mìn được đào lên và dọn sạch đi.

Chúng tôi vẫn là những người lính, dù không biết điều đó. Giá như tuổi trẻ của Albert trôi qua bình yên và không có sự đổ vỡ, thì có lẽ cậu ấy đã được lớn lên cùng rất nhiều những thứ ấm áp và thân thiết, những thứ có thể giữ gìn và bảo vệ cậu ấy. Nhưng tất cả đều đã tan vỡ, cậu ấy chẳng còn gì khi trở về... Toàn bộ tuổi trẻ bị xô đẩy của cậu ấy, những khao khát bị dồn nén của cậu ấy và nhu cầu có một mái ấm và sự dịu dàng đã khiến cậu

ấy mù quáng lao đến với người đó, người mà cậu ấy tin rằng mình yêu. Để rồi khi mọi thứ sụp đổ, cậu ấy chẳng biết làm gì hơn là bắn... Vì ngoài bắn cậu ấy đâu có học được gì khác. Nếu không phải Albert đã từng là lính, có thể cậu ấy đã có nhiều con đường khác. Nhưng khoảnh khắc kia cậu ấy chẳng hề run tay... đã nhiều năm nay cậu ấy quen bắn trúng đích.

Trong Albert — cậu bé mơ mộng, trong Albert — người tình nhút nhát, vẫn luôn còn có Albert - người lính.

Người mẹ già mặt đầy nếp nhăn không hiểu nổi chuyện đã xảy ra.

"Làm sao nó có thể làm điều đó? Nó luôn là một đứa trẻ hiền lành!" Những dải băng trên mũ của bà run rẩy, chiếc khăn tay run rẩy, tấm vải đen che mặt run rẩy... Toàn bộ con người bà là một khối đau buồn duy nhất đang run rẩy. "Có thể chuyện đó đã xảy ra vì nó không còn cha. Nó chỉ mới lên bốn khi cha nó qua đời. Nhưng nó luôn là một đứa trẻ rất hiền lành, ngoan ngoãn..."

"Cậu ấy bây giờ vẫn thế, thưa bác Troßke," tôi nói. Bà bám vào đó và bắt đầu kể về thời thơ ấu của Albert. Bà phải nói, bà không chịu đựng thêm được nữa, những người hàng xóm đã đến đây, những người quen, cả hai giáo viên nữa, tất cả đều không sao hiểu nổi...

"Họ chỉ cần ngậm miệng của họ lại," tôi nói. "Tất cả bọn họ đều có lỗi."

Bà ngậy người nhìn tôi không hiểu. Nhưng sau đó bà tiếp tục kể về Albert đã tập đi như thế nào, rằng cậu ấy không bao giờ quấy khóc như những đứa trẻ khác, rằng cậu ấy gần như là một thằng bé quá hiền lành...

Thế mà bây giờ lại gây ra chuyện đó. Sao nó có thể làm vậy?

Tôi ngạc nhiên nhìn bà. Bà không biết chút gì về Albert. Có thể cũng hết như mẹ tôi đối với tôi. Các bà mẹ có lẽ chỉ có thể yêu, đó là sự hiểu biết duy nhất của họ về con cái.

"Bác nghĩ mà xem, bác Troßke," tôi nói nhẹ nhàng, "Albert đã từng ở

chiến trường."

"Đúng," bà trả lời. "Đúng... đúng..." nhưng bà không nắm được mối liên hệ. "Cái ông Bartscher đó chắc là một người xấu?" sau đó bà khẽ hỏi.

"Hắn là một tên vô lại," tôi xác nhận ngay chẳng cần suy nghĩ, vì tôi không nghi ngờ gì điều đó.

Bà gạt đầu trong nước mắt. "Nếu không, tôi cũng không hình dung nổi vì sao chuyện đó xảy ra. Đến một con ruồi nó cũng chưa bao giờ làm hại. Hans hay vạt cánh của chúng, nhưng Albert thì không bao giờ. Bây giờ liệu họ sẽ làm gì nó đây?"

"Câu ấy sẽ không thể bị kết án nặng đâu bác," tôi an ủi bà. "Câu ấy đã bị kích động mạnh, và chuyện đó gần như là tự vệ."

"Ồn Chúa," bà thở dài, "vậy mà ông thợ may ở tầng trên nhà tôi lại bảo rằng nó sẽ bị tử hình."

"Lão thợ may bị điên," tôi đáp.

"Phải, ông ta còn nói Albert là một kẻ sát nhân," bà bật khóc. "Nó không phải là kẻ sát nhân, không bao giờ, không và không bao giờ!"

"Để con giải quyết lão thợ may này," tôi tức giận tuyên bố.

"Tôi không dám ra khỏi nhà nữa," bà nức nở, "ông ta luôn đứng ngay đó."

"Con sẽ đưa mẹ về, mẹ Troßke," tôi nói.

Chúng tôi về đến nhà bà.

"Ông ta lại đứng đó," bà già sợ hãi thì thầm, chỉ tay về phía cửa nhà.

Tôi căng người ra. Nếu lão ta dám nói một lời, tôi sẽ nghiền lão ta thành bột nhão, dẫu tôi có phải ngồi tù mười năm vì thế. Nhưng lão ta đã tránh đường cho chúng tôi, giống như hai mục đàn bà ngồi lê đôi mách đang hóng hót với lão.

Vào nhà, mẹ Albert còn cho tôi xem một tấm ảnh thời niên thiếu của

cậu ấy và Hans. Bà lại bắt đầu khóc, nhưng dường như xấu hổ nên ngừng lại ngay. Ở điểm này các bà già giống trẻ con: nước mắt tuôn ra rất nhanh, nhưng chúng cũng khô đi rất nhanh. Trong hành lang, bà hỏi tôi: "Liệu nó có được ăn đủ no không?"

"Chắc chắn đủ ạ!" tôi nói, "Karl Bröger sẽ lo việc đó. Cậu ấy có thể kiếm được đủ thứ."

"Tôi vẫn còn một ít bánh rán tằm đường mà nó rất thích. Liệu tôi có thể mang vào cho nó không nhỉ?"

"Bác cứ thử xem," tôi đáp. "Và nếu bác được phép gặp, bác chỉ cần nói với cậu ấy: Albert, mẹ biết con không có tội. Không cần nói gì thêm nữa."

Bà gật đầu. "Có lẽ tôi đã không chăm lo cho nó đầy đủ. Nhưng Hans đã mất cả hai bàn chân..."

Tôi an ủi bà.

"Thằng bé tội nghiệp," bà nói, "giờ nó ngồi trong đó thui thui một mình..."

Tôi chìa tay chào bà. "Bây giờ con sẽ nói chuyện phải quấy với lão thợ may. Từ giờ trở đi lão sẽ để bác được yên."

Lão ta vẫn còn đứng ở trước cửa nhà. Một cái mặt tiêu tư sản phèn phẹt, ngu si. Lão ta liếc nhìn tôi hiểm ác, mồm miệng đã sẵn sàng đơm đặt chuyện sau lưng tôi. Tôi túm áo lão ta: Đồ dê đực đáng nguyên rửa, nếu ông còn dám mở miệng dù chỉ một lời với bà lão trên kia, tôi sẽ băm vụn ông ra từng mảnh! Ông hãy nhớ kỹ lấy, đồ thợ khâu giẻ rách, đồ đàn bà ngồi lê đôi mách thôi tha!" Tôi lắc lão ta như lắc một bao giẻ rách và đẩy lão ta đập lưng vào tay nắm cửa. "Tôi sẽ lại đến, tôi sẽ bẻ gãy xương ông, đồ quái thai thảm hại, đồ dê đực khốn kiếp chỉ giỏi kêu be be!" Cùng lúc tôi giáng cho lão ta mỗi bên má trái và phải một cái tát cực mạnh.

Tôi đã bỏ đi khá xa mới nghe tiếng lão ta gào lên sau lưng- "Tôi sẽ đưa

việc này ra tòa! Anh sẽ phải bồi thường ít nhất một trăm mark". Tôi xoay người và đi về phía lão. Lão ta vội lùi mất.

Georg Rahe, nhem nhuốc và phờ phạc vì thiếu ngủ, ngồi trong phòng Ludwig. Cậu ta đã đọc được tin về Albert trên báo và lập tức phi đến đây.

"Bọn mình cần phải lôi cậu ấy ra," cậu ta nói. Ludwig nhìn lên.

"Chỉ cần bọn mình có dăm thằng sáng dạ và một chiếc ô tô," Rahe tiếp tục, "nhất định sẽ thành công. Thời điểm tốt nhất là khi cậu ấy được chuyển đến phòng xử án. Cả bọn nhảy vào giữa đám dẫn giải, gây náo loạn, rồi thừa cơ hai thằng chạy cùng Albert ra xe."

Ludwig lắng nghe giây lát. Đoạn cậu ấy lắc đầu. "Không được đâu, Georg. Bọn mình sẽ chỉ làm hại Albert nếu thất bại. Thế này ít nhất cậu ấy cũng hy vọng sẽ có được một mức án vừa phải. Chuyện cậu vừa nêu là chuyện quá nhỏ... tớ sẵn sàng tham gia ngay... Nhưng còn Albert... bọn mình sẽ không lôi được Albert theo. Cậu ấy không muốn trốn."

"Vậy thì bọn mình phải dùng vũ lực để ép cậu ấy," một lúc sau Rahe tuyên bố. "Cậu ấy phải được cứu ra... cho dù tớ phải bỏ mạng vì vụ này..."

Ludwig không nói năng gì.

"Tớ cũng nghĩ rằng việc này sẽ chẳng đi đến đâu, Georg, tôi nói."

"Thậm chí nếu bọn mình có đưa Albert ra khỏi đó, cậu ấy cũng sẽ quay trở lại ngay lập tức. Cậu ấy đã suýt bắn Willy khi Willy định kéo cậu ấy bỏ trốn."

Rahe ngả đầu vào hai bàn tay bắt chéo sau gáy. Ludwig trông xám ngoét và hốc hác. "Tớ nghĩ tất cả bọn mình đều thành đồ bỏ rồi," cậu ấy thất vọng nói. Không ai trả lời. Căn phòng như chết lặng trong bầu không khí trầm mặc và lo âu...

Sau đó tôi còn ngồi một mình rất lâu bên Ludwig. Cậu ấy ngả đầu vào hai bàn tay bắt chéo sau gáy. "Tất cả đều vô ích, Ernst. Bọn mình đã kiệt

quê, còn thể giới vẫn đi tiếp, cứ như chiến tranh chưa từng xảy ra.

Chẳng bao lâu nữa, những đứa kẻ tọc bọ mình ngồi trên ghế nhà trường sẽ lắng nghe các câu chuyện về chiến tranh với những cặp mắt háo hức và mơ ước giá chúng nó cũng từng có mặt ở đó, chỉ vì muốn thoát khỏi sự nhàm chán của trường học. Ngay bây giờ chúng cũng đã chạy đến những quân đoàn tình nguyện rồi đấy... Chưa tròn mười bảy tuổi mà đã thực hiện những vụ ám sát chính trị. Tớ mệt mỏi quá, Ernst ạ..."

"Ludwig..." tôi ngồi xuống bên cạnh và choàng tay lên đôi vai gầy của cậu ấy.

Ludwig mỉm cười héo hắt. Sau đó, cậu ấy khẽ nói: "Hồi đó, trước chiến tranh, tớ đã có một mối tình học trò, Ernst ạ. Mấy tuần trước tớ đã gặp lại cô gái đó. Tớ thấy hình như cô ấy còn xinh đẹp hơn xưa. Cảm giác như thuở học trò sống lại trong lòng mình. Sau đó chúng tớ gặp gỡ nhau thường xuyên hơn... Và đột nhiên tớ cảm thấy..." cậu ấy gục đầu xuống mặt bàn. Khi cậu ấy ngược nhìn lên, đôi mắt của cậu ấy đờ dại vì đau khổ.

"Cảm thấy rằng tất cả không còn dành cho tớ nữa, Ernst... Tớ đang bị bệnh mà." Ludwig đứng dậy và mở cửa sổ. Bên ngoài là màn đêm âm áp đầy sao.

Tôi buồn bã nhìn đăm đăm phía trước mặt. Ludwig nhìn ra ngoài rất lâu. Sau đó cậu ấy quay lại: "Cậu có nhớ bọn mình cầm một cuốn sách của Eichendorff đi lang thang trong rừng hăng đêm thế nào không?"

"Có chứ, Ludwig," tôi vội đáp, vui mừng vì cậu ấy đã nhảy sang những ý nghĩ khác, "hồi đó là cuối hè. Có một lần lang thang trong rừng bọn mình còn bắt được một con nhím."

Gương mặt cậu ấy dần ra. "Và bọn mình đã tin rằng đó là cuộc phiêu lưu với những cỗ xe ngựa chở thư, với kèn thợ săn và những ngôi sao. Cậu có nhớ bọn mình còn muốn bỏ chạy sang nước Ý thế nào không?"

"Có, nhưng cỗ xe ngựa chở thư lẽ ra phải đón bọn mình lại không đến. Mà đi xe lửa thì bọn mình không có tiền."

Gương mặt Ludwig sáng hẳn lên, trông gần như huyền ảo, vô cùng trong trẻo.

"Rồi bọn mình đã đọc *Werther*[1]..." cậu ấy nói.

"Và đã uống rượu vang..." tôi nhắc thêm.

Cậu ấy mỉm cười. "Và đã đọc *Heinrich xanh*[2] nữa... Cậu nhớ bọn mình đã thì thầm về Judith như thế nào chứ?"

1.

Nỗi đau của chàng Werther (1774) là tiểu thuyết nổi tiếng của văn hào Đức Johann Wolfgang von Goethe viết về câu chuyện tình bi thảm và tuyệt vọng của chàng thanh niên Werther.

2.

Heinrich xanh (1985) là tiểu thuyết tự truyện của nhà văn Thụy Sĩ Gottfried Keller (1819-1890) viết về cuộc đời của Heinrich Lee.

Tôi gật đầu. "Nhưng sau đó cậu lại thích Hölderlin hơn tất cả các nhân vật khác..."

Một sự bình yên lạ lùng đến với Ludwig. Cậu ấy nói khẽ và dịu dàng: "Hồi đó bọn mình đã có những dự định tốt đẹp biết bao, bọn mình đã muốn trở thành những con người cao quý và tử tế. Vậy mà rồi bọn mình lại trở thành những con chó thực sự đáng thương, Ernst..."

"Ừ," tôi nói trầm ngâm, "tất cả những thứ đó biến đâu hết rồi..."

Chúng tôi đứng bên nhau, tựa vào bệ cửa sổ. Gió mắc kẹt trong những tán cây anh đào. Một ngôi sao băng vụt qua. Đồng hồ điểm mười hai giờ đêm "Bọn mình nên đi ngủ thôi " ngủ ngon, Ernst..."

Ludwig chìa tay cho tôi. "Chúc ngủ ngon, Ernst..."

"Ngủ ngon nhé, Ludwig."

Giữa đêm khuya có người đập thình thình lên cửa phòng tôi. Tôi hoảng hốt chồm dậy. "Ai đó?"

"Tớ, Karl đây! Mở cửa mau!"

Tôi nhảy ra khỏi giường. Cậu ta lao vào; "Ludwig..."

Tôi túm cậu ta kéo về phía mình: "Ludwig làm sao?"

"Chết rồi..."

Căn phòng quay cuồng. Tôi ngã vật xuống giường.

"Gọi bác sĩ!"

Karl phang một cái ghế xuống mặt đất khiến nó gãy tan.

"Chết rồi, Ernst... cắt động mạch cổ tay.

Tôi không biết tôi đã mặc đồ ra sao. Tôi không biết làm cách nào tôi đã đến được đó. Đột nhiên căn phòng này ở đây, ánh đèn chói mắt, máu, những lấp lánh và nhấp nháy không thể chịu nổi của thạch anh và đá màu, và phía trước chúng, trong chiếc ghế bành là một thân hình vô cùng mệt mỏi, gầy gò, co quắp, một khuôn mặt nhọn hoắt, nhọn nhọt khủng khiếp với đôi mắt vô hồn khép hờ...

Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra. Mẹ cậu ấy ở đây, Karl ở đây, tiếng ồn ào ở đây, ai đó đang nói với tôi, tôi hiểu, hãy ở lại đây, tôi nhận thức được, họ muốn gọi ai đó đến, tôi gạt đầu, tôi ngồi bó gối trên ghế sofa, các cánh cửa chốt chặt, tôi không thể nhúc nhích, tôi không thể nói được, đột nhiên tôi chỉ còn một mình với Ludwig và nhìn cậu ấy...

Karl là người cuối cùng ở chỗ cậu ấy. Cậu ta thấy Ludwig có vẻ trầm lặng và gằn như vui vẻ. Khi Karl đi khỏi, Ludwig đã sắp xếp gọn gàng vài thứ đồ của mình và đã ngồi viết một lúc lâu. Sau đó, cậu ấy kéo một chiếc ghế đến bên cửa sổ và đặt một chậu nước ấm lên trên bàn bên cạnh. Cậu ấy đã khóa cửa lại, ngồi xuống ghế và cắt động mạch của mình trong nước.

Cơn đau khá nhẹ. Cậu ấy nhìn thấy dòng máu, một hình ảnh mà cậu ấy

thường nghĩ tới: xả hết dòng máu hận thù, nhiễm độc này ra khỏi cơ thể.

Căn phòng của cậu ấy trở nên rất rõ ràng. Cậu ấy nhìn thấy từng cuốn sách, từng cái đỉnh, từng ánh phản chiếu của bộ sưu tập đá, sắc sỡ, đầy màu sắc, cậu ấy cảm nhận: căn phòng của mình đây. Nó thắm vào cậu ấy, đã đi vào trong hơi thở của cậu ấy và lớn lên cùng với cậu ấy. Rồi nó lại lui ra xa hơn. Không rõ ràng. Tuổi trẻ của cậu ấy bắt đầu bằng những hình ảnh. Eichendorff, những cánh rừng, nỗi nhớ nhà. Hòa giải, không còn đau đớn. Đằng sau những cánh rừng nhô lên hàng rào dây thép gai, những đám mây trắng của đạn trái phá, những tiếng nổ của tạc đạn hạng nặng.

Nhưng những tiếng nổ không còn làm cậu ấy sợ nữa. Chúng đã lịm dần, gần giống như những tiếng chuông. Những tiếng chuông mạnh hơn, nhưng những cánh rừng vẫn còn nguyên đó. Tiếng chuông réo trong đầu cậu ấy, vang to đến nỗi tưởng như đầu cậu ấy sắp nổ tung. Mọi vật cũng tối dần. Rồi tiếng chuông nhỏ đi, và đêm đã tràn vào qua cửa sổ, những đám mây trôi đến gần, ngay dưới chân cậu ấy. Cậu ấy đã rất muốn nhìn thấy chim hồng hạc một lần trong đời, bây giờ cậu ấy đã biết: những con chim này là hồng hạc, với đôi cánh rộng màu xám hồng, rất nhiều con, một đoàn hình mũi tên... Chẳng phải đàn vịt trời cũng đã bay thành hình mũi tên dưới vàng trắng đỏ rực, đỏ như hoa anh túc ở Flandern hay sao?...

Quang cảnh trải rộng ra, rộng mãi, những khu rừng chìm sâu hơn, những dòng sông lấp lánh ánh bạc nổi lên và những hòn đảo, những đôi cánh màu xám hồng bay cao hơn nữa, và chân trời mỗi lúc một hừng sáng. Và biển... Đột nhiên một tiếng thét màu đen trào lên nóng bỏng trong cổ họng, một ý nghĩ cuối cùng bật ra từ não tràn vào tâm thức đang lụi dần: sợ hãi, cứu, băng bó... Cậu ấy cố lao đảo đứng dậy, giơ cao tay lên toàn thân giật giật, nhưng cậu ấy đã quá yếu. Thứ gì đó quay vòng quay vòng, rồi biến mất, và con chim không lồ với đôi cánh tối sẫm hết sức nhẹ nhàng bay

tới với nhịp vỗ cánh rất chậm rồi lặng lẽ phủ đôi cánh lên cậu ấy.

Một bàn tay đẩy tôi đi. Mọi người lại ở đây, họ chạm vào Ludwig, tôi kéo kẻ đầu tiên ra, không ai được đụng vào cậu ấy, nhưng rồi trước mắt tôi gương mặt cậu ấy bỗng trở nên rất sáng và lạnh lẽo, nó đã biến đổi, khắc khổ, xa lạ... Tôi không nhận ra cậu ấy nữa và loạng choạng lùi lại, bỏ ra ngoài.

Tôi không biết đã làm thế nào về được đến phòng mình. Đầu óc tôi trống rỗng, hai cánh tay rũ rời thõng trên tay vịn của ghế.

Ludwig, tớ không muốn nữa. Tớ cũng không muốn nữa. Tớ còn ở đây làm gì? Tất cả bọn mình đúng là không thuộc về nơi này nữa. Đã bị đôn góc, bị thiêu rụi, mệt mỏi... Sao cậu lại bỏ đi một mình? Tôi đứng lên.

Hai bàn tay tôi nóng ran. Đôi mắt nóng rục. Tôi cảm thấy mình đang bị sốt.

Những ý nghĩ rời bời trong đầu. Tôi không biết mình đang làm gì. Hãy đón tớ đi, tôi thì thầm, "hãy đón tớ đi cùng!"

Răng tôi gõ lập cập vì lạnh. Hai bàn tay dầm mồ hôi. Tôi lão đảo chúm về phía trước. Những vòng tròn lớn màu đen lung linh trước mắt tôi.

Đột nhiên người tôi đông cứng lại. Không phải cánh cửa đang tự mở ra đó chứ? Cửa sổ chưa cài chốt hay sao? Tôi rùng mình ớn lạnh. Qua cánh cửa mở phòng tôi, tôi nhìn thấy trong ánh trắng cái áo khoác lính cũ của tôi treo trên tường bên cạnh cây đàn vĩ cầm. Tôi thận trọng đi tới đó, nhón gót, để nó không nghe thấy, tôi rón rén lên về phía cái áo màu xám này, thứ đã đập tan tất cả tuổi trẻ và cuộc sống của chúng tôi... Tôi giật nó xuống và muốn ném đi, nhưng đột nhiên tôi lại vuốt ve nó mặc nó vào người, tôi cảm thấy như nó đang chiếm hữu tôi thông qua làn da, tôi run rẩy, trái tim đập điên cuồng lên tận cổ họng... Rồi một âm thanh vang lên như tiếng chuông xé tan sự yên lặng, tôi giật mình quay lại, tôi hoảng sợ, và đầy kinh hoàng,

tôi ép mình sát vào tường...

Bởi vì có một bóng ma đang đứng trong ánh sáng nhờ nhờ của cánh cửa mở. Nó lảo đảo và đu đưa, nó đến gần, vẫy tay, một hình hài hiện lên, một gương mặt với hai hốc mắt tối thui, ở giữa hở ra một khe rộng hoác, là cái miệng, nói không thành tiếng... phải chăng là... "Walter..." tôi thì thầm, Walter Willenbrock, hy sinh tháng tám năm mười bảy tại Paschendaele...

Tôi đang điên sao? Tôi đang mơ? Tôi đang ốm?... Nhưng phía sau nó lại một cái bóng khác tiến vào, tái nhợt, vẹo vọ, cúi gập; Friedrich Tomberge, bị một mảnh đạn pháo phá nát lưng ở Soissons khi anh đang ngồi trên bậc thang của hầm trú ẩn... Giờ thì họ đang chen nhau tiến vào, với những đôi mắt chết, xám xịt và ma quái, cả một đám đông những bóng ma, họ đã trở lại và lấp đầy căn phòng: Franz Kemmerich, mới mười tám tuổi, phải cưa chân và đã chết ba ngày sau đó. Stanislaus Katczinsky, với bàn chân kéo lê và cái đầu gục xuống, từ đó dòng máu tối sẫm chảy ra... Gerhard Feldkamp, bị xé tan thân vì mìn gần Ypern, Paul Bäumer, ngã xuống vào tháng mười năm 1918, Heinrich Weßling, Anton Heinzmann, Haie Westhus, Otto Matthes, Franz Wagner... Bóng ma, bóng ma, cả một đoàn dài, một hàng dài bất tận... chúng lướt vào, chúng ngồi trên những cuốn sách, chúng trèo lên cửa sổ, chúng lấp đầy căn phòng...

Nhưng đột nhiên sự sợ hãi và kinh ngạc trong tôi tan biến bởi một bóng đen mạnh hơn đã từ từ trôi lên, nó trườn qua cửa, hai cánh tay chống dưới đất, nó đang hồi sinh, xương mọc ra cơ thể kéo lê phía sau, hàm răng sáng trắng như phấn trên gương mặt đen sì, đôi mắt giờ đã lấp lánh sáng trong các hốc tối... Giật cục như một con hải cẩu, nó lết vào, nhằm thẳng đến chỗ tôi... viên đại úy người Anh... đám dây xà cạp xô ra sột soạt kéo lê sau lưng anh ta. Với một cú chồm nhẹ anh ta quăng người lên cao và vung móng vuốt về phía tôi... "Ludwig! Ludwig!" tôi hét lên, "Cứu tớ, Ludwig!"

Tôi chộp lấy đồng sách và ném chúng vào đôi tay đang xĩa tới. "Lựu đạn đâu, Ludwig!" tôi rên rỉ, búng cái bẻ cá cảnh từ trên bệ và quăng ra cửa, nó rơi xuống vỡ tan... nhưng bóng ma chỉ nhe răng và tiến lại gần hơn, rồi tôi ném tiếp hộp sưu tập bướm, cây đàn vĩ cầm, tôi nắm lấy một chiếc ghế và phang vào bộ mặt đang nhăn nhó cười, tôi hét lên: " Ludwig!

Ludwig!"... Tôi xông bừa vào nó, tôi lao qua cửa, tiếng ghế gãy rãng rắc, tôi cắm cổ chạy khỏi nhà, tiếng la hét sau lưng tôi, những tiếng kêu đầy sợ hãi... nhưng tiếng thở khò khè to hơn, gần hơn đang đuổi theo tôi, tôi lao vút xuống cầu thang... nó âm âm phía sau tôi, tôi đã ra đến ngoài phố, tôi cảm thấy hơi thở tham lam của nó trên gáy mình, tôi chạy, nhà cửa nghiêng ngả. " Cứu! Cứu!" Những quảng trường, những hàng cây, một cái móng vuốt trên vai tôi, nó đã tóm được tôi, tôi gào thét, khóc rú, vấp ngã, những bộ quân phục, những nắm đấm, cơn giận, những ánh chớp và tiếng rầm rầm đục của những lưỡi rìu đánh tôi ngã xuống đất...

CHƯƠNG BẢY .

I.

Đã vài năm trôi qua? Hay mới chỉ vài tuần? Quá khứ treo lơ lửng nơi chân trời như một màn sương phủ, như một cơn bão xa. Tôi đã ốm rất lâu, và mỗi khi cơn sốt hạ bớt, tôi lại luôn Đ thấy gương mặt lo âu của mẹ. Nhưng rồi cơn mệt mỏi ghê gớm lại ập tới cuốn sạch đi mọi sự cứng cỏi; một giấc ngủ chập chờn nơi mọi ý nghĩ đều tan biến, một sự hiến dâng yếu ớt cho tiếng ngâm nga nhẹ nhàng của dòng máu và hơi ấm của mặt trời...

Đồng cỏ rục lên trong ráng nắng cuối hè. Nằm trong đồng cỏ...

những thân cỏ cao vượt mặt, chúng uốn mình, chúng là cả thế giới, ở đây không có gì khác ngoài sự đung đưa dịu dàng theo nhịp gió. Tại những nơi chỉ có cỏ mọc, ngọn gió có âm thanh xao xác khẽ khàng, như tiếng lữ đi hái đặng xa... còn ở chỗ có cây chút chút mọc, tiếng gió lại trầm và sâu hơn.

Phải nằm yên thật lâu mới nghe thấy nó. Nhưng rồi sự yên tĩnh trở nên sống động. Những con bọ ruồi bé xíu với đôi cánh đen lốm đốm đỏ đậu san sát bên nhau trên bông chút chút, đung đưa qua lại cùng những nhánh cây. Bầy ong nghệ bay vu vu như những chiếc máy bay tí hon qua đám cỏ ba lá, và một con bọ rùa cô đơn kiên nhẫn leo lên tới ngọn cao nhất của một nhánh rau tề.

Một con kiến trèo lên cổ tay tôi và chui tọt vào ống tay áo chần. Nó tha theo sau một nhánh cỏ khô dài hơn nhiều so với nó. Tôi cảm thấy vệt gai nhẹ trên da và tự hỏi: không biết con kiến hay là nhánh cỏ đang kéo theo cái dải sự sống mỏng manh này trên cánh tay tôi, tajo nên những gợn nhẹ run rẩy? Nhưng rồi gió lùa vào trong tay áo, và tôi cảm thấy: tất cả những món trốn của tình yêu vẫn còn thô ráp so với làn hơi thở này trên da.

Nhưng con bướm chao lượn lại gần, say sưa hiến mình cho gió, như thể đang trôi bồng bênh, những cánh bướm trắng và óng ánh vàng dong trên ngọn gió dịu dàng. Chúng vờn trên những bông hoa, và khi tôi ngược mắt lên lần nữa, tôi thấy hai con bướm lặng lẽ đậu trên ngực tôi, một con tựa như chiếc lá vàng với những đốm đỏ, con kia thì dang đôi cánh hung nâu sẫm với những đốm mắt lông công tím biếc. Một tấm huân chương của mùa hè. Tôi thở thật nhẹ và từ tốn, vậy mà hơi thở vẫn làm đu đưa đôi cánh của chúng... tuy nhiên chúng vẫn ở lại bên tôi. Bầu trời sáng rõ lung linh sau những ngọn cỏ, và một con chuồn chuồn đập đập đôi cánh lượn lờ phía trên đôi giày của tôi. Các loại mạng nhện trắng bạc vái những sợi tơ lấp lánh đu đưa trong không khí. Chúng giăng trên thân và lá cây, bị gió đẩy gần lại, vương lên đôi tay tôi, lên quần áo tôi, sà xuống mặt tôi, giăng trên đôi mắt tôi, chúng phủ kín tôi. Thân thể tôi, vừa nãy hãy còn là thân thể tôi, giờ đang hòa vào đồng cỏ. Ranh giới của nó mờ đi, không còn tách bạch nữa, những đường nét bị hòa tan trong ánh sáng và trở nên mờ ảo.

Hơi thở của cỏ bốc lên qua lớp da giày, hơi thở của đất thấm qua các lỗ vải trên quần áo, và bầu trời chuyển động lùa qua mái tóc tôi: đó là gió...

và máu đập vào da, máu nổi dậy chống lại những kẻ xâm nhập, các đầu dây thần kinh ngồng lên và run rẩy, và tôi đã cảm nhận được những cái chân con bướm trên ngực mình, và đường di chuyển của con kiến đội lại trong những khu lõm ở các mạch máu của tôi... rồi cơn sóng mạnh hơn sự kháng cự cuối cùng tan chảy, và tôi chỉ còn là một ngọn đồi không tên, là đồng cỏ, là đất.

Các dòng chảy thâm lặng của trái đất xoay vần lên xuống, và dòng máu của tôi cũng tuần hoàn cùng với chúng, nó sẽ được cuốn đi, sẽ thành một phần trong tất cả. Xuyên qua bóng tối ấm áp của trái đất, nó chảy cùng âm thanh của các tinh thể và thạch anh, nó ở trong những âm thanh bí ẩn của

trọng lực đã kéo từng giọt từng giọt chìm xuống giữa các rễ cây và tích tụ trong các mạch ngầm nhỏ bé, tìm đường trở về nguồn. Rồi cùng với các nguồn chảy, nó lại ngoi lên khỏi mặt đất, hiện diện ở những dòng sông con suối, trong ánh sáng rục rờ nơi bờ nước trong sự mênh mông biển cả và trong làn hơi nước ẩm ướt bàng bạc, thứ mà rồi mặt trời sẽ lại kéo lên thành những đám mây... cứ thế xoay vòng, nó lấy đi từ tôi mỗi lúc càng nhiều hơn, để rồi lại xả vào đất và những mạch ngầm; thân thể tan biến từ từ và không đau đớn, thân thể đã biến mất, chỉ để lại vải vóc và cái vỏ ngoài, đã trở thành nước ngầm xuống nguồn sâu, thành tiếng gọi của cỏ cây, thành ngọn gió thổi, thành tiếng lá xào xạc, thành bầu trời lặng im chuyển sắc màu. Bãi cỏ lan tới gần hơn, hoa mọc khắp nơi, những bông hoa đong đưa bên trên và tôi bị chìm xuống, bị quên lãng, tan chảy giữa đám anh túc và cúc vạn thọ đậm lầy màu vàng với đàn bướm và chuồn chuồn lượn lơ bên trên... Chuyển động khẽ khàng nhất... run rẩy êm ái nhất... Dao động cuối cùng trước khi kết thúc chẳng? Những bông hoa anh túc và những ngọn cỏ chẳng? Dòng nước nhỏ len lõi giữa các rễ cây chẳng?

Nhưng chuyển động tăng lên. Nó đều đặn hơn, đi vào hơi thở và nhịp đập, từng đợt sóng tiếp sóng đến và tuôn trào trở lại... trở lại từ con sông, cây cỏ, lá và đất... Sự xoay vòng sẽ lại bắt đầu, nhưng nó không mang đi khỏi, nó mang thêm đến và ở lại, nó sẽ thành trận mưa rào. Cảm nhận, cảm xúc, đôi bàn tay, cơ thể... cái vỏ ngoài không còn trông rỗng nữa... đất lại tuôn trào vào cơ thể tôi một cách thoải mái, nhẹ nhàng và sống động...

Tôi mở mắt ra.

Tôi đang ở đâu? Tôi đã ở đâu? Tôi đã ngủ chẳng? Mọi liên hệ bí ẩn với thiên nhiên vẫn còn đây, tôi lắng nghe và không dám động đậy. Nhưng nó vẫn còn đó. Và cảm giác hạnh phúc, nhẹ nhõm bay bổng, rạng rỡ mỗi lúc càng tăng tôi nằm trên bãi cỏ, những con bướm đã bay đi và xa dần, cây

chút chút lắc lư, và con bọ rùa đã leo đến đỉnh ngọn cỏ của nó, những sợi tơ trắng bạc treo trên quần áo tôi, sự rung động vẫn còn đó, nó tràn vào ngực tôi, vào mắt tôi, tôi động đậy hai bàn tay, ôi chao là hạnh phúc! Tôi co đầu gối lên, tôi ngồi dậy mặt tôi ướt đẫm... và phải đến lúc này tôi mới cảm thấy là mình đang khóc khóc không kìm được, như thể nhiều thứ đã trôi qua.

Tôi nghỉ ngơi thêm hồi lâu. Rồi tôi đứng dậy và đi về phía nghĩa trang. Cho đến nay tôi chưa từng tới đó. Từ ngày Ludwig chết, hôm nay là lần đầu tiên tôi được phép đi ra ngoài một mình.

Một bà lão đi cùng tôi để chỉ cho tôi mộ của Ludwig. Ngôi mộ nằm phía sau một hàng rào gỗ sồi và được trồng hoa dứa cạn. Đất trên mộ vẫn còn hơi xốp, vun thành một cái gò nhỏ, bên cạnh dựa vài vòng hoa héo.

Dòng chữ vàng trên các dải băng gắn trên những vòng hoa đã phai màu, không đọc được nữa.

Tôi đã hơi sợ đến đây. Nhưng sự yên tĩnh này không hề rùng rợn.

Gió thổi qua những ngôi mộ, bầu trời tháng chín vàng rực sau những cây thập tự, và trong chòm lá của hàng cây tiêu huyền một con sáo đang hót líu lo.

Ôi, Ludwig, ngày hôm nay lần đầu tiên tớ cảm nhận được cái gì đó giống như quê hương và hòa bình, nhưng cậu không còn ở bên tớ. Tớ vẫn chưa dám tin, tớ vẫn cho rằng đó là sự yêu đuổi và mệt mỏi... nhưng có lẽ đến một lúc nào đó chúng mình sẽ cảm nhận được thế nào là sự hiện dâng, có lẽ chúng mình chỉ phải chờ đợi và im lặng, và rồi nó sẽ tự đến với chúng mình, có lẽ thứ duy nhất thực sự đã không rời bỏ chúng mình chỉ là cơ thể của chúng mình và trái đất, và có lẽ chúng mình không cần phải làm gì khác ngoài lắng nghe và làm theo chúng.

Ôi, Ludwig, chúng mình đã tìm kiếm và tìm kiếm, chúng mình đã lạc

đường và đã gục ngã, chúng mình đã muốn có nhiều mục đích và đã vấp phải chính mình, chúng mình đã không tìm thấy nó và cậu đã sụp đổ... và lẽ nào giờ đây một làn gió nhẹ lướt trên các ngọn cỏ, một tiếng hót của con sáo đen lúc chiều tà đủ làm chúng mình cảm động và đưa được chúng mình về nhà? Lẽ nào một đám mây ở chân trời, một cái cây trong mùa hè lại có thể có nhiều sức mạnh hơn bấy nhiêu ước muốn?

Tớ không biết, Ludwig. Tớ còn chưa thể tin điều đó, bởi vì tớ không còn hy vọng nữa. Nhưng thật ra chúng mình cũng không hề biết sự hiện dang là gì và không biết đến sức mạnh của nó. Chúng mình chỉ biết đến bạo lực.

Nhưng nếu đó là một con đường, Ludwig... nó sẽ ích gì với tớ... khi thiếu cậu...

Chiều tối chậm chạp leo lên từ phía sau hàng cây. Nó lại mang đến sự bất an và nỗi buồn. Tôi nhìn chăm chăm vào ngôi mộ. Những bước chân lạo xạo trên sỏi. Tôi nhìn lên. Đó là Georg Rahe. Cậu ta nhìn tôi lo âu và giục tôi đi về nhà.

"Đã lâu tớ không gặp cậu, Georg," tôi nói, "cậu đã ở đâu vậy?"

Cậu ta phác một cử chỉ mơ hồ. "Tớ đã thử một số nghề..."

"Thế cậu không còn là lính nữa à?" tôi hỏi.

"Không," cậu ta trả lời cộc lốc.

Hai người phụ nữ mặc đồ tang đi dọc theo con đường giữa hai hàng cây tiêu huyền. Họ xách theo những bình nước nhỏ màu xanh lá cây và bắt đầu tưới cho những cây hoa bên một ngôi mộ cũ. Hương thơm ngọt ngào của hoa quế trúc và cỏ mộc tê bay sang chỗ chúng tôi.

Rahe nhìn lên. "Tớ đã nghĩ sẽ tìm được chút tình đồng đội còn sót lại ở trong quân ngũ, Ernst ạ. Nhưng ở đó chỉ còn lại cái cảm giác cùng hội cùng thuyền méo mó, một bức biếm họa ma quái của chiến tranh. Những kẻ tin

rằng nếu họ giấu vài chục khẩu súng, họ có thể cứu cả đất nước...

những sĩ quan đến bánh mì còn chẳng có mà ăn nhưng không biết tìm việc làm gì khác ngoài việc có mặt ở tất cả những vụ lộn xộn; những lính đánh thuê muôn thuở đã bị mất đi mọi mối quan hệ và gần như sợ hãi lại phải trở về cuộc sống thường dân... những kẻ sau cùng là rác thải rắn nhất của chiến tranh. Xen giữa họ là vài kẻ duy tâm và một đồng những gã trai trẻ tò mò, nghiện phiêu lưu. Tất cả đều bị kích động, cay đắng, tuyệt vọng và lamm dụng lẫn nhau. Ủ, và sau đó..."

Cậu ta im lặng một lúc và nhìn đăm đăm về phía trước. Tôi nhìn gương mặt của cậu ta từ bên cạnh. Trông cậu ta bồn chồn và xơ xác, còn đôi mắt thì thâm quầng. Sau đó cậu ta như sực tỉnh. "Sao tớ lại không nói với cậu chứ, Ernst... Tớ nghiên ngẫm những điều này đủ lâu rồi. Một ngày nọ chúng tớ đã chiến đấu. Người ta nói rằng để chống lại những người Cộng sản. Nhưng rồi khi tớ nhìn thấy những người chết, những công nhân, một số vẫn còn mặc áo khoác cũ từ chiến trường, chân vẫn mang ủng lính, những anh em đồng đội ngày nào, thì một cái gì đó đã tan nát trong tớ. Tớ đã có lần lái máy bay bắn hạ nửa đại đội người Anh... việc đó đã không hề làm tớ băn khoăn, chiến tranh là chiến tranh. Nhưng những đồng đội này chết trên đất Đức... do chính tay đồng đội cũ xả súng... Hốt rồi, Ernst!"

Tôi bắt giác nhớ đến Weil và Heel, và gật đầu.

Một con chim mai hoa bắt đầu vỗ cánh ngay trên đầu chúng tôi. Mặt trời lặn dần chiếu ánh vàng rực rỡ. Rahe ghé răng xé một điều thuốc. "Ồ, rồi sau đó... Sau đó không lâu đột nhiên hai người trong chúng tớ biến mất.

Nghe đồn họ có mưu đồ làm lộ một kho vũ khí. Các đồng đội đã giết họ bằng súng ngắn vào ban đêm ở trong rừng mà chẳng hề điều tra xét xử.

Cái đó gọi là 'Phiên tòa bí mật'. Một trong hai kẻ bất hạnh đó từng là hạ sĩ quan dưới quyền tớ ngoài mặt trận. Một gã trai tuyệt vời. Thế là tớ tung

hê tất cả." Cậu ta nhìn xung quanh. "Cơ sự đã thành ra như thế đấy, Ernst...

vậy mà hồi đó... hồi đó... bọn mình đã ra trận với một ý chí và một khí thế tiên công như thế nào!" Cậu ta ném điếu thuốc đi. "Chết tiệt, tất cả những thứ đó đã biến đâu hết rồi?" Một lúc sau cậu ta khẽ nói: "Tớ vẫn muốn biết, Ernst... làm sao cơ sự lại có thể xoay ra như thế này..."

Chúng tôi đứng lên và đi giữa những hàng cây tiêu huyền đến lối ra.

Mặt trời đùa nghịch trên tán lá và chiếu lấp loáng trên mặt chúng tôi. Tất cả thật hư ảo... câu chuyện của chúng tôi và bầu không khí êm ái ấm áp cuối hè, những con sáo và hơi thở lạnh của ký ức.

"Cậu định làm gì bây giờ, Georg?" tôi hỏi.

Cậu ta gơ cây ba toong của mình phạt cụt những bông hoa xù lông trên các bụi cây dọc đường đi. "Tớ đã xem xét mọi thứ, Ernst... nghề nghiệp, lý tưởng, chính trị... nhưng tớ không hợp với cái xã hội đang vận hành này. Có gì ở đây chứ... đâu đâu cũng buôn lậu, nghi kỵ, thờ ơ và ích kỷ vô biên..."

Tôi hơi mệt mỏi vì đi bộ, chúng tôi cùng ngồi xuống. Các ngọn tháp của thành phố lung linh màu xanh lá cây, những mái nhà tỏa hơi sương và làn khói nhẹ từ các ống khói bay lên bàng bạc. Georg chỉ tay xuống dưới:

"Hệt như những con nhện, họ rình rập trong những văn phòng, trong những cửa hàng, và trong nghề nghiệp của họ, người này sẵn sàng hút khô máu người kia. Và còn trăm thứ bà già khác treo trên đầu họ - gia đình, các hiệp hội, các cơ quan chính quyền, pháp luật, nhà nước! Mạng nhện này trùm lên mạng nhện khác! Hiển nhiên, người ta có thể gọi nó là cuộc sống và tự hào vì đã bò rập dưới nó suốt bốn mươi năm. Nhưng tớ đã học được ở chiến trường, rằng thời gian không phải là thước đo của cuộc đời.

Vì thế, tại sao tớ phải hạ mình bốn mươi năm? Nhiều năm trời tớ đã đặt tất cả lên một lá bài, và luôn đánh cược bằng cả cuộc sống... giờ đây tớ

không thể chơi vì mấy đồng xu và vài tiền bộ cón con."

"Năm cuối cùng cậu đã không phải nằm trong chiến hào, Georg," tôi nói, "nó có lẽ khác xa với chỗ của phi công các cậu. Thường phải hàng tháng trời chúng tớ không nhìn thấy mặt mũi thằng địch nào, chúng tớ chỉ là những tấm bia đỡ đạn. Chúng tớ chẳng có gì để đặt cọc... chỉ có chờ đợi, cho đến khi nhận được phát đạn của mình."

"Ernst, tớ không nói về chiến tranh... tớ nói về giới trẻ và tình đồng đội."

"Phải, thứ đó qua rồi," tôi nói.

"Chúng mình đã sống như trong nhà kính," Georg nói trầm ngâm.

"Bây giờ, chúng mình là những người già. Nhưng vẫn còn tốt nếu mọi sự rõ ràng. Tớ không hối tiếc gì cả. Tớ chỉ chấm dứt. Tất cả các con đường của tớ đã bị chặn. Chỉ còn lại cuộc sống vô vị. Nhưng tớ không muốn thế. Tớ muốn được tự do."

"Trời, Georg," tôi kêu lên, "những gì cậu nói là một sự kết thúc!

Nhưng ở đâu đó, bằng cách gì đó vẫn phải có một khởi đầu cho chúng mình chứ! Tớ cảm nhận được nó ngày hôm nay. Ludwig đã biết nó, nhưng cậu ấy đau ốm quá."

Cậu ta choàng tay qua vai tôi. "Phải, phải... hãy cố gắng có ích, Ernst..."

Tôi tựa vào cậu ta. "Nghe cậu nói thấy tất cả có vẻ ghê tởm và nhơ nhớp. Nhưng chắc chắn ở đâu đó vẫn còn có tình đồng đội chứ, chỉ là chúng mình chưa biết đến nó mà thôi."

Tôi rất muốn kể cho cậu ta đôi chút về những cảm xúc mà mình đã trải nghiệm trên đồng cỏ. Nhưng tôi không biết diễn đạt sao cho đúng bằng lời.

Chúng tôi ngồi im lặng bên nhau. "Cậu thực sự muốn làm gì bây giờ Georg?" một lúc sau tôi lại hỏi. Cậu ta mỉm cười tự lự. "Tớ ấy à Ernst? Tớ chỉ nhờ một sơ ý mà không bị giết chết... điều đó làm cho tớ có chút lo

bịch."

Tôi hất tay cậu ta ra và nhìn cậu ta trần trời. Cậu ta trấn an tôi: "Trước hết, tớ sẽ lại đi đâu đó một thời gian."

Cậu ta nghịch cây ba toong của mình và nhìn xa xăm hồi lâu.

"Cậu còn nhớ Giesecke có lần đã nói gì không? Hôm ở viện tâm thần ấy. Cậu ấy muốn đến Fleury... Trở lại chiến trường xưa cậu hiểu không.

Cậu ấy tin rằng điều đó sẽ giúp được mình..."

Tôi gật đầu. "Cậu ấy vẫn còn ở viện. Karl gần đây có đến thăm cậu ấy..."

Gió bắt đầu thổi nhẹ. Chúng tôi ngắm nhìn thành phố và những hàng dài bạch dương, ngày xưa chúng tôi đã dựng lều và chơi trò bộ tộc da đỏ dưới những hàng cây này. Georg luôn là thủ lĩnh, và tôi đã yêu cậu ta đúng kiểu chỉ có những cậu bé ngây thơ chả biết gì có thể yêu.

Mắt của chúng tôi gặp nhau. "Old Shatterhand, [1]" Georg nói khẽ và mỉm cười.

"Winnetou[2] ," tôi cũng đáp khẽ như thế.

1,2. Old Shatterhand và Winnetou là hai anh em nhân vật trong các tác phẩm của nhà văn người Đức Karl Friedrich May (1842 - 1912).

II.

Càng gần đến ngày xử án, tôi càng hay nghĩ đến Albert. Và đột nhiên, một ngày nọ, tôi nhìn thấy rõ ràng và sống động trước mắt mình một bức tường đắp đất bùn, một lỗ châu mai, một khẩu súng trường có kính ngắm, và một khuôn mặt lạnh lùng căng thẳng, rình rập đằng sau: Bruno Mückenhaupt, tay bắn tỉa giỏi nhất của tiểu đoàn, người không bao giờ bắn trượt.

Tôi đứng bật dậy... Tôi phải đi xem anh ta hiện làm gì, và anh ta đối diện với quá khứ chiến tranh như thế nào.

Một ngôi nhà cao với nhiều căn hộ. Các bậc cầu thang ướt đầm nước.

Đang là thứ bảy, và khắp nơi đê đầy những xô nước, bàn chải và những người phụ nữ vẩy xăn quai công xung quanh.

Một tiếng chuông chói tai, quá vang so với cái cửa này. Ai đó ngập ngừng mở cửa. Tôi hỏi thăm Bruno. Người phụ nữ mời tôi vào.

Mückenhaupt đeo hai ống tay áo đang ngồi trên sàn nhà và chơi với con gái mình, một cô bé khoảng năm tuổi có mái tóc màu vàng rom, trên đó cài một cái nơ lớn màu xanh. Anh ta làm cho cô bé một con sông bằng giấy bạc trên tấm thảm và đặt lên mấy chiếc tàu nhỏ bằng giấy. Vài chiếc trong số đó được gắn thêm những cục bông gòn, đó là những chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước, và mấy con búp bê bằng rom làm khách trên tàu. Bruno thoải mái hút một tẩu thuốc dài vừa phải. Trên cái đầu bằng sứ có hình của một người lính đang quỳ bắn súng, với dòng chữ thấy rõ: "Hãy luyện mắt luyện tay vì Tổ quốc!"

"Xem ai đến kìa! Ernst!" Bruno nói, vỗ nhẹ cô bé một cái và để nó chơi tiếp một mình. Chúng tôi đi vào phòng khách. Sofa và ghế được bọc nhung

màu đỏ, tấm khăn móc bằng len phủ trên tay ghế, và sàn nhà đánh sáp bóng đến nỗi tôi trượt chân. Mọi thứ đều sạch sẽ và đúng chỗ: những cái vỏ ốc, những đồ trang trí linh tinh và các bức ảnh đặt trên tủ ngăn kéo, và giữa chúng, ở trung tâm, là huân chương của Bruno nằm trên lớp nhung đỏ dưới một tấm kính.

Chúng tôi ôn chuyện thời trước. "Anh còn giữ sổ ghi chiến công của anh chứ?" tôi hỏi.

"Cái cậu này..." Bruno trả lời giọng đầy trách móc, "nó luôn nằm ở vị trí danh dự ấy chứ."

Anh ta lấy cuốn sổ ra khỏi tủ và thích thú lật lật các trang. "Thời gian tốt nhất của tớ tất nhiên luôn luôn vào mùa hè, bởi vì khi đó người ta có thể nhìn rõ rất lâu vào buổi tối. Đây... đợi một lát... tháng sáu, ngày mười tám... bốn phát trúng đầu, ngày mười chín thì ba, ngày hai mươi chỉ một, ngày hăm một được hai, ngày hăm hai lại một, ngày hăm ba không, không có gì. Chả là lũ con hoang đó đã nhận thấy gì đó và trở nên thận trọng...

nhưng mà đây, chú ý nghe này, ngày hăm sáu, hôm đó một đơn vị mới vừa đến thay thế, vẫn chưa biết tí gì về tay súng Bruno, chín phát trúng đầu, giờ cậu bảo sao nào?"

Anh ta rạng rỡ nhìn tôi. "Chỉ trong hai giờ đồng hồ nhé! Thật buồn cười, tớ không biết liệu có phải vì tớ đã bắn chúng từ dưới lên, và thổi ngược từ cằm hay không, nhưng chúng cứ nối tiếp nhau bay lên như những con dê đực, ngực vượt qua mép chiến hào. Và xem đây, hăm chín tháng sáu, mười giờ hai phút tối, trúng đầu, không đùa đâu, Ernst, cậu xem, tớ có nhân chứng, ghi ở đây: xác nhận, trung sĩ Schlie. Mười giờ tối nhé, gần như trong bóng đêm, chiến công tuyệt vời, hả? Anh bạn, thời đó mới oanh liệt làm sao!"

"Anh nói xem, Bruno," tôi nói, "chiến công tuyệt vời thật đấy, nhưng

bây giờ... ý em muốn hỏi, liệu đôi khi anh có thấy thương hại những gã khôn khở đó không?"

"Cái gì?" anh ta sừng sốt hỏi lại.

Tôi nhắc lại những gì tôi đã nói. "Hồi đó chúng ta ở giữa cuộc chiến, Bruno. Nhưng hôm nay tất cả đã thay đổi rồi." Anh ta dịch ghế của mình lùi ra sau. "Người anh em, dễ thường cậu là bolshevik[1] , hả? Đó là nghĩa vụ! Là mệnh lệnh! Hỏi thế mà cũng hỏi..." Anh ta bực bội gói sô ghi chiến công của mình vào tấm giấy lụa cất đi.

1. Tên gọi các đảng viên Đảng Cộng sản Nga.

Tôi xoa dịu anh ta bằng một điều xì gà ngon. Anh ta rít vài hơi để hòa giải và kể về câu lạc bộ bắn súng của mình, tụ tập mỗi thứ bảy. "Gần đây chúng tớ đã tổ chức vũ hội. Rất đẳng cấp nhé, nói cho cậu biết! Và tiếp theo sẽ có cuộc thi bowling nữa. Cậu nhất định phải đến một lần, Ernst, có bia trong quán bar, tớ hiếm khi được uống thứ bia ngon như thế. Và mỗi vai rẻ hơn mọi nơi khác mười xu. Khoản đó tích lại mỗi đêm cũng khá chứ.

Ở đó lịch sự và ấm cúng. Nhìn đây..." anh ta chỉ vào một sợi dây chuyền mạ vàng, "trở thành Vua bắn súng nhé! Bruno đệ nhất! Về vang, hả?"

Đưa bé bước vào. Một chiếc thuyền bị rách làm đôi. Bruno cẩn thận sửa lại nó và vuốt tóc cô bé. Cái nơ màu xanh kêu lách tách.

Sau đó, anh ta dẫn tôi đến tủ rượu chất ngồn ngộn đủ mọi thứ đồ linh tinh. Anh ta đã giành được chúng tại quây bắn súng ở hội chợ. Ba phát bắn giá vài đồng xu, và ai bắn được một số lượng vòng nhất định được phép lựa chọn giải thưởng. Suốt cả ngày Bruno đã không chịu rời gian hàng. Anh ta đã bắn được cả đồng gấu bông, bát pha lê, cốc, vai bia, ấm pha cà phê, gạt tàn, bóng và thậm chí hai chiếc ghế bành bằng mây tre đan.

"Cuối cùng không quây bắn súng nào dám cho tớ lại gần nữa " anh ta

cười thích chí. "Tớ lại chả bán cho phá sản, đóng cửa quây luôn ấy chứ. Thế đây, có học có khác!"

Tôi đi dọc con phố tối om. Từ cửa các ngôi nhà ven đường, ánh đèn và nước chảy ra. Bruno lại sẽ chơi với con gái của mình. Rồi vợ anh ta sẽ dọn bữa ăn tối. Sau đó anh ta sẽ đi uống bia. Chủ nhật anh ta đưa gia đình đi dã ngoại. Anh ta là một người đàn ông lịch thiệp, một người cha tốt, một công dân đáng kính. Không có gì để chê.

Thế còn Albert? Thế còn chúng tôi?

Một giờ trước khi bắt đầu phiên tòa xử Albert chúng tôi đã đứng trong hành lang của tòa án. Cuối cùng các nhân chứng cũng được gọi vào.

Chúng tôi bước vào, tim đập thình thịch. Albert nhợt nhạt tựa vào lưng ghế bị cáo, mắt nhìn thẳng phía trước. Chúng tôi muốn dùng mắt khích lệ cậu ấy: can đảm lên, Albert! Chúng tớ sẽ không bỏ mặc cậu! Nhưng cậu ấy không nhìn lên.

Sau khi tên của chúng tôi được xướng lên, chúng tôi lại phải rời khỏi phòng. Trên đường đi ra chúng tôi phát hiện Tjaden và Valentin ngồi ngay hàng ghế đầu tiên của khán phòng. Họ nháy mắt với chúng tôi.

Các nhân chứng được lần lượt gọi vào. Với Willy thời gian kéo dài đặc biệt. Sau đó đến lượt tôi. Một cái liếc mắt thật nhanh về phía Valentin...

Một cái lắc đầu kín đáo không thể nhận thấy. Nghĩa là cho đến lúc này Albert vẫn cứ từ chối khai trước tòa. Tôi cũng đã nghĩ vậy. Cậu ấy ngồi với vẻ lơ đãng cạnh luật sư của mình. Willy ngược lại, mặt đỏ tía tai. Cảnh giác như một con chó săn, cậu ta quan sát ông công tố viên. Giữa hai bên xem ra đã từng có đụng độ.

Tôi tuyên thệ. Sau đó, chủ tọa bắt đầu hỏi. Ông ta muốn biết liệu Albert có từng nói về việc muốn thanh toán Bartscher hay không. Khi tôi trả lời là không, ông ta bèn nói một số nhân chứng khai rằng họ nhận thấy Albert khi

đó bình tĩnh lạ lùng và tỏ ra đã cân nhắc kỹ lưỡng.

"Cậu ấy luôn luôn thế," tôi nói.

"Cân nhắc kỹ lưỡng ư?" công tố viên xen vào.

"Bình tĩnh," tôi đáp.

Chủ tọa cúi người về phía trước. "Ngay cả trong tình huống như vậy sao?"

"Dĩ nhiên," tôi đáp, "cậu ấy vẫn giữ được bình tĩnh ngay cả trong những tình huống hoàn toàn khác nữa."

Trong những tình huống khác nào?" công tố viên hỏi và giơ vôi một ngón tay ra trước.

"Trong bão lửa!"

Ông ta lại giấu ngón tay đi. Willy tùm tùm hài lòng. Công tố viên ném cho cậu ta một cái nhìn căm tức.

"Vậy là anh ta đã bình tĩnh?" chủ tọa lại hỏi lần nữa.

"Bình tĩnh như lúc này," tôi giận dữ đáp. "Chẳng lẽ ông không thấy rằng, cho dù cậu ấy đang bình tĩnh đứng đó, nhưng mọi thứ trong cậu ấy vẫn đang sôi sục và cuồng nộ? Vì cậu ấy đã là một người lính! Vì cậu ấy đã học được cách không nhảy lung tung và tuyệt vọng giơ tay lên trời trong những tình huống nghiêm trọng. Nếu không thế, cậu ấy hẳn đã chẳng còn cánh tay nào nữa!"

Luật sư ghi chép gì đó. Chủ tọa nhìn tôi một lát. "Vậy vì sao anh ta phải bắn ngay?" ông ta hỏi. "Việc cô gái vào quán cà phê với một ai khác đâu có tệ hại khủng khiếp đến vậy."

"Nó còn tệ hại hơn một phát đạn vào bụng cậu ấy," tôi nói.

"Tại sao?"

"Bởi vì cô gái là thứ duy nhất mà cậu ấy có."

"Anh ta còn có mẹ," công tố viên xen vào.

"Cậu ấy không thể kết hôn với mẹ," tôi trả lời.

"Vậy vì sao anh ta nhất định phải kết hôn?" chủ tọa hỏi. "Không phải anh ta hãy còn quá trẻ cho việc đó sao?"

"Cậu ấy đã không được coi là quá trẻ khi trở thành một người lính," tôi phản bác. " Và cậu ấy muốn kết hôn, bởi vì sau chiến tranh cậu ấy mất phương hướng, bởi vì cậu ấy sợ chính mình và những ký ức của mình và tìm kiếm một điểm tựa. Đối với cậu ấy đó là cô gái này."

Chủ tọa quay sang Albert.

"Bị cáo, cuối cùng anh có muốn trả lời bây giờ không? Những gì nhân chứng cho biết ở đây có đúng không?"

Albert chần chừ một lúc.illy và tôi nhìn chăm chăm vào cậu ấy.

"Có," đoạn cậu ấy miễn cưỡng đáp.

"Bây giờ anh cũng muốn cho chúng tôi biết tại sao anh đã mang theo súng bên mình chứ?"

Albert im lặng.

"Cậu ấy luôn có nó bên mình," tôi nói.

"Luôn luôn ư?" chủ tọa hỏi.

"Dĩ nhiên," tôi trả lời, "hoàn toàn giống như khăn tay và đồng hồ của cậu ấy."

Chủ tọa nhìn tôi ngạc nhiên. "Một khẩu súng là thứ gì đó khác hẳn một chiếc khăn tay."

"Đúng vậy," tôi nói, "cậu ấy không thật cần chiếc khăn tay. Cậu ấy đôi khi không hề có khăn tay bên mình."

" Còn khẩu súng?..."

"Nó đã nhiều lần cứu sống cậu ấy. Cậu ấy mang nó bên mình đã ba năm nay. Đây là thói quen của cậu ấy từ chiến trường."

"Nhưng bây giờ anh ta không còn cần nó nữa.vì chúng ta đang có hòa

bình mà."

Tôi nhún vai. "Cho đến giờ chúng tôi vẫn chưa nghĩ thế."

Chủ tọa lại quay về phía Albert. "Bị cáo, cuối cùng anh có muốn làm nhẹ lương tâm mình không? Anh không hối tiếc vì hành động của mình sao?"

"Không," Albert trầm giọng đáp.

Tất cả trở nên yên lặng. Bồi thẩm đoàn lắng nghe. Công tố viên cúi người về phía trước. Willy có vẻ mặt như muốn xông vào Albert. Tôi tuyệt vọng nhìn cậu ấy.

"Nhưng anh đã giết chết một con người," chủ tọa nhấn mạnh.

"Tôi đã từng giết nhiều người," Albert đáp.

Công tố viên nhảy cẫng lên. Bồi thẩm viên ngồi gần cửa ngừng gặm móng tay của mình.

"Anh đã làm gì?" chủ tọa hỏi không kịp thở.

"Trong chiến tranh," tôi vội xen vào.

"Đó lại là chuyện hoàn toàn khác," công tố viên thất vọng tuyên bố.

Khi đó Albert ngẩng đầu lên. "Tại sao đó lại là chuyện khác?"

Công tố viên đứng dậy. "Không lẽ anh muốn so sánh cuộc chiến đấu vì Tổ quốc với hành động của anh ở đây sao?"

"Không," Albert trả lời, "những người tôi đã bắn hồi đó họ chẳng làm gì tôi cả."

"Thật quá quái," công tố viên phẫn nộ nói và quay về phía chủ tọa, "tôi buộc phải kháng nghị."

Tuy nhiên chủ tọa bình tĩnh hơn. "Chúng ta sẽ đi về đâu nếu tất cả những người lính đều nghĩ như anh!" ông ta nói.

"Điều đó đúng," tôi nói xen vào, "nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc này." Tôi chỉ vào Albert. Giá như người ta không dạy cậu ấy

bắn vào con người, thì giờ đây cậu ấy đã không làm điều đó."

Công tố viên đỏ bừng mặt. "Nhưng quả thật không thể cho phép nhân chứng khi không được yêu cầu mà cứ tự..."

Chủ tọa trấn an ông ta. "Tôi nghĩ rằng hẳn ở đây chúng ta được phép đi chệch khỏi các quy định một lần."

Tôi tạm thời bị đưa ra ngoài, và người ta cho gọi cô gái vào. Albert giật mình và mím chặt môi. Cô gái mặc một chiếc váy lụa màu đen và có mái tóc vừa mới uốn. Cô ta tự tin bước lên trước. Để nhận thấy, cô ta đang cảm thấy mình quan trọng thế nào. Thảm phán hỏi về mối quan hệ của cô ta với Albert và Bartscher. Cô ta mô tả Albert là một người không chịu nổi, Bartscher ngược lại là một người hòa nhã đáng mến. Cô ta không bao giờ nghĩ đến việc kết hôn với Albert, trái lại, cô ta gần như đã đính hôn với Bartscher. "Ông Troßke đầu sao vẫn còn quá trẻ để kết hôn," cô ta nói, hông lắc lư.

Những giọt mồ hôi chảy dài từ trán Albert, nhưng cậu ấy không động đậy. Willy vặn vẹo hai bàn tay. Chúng tôi khó khăn lắm mới tìm mình được. Chủ tọa hỏi về mối quan hệ của cô gái với Albert.

"Hoàn toàn vô hại," cô ta nói, "chúng tôi chỉ mới biết nhau."

"Bị cáo lúc đó đã bị kích động phải không?"

"Dĩ nhiên," cô ta hăng hái đáp. Điều đó có vẻ làm cô ta tự phụ.

"Việc đó xảy ra thế nào?"

"Vâng, thế này ạ..." cô ta mỉm cười và khẽ xoay người làm duyên, "chả là anh ta yêu tôi say đắm."

Willy găm gù trong cổ họng. Công tố viên dăm dăm nhìn như muốn đóng đinh cậu ta qua cặp kính.

"Con điếm rẻ tiền!" tiếng hét đột ngột vang lên khắp phòng xử.

Mọi người nhón nháo.

"Ai hét đó?" chủ tọa hỏi.

Tjaden hiên ngang đứng dậy.

Cậu ta bị phạt hành chính năm mươi mark.

"Rẻ bèo," cậu ta nói và rút ví của mình ra, "tôi sẽ trả tiền ngay chứ ă?"

Vì câu này cậu ta phải nộp phạt thêm năm chục mark nữa và bị yêu cầu rời khỏi phòng xử án.

Cô gái xem ra khiêm tốn hơn hẳn.

"Chuyện gì đã xảy ra giữa cô và Bartscher đêm đó?" chủ tọa tiếp tục tra hỏi.

"Không có gì," cô ta lưỡng lự đáp, "chúng tôi chỉ ngồi cùng nhau."

Quan tòa quay sang Albert. "Anh có muốn nói gì về điều này không?"

Tôi nhìn chòng chọc vào cậu ấy. Nhưng cậu ấy đáp khẽ: "Không."

"Nhu vậy những lời khai trên là chính xác?"

Albert mỉm cười cay đắng, mặt cậu ấy sạm lại. Cô gái không rời mắt khỏi tấm hình Đức Chúa treo trên bức tường ngay phía trên ghế chủ tọa.

"Có thể là chúng chính xác," Albert nói, "hôm nay tôi mới nghe chúng lần đầu tiên. Nếu vậy thì tôi đã nhầm."

Cô gái thở phào nhẹ nhõm. Nhưng cô ta mừng quá sớm. Vì Willy nhảy chồm dậy. "Dối trá!" cậu ta kêu lên. "Cô ta nói dối đê tiện như chó. Cô ta đã bày trò dâm dăng với gã đó, cô ta vẫn còn trần nửa người khi đi ra!"

Náo loạn. Công tố viên lớn tiếng phản đối. Chủ tọa ra một phán quyết khiển trách Willy. Nhưng cậu ta không dừng lại được nữa, mặc cho Albert đang tuyệt vọng nhìn cậu ta. "Dù cậu có quỳ xuống trước mặt tớ, tớ cũng phải nói ra " cậu ta hét to với Albert, "cô ta đã bày trò dâm dăng, và khi cậu ấy đứng trước mặt cô ta, cô ta kể lể với cậu ấy rằng Bartscher đã cố tình chuốc rượu cho cô ta say, vì thế cậu ấy đã nổi điên và đã bắn!"

Luật sư chộp ngay chứng cứ này, còn cô gái hét lên luống cuống:

"Ông ấy có làm thế... ông ấy có làm mà!

Công tố viên huơ huơ hai cánh tay. "Uy tín của tòa án đòi hỏi rằng..."

Willy xoay về phía ông ta như một con bò mộng. "Đừng có lên mặt nhìn người khác từ trên cao như thế, đồ rắn độc khỏe dẫn luật, hay ông tưởng rằng đứng trước cái áo choàng công tố khi tườu của ông chúng tôi sẽ im mồm? Cứ thử đuồi chúng tôi ra xem nào! Ông thực sự biết gì về chúng tôi? Cậu bé này hiền lành và ít nói, ông hãy hỏi mẹ của cậu ấy đi! Nhưng bây giờ cậu ấy bắn, cứ như thuở nhỏ cậu ấy đã ném những viên sỏi. Hối tiếc! Hối tiếc! Làm sao cậu ấy có thể hối tiếc, khi giờ đây cậu ấy kết liễu đời tên khốn đã phá tan nát tất cả của cậu ấy? Sai lầm duy nhất cậu ấy phạm phải là đã bắn sai người. Lẽ ra cậu ấy phải kết liễu con đàn bà kia! Không lẽ các người nghĩ rằng người ta có thể chùi sạch bốn năm giết chóc khỏi não bằng cái từ giẻ rách 'Hòa bình' như bằng một miếng bọt biển nhúng nước?

Chúng tôi tự biết chúng tôi không được phép tùy hứng xả súng vào kẻ thù của riêng mình, nhưng một khi chúng tôi đã nổi giận và tất cả đều hỗn loạn, vượt qua sức chịu đựng của chúng tôi, thì các người cũng suy nghĩ xem, do đâu mà ra!"

Cả phòng xét xử trở nên náo loạn. Ông chủ tọa ra sức vãn hồi trật tự nhưng vô ích.

Chúng tôi đứng chen vai sát cánh nhau, Willy trông rõ dữ tợn, Kosole siết chặt hai nắm đấm, vào lúc này họ không có cách gì đối phó với chúng tôi, chúng tôi quá nguy hiểm. Viên cảnh sát duy nhất có mặt không dám lại gần chúng tôi. Tôi nhảy đến trước bàn bồi thẩm đoàn.

"Vụ này liên quan đến người đồng đội của chúng tôi!" tôi hét lên.

"Đừng kết án cậu ấy! Cậu ấy cũng không muốn trở nên dửng dưng như vậy trước cuộc sống và cái chết, tất cả chúng tôi đều không muốn thế,

nhưng chúng tôi đã đánh mất mọi chuẩn mực ngoài mặt trận, và chẳng một ai chịu giúp chúng tôi! Lòng yêu nước, nghĩa vụ, quê hương, chính chúng tôi cũng đã luôn luôn tự nhủ như vậy để chịu đựng và biện minh cho cuộc chiến! Nhưng đó chỉ là những khái niệm, quá nhiều máu đổ ngoài chiến trường đã cuốn sạch chúng đi!"

Willy đột nhiên đứng bên cạnh tôi. "Mới một năm trước, chàng trai này, cậu ta chỉ vào Albert "cùng hai đồng đội nữa đơn độc nằm trong một chốt đặt súng máy, chốt duy nhất còn lại trên cả phân khúc mặt trận, rồi quân địch tràn lên tấn công, nhưng cả ba rất bình tĩnh, họ nhắm mục tiêu và chờ đợi, không nổ súng quá sớm, họ chỉnh mũi súng đúng ngang tầm bụng đối phương, khi đoàn quân phía trước họ đình ninh rằng tất cả đã bị quét sạch và bắt đầu xông lên thì họ mới bắn, bắn liên tục, hồi lâu sau họ mới được tăng viện. Cuộc tấn công đã bị đẩy lùi. Sau đó chúng tôi đi thu gom những kẻ bị súng máy bắn hạ, hai mươi bảy phát trúng bụng không chệ vào đâu được, phát nào cũng hoàn hảo như phát nào, dính vào chết chắc, đây là hoàn toàn chưa kể đến những phát khác như trúng chân, trúng bìu, trúng dạ dày, trúng phổi, trúng đầu. Một mình chàng trai này," Willy lại chỉ vào Albert, "cùng hai đồng đội đã cung cấp đủ bệnh nhân cho cả một quân y viện, tuy nhiên phần lớn những kẻ bị bắn vào bụng đâu còn cần tới đó làm gì. Vì chiến công này mà cậu ấy đã được trao tặng huân chương Chữ thập sắt hạng nhất cùng lời tuyên dương của ngài đại tá. Giờ các người đã hiểu vì sao chàng trai này hoàn toàn không thể được đưa ra trước những điều luật và những tòa án dân sự của các người chưa? Các người không có quyền phán xét cậu ấy! Cậu ấy là lính, cậu ấy thuộc về chúng tôi, và chúng tôi tuyên cậu ấy trắng án!"

Bây giờ rốt cuộc mới đến lượt ông công tố viên mở miệng.

"Sự hoang đại tai hại này..." ông ta hỏn hển nói và thét gọi tay cảnh sát

bắt giữ Willy.

Lại một cuộc om sòm mới. Willy giữ tất cả trong tâm kiểm soát. Tôi lại bắt đầu. "Hoang dại à? Do ai vậy? Do các người! Phải đưa tất cả các người ra trước tòa án của chúng tôi! Các người đã làm chúng tôi trở nên hoang dại bằng cuộc chiến tranh của các người! Tốt hơn hết là hãy bắt giam chúng tôi luôn đi! Các người đã làm gì cho chúng tôi, khi chúng tôi từ mặt trận trở về? Không làm gì! Không làm gì cả! Các người đã tranh cãi nhau về chiến thắng, các người đã khánh thành các đài tưởng niệm chiến tranh, các người nói về chủ nghĩa anh hùng và khom lưng né tránh trách nhiệm!

Lẽ ra các người phải giúp chúng tôi! Nhưng các người đã bỏ mặc chúng tôi một mình trong thời điểm khó khăn nhất, khi chúng tôi phải tìm lại chính mình! Từ mọi bực giảng lẽ ra các người phải rao giảng điều này, lẽ ra các người phải luôn luôn nói với chúng tôi điều này: 'Tất cả chúng ta đã nhầm lẫn khủng khiếp! Chúng ta hãy cùng nhau tìm lại cuộc sống! Hãy can đảm!

Điều này đối với các bạn là khó khăn nhất, vì khi ra trận các bạn đã chẳng để lại gì để bây giờ chúng có thể lại tiếp nhận các bạn! Hãy kiên nhẫn! ' Lẽ ra các người phải chỉ cho chúng tôi thấy cuộc sống một lần nữa! Lẽ ra các người phải một lần nữa dạy chúng tôi cách sống! Nhưng các người đã bỏ mặc chúng tôi! Các người đã để chúng tôi vất vưởng như những con chó!

Lẽ ra các người phải dạy chúng tôi lại tin vào lòng tốt, trật tự, gây dựng và tình yêu! Thay vào đó, các người lại bắt đầu đơm đặt và xúi giục, đưa bằng được các điều luật của các người ra thi hành. Một người trong chúng tôi đã tàn đời vì lỗi của các người! Giờ đến người thứ hai đang đứng kia!"

Chúng tôi không kiềm chế nổi nữa. Mọi sự tức giận, mọi nỗi đặng cay, thất vọng sôi trào ra khỏi chúng tôi. Một sự hỗn loạn kinh khủng ngự trị

trong phòng xử án. Phải mất một lúc lâu, yên tĩnh mới trở lại phần nào.

Tất cả chúng tôi bị tuyên một ngày phạt giam vì hành vi gây rối trước tòa và phải lập tức ra khỏi phòng xét xử. Ngay lúc này chúng tôi vẫn có thể dễ dàng thoát khỏi viên cảnh sát; nhưng chúng tôi không muốn. Chúng tôi muốn vào tù cùng với Albert. Chúng tôi đi sát qua cậu ấy, để cậu ấy thấy rằng tất cả chúng tôi ở bên cậu ấy...

Sau này chúng tôi nghe kể Albert bị kết án ba năm tù và cậu ấy đã lặng thinh chấp nhận hình phạt.

III.

Georg Rahe đã xoay xử được cuốn hộ chiếu của một người nước ngoài và dùng nó vượt biên thành công. Trong đầu anh chỉ nung nấu một ý nghĩ: anh muốn đứng đối diện, mắt soi vào mắt, với quá khứ của mình một lần nữa. Anh đáp xe lửa qua các thành phố và làng mạc, anh lang thang khắp các ga lớn ga nhỏ, và cuối cùng anh đã đến được nơi mình muốn đến vào buổi tối.

Không hề dừng chân, anh đi bộ qua các con phố, ra ngoại ô thành phố, về phía những ngọn đồi. Những công nhân trên đường về nhà đi ngược chiều anh. Trẻ em nô đùa dưới các quầng sáng của đèn đường. Vài chiếc xe hơi phì phò chạy qua. Sau đó trở nên yên tĩnh.

Ánh sáng lúc nhá nhem tối vẫn đủ để có thể nhìn thấy xung quanh.

Hơn nữa mắt Rahe đã quen với bóng tối. Anh rời khỏi con đường và đi thẳng vào phần đất trước kia là chiến trường. Chẳng bao lâu sau anh vấp chân. Cái dây thép gai móc vào quần anh và đã kéo rách một góc. Anh cúi xuống gỡ nó ra. Đây là dây thép gai của hàng rào chướng ngại vật chạy dài theo một chiến hào đã bị bắn phá tan nát. Rahe đứng thẳng người lên. Bãi chiến trường tro bụi của trận đánh ngày nào đang nằm trước anh.

Trong ánh nhập nhoạng mờ mờ tỏ tỏ, mảnh đất này trong tựa mặt biển bị khuấy động và đông cứng lại, một cơn bão bị hóa đá. Rahe cảm nhận làn sương mờ mờ của máu, thuốc súng và đất, ngửi thấy cái mùi hoang dại của chết chóc vẫn hiện diện và thống trị miền đất này.

Anh bắt giác rụt đầu, so vai, hai cánh tay thả lỏng về phía trước, các khớp xương bàn tay sẵn sàng cho cú ngã... đây không còn là dáng đi của người thành phố... mà tái hiện cách di chuyển thật êm với cái đầu cúi thấp,

thận trọng của con thú, sự cảnh giác đề phòng của người lính...

Anh dừng lại và quan sát địa hình. Mới một giờ trước nó còn xa lạ với anh, nhưng bây giờ anh đã lại biết nó tường tận, từng điểm cao, từng triền đồi, từng thung lũng. Anh chưa bao giờ rời đây, những tháng ngày như tờ giấy co lại trong ngọn lửa ký ức, bùng cháy và tiêu tan như làn khói... Nơi đây trung úy Georg Rahe lại nhón chân luôn lách đi tuần tra vào buổi tối, và không hề có gì chen vào giữa ngày đó và bây giờ. Quanh anh chỉ là sự câm lặng của buổi tối và làn gió nhẹ trong cỏ... nhưng trong tai anh trận chiến lại đang gầm rú, anh trông thấy những tạc đạn nổ xé không trung, những quả pháo sáng treo lơ lửng như những ngọn đèn hồ quang không lò bên trên khung cảnh tàn phá giết chóc, bầu trời đen rục lên sôi sục, và mặt đất âm âm cuốn đi trong những cột nước và những miệng núi lửa lưu huỳnh từ chân trời đến chân trời.

Rahe nghiên chặt răng. Anh không phải người mơ mộng, nhưng anh không thể chống đỡ nổi: ký ức trùn lên anh như một cơn bão lốc, ở đây vẫn chưa có hòa bình, không có nền hòa bình giả tạo như phần còn lại của thế giới, ở đây vẫn còn chiến đấu và chiến tranh, ở đây sự tàn phá tiếp tục cuồng nộ một cách ma quái và những xoáy lốc của nó mất hút vào những đám mây.

Đất bết vào, như vươn tay ra bám lấy anh, lớp đất sét dày màu vàng dính chặt dưới giày và làm cho bước chân nặng nề, như thể những người tử trận cất giọng nói gầm gừ trầm đục lôi kéo những kẻ sống sót xuống với mình.

Anh chạy qua bãi chiến trường đen sẫm chi chít hố đạn pháo.

Gió thổi mạnh hơn, mây trôi lững lờ, và thỉnh thoảng mặt trăng lại đổ ánh sáng bàng bạc xuống khung cảnh bên dưới. Mỗi lúc như vậy Rahe đều thót tim dừng lại, quăng mình xuống, ép sát vào mặt đất và nằm yên bất

động. Anh biết không có gì xảy ra cả, nhưng rồi lần sau anh lại sợ hãi nhảy vội xuống một hố đạn pháo. Anh ý thức được và tự nguyện tuân thủ luật lệ của miền đất này, nơi con người ta không thể thẳng lưng mà bước, ngẩng đầu mà đi.

Mặt trăng đã trở thành một trái pháo sáng khổng lồ. Những gốc cây cụt của khu rừng đứng đen kịt trong ánh trăng vàng lấp lánh. Đằng sau các đồng đồ nát của nông trại là một khe sâu kéo dài, chưa bao giờ kẻ địch tấn công qua được. Rahe ngồi bó gối trong một chiến hào. Mấy đoạn dây lưng nằm vương vãi, vài chiếc cà mèn, một cái thìa, mấy trái lựu đạn lấm bẩn, những bao đạn, và bên cạnh chúng, một tấm khăn trùm xanh xám, ướt át, rách te tua, đã gần biến thành đất sét - hài cốt của một người lính.

Anh nằm dài trên mặt đất, mặt úp xuống... và sự câm lặng bắt đầu lên tiếng. Một tiếng gầm lớn trầm đục sâu trong đất, hơi thở ngắt quãng, tiếng ù ù, và lại tiếng gầm, tiếng vỗ và tiếng kêu lanh canh. Anh bấu các ngón tay của mình vào đất và áp chặt đầu xuống đó, anh tin mình nghe thấy những giọng nói, những tiếng gọi, anh muốn hỏi, muốn nói chuyện, muốn hét, và anh lắng nghe, chờ đợi một câu trả lời, một câu trả lời cho cuộc đời mình...

Nhưng chỉ có gió thổi mạnh hơn, những đám mây bay nhanh hơn và thấp hơn, và bóng tối đuổi theo bóng tối trên bãi chiến trường. Rahe đứng dậy và đi tiếp, không định hướng, rất lâu cho đến khi anh đứng trước những cây thập tự màu đen, được cắm liên tiếp theo những hàng dài, như một đại đội, một tiểu đoàn, một trung đoàn, một đội quân.

Và đột nhiên anh hiểu ra tất cả. Trước những cây thập tự này toàn bộ tòa lâu đài của những lời nói và những khái niệm to tát đổ sụp. Chỉ duy nhất nơi đây là còn chiến tranh, chiến tranh không còn trong những bộ não, những ký ức nhạt phai của những người đã thoát khỏi nó! Nơi đây những năm tháng đã mất, những năm tháng chưa được sống trọn vẹn giăng như

một màn sương ma quái trên những ngôi mộ, nơi đây cuộc đời không được sống chẳng tìm được sự yên nghỉ đang thét gào trong sự im lặng găm rú vang tận trời cao, nơi đây sức mạnh và ý chí của một thế hệ trẻ đã phải chết trước khi có thể bắt đầu sống tuôn trào như một lời buộc tội phi thường xuyên màn đêm.

Cơn run rẩy tràn ngập Rahe. Anh đột nhiên nhận rõ đến chói mắt sự nhầm lẫn của mình về chủ nghĩa anh hùng - cái miệng rộng há hoác đã nuốt chửng lòng trung thành, sự dũng cảm và cuộc sống của cả một thế hệ.

Nó làm anh nghẹt thở và choáng váng.

"Các anh em!" anh hét vào trong gió và đêm tối, "Hỡi các anh em!

Chúng ta đã bị phản bội! Chúng ta phải hành quân một lần nữa! Để chống lại chúng!... Chống lại chúng... Hỡi các anh em!"

Anh đứng trước những cây thập tự, mặt trăng ló ra, anh nhìn thấy những cây thập tự lấp lánh sáng, chúng bay lên khỏi mặt đất với đôi cánh tay dang rộng, giờ đây bước chân của chúng đã vang lên, anh đứng trước mặt chúng và giậm chân tại chỗ, anh vung tay lên: "Các anh em... bước đều, bước!"

Rồi anh thò tay vào túi, và lại nhấc cánh tay lên. Một tiếng súng mệm mõi, cô đơn được những cơn gió đón lấy và cuốn đi... Anh lão đảo quy gối, chống tay gượng dậy và với một nỗ lực cuối cùng, anh quay mặt về phía những cây thập tự... anh thấy họ hành quân. Họ giậm chân và đang chuyển động, họ hành quân chậm chạp và con đường của họ còn xa, cuộc hành quân sẽ còn kéo dài, nhưng nó tiến về phía trước, họ sẽ đến nơi và sẽ đánh trận cuối cùng của mình, trận đánh cho cuộc sống. Họ - một đội quân tối sẫm - lạng lẽ hành quân trên con đường dài nhất, con đường đến với những trái tim, sẽ còn mất rất nhiều năm, nhưng thời gian có là gì với họ?

Họ đã xuất phát, họ đang đến.

Đầu anh gục xuống, bóng tối buông phủ quanh anh, anh ngã về phía trước, anh bước cùng với đoàn quân. Như một người tìm về nhà muộn màng, anh nằm trên mặt đất, hai tay dang rộng, mắt đã mờ, một bên gối gập lại. Cơ thể co giật một lần nữa, sau đó tất cả đã thành giấc ngủ, chỉ gió vẫn còn lại đơn độc nơi đây trên khoảng đất rộng tối đen, hoang vu... Gió thổi mãi thổi mãi, qua những đám mây và bầu trời, qua những cánh đồng và những bình nguyên bất tận với những chiến hào, những hố đạn pháo và những cây thập tự.

PHẦN KẾT .

I.

Đất tỏa mùi tháng ba và hoa violet. Hoa anh thảo vươn ra từ dưới lớp lá ướm. Ánh sáng tím lung linh những luống cày trên ruộng.

Chúng tôi đi bộ dọc theo con đường rừng. Willy và Kosole đi trước, Valentin và tôi theo sau. Lần đầu tiên sau một thời gian dài, chúng tôi mới lại ở bên nhau. Cả bọn giờ hiếm khi gặp mặt.

Karl cho chúng tôi mượn chiếc xe ô tô mới của mình cả ngày. Nhưng bản thân cậu ta không đi cùng, cậu ta có quá ít thời gian. Mấy tháng nay cậu ta kiếm được rất nhiều tiền, vì đồng mark xuống giá và việc đó thúc đẩy kinh doanh của cậu ta. Vì thế nên cậu ta cho tài xế chở chúng tôi đi chơi.

"Thật ra dạo này anh đang làm gì, Valentin?" tôi hỏi.

"Tớ chạy lòng vòng biểu diễn trong các hội chợ, trên một du thuyền," anh đáp Tôi nhìn anh ngạc nhiên. "Từ khi nào?"

"Khá lâu rồi. Cô bạn diễn cùng với tớ ngày đó đã nhanh chóng bỏ rơi tớ. Giờ cô ấy nhảy trong một quán bar. Foxtrot và tango. Cái này bây giờ đang thịnh. Thế đây, một anh lính già tựa khúc củi khô như tớ không đủ lịch thiệp để làm vũ công."

"Tiết mục du thuyền kiếm khá chứ anh?" tôi hỏi.

Anh phẩy tay. "Đừng hỏi! Đồ sống thì quá ít, để chết thì quá nhiều!

Cứ là rong ruổi không ngừng! Ngày mai lại lăn bánh tiếp đây. Đến Krefeld.

Đời tớ giờ xuống chó rồi, Ernst! Mà Jupp dạo này biến đâu ấy nhỉ?"

Tôi nhún vai. Biệt tăm rồi. Giống như Adolf. Chưa bao giờ nghe được

tin tức gì về họ."

"Còn Arthur?"

"Anh ta sắp thành triệu phú," tôi trả lời.

"Cậu ta khôn mà," Valentin gật đầu buồn bã.

Kosole dừng lại và vươn hai cánh tay. "Này mấy đứa, đi dạo thật là thú... Giá như đang không thất nghiệp thì tuyệt nữa."

"Anh không nghĩ là mình sẽ lại sớm tìm được việc gì đó à?" Willy hỏi. Ferdinand lắc đầu nghi ngờ. "Sẽ không dễ đâu. Tớ đứng trong danh sách đen. Không đủ ngoan ngoãn. Ồ, thì ít nhất vẫn khỏe mạnh. Tạm thời đang được Tjaden bơm cho. Cậu ta đang ngồi trong chĩnh gạo mà."

Đón một khoảng rừng thưa chúng tôi dừng lại. Willy lôi ra bao thuốc lá mà Karl đã đưa cho cậu ta. Mặt Valentin sáng lên. Chúng tôi ngồi xuống hút thuốc.

Những ngọn cây khẽ xào xạc. Vài con chim sẻ ngô hót líu lo. Mặt trời đã lên chói chang và ấm áp. Willy ngáp ngon lành, đoạn nằm dài trên tấm áo choàng của cậu ta. Kosole đắp rêu thành một cái gối rồi cũng nằm xuống. Valentin ngồi trầm ngâm bên một gốc sồi.

Tôi nhìn những gương mặt thân quen ấy, và trong một khoảnh khắc tất cả bỗng xao động lạ kỳ... Chúng tôi lại đang ngồi bên nhau, như ngày xưa vẫn thường xuyên bên nhau... Chỉ còn vài anh em... nhưng chính con người chúng tôi lúc này liệu có còn thực sự ở bên nhau?

Kosole bỗng lắng tai nghe. Từ phía xa vọng đến những giọng nói.

Những giọng nói trẻ trung. Đó hẳn là những thành viên Chim di trú[1]

trong chuyến du ngoạn đầu tiên cùng với đàn sáo và các tấm băng rôn vào cái ngày sương giăng bàng bạc này. Trước chiến tranh chúng tôi cũng từng làm vậy - Ludwig Breyer, Georg Rahe và tôi.

1. Phong trào Wandervogel chính thức thành lập năm 1901 bởi Đoàn

Thanh niên Đức.

Tôi nằm ngả người ra sau và nghĩ về thời xa xưa ấy, về những buổi tối xung quanh đồng lửa trại, những bài dân ca những cây đàn guitar và những đêm hội trước lều trại. Đó là tuổi trẻ của chúng tôi. Trong sự lãng mạn của phong trào Chim di trú những năm trước chiến tranh có lòng nhiệt tình cho một tương lai mới mẻ, tự do, lòng nhiệt tình ấy vẫn còn cháy sáng một thời gian nữa trong các chiến hào, để rồi sụp đổ tan tành vào năm 1917 trong nỗi kinh hoàng của những cuộc tàn sát.

Những tiếng nói đến gần hơn. Tôi tì tay ngọc đầu dây để nhìn đoàn thiếu niên đi ngang qua. Thật lạ lùng... mới vài năm trước chúng tôi vẫn thuộc về họ, thế mà giờ đây có vẻ như họ là một thế hệ hoàn toàn mới, thế hệ sau chúng tôi, lại có thể tiếp nhận những gì chúng tôi đã buộc phải buông bỏ... Những tiếng hô vang lên. Vang dội, gần như đồng thanh. Rồi chỉ còn một giọng đơn lẻ, không nghe rõ lời. Các cành cây gãy rãng rạc và mặt đất trầm trầm vang tiếng bước chân. Lại một tiếng hô. Lại những bước chân, gãy rãng rạc, im lặng. Sau đó là một khẩu lệnh rõ ràng và chính xác:

"Kỵ binh đang tiếp cận từ bên phải... theo nhóm vòng sang bên phải... Bước đều, bước!"

Kosole nhảy dựng lên. Tôi cũng vậy. Chúng tôi nhìn nhau. Ma quỷ chế nhạo chúng tôi chẳng? Cái quái gì thế này?

Từ những bụi cây bọn chúng đã xông ra ngay trước mặt chúng tôi, chạy đến bìa rừng, nằm sấp mình xuống đất... "Tầm nhìn bốn trăm..." vẫn giọng hô khàn khàn ban nãy, "Bắn!"

Tiếng rãng rạc và lạch cạch. Một hàng dài các cậu bé tuổi từ mười lăm đến mười bảy đang dàn hàng ngang nằm sát bên nhau ở bìa rừng.

Chúng mặc áo khoác gió và buộc đai da bên ngoài như thắt lưng. Tất cả ăn vận giống nhau, cùng áo khoác màu xám, chân quần xà cạp và đội mũ

có phù hiệu... Chúng cố tình làm cho giống đồng phục. Mỗi đứa đều có một cây gậy nhọn đầu để leo núi, chúng dùng gậy gõ vào các thân cây giả làm tiếng súng.

Nhưng dưới những vành mũ chiến binh lộ ra những gương mặt trẻ con non choẹt, má đỏ hây hây. Chăm chú và kích động, chúng nghe ngóng rình rập đám kỵ binh đang tiếp cận từ phía bên phải. Chúng không hề nhìn thấy vẻ mong manh huyền diệu của những bông hoa violet dưới đám lá nâu... không thấy làn sương mờ tím của những mầm cây trên cánh đồng...

không thấy lớp lông xù mượt mà của chú thỏ non đang nhảy trên các luống cày. Ô mà chúng có trông thấy chú thỏ... nhưng chúng chỉ giương gậy nhắm vào con vật, và điên cuồng gõ càn cạch vào thân cây. Đứng sau chúng là một gã lực lưỡng bụng hơi phưỡn, cũng mặc áo gió và quần xà cạp, gã mạnh mẽ ra lệnh cho lũ trẻ: "Bắn bình tĩnh hơn! Tầm nhìn hai trăm!" Gã mang theo một chiếc ống nhòm và đang quan sát đối phương.

"Ôi trời, Chúa ơi!" tôi choáng váng thốt lên.

Kosole đã trấn tĩnh lại sau một hồi sừng sốt. "Trò ngu xuẩn đáng nguyên rủa này là cái quái gì vậy?" anh tức giận mắng.

Nhưng anh gặp phải phản ứng tồi tệ. Gã chỉ huy, lúc đó có hai gã nữa chạy tới nhập bọn, quắc mắt gầm gào. Không khí mùa xuân êm ái rung lên trước những lời đao to búa lớn: "Câm mồm, bọn đào ngũ! Lũ kẻ thù của Tổ quốc! Bọn phản bội hèn nhát!"

Bọn trẻ hăng hái hòa theo. Một đứa dứ dứ nắm tay gậy bé của mình.

"Hắn bọn ta sẽ phải dạy dỗ lại các người, hả?" nó hét lên bằng một giọng trong trẻo. "Bọn hèn nhát!" một đứa khác xen vào. "Những tên hòa bình chủ nghĩa," đứa thứ ba tiếp lời. "Phải kết liễu tất cả bọn bolshevik, nếu không nước Đức không bao giờ được tự do," đứa thứ tư liến láu đọc thuộc lòng.

"Đúng lắm!" gã chỉ huy vỗ vỗ vai thằng nhóc và sấn lên "Hãy đuổi chúng khỏi đây các chàng trai!"

Đúng lúc đó Willy thức giấc. Nãy giờ cậu ta vẫn ngủ. Về khoản này cậu ta vẫn là một cựu binh, hễ cứ đặt lưng là ngủ.

Cậu ta đứng thẳng lên. Gã chỉ huy lập tức dừng lại. Willy mở to mắt ngó xung quanh rồi phá lên cười. "Ở đây đang có vũ hội hóa trang à?" cậu ta hỏi. Rồi cậu ta hiểu ra sự tình. "À hóa ra vậy," cậu ta gằm về phía gã chỉ huy, "lại còn thế này nữa cơ đấy! Phải, phải, Tổ quốc... Tổ quốc là đồng của thừa kế chúng mày hưởng riêng, hả? Tất cả những người khác đều là quân phản bội, hả? Thật nực cười, thế thì ba phần tư quân đội Đức là đồ phản bội hết! Biền, xéo hết đi, lũ ma quỷ! Chúng mày không thể để cho bọn trẻ con một vài năm yên ổn, không cần biết đến những thứ đó hay sao?"

Gã chỉ huy rút đội quân đi. Nhưng chúng tôi đã mất hết cả hứng ngắm rừng. Chúng tôi đành quay về làng. Đằng sau lưng vang lên nhịp nhàng và giật cục: "Mặt trận muôn năm! Mặt trận muôn năm! Mặt trận muôn năm!"

"Mặt trận muôn năm?" Willy vò đầu. "Cứ thử nói câu này với một chiến sĩ ở mặt trận xem!"

"Đúng thế," Kosole tức giận nói, "lại chả bắt đầu to chuyện ngay."

Về đến trước làng, chúng tôi tìm thấy một quán bia nhỏ trong vườn, nơi đã có vài chiếc bàn kê sẵn. Mặc dù chỉ một tiếng nữa Valentin đã lại phải có mặt bên gánh xiếc của anh, nhưng chúng tôi vẫn cứ tranh thủ ngồi với nhau một lúc, để tận dụng thời gian... Ai mà biết đến bao giờ cả bọn mới lại có cơ hội được ở bên nhau...

Ráng chiều đỏ nhạt nhuộm bầu trời hồng phớt. Tôi vẫn không thôi nghĩ đến vụ ban nãy trong rừng. "Lạy Chúa Willy " tôi nói, "tất cả bọn mình may còn sống sót và gần như chỉ vừa mới thoát ra được... Vậy sao đã lại có thể có những kẻ làm những chuyện như vừa rồi?"

Mấy thằng đó lúc nào chẳng có," Willy đáp với vẻ nghiêm trang và trầm tư khác thường, "nhưng bọn mình cũng vẫn còn đây. Hơn nữa có rất rất nhiều người cũng nghĩ như bọn mình. Phần lớn mọi người, các cậu cứ tin tớ đi. Tớ thì kể từ dạo ấy - các cậu biết đấy, từ dạo xảy ra chuyện với Ludwig và Albert - tớ suy nghĩ nhiều lắm, và tớ cho rằng ai cũng có thể làm được gì đó theo cách của mình, cho dù trong đầu anh ta chỉ toàn bã đậu chẳng nữa. Tuần tới là hết kỳ nghỉ rồi, tớ lại phải quay về làm hiệu trưởng trường làng. Tớ thực sự háo hức làm việc. Tớ muốn dạy cho đám trẻ nhỏ của mình thực ra Tổ quốc là gì. Là quê hương của chúng, chứ không phải một đảng phái chính trị. Nhưng quê hương của chúng là cây cối, là ruộng đồng, là đất chứ không phải những lời hô hào đao to búa lớn.

Tớ đã suy đi nghĩ lại rất lâu rồi và thấy rằng bọn mình cũng đã đủ lớn để làm việc rồi. Đây chính là việc của tớ. Chẳng phải cái gì to tát, tớ cũng biết thế. Nhưng đối với tớ thế là đủ rồi. Tớ có phải Goethe đâu." Tôi gật đầu và nhìn cậu ấy thật lâu. Rồi chúng tôi ra về.

Anh tài xế đợi sẵn. Chiếc xe nhẹ nhàng lướt đi, rẽ bóng chiều tà dần buông.

Chúng tôi đã đến gần thành phố, những ngọn đèn đầu tiên đã cháy sáng, và trong tiếng bánh xe lăn xào xạo trên mặt đường bằng xen vào tiếng kêu khàn khàn ngân dài... Một hình mũi tên cong cong bay ngang bầu trời tiến về hướng đông... một đàn ngỗng trời...

Chúng tôi nhìn nhau. Kosole muốn nói gì đó, nhưng rồi lại im lặng.

Tất cả chúng tôi đều chung một ý nghĩ.

Thành phố hiện ra cùng với các con phố và tiếng ồn. Valentin xuống xe. Rồi đến Willy. Rồi Kosole.

II.

Tôi đã ở trong rừng cả ngày. Giờ thì tôi mệt mỏi bước vào một quán trọ nhỏ trong làng và thuê một phòng nghỉ đêm. Giường đã được trải, nhưng tôi chưa muốn ngủ. Tôi ra ngồi bên cửa sổ lắng nghe những âm thanh của đêm xuân.

Những cái bóng chầy qua giữa những thân cây, và từ trong rừng vọng ra những tiếng kêu như thể trong đó nằm la liệt các thương binh. Tôi lặng lẽ và điềm tĩnh nhìn vào bóng tối, bởi vì tôi không còn sợ quá khứ nữa. Tôi nhìn vào đôi mắt vô hồn của nó mà không hề ngoảnh mặt đi. Tôi thậm chí bước đối diện với quá khứ, trả những suy tưởng về lại những căn hầm trú ẩn và những hố đạn... nhưng nếu chúng có quay trở lại, chúng cũng không còn mang theo nỗi sợ hãi và kinh hoàng, mà tiếp thêm sức mạnh và ý chí.

Tôi đã từng chờ đợi một cơn bão sẽ ập tới cứu vớt tôi và cuốn tôi đi... nhưng hóa ra nó đã đến thật lặng lẽ, mà tôi chẳng hề hay biết. Nhưng đúng là nó đang ở đây. Trong khi tôi tuyệt vọng và tin rằng mình đã mất tất cả, nó âm thầm lớn dần lên. Tôi đã tưởng chia ly sẽ luôn là một sự kết thúc.

Hôm nay thì tôi biết: lớn lên cũng là chia ly. Lớn lên cũng có nghĩa là rời bỏ. Và không hề có kết thúc.

Một phần đời của tôi đã phục vụ cho sự hủy diệt, đã nghe theo sự oán hận, thù địch, giết chóc. Nhưng cuộc sống đã ở lại với tôi. Nó gần như vừa là nhiệm vụ vừa là con đường. Tôi muốn rèn luyện mình và trở nên sẵn sàng, tôi muốn khuấy động cả đôi tay và tâm trí mình, tôi không muốn xem mình là quan trọng, chỉ tiếp tục bước, cho dù đôi lúc muốn dừng lại.

Có nhiều thứ cần được xây dựng và gần như tất cả đều cần được sửa chữa, còn nhiều việc phải làm, phải đào bới lên những gì mà những năm

tháng của mình và trái pháo đã vãi xuống mảnh đất này. Không nhất thiết ai cũng phải là người tiên phong... rồi sẽ cần đến cả những đôi tay yếu hơn, những sức mạnh hạn chế hơn. Đó là nơi tôi muốn tìm chỗ của mình. Và rồi những người chết sẽ im lặng, còn quá khứ sẽ không còn ám ảnh tôi nữa, mà giúp đỡ tôi.

Mọi thứ mới đơn giản làm sao; vậy mà phải mất bao lâu tôi mới nhận ra nó. Và biết đâu tôi vẫn còn lạc lối trên miền đất phía trước, biết đâu tôi đã là nạn nhân của những dây thép gai và những kíp nổ, nếu cái chết của Ludwig đã không như một trái pháo sáng bắn vút lên trước mắt chúng tôi, chỉ cho chúng tôi con đường đi. Chúng tôi đã tuyệt vọng khi nhìn thấy nguồn sức mạnh của cộng đồng, cái ý chí của cuộc sống cực kỳ giản dị được giành lại từ lẫn ranh của cái chết, đã không cuốn sạch những hình thức còn sót lại của thứ chân lý nửa vời, của tính ích kỷ, không tìm tới bên bờ mới, mà lại chảy tí tách xuống những đầm lầy của sự quên lãng, bị nắn dòng vào những vũng lầy của sáo ngữ, tuôn xuống các cống rãnh của những mối quan hệ, những lo âu và những công việc làm ăn. Hôm nay tôi hiểu rằng, mọi thứ trong cuộc đời có lẽ chỉ là sự chuẩn bị, và sự góp sức tự nó diễn ra trong mỗi cá thể, trong nhiều tế bào, trong nhiều mao mạch...

giống như những tế bào và mao mạch của cái cây chỉ cần hút lấy dòng nhựa đang dồn lên và lại chuyển lên tiếp, cứ như thế chắc chắn sẽ đến lúc tất cả hóa thành những tiếng xào xạc nơi tán lá rọc ánh mặt trời, hóa thành ngọn cây và tự do. Tôi muốn bắt đầu.

Sẽ không phải là sự thành công mà chúng tôi từng mơ thời niên thiếu hay đã trông đợi sau bấy nhiêu năm ngoài chiến trường. Sẽ chỉ là một con đường như bao con đường khác, cũng đầy sỏi đá và những quãng bằng phẳng, những chỗ sụt lở, cũng đi qua làng mạc và những cánh đồng - con đường của lao động. Tôi sẽ đơn độc. Có lẽ thi thoảng tôi sẽ tìm được ai đó

cùng đi với mình một quãng đường... nhưng chắc hẳn không phải là vĩnh viễn. Có thể tôi sẽ vẫn thường xuyên phải nâng ba lô lên khi đôi vai đã mỏi; có thể tôi sẽ còn thường xuyên do dự trước những ngã rẽ và đường biên sẽ phải bỏ lại phía sau nhiều thứ, và sẽ vấp, sẽ ngã... nhưng tôi muốn lại đứng lên chứ không nằm gục, muốn bước tiếp chứ không quay đầu. Có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ còn có thể hạnh phúc hoàn toàn, có lẽ chiến tranh đã phá nó tan tành, và tôi sẽ luôn cảm thấy hơi lạc lõng, không có nơi nào thực sự là nhà... nhưng chắc hẳn tôi cũng sẽ không bao giờ hoàn toàn bất hạnh... vì sẽ luôn có thứ gì đó giữ cho tôi đứng vững, cho dù đó chỉ là chính đôi tay của tôi hay một cái cây, hay mặt đất đang thở.

Nhựa sống trào lên trong những thân cây, các chồi non nhú ra trong tiếng bật khe khẽ, và bóng tối đầy ấp những âm thanh của sự sinh trưởng.

Đêm và ánh trăng len vào phòng. Sự sống cũng hiện diện trong phòng. Đồ gỗ vắn mình rắng rắc, bàn kê ken két và tủ cọt kẹt. Nhiều năm trước những thân cây đã bị đốn, bị xẻ, bị bào phẳng rồi gắn keo, đóng thành đồ dùng, thành ghế và giường... nhưng cứ đến mùa xuân, vào những đêm nhựa sống tràn đầy, sự sống lại trở về rần rần trong chúng; chúng thức dậy, chúng vươn mình, chúng không còn là đồ đạc, không còn là ghế ngồi và vật dụng, chúng lại góp phần vào những luồng chảy của cuộc sống ngoài kia. Dưới chân tôi những tấm ván chuyển mình kê cọt kẹt, còn bậu cửa sổ bằng gỗ reo lách tách dưới bàn tay, và bên con đường trước cửa nhà, ngay thân cây bồ đề đã mục ruỗng cũng nảy lên những chồi non bụ bẫm phớt nâu... Vài tuần nữa thôi, cái cây sẽ có những chiếc lá bé xinh xanh non mượt mà, hết như những tán lá xòe rộng của cây tiêu huyền đang tỏa bóng trùm lên nó.

HẾT .



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

